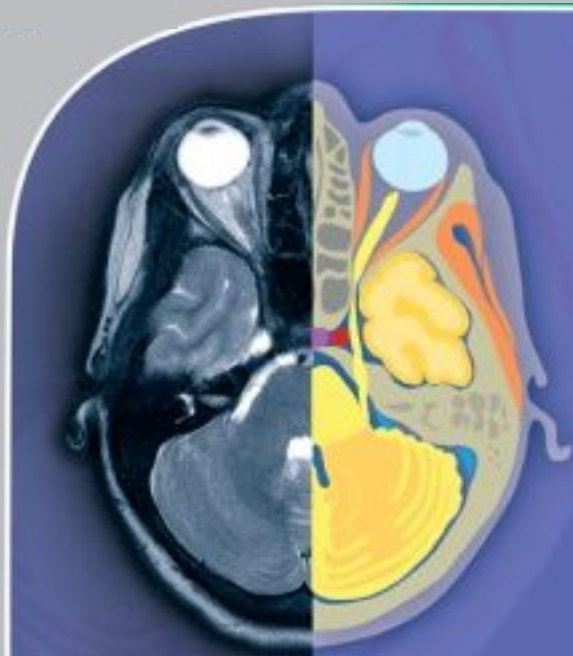


Giải Phẫu Cắt Lớp CT - MRI

Cuốn 1: Phần Đầu - Cổ



Thieme



Thieme

Giải Phẫu Cắt Lớp: CT - MRI

Cuốn 1: Phần Đầu Cổ

Torsten B. Moeller
Khoa chẩn đoán hình ảnh
Bệnh Viện Caritas, Đức

Emil Reif
Khoa chẩn đoán hình ảnh
Bệnh Viện Caritas, Đức

Lời Nói Đầu Nhóm Dịch

Cuốn sách “**Giải Phẫu Cắt Lớp: CT - MRI**” được biên dịch từ cuốn Pocket Atlas of Sectional Anatomy 3rd. Đây là cuốn sách thứ 1 trong series gồm 3 cuốn, nội dung **Cuốn 1: Phần Đầu Cổ**
Chương 1 Phần CT Sọ
Chương 2 Phần MRI Sọ
Chương 3 Phần Cổ

Cuốn sách được ra đời nhờ sự cố gắng rất lớn của nhóm dịch “Chia sẻ Ca Lâm Sàng” với trưởng nhóm là Admin Fanpage : **Chia Sẻ Ca Lâm Sàng**.

Cuối cùng, dù đã rất cố gắng nhưng quá trình dịch và soạn không thể tránh khỏi những sai sót. Mọi kiến đóng góp xin gửi về:

Facebook: <<https://www.facebook.com/calamsanghay/>>

Email: chiasecalamsang@gmail.com

Xin trân trọng cảm ơn!

Ngày 25/07/2016

Nhóm Dịch

Trưởng nhóm: Admin Page **Chia sẻ Ca lâm sàng**

Facebook: <https://www.facebook.com/calamsanghay>

Tham gia biên dịch:

1. Võ Thị Diễm Hà	Đại Học Y Phạm Ngọc Thạch
2. Nguyễn Hưng Trường	Đại Học Y Dược TP HCM
3. Đào Thị Mai Ngọc	Đại Học Y Hà Nội
4. Trịnh Thị Hồng Nhung	Đại Học Y Hà Nội
5. Nguyễn Văn Thạch	Đại Học Y Phạm Ngọc Thạch
6. Nguyễn Mạnh Thế	Đại học Y Hà Nội
7. Bùi Thế Thắng	Học Viện Quân Y
8. Trần Thị Dung	Đại Học Y Hà Nội
9. Phạm Thị Hải Yến	Đại Học Y Dược Hải Phòng
10. Vương Thị Hường	Đại Học Y Hà Nội
11. Trần Thị Diễm Phương	Đại Học Y Dược TPHCM
12. Nguyễn Phúc Tấn	Đại Học Y Dược TPHCM
13. Truyen Thiien Tann Trí Tài	Đại Học Tân Tạo

Mục Lục

CT Sọ Não

CT Sọ—Mặt Phẳng Ngang.....	2
CT Sọ—Các vùng cấp máu (mặt ngang)	26
CT Sọ—Các hệ thần kinh chức năng (mặt ngang)	28
CT Phần Đá Xương Thái Dương—Mặt ngang	30
CT Sọ—Mặt Phẳng Đứng Ngang.	36
Các khoang trong khối xương mặt—Mặt đứng ngang.	42

MRI Sọ Não

MRI Sọ—Mặt Phẳng Ngang.	44
MRI Sọ—Các vùng cấp máu (Mặt ngang)	78
MRI Sọ—Mặt phẳng đứng dọc.....	84
MRI Sọ—Các vùng cấp máu (đứng dọc)	110
MRI Sọ—Mặt phẳng đứng ngang.....	112
MRI Sọ—Các vùng cấp máu (đứng ngang) .	148
MRI Sọ—Các hệ thần kinh chức năng (đứng ngang).	150
MR Mạch máu sọ—Động mạch	152
MR Mạch máu sọ—Tĩnh mạch	158

Cổ

Cổ—Mặt ngang	162
Hạch cổ—Mặt ngang	198
Các vùng của cổ—Mặt ngang	200
Thanh quản—Mặt ngang	202
Cổ—Mặt phẳng đứng dọc	210
Các vùng của cổ—Mặt phẳng đứng dọc	222
Cổ—Mặt phẳng đứng ngang	224

CT Sọ—Ngang

CT Sọ—Đứng ngang

MRI Sọ—Ngang

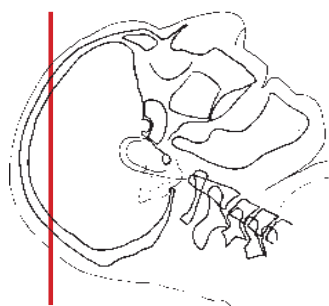
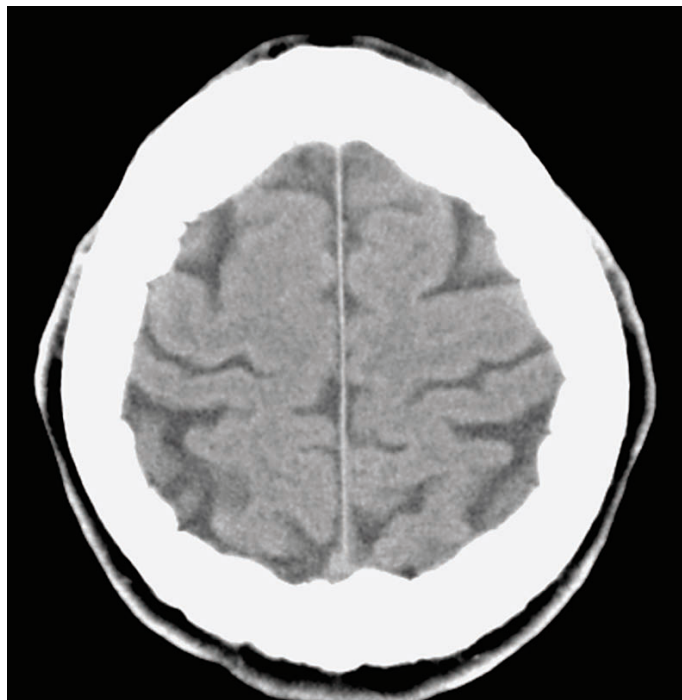
MRI Sọ—Đứng dọc

MRI Sọ—Đứng ngang

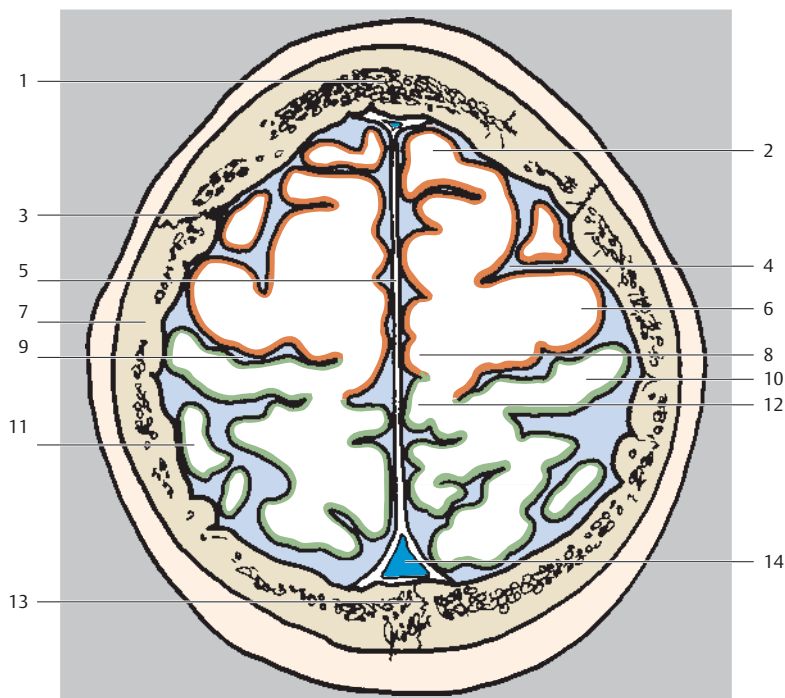
Cổ—Ngang

Cổ—Đứng dọc

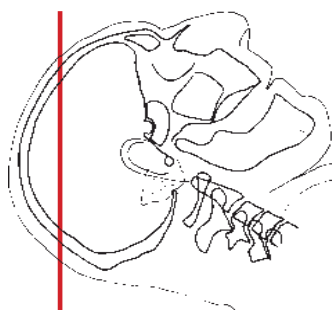
Cổ—Đứng ngang



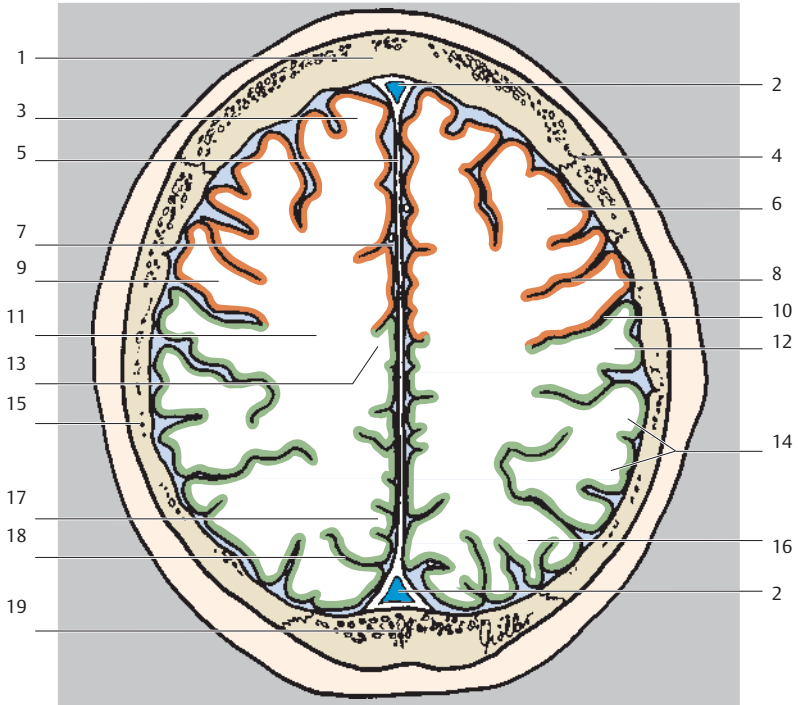
- Thùy trán
- Thùy đỉnh



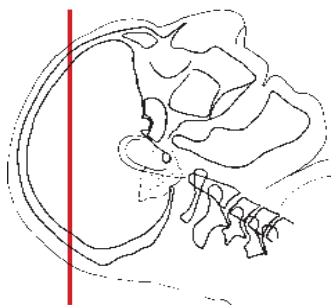
- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1 Xương trán | 8 Tiểu thùy cạnh trung tâm |
| 2 Hồi trán trên | 9 Rãnh trung tâm |
| 3 Đường khớp vành | 10 Hồi sau trung tâm |
| 4 Rãnh trước trung tâm | 11 Tiểu thùy đỉnh trên |
| 5 Liền não | 12 Hồi trước chẩm |
| 6 Hồi trước trung tâm | 13 Đường khớp dọc |
| 7 Xương đỉnh | 14 Xoang dọc trên |



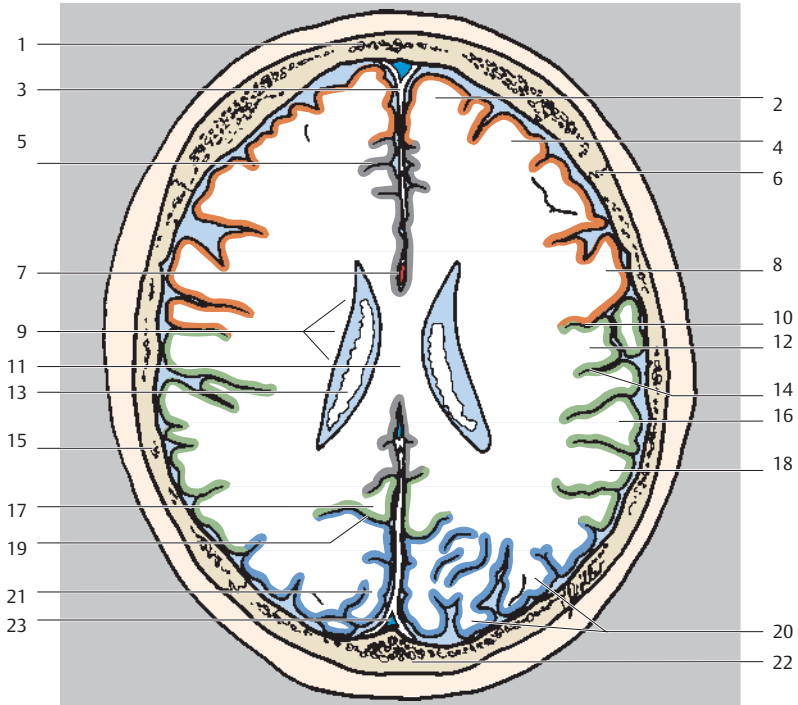
- Thùy trán
- Thùy đỉnh



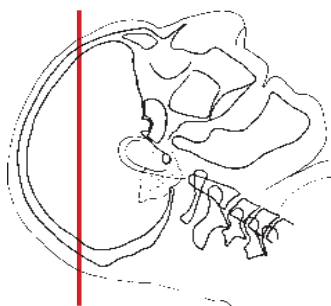
- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| 1 Xương trán | 11 Chất trắng (trung tâm bán cầu dục) |
| 2 Xương dọc trên | 12 Hồi sau trung tâm |
| 3 Hồi trán trên | 13 Tiểu thùy cạnh trung tâm |
| 4 Đường khớp vành | 14 Hồi trên viền |
| 5 Liềm não | 15 Xương đỉnh |
| 6 Hồi trán giữa | 16 Tiểu thùy đỉnh dưới |
| 7 Khe não dọc | 17 Hồi trước chêm |
| 8 Rãnh trước trung tâm | 18 Rãnh đỉnh - chêm |
| 9 Hồi trước trung tâm | 19 Xương chẩm |
| 10 Rãnh trung tâm | |



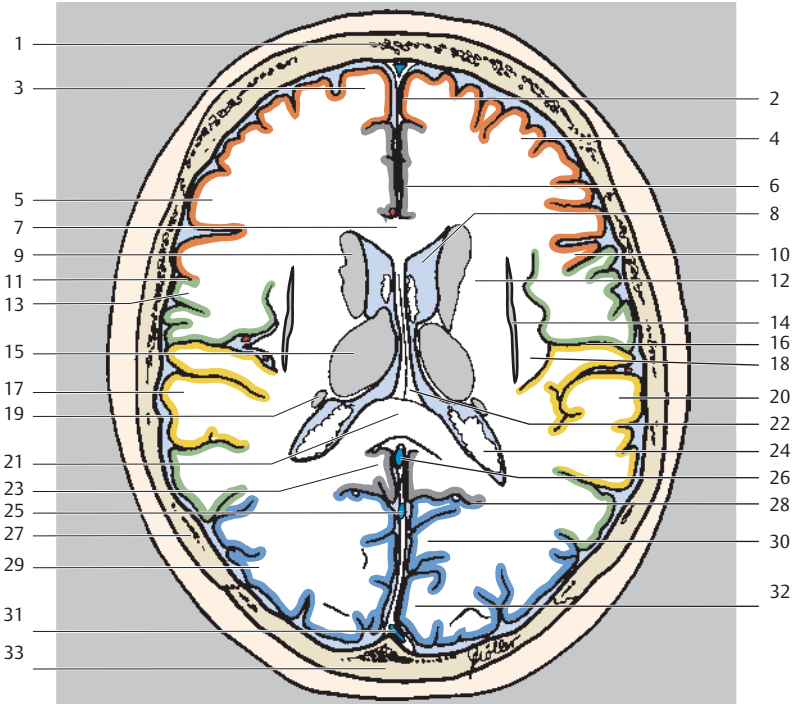
- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm



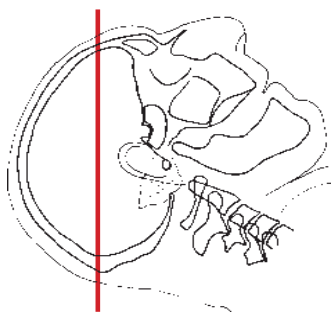
- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1 Xương trán | 12 Hồi sau trung tâm |
| 2 Hồi trán trên | 13 Não thất bên (đám rối mạch mạc) |
| 3 Liềm não | 14 Rãnh sau trung tâm |
| 4 Hồi trán giữa | 15 Xương đỉnh |
| 5 Rãnh đại | 16 Hồi trên viền |
| 6 Đường khớp vành | 17 Hồi trước chêm |
| 7 ĐM quanh chai | 18 Hồi góc |
| 8 Hồi trước trung tâm | 19 Rãnh đỉnh - chẩm |
| 9 Vành tia | 20 Hồi chẩm |
| 10 Rãnh trung tâm | 21 Hồi chêm |
| 11 Thê chai | 22 Xương chẩm |
| | 23 Xoang dọc trên |



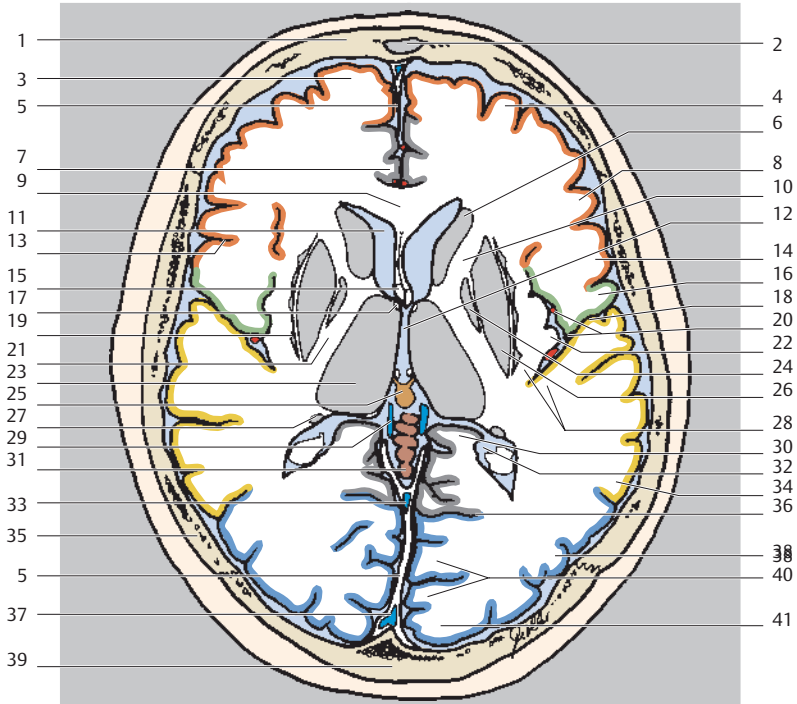
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm



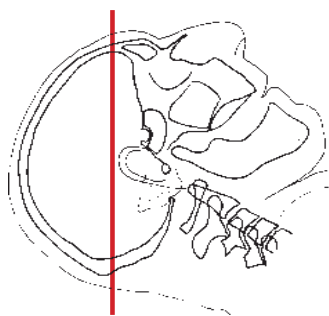
- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Xương trán | 18 Thùy đảo |
| 2 Liềm não | 19 Nhân đuôi (đuôi) |
| 3 Hồi trán trên | 20 Hồi thái dương trên |
| 4 Hồi trán giữa | 21 Thê chai (lồi) |
| 5 Hồi trán dưới | 22 Vòm não |
| 6 Hồi đại | 23 Bó liên hợp khứu-hải mã |
| 7 Thê chai (thân) | 24 Não thất bên (tam giác bên, đám rối mạch mạc) |
| 8 Não thất bên (sừng trước) | 25 Xoang thẳng |
| 9 Nhân đuôi (đầu) | 26 TM não lớn (TM Galen) |
| 10 Hồi trước trung tâm | 27 Xương đỉnh |
| 11 Rãnh trung tâm | 28 Rãnh đỉnh - chẩm |
| 12 Vành tía | 29 Hồi chẩm |
| 13 Hồi sau trung tâm | 30 Hồi chêm |
| 14 Nhân trước tường | 31 Xoang dọc trên |
| 15 Đồi thị | 32 Vó thê vân |
| 16 Rãnh bên | 33 Xương chẩm |
| 17 Nếp thái dương | |



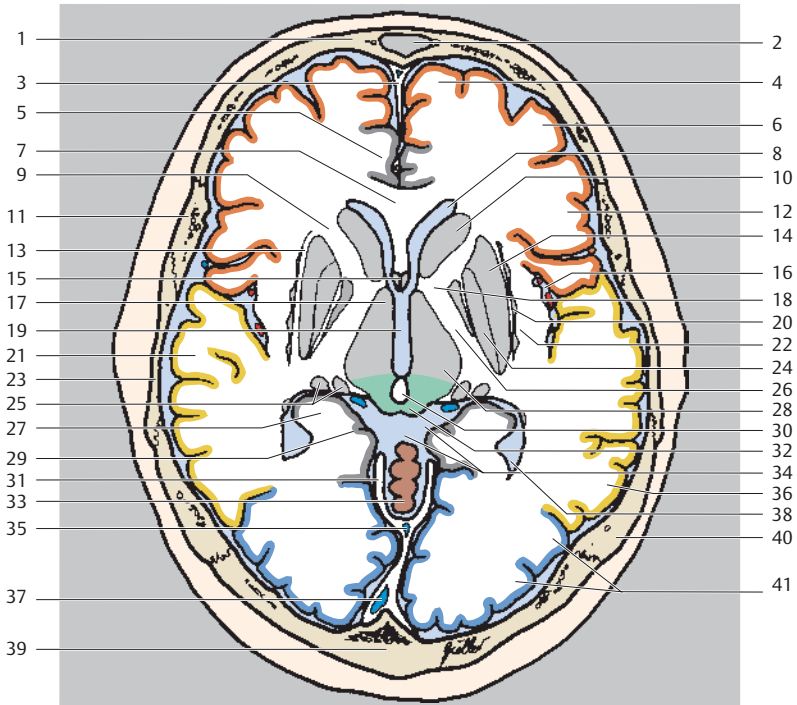
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não



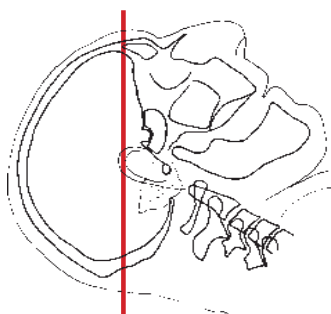
- | | |
|---|--|
| 1 Xương trán | 21 Bao trong (chi sau) |
| 2 Xoang trán | 22 Thủy đảo |
| 3 Hồi trán trên | 23 Đồi thị |
| 4 Hồi trán giữa | 24 Cầu nhát |
| 5 Liềm não | 25 Tuyến tùng |
| 6 Nhân đuôi (đầu) | 26 Bèo sẫm |
| 7 Hồi đại | 27 Nhân đuôi (đuôi) |
| 8 Hồi trán dưới | 28 Hồi thái dương ngang |
| 9 Thê chai (gối) | 29 TM não trong |
| 10 Bao trong (chi trước) | 30 Hải mã |
| 11 Não thất bên (sừng trước) | 31 Thủy nhộng tiểu não |
| 12 Não thất ba | 32 Não thất bên (vùng tam giác với đám rối mạch mạc) |
| 13 Rãnh trung tâm | 33 Xoang thẳng |
| 14 Hồi trước trung tâm | 34 Hồi thái dương giữa |
| 15 Vòm não | 35 Xương đỉnh |
| 16 Hồi sau trung tâm | 36 Rãnh đỉnh - chẩm |
| 17 Lỗ gian não thất (lỗ Monro) | 37 Xoang dọc trên |
| 18 Rãnh bên | 38 Hồi chẩm |
| 19 Vùng hạch nền | 39 Xương chẩm |
| 20 Các ĐM thủy đảo trong bể hó TM bên (bể thủy đảo) | 40 Vỏ thê vân |
| | 41 Cực chẩm |



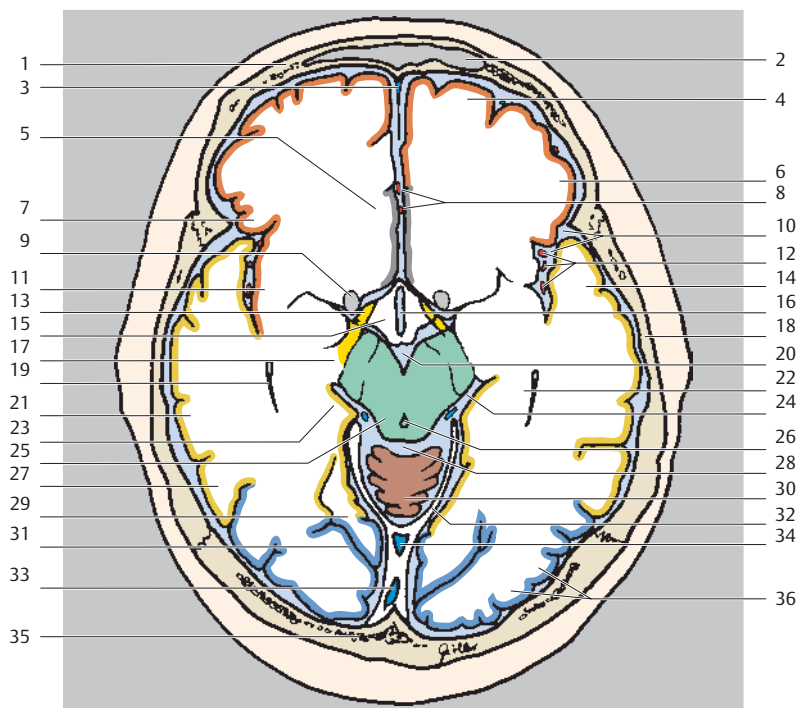
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Trung não



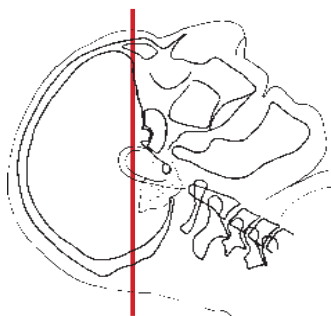
- | | |
|-----------------------------------|---|
| 1 Xương trán | 22 Bao cực ngoài |
| 2 Xoang trán | 23 Xương thái dương |
| 3 Liềm não | 24 Cầu nhát |
| 4 Hồi trán trên | 25 Thê gối |
| 5 Hồi đai | 26 Bao trong (chỉ sau) |
| 6 Hồi trán giữa | 27 Hải mã |
| 7 Thê chai (gối) | 28 Đồi thị |
| 8 Não thất bên (sừng trước) | 29 Hồi cạnh hải mã |
| 9 Bao trong (chỉ trước) | 30 Tuyến tùng (canxi hóa) |
| 10 Nhân đuôi (đầu) | 31 Lều tiểu não |
| 11 Xương đỉnh | 32 Mảnh củ não sinh tư (lồi củ) |
| 12 Hồi trán dưới | 33 Thùy nhộng tiểu não |
| 13 Bao ngoài | 34 Bể quanh củ não sinh tư và bể TM não lớn |
| 14 Bèo sẫm | 35 Xoang thẳng |
| 15 Mép não lớn | 36 Hồi thái dương giữa |
| 16 Bể của hố TM bên (bể thùy đảo) | 37 Xoang dọc trên |
| 17 Vùng dưới đồi | 38 Não thất bên (vùng tam giác) |
| 18 Bao trong (gối) | 39 Xương chẩm |
| 19 Não thất III | 40 Xương đỉnh |
| 20 Vùng hạch nền | 41 Hồi chẩm |
| 21 Hồi thái dương trên | |



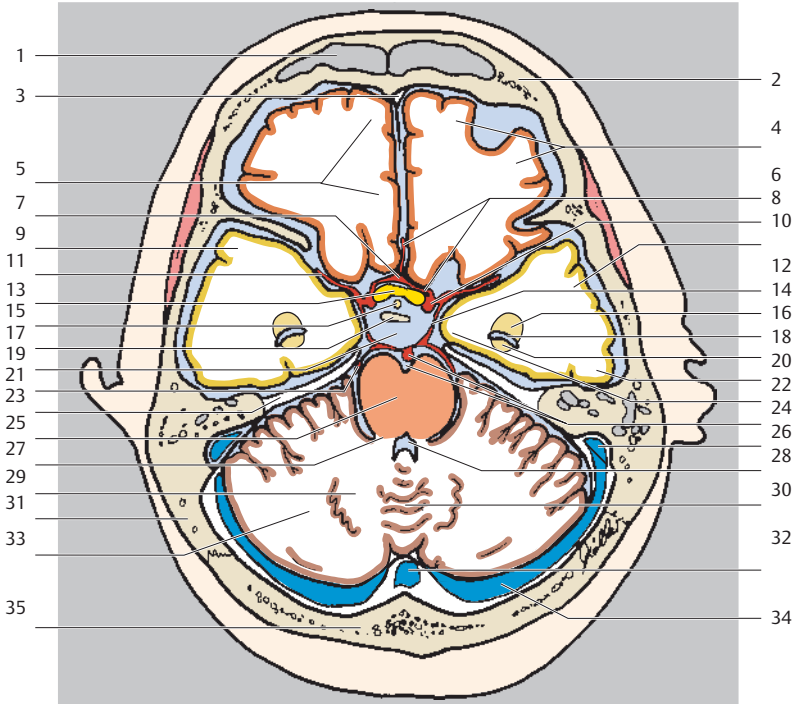
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Trung não



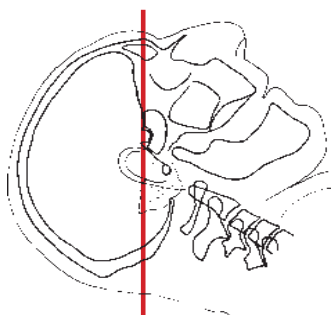
- | | |
|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1 Xương trán | 20 Bộ gian củng não |
| 2 Xoang trán | 21 Hồi thái dương giữa |
| 3 Liềm não | 22 Hải mã |
| 4 Hồi trán trên | 23 Hồi cạnh hải mã |
| 5 Hồi đại | 24 Bê TM não lớn |
| 6 Hồi trán giữa | 25 Trùng não (mãnh sinh tư) |
| 7 Hồi trán dưới | 26 Cống não |
| 8 ĐM não trước | 27 Hồi thái dương dưới |
| 9 Vân não (phần dưới) | 28 Bộ củ não sinh tư |
| 10 Rãnh bên (bê thùy đảo) | 29 Hồi thái dương chằm bên |
| 11 Thùy đảo | 30 Thủy nhộng tiêu não (phần trên) |
| 12 Các ĐM thùy đảo | 31 Rãnh đỉnh - chằm |
| 13 Đại thị | 32 Lều tiểu não |
| 14 Hồi thái dương trên | 33 Xoang dọc trên |
| 15 Vùng dưới đồi | 34 Xoang thẳng |
| 16 Não thất III | 35 Xương chằm |
| 17 Củng não | 36 Hồi chằm |
| 18 Xương đỉnh | |
| 19 Não thất bên (sùng thái dương) | |



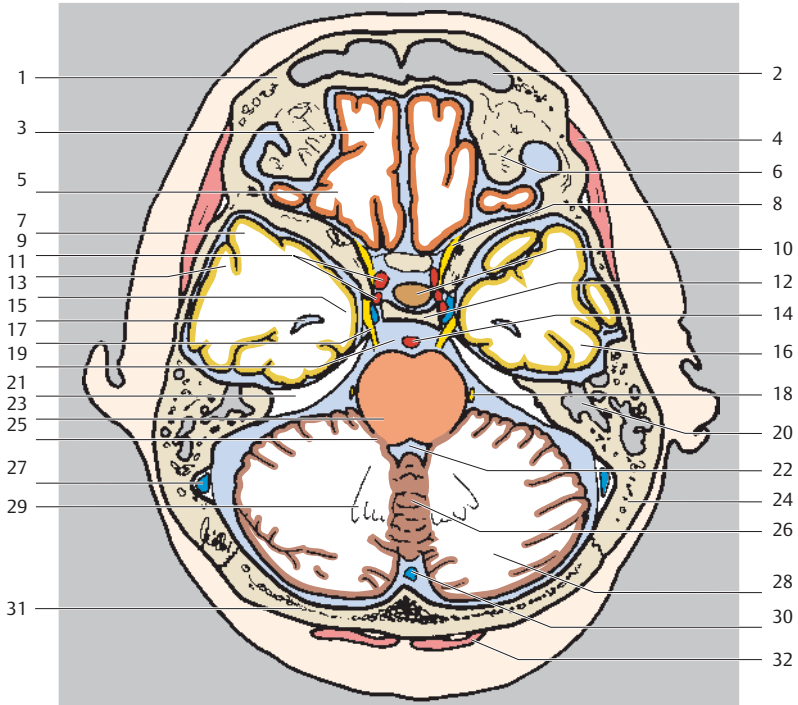
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Tiểu não
- Cầu não



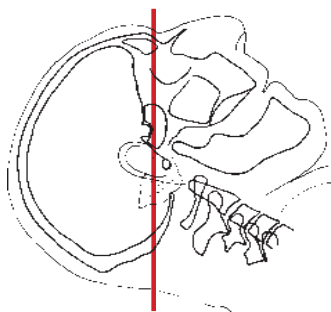
- | | |
|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1 Xoang trán | 18 Hải mã |
| 2 Xương trán | 19 Hội lưu của các bể nền sọ |
| 3 Liềm não | 20 Hội thái dương dưới |
| 4 Hội hốc mắt | 21 ĐM não sau |
| 5 Hội thặng | 22 Hội cạnh hải mã |
| 6 ĐM não trước | 23 Lều tiểu não |
| 7 ĐM thông trước | 24 ĐM nền và rãnh nền |
| 8 ĐM cảnh trong | 25 Cầu não |
| 9 Hội thái dương trên | 26 Xoang sigma |
| 10 Hội thái dương giữa | 27 Cuống tiểu não (phần giữa) |
| 11 ĐM não giữa | 28 Não thất IV |
| 12 ĐM thông sau | 29 Nhân răng |
| 13 Giao thoa thị | 30 Thùy nhộng tiểu não (phần trên) |
| 14 Thệ hạnh nhân | 31 Xương thái dương |
| 15 Cuống tuyến yên | 32 Hợp lưu của các xoang |
| 16 Não thất bên (sừng thái dương) | 33 Bán cầu tiểu não |
| 17 Lưng yên | 34 Xoang ngang |
| | 35 Xương chẩm |



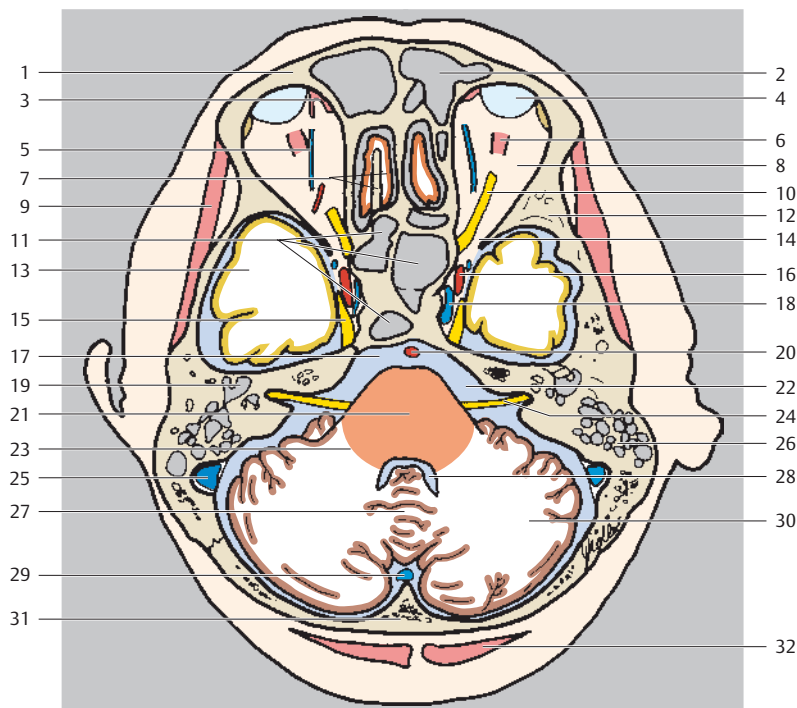
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Tiểu não
- Cầu não



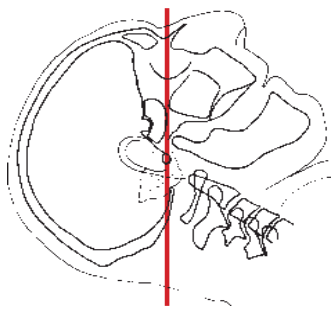
- | | |
|----------------------------------|------------------------|
| 1 Xương trán | 17 TK sinh ba (V) |
| 2 Xương trán | 18 TK ròng rọc |
| 3 Hội thặng | 19 Bể cầu não |
| 4 Cơ thái dương | 20 Hang chũm |
| 5 Hội hốc mắt | 21 Lều tiểu não |
| 6 Trần hốc mắt | 22 Não thất IV |
| 7 Hội thái dương trên | 23 Cầu não |
| 8 TK thị | 24 Xương thái dương |
| 9 ĐM cảnh trong | 25 Cuống tiểu não |
| 10 Tuyến yên | 26 Thủy nhộng tiểu não |
| 11 Hội thái dương giữa | 27 Xoang sigma |
| 12 Lưng yên | 28 Bán cầu tiểu não |
| 13 Hội cạnh hải mã | 29 Nhân răng tiểu não |
| 4 ĐM thận nền | 30 Xoang chẩm |
| 5 Não thất bên (sừng thái dương) | 31 Xương chẩm |
| 16 Hội thái dương dưới | 32 Cơ bán gai |



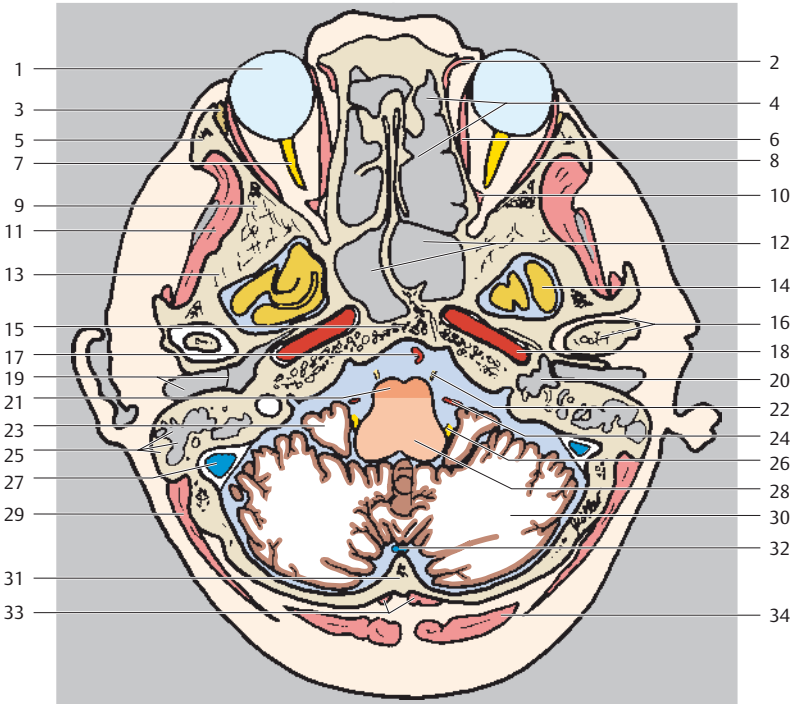
-  Thùy trán
-  Thùy thái dương
-  Tiểu não
-  Cầu não



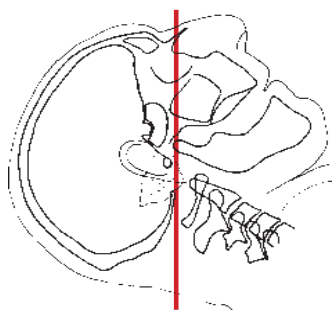
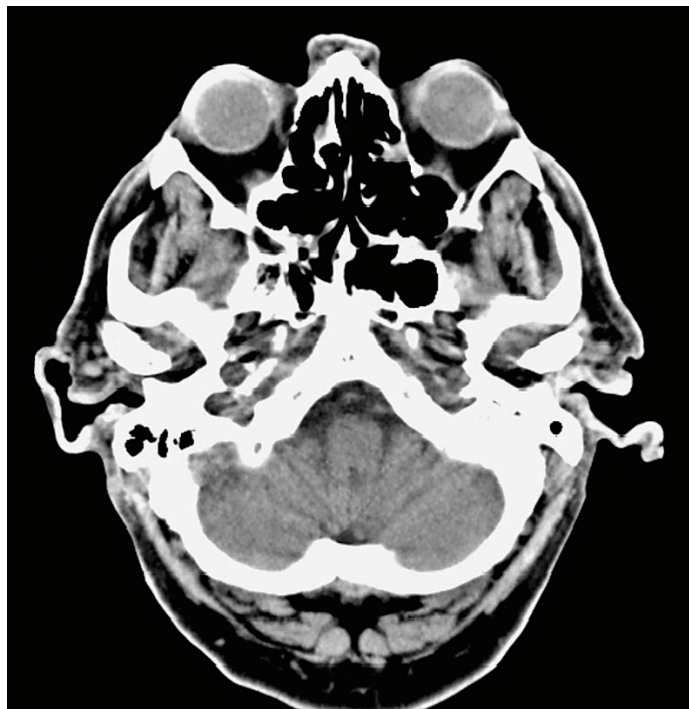
- | | |
|--------------------------|---|
| 1 Xương trán | 18 Xoang hang |
| 2 Xoang trán | 19 Hang chũm |
| 3 Cơ chéo trên | 20 ĐM nền |
| 4 Nhãn cầu | 21 Cầu não |
| 5 TM mắt | 22 Bê cầu - tiểu não |
| 6 Cơ thẳng trên | 23 Cuống tiểu não giữa và dưới |
| 7 Hồi thẳng và hành khứu | 24 Ống tai trong kèm TK mặt (VII) và TK tiền đình - ốc tai (VIII) |
| 8 Mô mỡ sau hốc mắt | 25 Xoang sigma |
| 9 Cơ thái dương | 26 Mỏm chũm kèm TB chũm |
| 10 TK thị | 27 Thủy nhộng tiểu não |
| 11 Xoang bướm | 28 Não thất IV |
| 12 Xương bướm | 29 Xoang chẩm |
| 13 Hồi thái dương dưới | 30 Bán cầu tiểu não |
| 14 Khe hốc mắt trên | 31 Xương chẩm |
| 15 TK sinh ba (hạch) | 32 Cơ bán gai |
| 16 ĐM cảnh trong | |
| 17 Bê cầu não | |



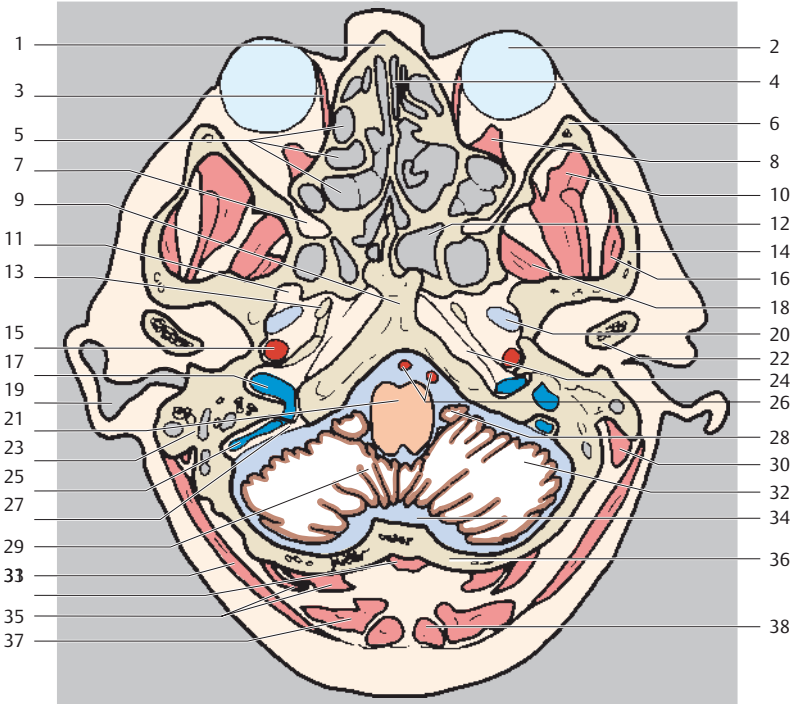
-  Thùy trán
-  Thùy thái dương
-  Tiểu não
-  Cầu não



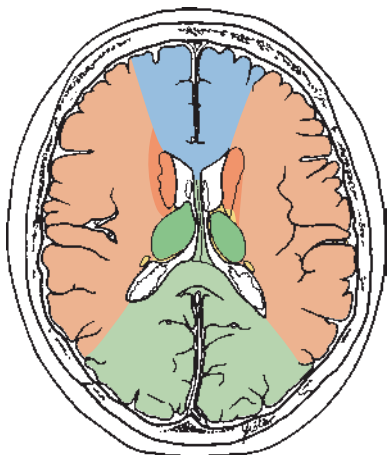
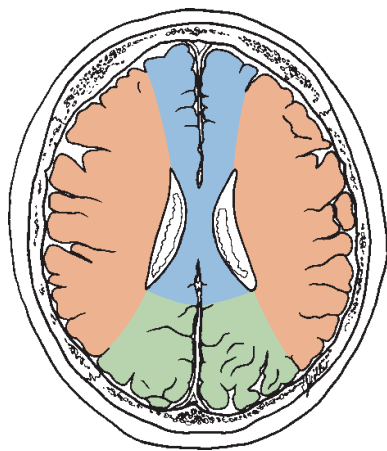
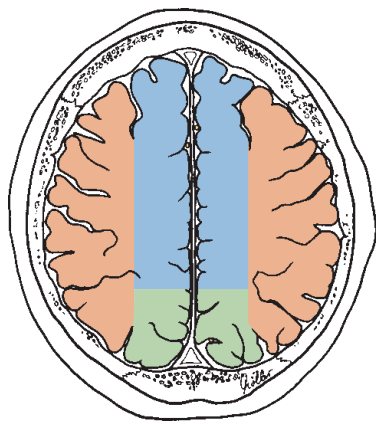
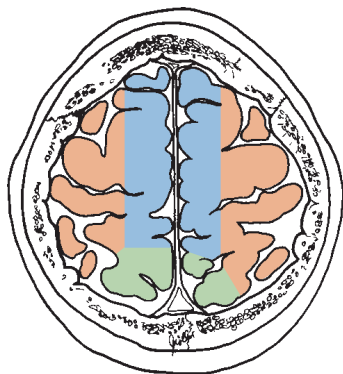
- | | |
|---|---|
| 1 Nhãn cầu | 19 Ống tai ngoài và màng nhĩ (thuộc màng nhĩ) |
| 2 Cơ chéo trên | 20 Hòm nhĩ |
| 3 Tuyến lệ | 21 Cầu não |
| 4 TB sàng | 22 TK vận nhãn ngoài (VI) |
| 5 Xương gò má | 23 Thùy nhừng tiểu não |
| 6 Cơ thẳng giữa | 24 ĐM tiểu não trước dưới |
| 7 TK thị | 25 Mòm chũm và TB chũm |
| 8 Cơ thẳng bên của nhãn cầu | 26 TK thiệt hầu (IX) TK phế vị (X) |
| 9 Xương bướm | 27 Xoang sigma |
| 10 Cơ thẳng trên | 28 Hành tủy (Hành não) |
| 11 Cơ thái dương | 29 Cơ gối đầu |
| 12 Xoang bướm | 30 Bán cầu tiểu não |
| 13 Xương thái dương | 31 Xương chẩm |
| 14 Thùy thái dương (nền) | 32 Xoang chẩm |
| 15 Khớp thân bướm mồm nền xương chẩm | 33 Cơ thẳng bé sau |
| 16 Khớp thái dương hàm và lồng cầu xương hàm dưới | 34 Cơ bán gai |
| 17 ĐM nền | |
| 18 ĐM cảnh trong | |



Tiểu não
 Hành tủy



- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| 1 Xương mũi | 19 Ống tai ngoài |
| 2 Nhãn cầu | 20 Vòi nhĩ |
| 3 Cơ thẳng giữa | 21 Hạch tuyến |
| 4 Vách mũi | 22 Đầu xương hàm dưới |
| 5 TB sàng | 23 Mõm chũm |
| 6 Xương gò má | 24 Lỗ rách |
| 7 Hồ chân bướm - khẩu cái | 25 Xoang sigma |
| 8 Cơ thẳng dưới | 26 Các ĐM đốt sống |
| 9 Xương chẩm (phần đáy) | 27 Khe xương đá - chẩm |
| 10 Cơ thái dương | 28 Thủy nhũn tiểu não |
| 11 Lỗ bầu dục kèm TK hàm dưới | 29 Hạch nhân tiểu não |
| 12 Xoang bướm | 30 Cơ hại thân |
| 13 Xương thái dương (đỉnh xương đá) | 31 Cơ gò đầu |
| 14 Cung gò má | 32 Bán cầu tiểu não (thùy đuôi) |
| 15 ĐM cảnh trong | 33 Cơ thẳng bé sau |
| 16 Cơ cắn | 34 Bề lớn đôi thị giác |
| 17 TM cánh (hành) | 35 Cơ thẳng to sau |
| 18 Cơ chân bướm ngoài (đầu trên) | 36 Xương chẩm |
| | 37 Cơ bán gai |
| | 38 Cơ thang |



ĐM não trước

■ Nhánh tận

ĐM não giữa

■ Nhánh tận

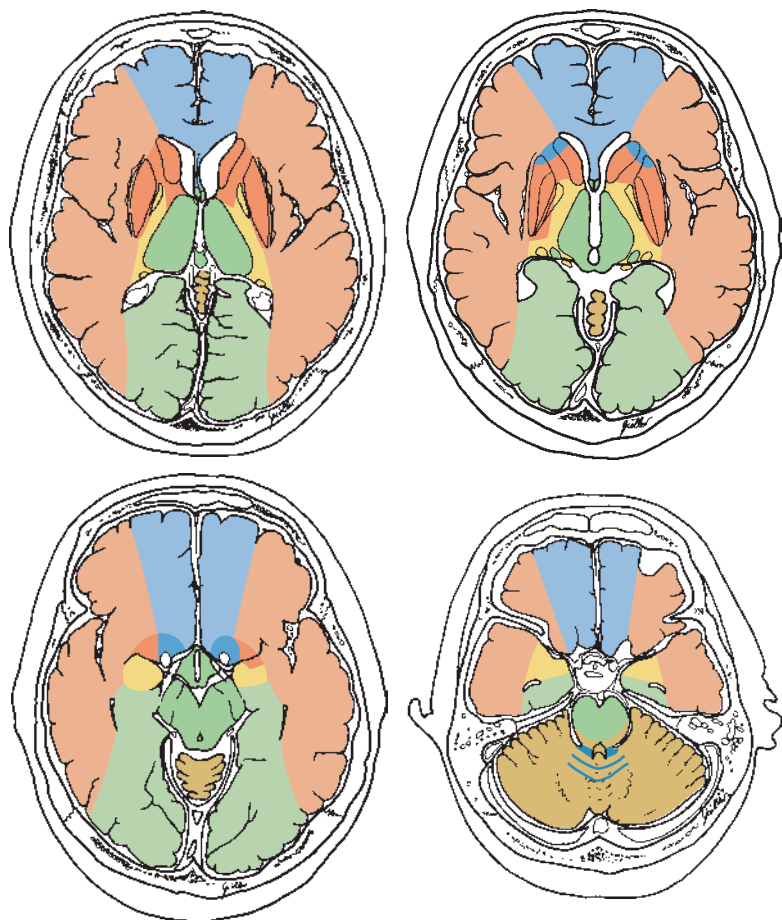
■ Nhánh trung tâm (các nhánh
bèo vên)

ĐM não sau

■ Nhánh tận

■ Nhánh trung tâm (bao gồm
ĐM thông sau)

■ ĐM mạch mạc trước



ĐM não trước

- Nhánh tận
- Nhánh trung tâm

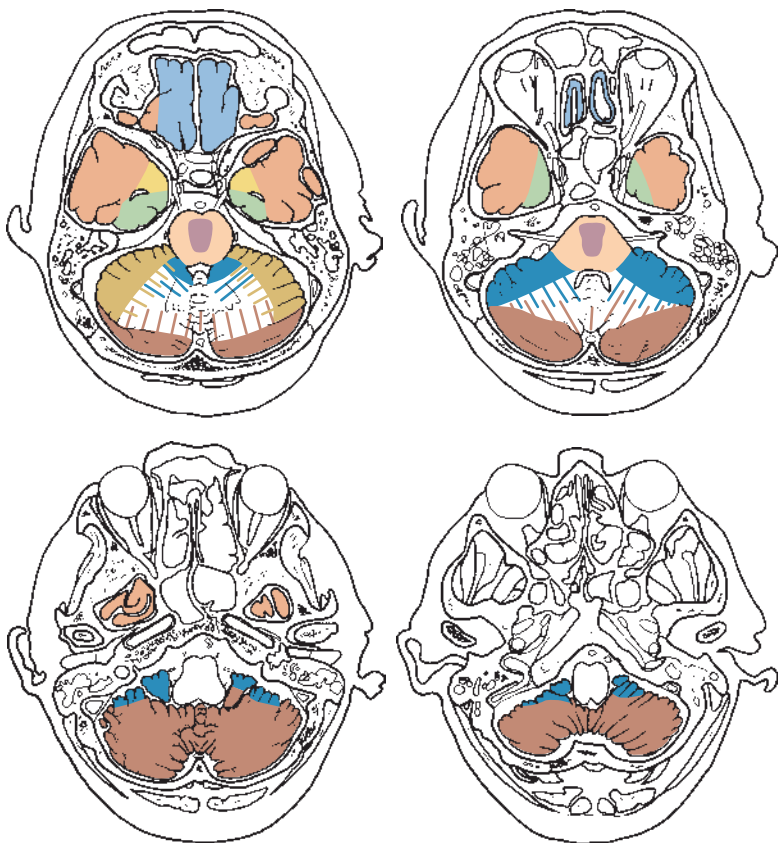
ĐM não giữa

- Nhánh tận
- Nhánh trung tâm (các nhánh bèo vên)

ĐM não sau

- Nhánh tận
- Nhánh trung tâm (bao gồm ĐM thông sau)

- ĐM mạch mạc trước
- ĐM tiểu não trên
- ĐM tiểu não trước dưới
- Vùng ranh giới

**ĐM não trước**

 Nhánh tận

ĐM não giữa

 Nhánh tận

ĐM não sau

 Nhánh tận

 ĐM mạch mạc trước

ĐM thân nền

 Các nhánh cạnh giữa trước giữa và trước bên

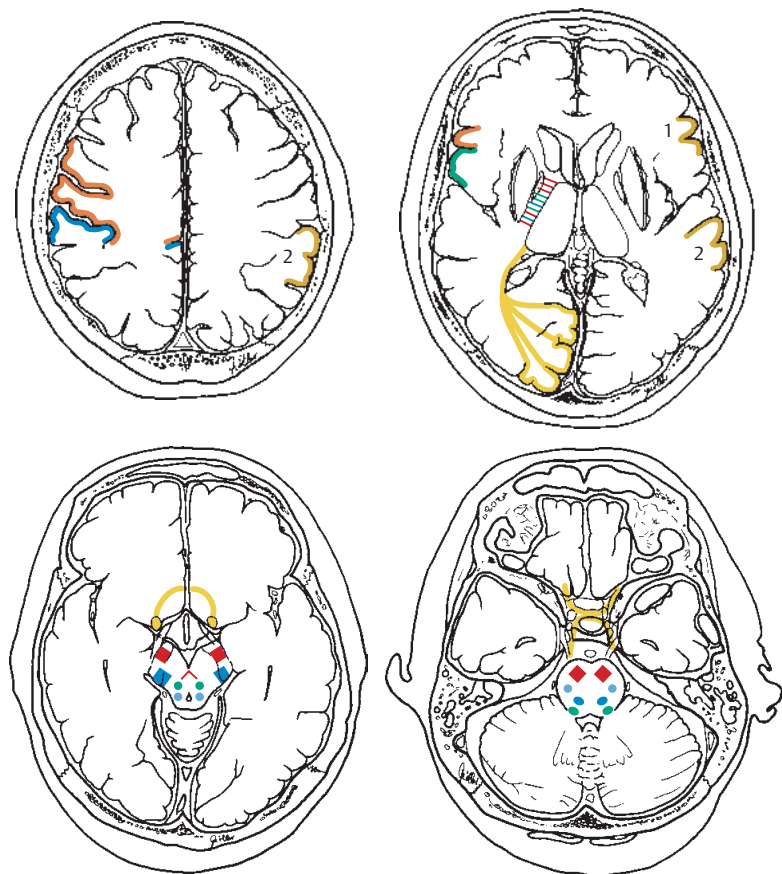
 Các nhánh chu vi và bên và các nhánh cạnh giữa lưng

ĐM tiểu não trên

 ĐM tiểu não trước trên

 Vùng ranh giới

 ĐM tiểu não sau dưới



■ Hệ vận động

Hệ cảm giác

■ Bó cảm giác giữa

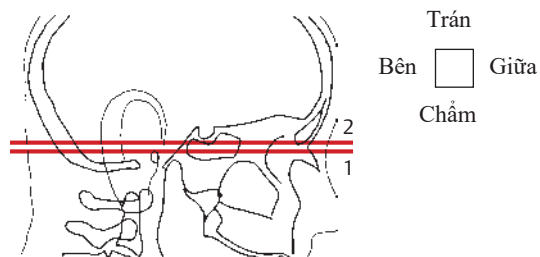
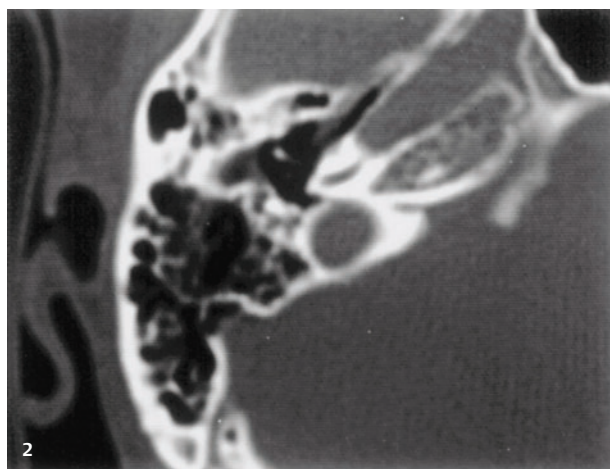
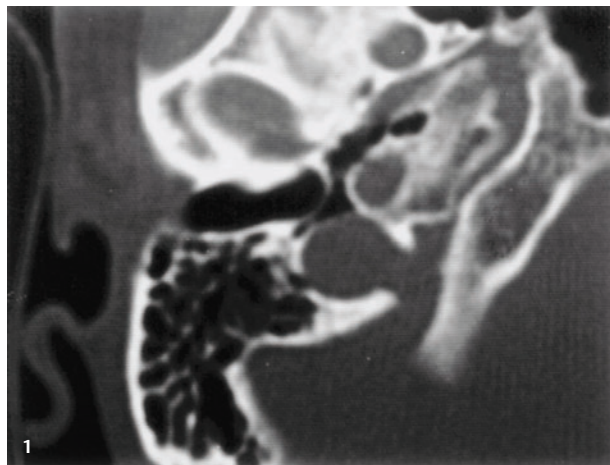
■ Bó gai - đồi thị

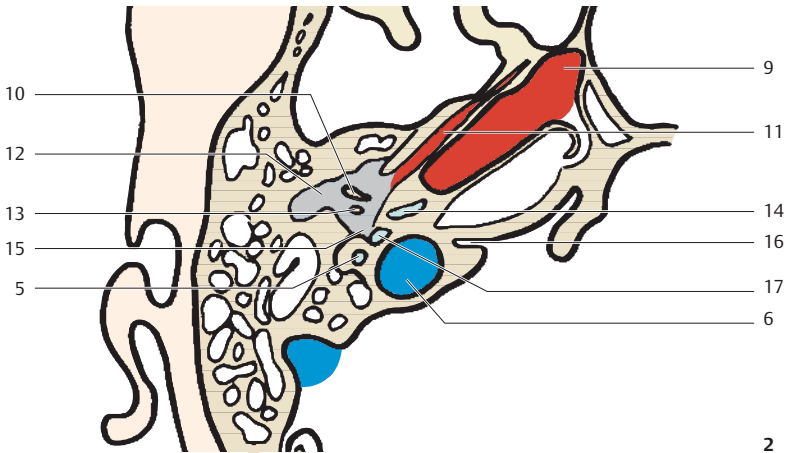
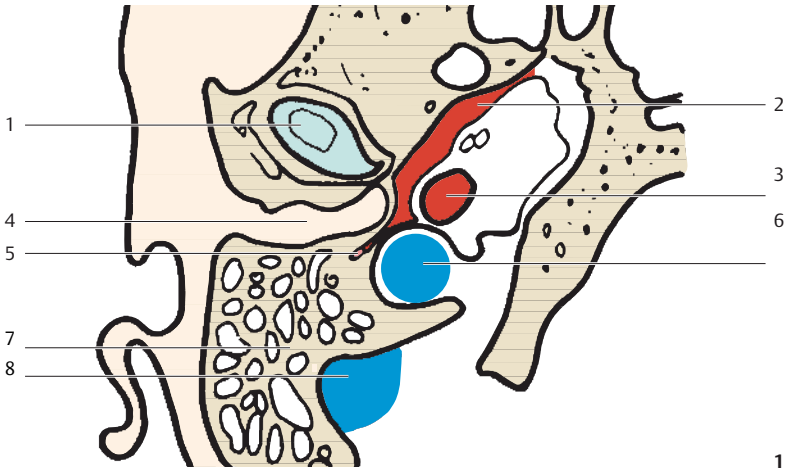
■ Nhân trung não của dây TK sinh ba

■ Nhân và đường vận động mắt

■ Dải thị

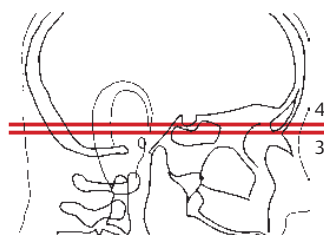
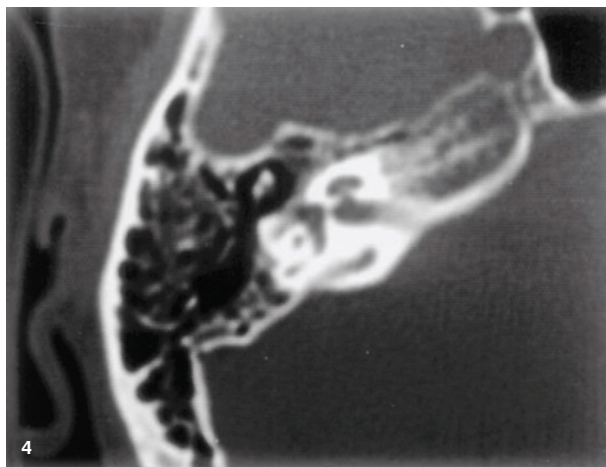
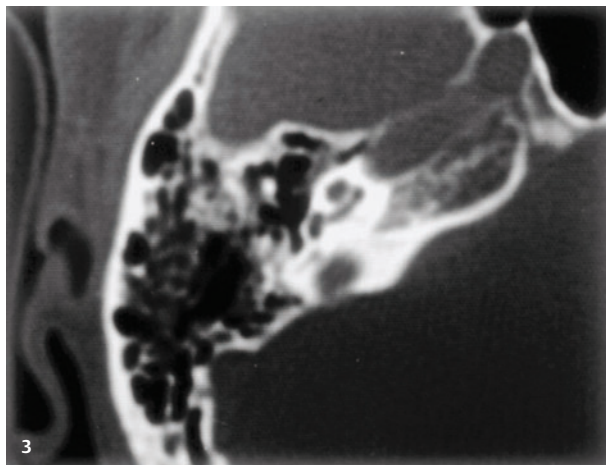
■ Trung tâm ngôn ngữ
(1 = vận động, 2 = cảm giác)



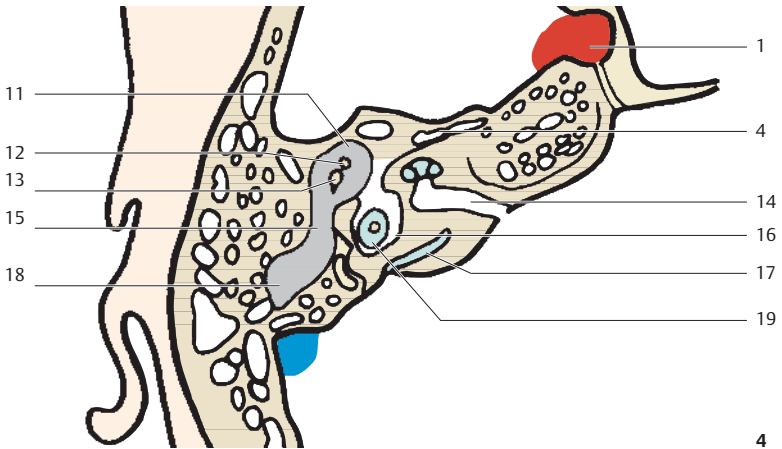
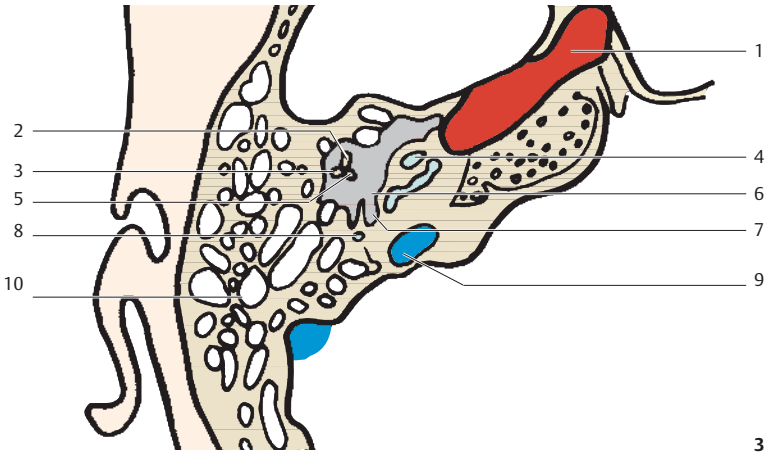


- 1 Khớp thái dương hàm (trên ổ chảo và đĩa khớp)
- 2 Vòi hầu- màng nhĩ (vòi nhĩ)
- 3 ĐM cảnh trong
- 4 Ống tai ngoài
- 5 Ống TK mặt
- 6 TM cổ trong
- 7 Mõm chũm
- 8 Xoang sigma

- 9 Ống cảnh
- 10 Xương búa (cán)
- 11 Ống cơ căng màng nhĩ
- 12 Tai giữa
- 13 Xương đe (trụ dài)
- 14 Ốc tai
- 15 Xoang nhĩ
- 16 Cống tiền đình
- 17 Cửa sổ tròn

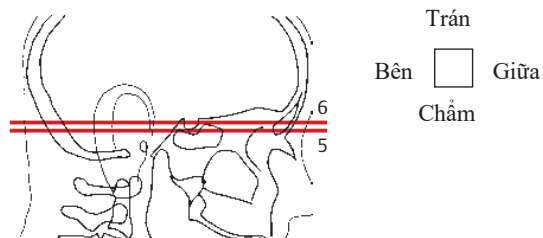
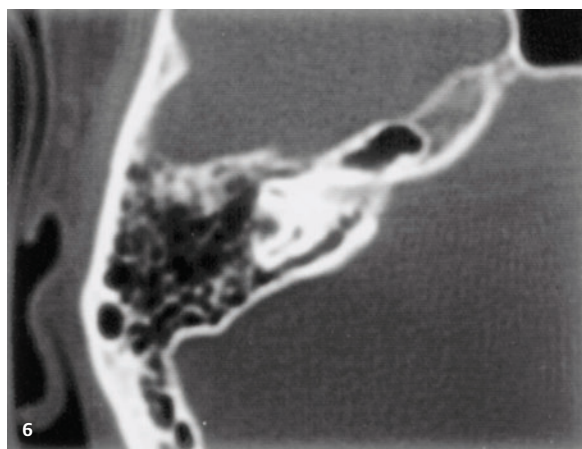
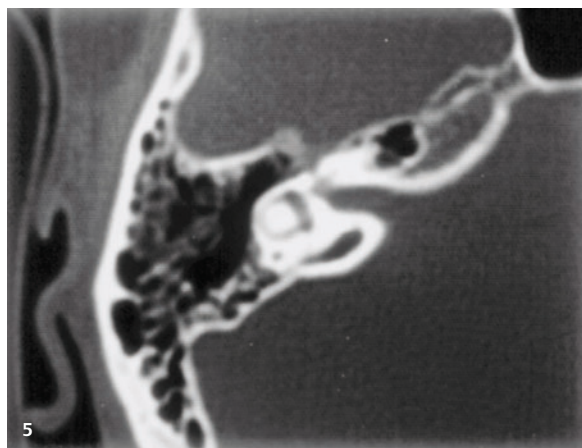


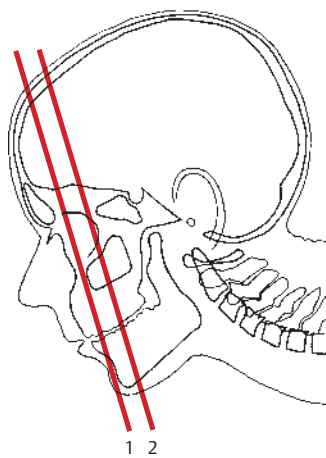
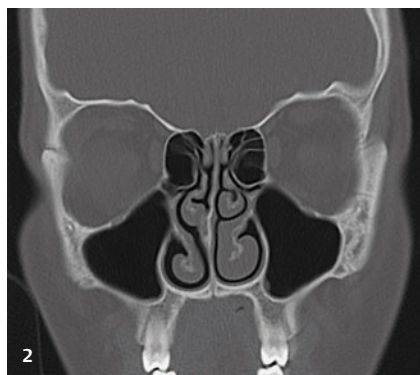
Trán
Bên ☐ Giữa
Châm

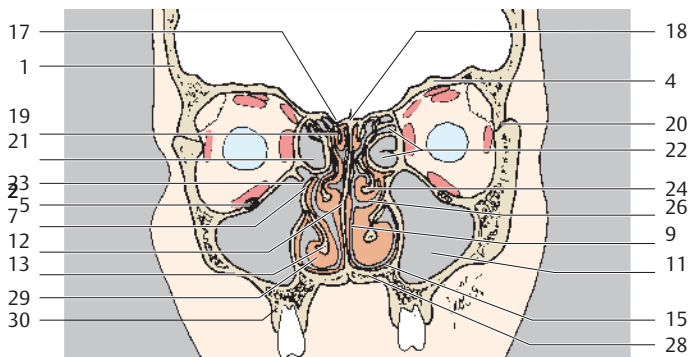
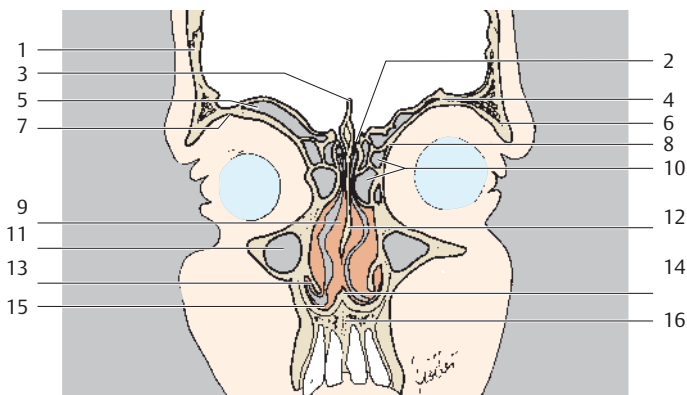


- 1 ĐM cảnh trong (ống)
- 2 Xương búa (cán)
- 3 Xương đe (trụ dài)
- 4 Ốc tai
- 5 Xương bàn đạp
- 6 Cửa sổ bầu dục
- 7 Xoang nhĩ
- 8 Ống TK mặt
- 9 TM cổ trong (hành)
- 10 Xương chũm

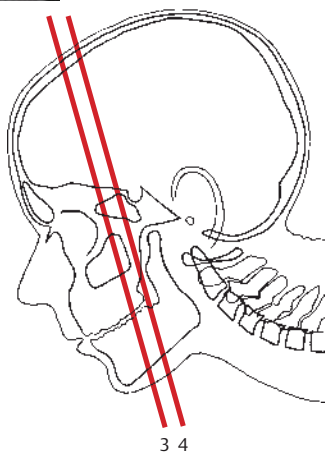
- 11 Ngăn trên hòm nhĩ
- 12 Xương búa (đầu)
- 13 Xương đe (trụ ngắn)
- 14 Ống tai trong
- 15 Đường vào hang chũm
- 16 Tiền đình
- 17 Ống bán khuyên sau
- 18 Hang chũm
- 19 Ống bán khuyên bên

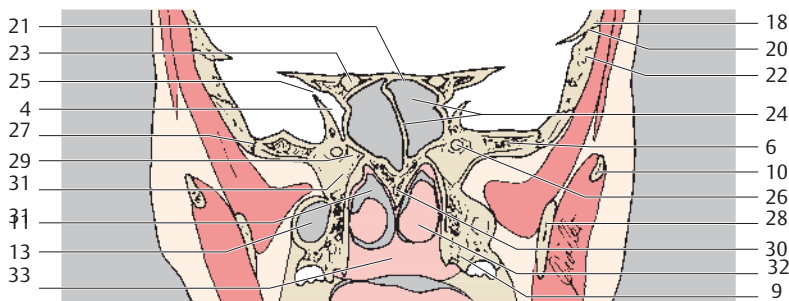
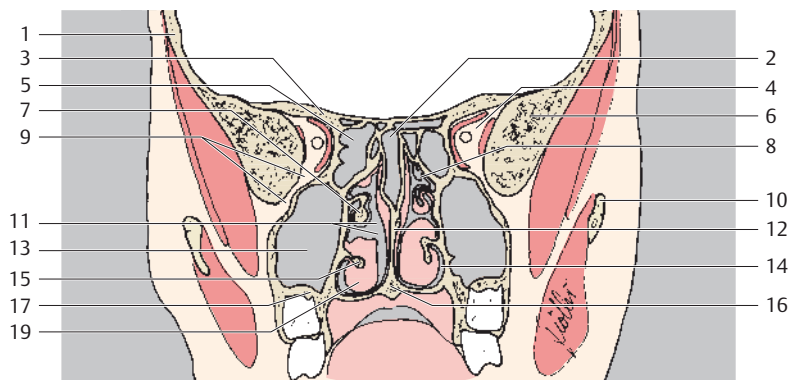






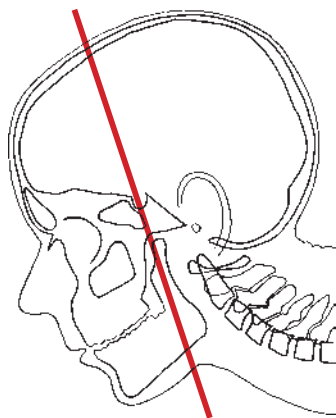
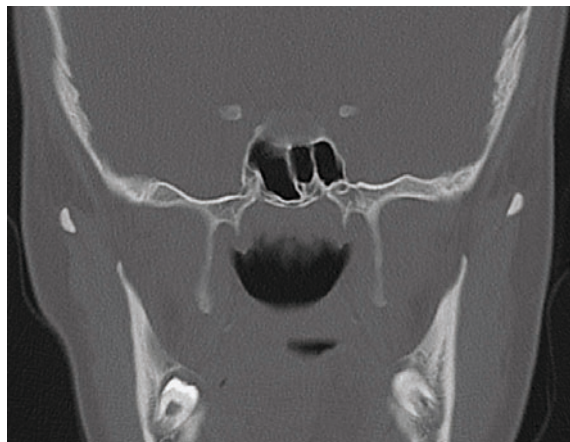
- | | |
|---------------------|---------------------------------|
| 1 Xương trán | 16 Móm răng của xương hàm trên |
| 2 Tầm sàng | 17 Khuyết sàng |
| 3 Mào gà | 18 Xương sàng (tầm sàng) |
| 4 Trần ổ mắt | 19 Xoăn mũi trên |
| 5 Xoang trán | 20 Đường khớp trán - gò má |
| 6 Móm gò má | 21 Khuyết ổ mắt của mê đạo sàng |
| 7 Khuyết trên ổ mắt | 22 TB sàng (ở giữa) |
| 8 Địa hốc mắt | 23 Lỗ xoang hàm trên |
| 9 Ổ mũi | 24 Xoăn mũi giữa |
| 10 TB sàng trước | 25 Lỗ dưới ổ mắt |
| 11 Xoang hàm trên | 26 Ngách mũi giữa |
| 12 Vách mũi | 27 Móm móc |
| 13 Xoăn mũi dưới | 28 Khẩu cái cứng |
| 14 Xương lá mía | 29 Xoăn mũi dưới |
| 15 Ngách mũi dưới | 30 Xương hàm trên (móm răng) |

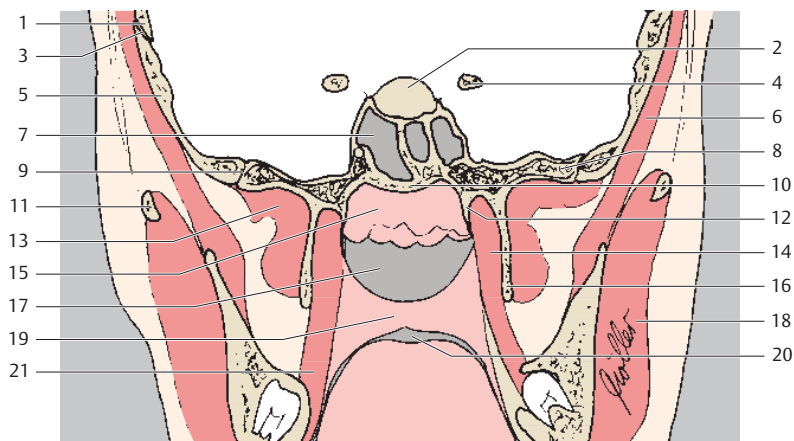




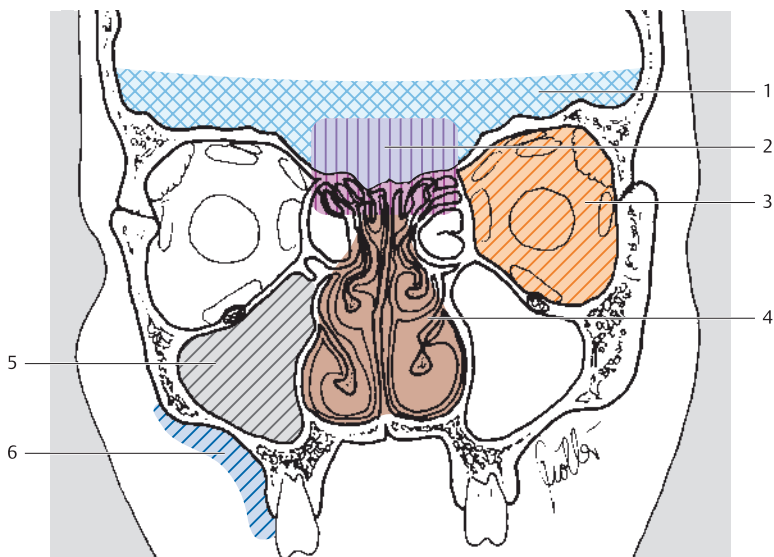
- 1 Xương trán
- 2 Xoang bướm (hố)
- 3 Xương bướm (cánh nhỏ)
- 4 Phễu hốc mắt
- 5 TB sàng (phía sau)
- 6 Xương bướm (cánh lớn)
- 7 Xoăn mũi giữa
- 8 Xoăn mũi trên
- 9 Khe hốc mắt dưới
- 10 Xương gò má
- 11 Ổ mũi (lỗ mũi chung)
- 12 Vách mũi (mảnh thẳng)
- 13 Xoang hàm trên
- 14 Ngách mũi dưới
- 15 Xoăn mũi dưới
- 16 Xương khẩu cái (mặt phẳng nằm ngang)
- 17 Xương hàm trên (mòm huyết răng)

- 18 Xương đỉnh
- 19 Xoăn mũi dưới (thể hang)
- 20 Đường khớp trái
- 21 Xương bướm (vòm của xoang bướm)
- 22 Xương thái dương (phần trái)
- 23 Ống thị giác
- 24 Xoang bướm và vách xoang bướm
- 25 Khe hốc mắt trên
- 26 Lỗ tròn xương bướm
- 27 Đường khớp bướm trái
- 28 Xương hàm dưới (thân và cán)
- 29 Ống chân bướm
- 30 Xương sàng (vách mũi)
- 31 Hố chân bướm - khẩu cái
- 32 Mòm chân bướm
- 33 Khẩu cái mềm

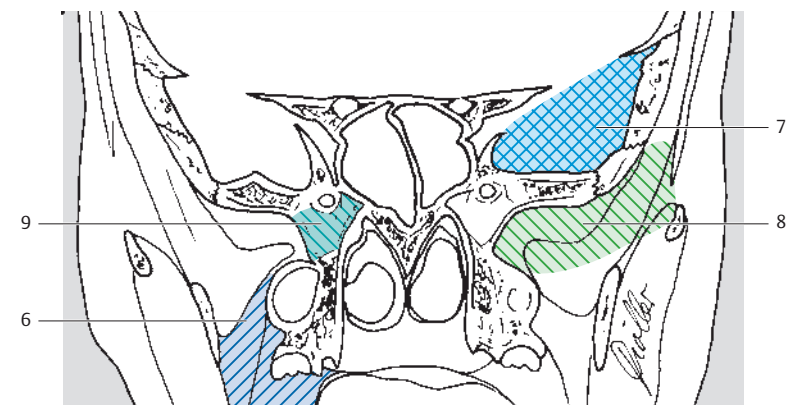
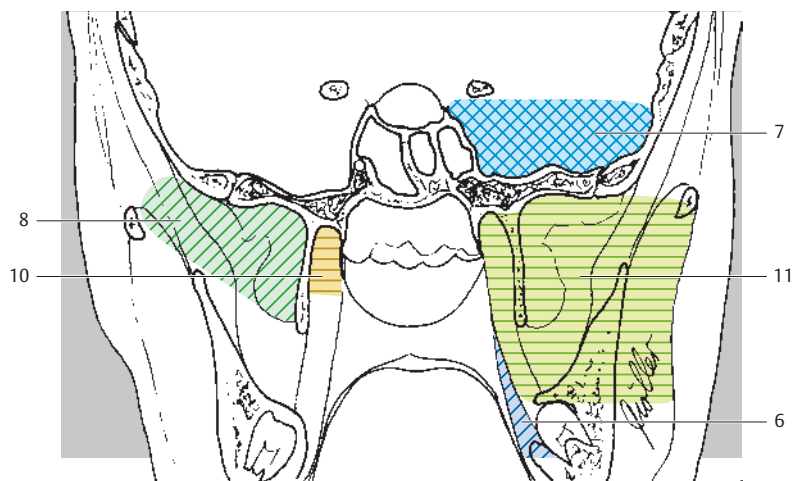




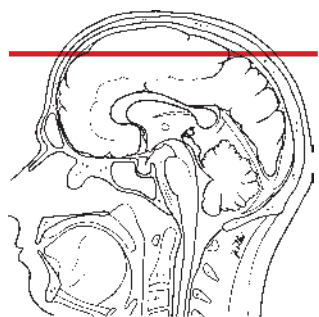
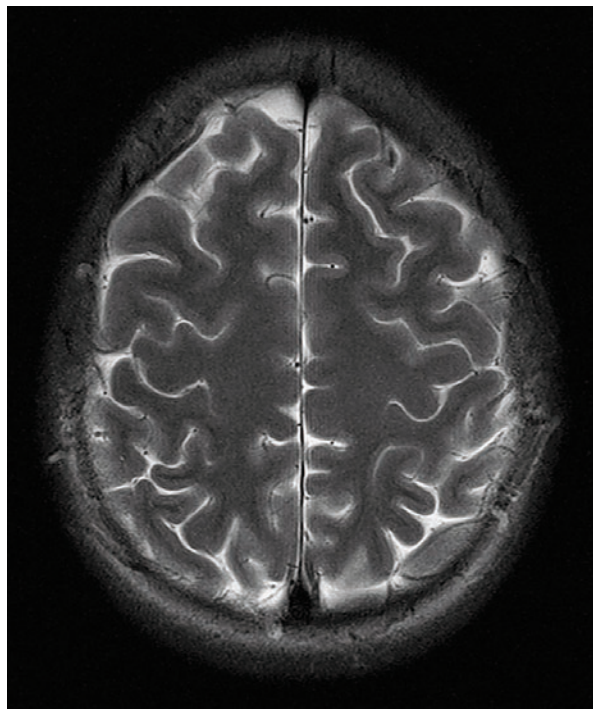
- | | |
|--------------------------------|-----------------------------|
| 1 Xương đỉnh | 10 Xương bướm |
| 2 Yên bướm | 11 Cung gò má |
| 3 Đường khớp trái | 12 Mảnh chân bướm trong |
| 4 Mõm yên trước (xương bướm) | 13 Cơ chân bướm ngoài |
| 5 Xương thái dương (phần trái) | 14 Hố chân bướm |
| 6 Cơ thái dương | 15 Hạnh nhân hầu |
| 7 Xoang bướm | 16 Mảnh chân bướm ngoài |
| 8 Xương thái dương (cù khớp) | 17 Hầu mũi |
| 9 Đường khớp bướm trái | 18 Cơ cắn |
| | 19 Khẩu cái mềm |
| | 20 Hầu miệng (eo hầu miệng) |
| | 21 Cơ chân bướm trong |



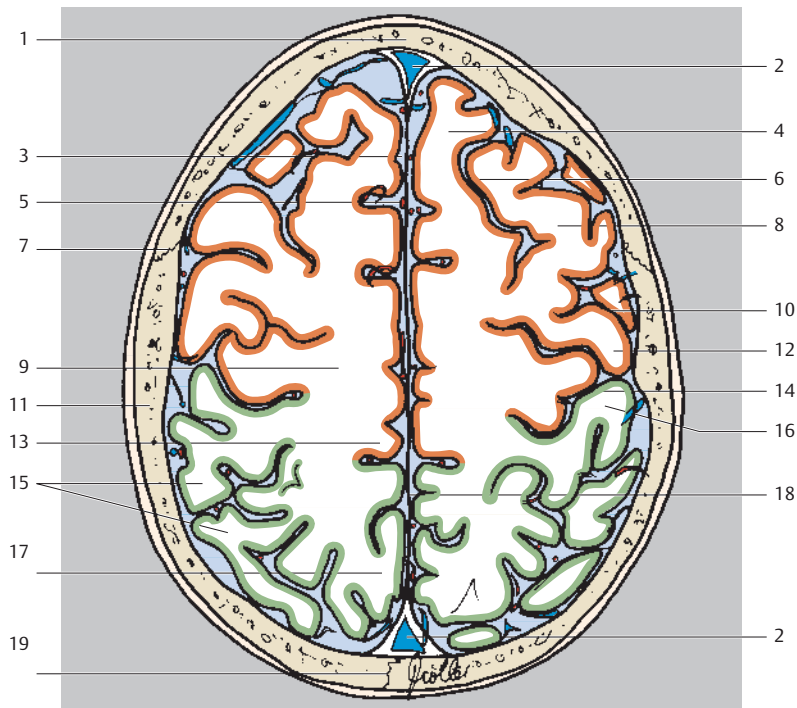
- | | |
|---|------------------|
|  | 1 Hố sọ trước |
|  | 2 Đáy mũi |
|  | 3 Hốc mắt |
|  | 4 Ổ mũi |
|  | 5 Xoang hàm trên |
|  | 6 Khoang má |



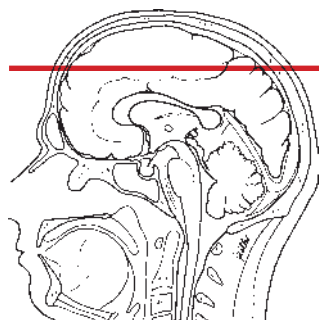
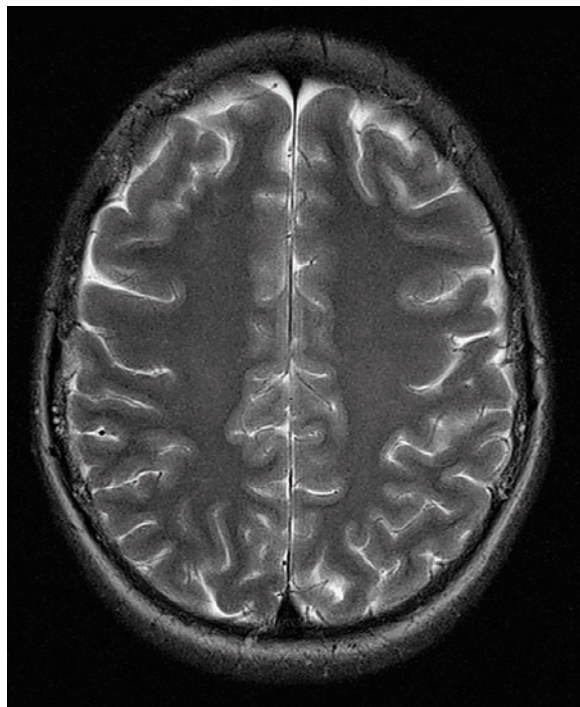
-  6 Khoang má
-  7 Hố sọ giữa
-  8 Hố dưới thái dương
-  9 Hố chân bướm khẩu cái
-  10 Hố chân bướm
-  11 Khoang nhai



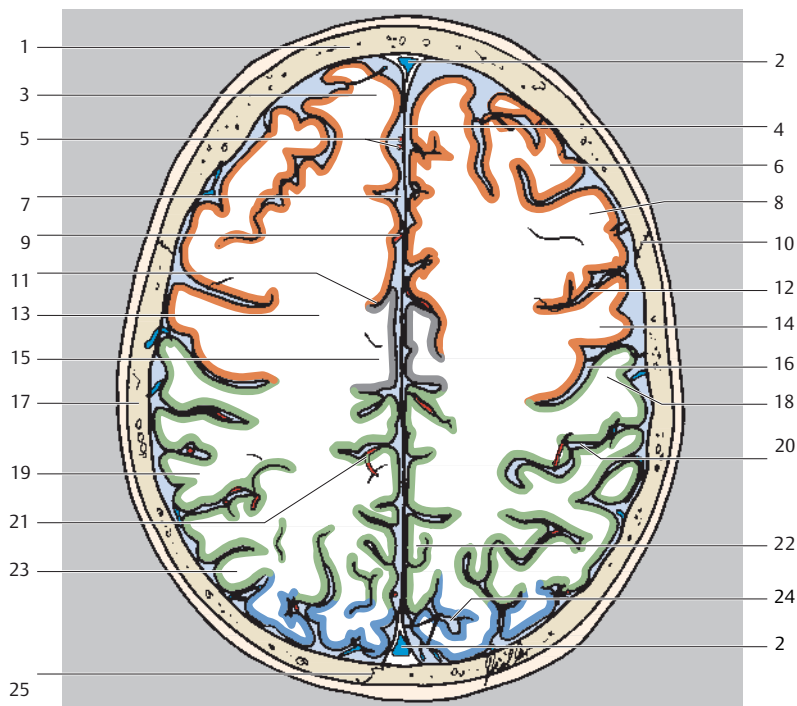
- Thùy trán
- Thùy đỉnh



- | | |
|---------------------------------------|-----------------------------|
| 1 Xương trán | 10 Rãnh trước trung tâm |
| 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên | 11 Xương đỉnh |
| 3 Khe não dọc | 12 Hố trước trung tâm |
| 4 Hố trán trên | 13 Tiểu thùy cạnh trung tâm |
| 5 Động mạch trên rỗng rọc (sau trong) | 14 Rãnh trung tâm |
| 6 Rãnh trán trên | 15 Tiểu thùy đỉnh trên |
| 7 Khớp trán đỉnh | 16 Hố sau trung tâm |
| 8 Hố trán giữa | 17 Hố trước chêm |
| 9 Chất trắng trung tâm bán cầu dục | 18 Liềm đại não |
| | 19 Khớp dọc |

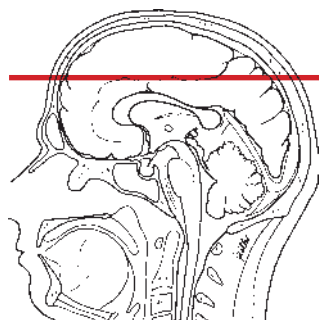
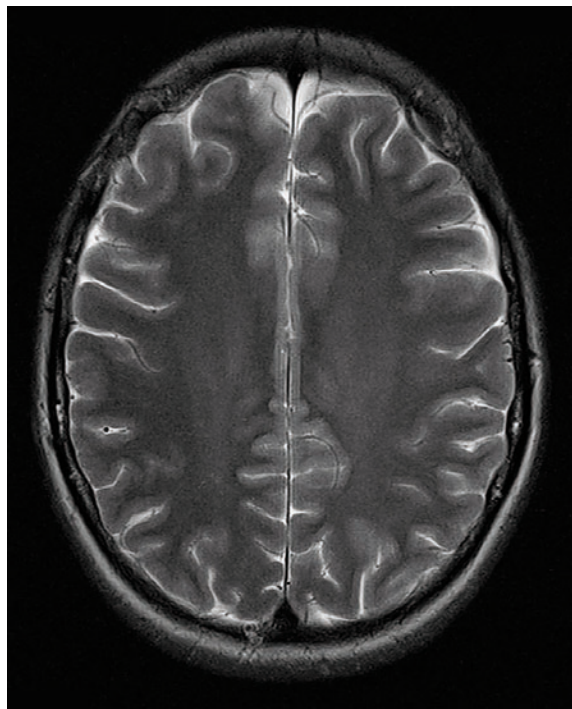


- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm

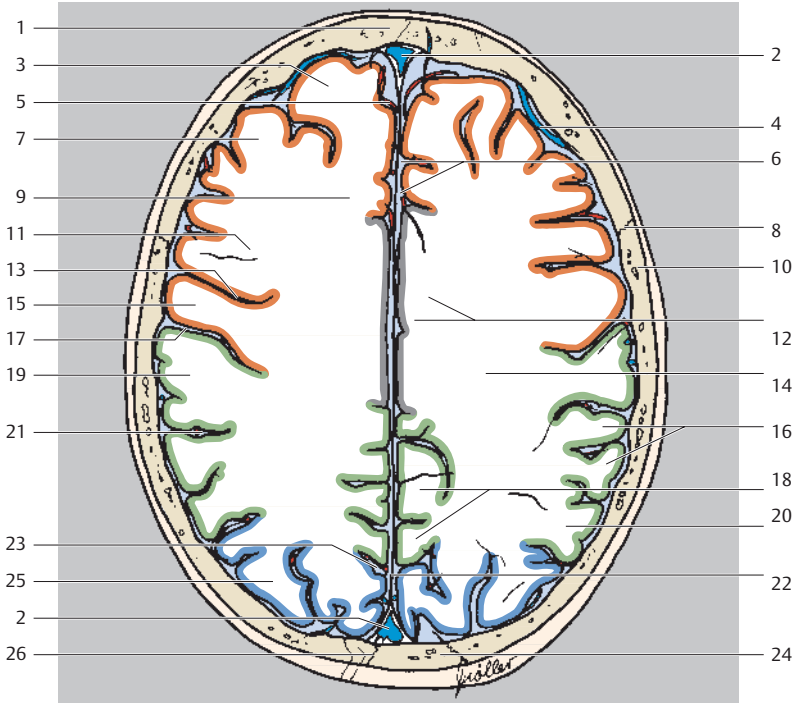


- 1 Xương trán
- 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Liềm đại não
- 5 Động mạch trên ròng rọc
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Khe não dọc
- 8 Hồi trán dưới
- 9 Động mạch viền chai
- 10 Khớp trán đỉnh
- 11 Rãnh đại
- 12 Rãnh trước trung tâm
- 13 Chất trắng trung tâm bán cầu dục

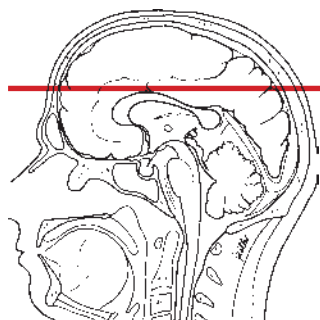
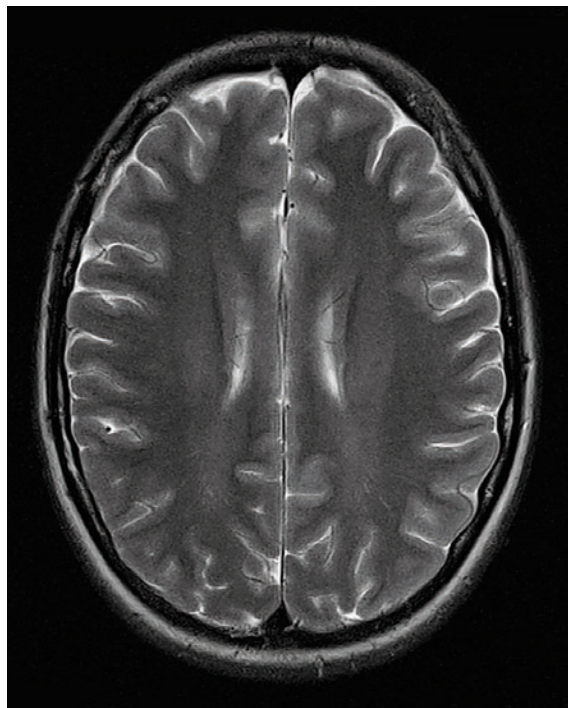
- 14 Hồi trước trung tâm
- 15 Hồi đại và bó đại
- 16 Rãnh trung tâm (khe Rolando)
- 17 Xương đỉnh
- 18 Hồi sau trung tâm
- 19 Hồi trên viền
- 20 Rãnh sau trung tâm
- 21 Các nhánh cạnh trung tâm của động mạch viền chai
- 22 Hồi trước chêm
- 23 Hồi góc
- 24 Rãnh đỉnh chằm
- 25 Khớp dọc



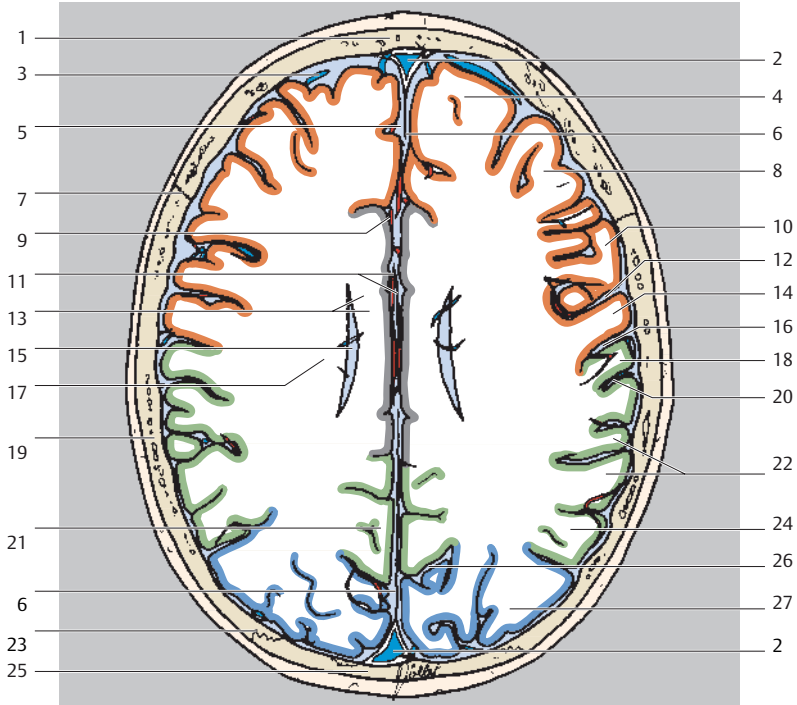
- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm



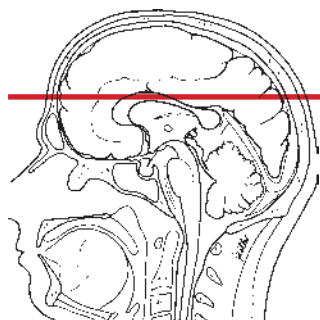
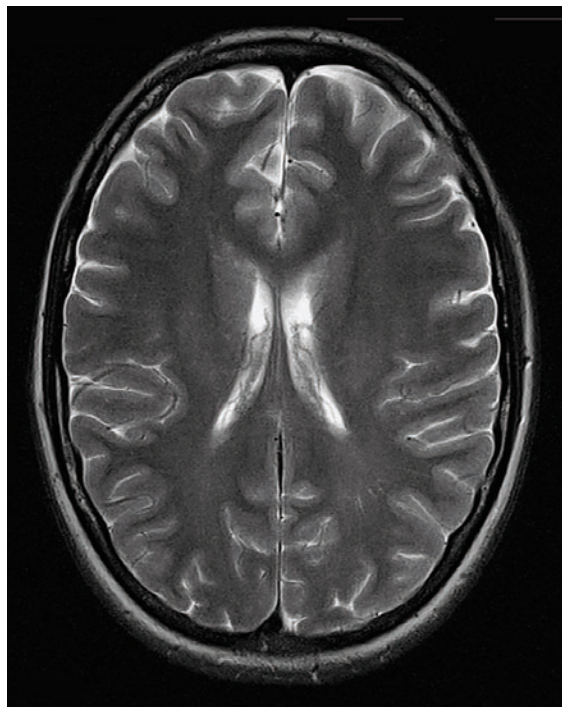
- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| 1 Xương trán | 14 Chất trắng trung tâm bán |
| 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên | bầu dục |
| 3 Hồi trán trên | 15 Hồi trước trung tâm |
| 4 Tĩnh mạch não trên | 16 Hồi trên viền |
| 5 Động mạch trên rỗng rọc | 17 Rãnh trung tâm |
| 6 Khe não dọc | 18 Hồi trước chêm |
| 7 Hồi trán giữa | 19 Hồi sau trung tâm |
| 8 Khớp trán đỉnh | 20 Hồi góc |
| 9 Động mạch viền chai | 21 Rãnh sau trung tâm |
| 10 Xương đỉnh | 22 Liềm đại não |
| 11 Hồi trán dưới | 23 Rãnh đỉnh chằm |
| 12 Hồi đại và bó đại | 24 Xương chằm |
| 13 Rãnh trước trung tâm | 25 Các hồi chằm |
| | 26 Khớp Lamda |



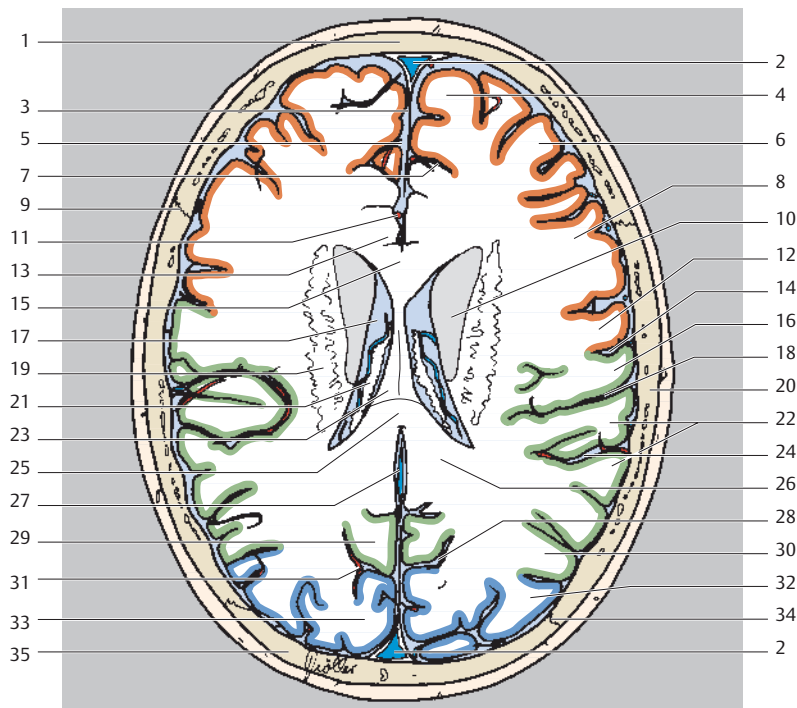
- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm



- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| 1 Xương trán | 15 Não thất bên (phần trung tâm) |
| 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên | 16 Rãnh trung tâm |
| 3 Tĩnh mạch não trên | 17 Vành tia |
| 4 Hồi trán trên | 18 Hồi sau trung tâm |
| 5 Khe não dọc | 19 Xương đỉnh |
| 6 Liềm đại não | 20 Rãnh sau trung tâm |
| 7 Khớp trán đỉnh | 21 Hồi trước chêm |
| 8 Hồi trán giữa | 22 Hồi trên viền |
| 9 Động mạch viền chai | 23 Khớp Lamda |
| 10 Hồi trán dưới | 24 Hồi góc |
| 11 Động mạch quanh chai | 25 Xương chẩm |
| 12 Rãnh trước trung tâm | 26 Rãnh đỉnh chẩm |
| 13 Hồi đại và bỏ đại | 27 Các hồi chẩm |
| 14 Hồi trước trung tâm | |

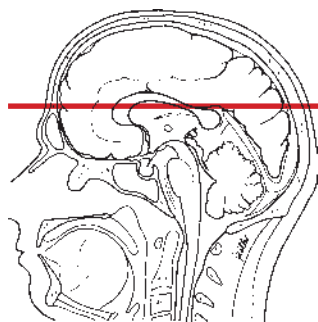
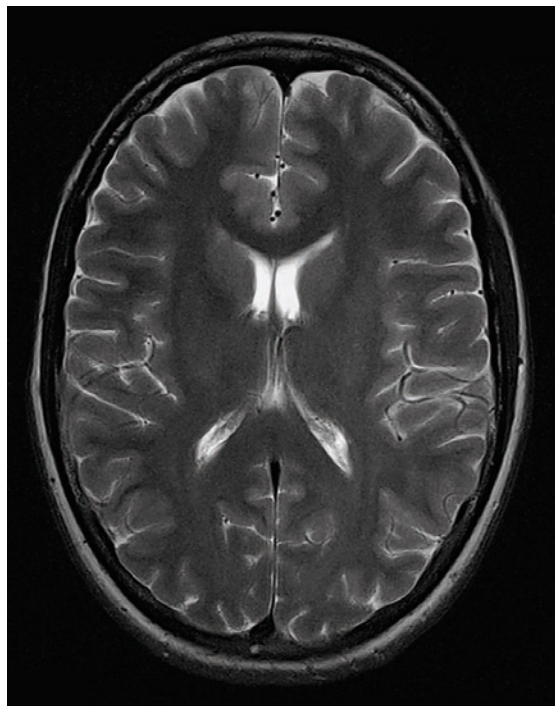


- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm



- 1 Xương trán
- 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên
- 3 Liềm đại não
- 4 Hồi trán trên
- 5 Khe não dọc
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Rãnh đại
- 8 Hồi trán dưới
- 9 Khớp trán đỉnh
- 10 Đầu nhân đuôi
- 11 Động mạch quanh chai
- 12 Hồi trước trung tâm
- 13 Hồi đại
- 14 Rãnh trung tâm
- 15 Gõi thê chai
- 16 Hồi sau trung tâm
- 17 Não thất bên
- 18 Rãnh bên

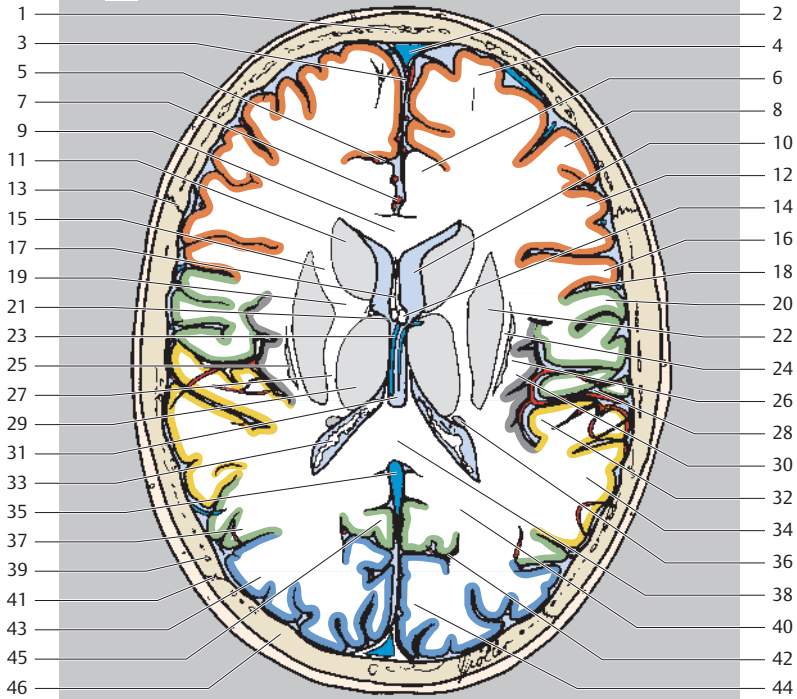
- 19 Vành tia
- 20 Xương đỉnh
- 21 Đám rối mạch mạc
- 22 Hồi trên viền
- 23 Vòm não
- 24 Rãnh bên (nhánh sau)
- 25 Lòai thê chai
- 26 Kẹp lớn của thê trai (kẹp chằm)
- 27 Xoang tĩnh mạch dọc dưới
- 28 Rãnh đỉnh chằm
- 29 Hồi trước chằm
- 30 Hồi góc
- 31 Động mạch đỉnh chằm
- 32 Các hồi chằm
- 33 Hồi chằm
- 34 Khớp Lamda
- 35 Xương chằm



- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm

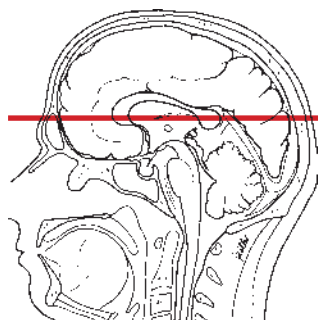
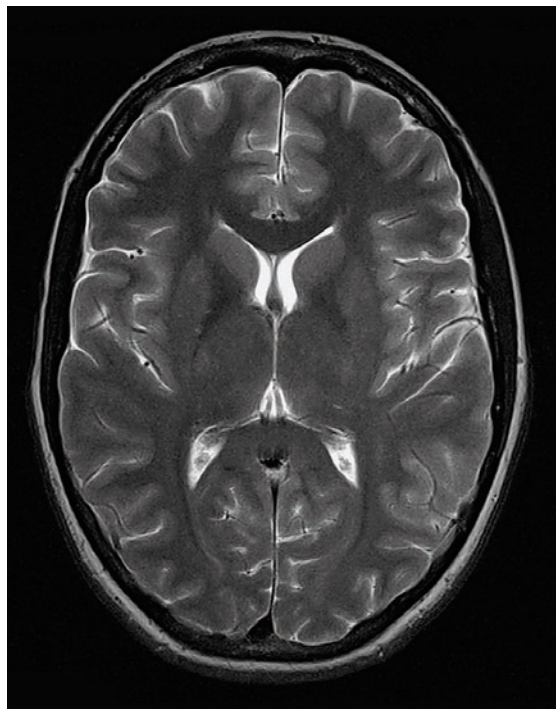
- 1 Xương trán
- 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên
- 3 Liềm đại não
- 4 Hồi trán trên
- 5 Rãnh đại
- 6 Hồi đại

- 7 Động mạch quanh chai
- 8 Hồi trán giữa
- 9 Gối thể chai
- 10 Não thất bên (sừng trán)
- 11 Đầu nhân đuôi
- 12 Hồi trán dưới



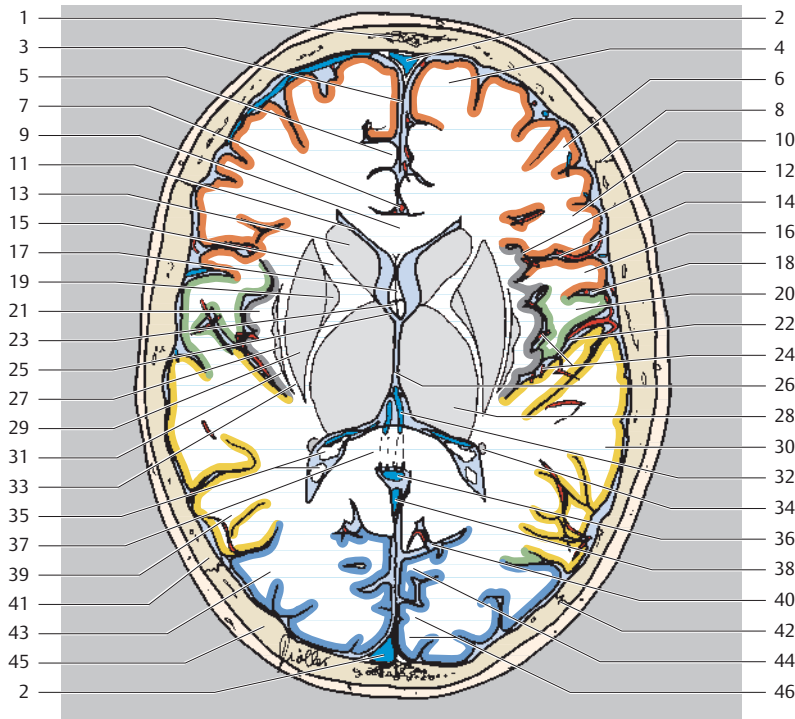
- 13 Khớp trán đỉnh
- 14 Cột vòm não
- 15 Trụ trước bao trong
- 16 Hồi trước trung tâm
- 17 Khoang vách trong suốt
- 18 Rãnh trung tâm
- 19 Gối bao trong
- 20 Hồi sau trung tâm
- 21 Lỗ gian não thất (lỗ Monro)
- 22 Bèo sẫm
- 23 Tĩnh mạch não trong
- 24 Bao ngoài
- 25 Nhân trước trường
- 26 Bao ngoài cùng
- 27 Trụ sau bao trong
- 28 Rãnh bên
- 29 Đồi thị
- 30 Thùy đảo

- 31 Não thất ba (ngách trên tuyến tùng)
- 32 Hồi thái dương ngang (hồi Heschl)
- 33 Đám rối mạch mạc trong ngã ba não thất bên
- 34 Hồi thái dương trên
- 35 Tĩnh mạch não lớn
- 36 Đuôi nhân đuôi
- 37 Hồi góc
- 38 Lồi thể chai
- 39 Xương đỉnh
- 40 **Major forceps (occipital forceps)**
- 41 Khớp Lamda
- 42 Rãnh đỉnh chẩm
- 43 Các hồi chẩm
- 44 Hồi chêm
- 45 Hồi trước chêm
- 46 Xương chẩm



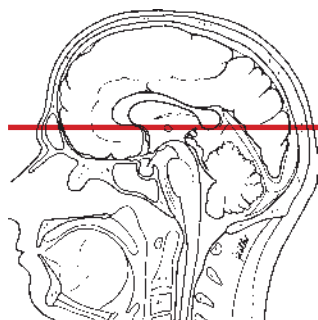
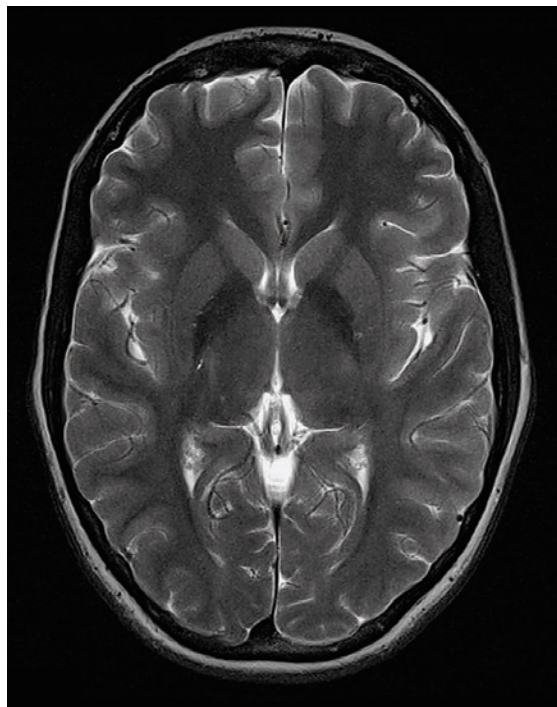
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1 Xương trán | 6 Hồi trán giữa |
| 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên | 7 Động mạch quanh chai |
| 3 Liềm đại não | 8 Khớp trán đỉnh |
| 4 Hồi trán trên | 9 Gối thể chai |
| 5 Hồi đại | 10 Hồi trán dưới |



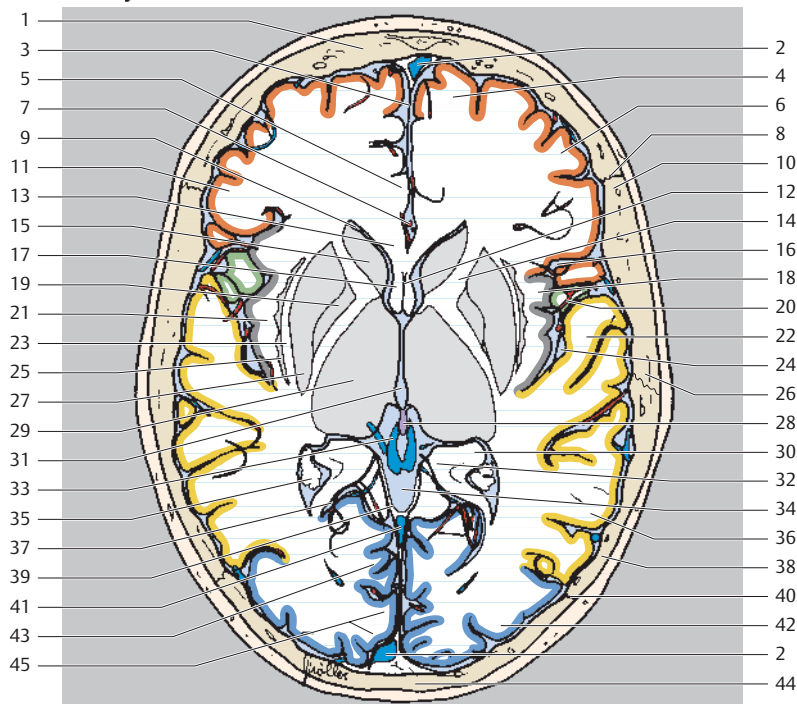
- 11 Não thất bên (sừng trán)
- 12 Rãnh vòng thùy đảo
- 13 Đầu nhân đuôi
- 14 Rãnh bên
- 15 Trụ trước bao trong
- 16 Hồi trước trung tâm
- 17 Khoảng vách trong suốt
- 18 Rãnh trung tâm
- 19 Cầu nhện
- 20 Hồi sau trung tâm
- 21 Thùy đảo
- 22 Bể hồ bên đại não (bể Sylvius)
- 23 Cột vòm não
- 24 Các nhánh đoạn thùy đảo động mạch não giữa
- 25 Lỗ gian não thất (lỗ Monro)
- 26 Não thất ba
- 27 Nhân trước tường

- 28 Đồi thị
- 29 Bèo sẫm
- 30 Hồi thái dương trên
- 31 Bao ngoài cùng
- 32 Tĩnh mạch não trong
- 33 Bao ngoài
- 34 Đuôi nhân đuôi
- 35 Đám rối mạch mạc não thất bên
- 36 Tĩnh mạch não lớn
- 37 Lồi thể chai
- 38 Xoang thẳng
- 39 Hồi thái dương giữa
- 40 Rãnh đỉnh chẩm
- 41 Xương đỉnh
- 42 Khớp Lam da
- 43 Các hồi chẩm
- 44 Hồi chẩm
- 45 Xương chẩm

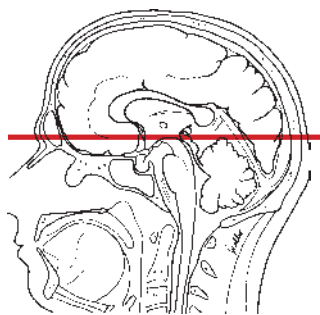
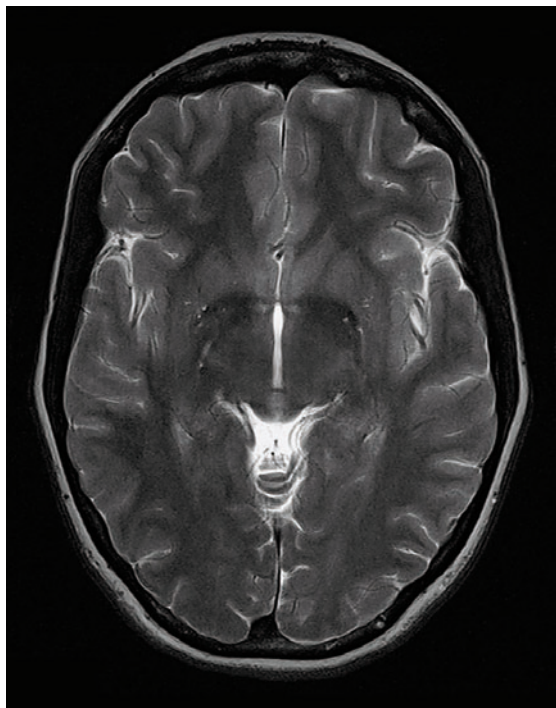


- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm

- 1 Xương trán
- 2 Xoang tĩnh mạch dọc trên
- 3 Liềm đại não
- 4 Hồi trán trên
- 5 Hồi đại
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Động mạch não trước
- 8 Khớp trán đỉnh
- 9 Sừng trán não thất bên



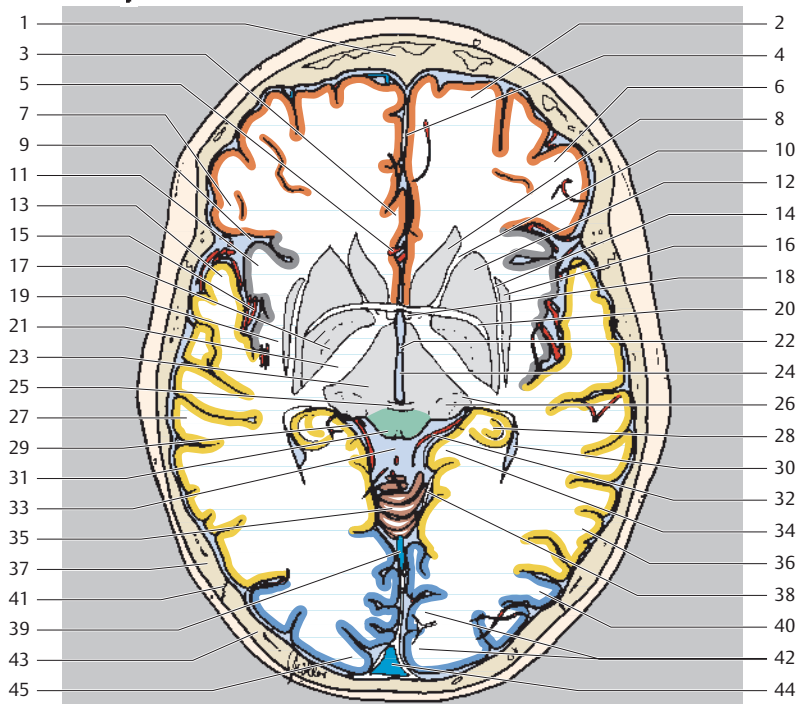
- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| 10 Xương đỉnh | 28 Tuyến tùng |
| 11 Hồi trán dưới | 29 Đồi thị |
| 12 Khoang vách trong suốt | 30 Hải mã |
| 13 Thể chai | 31 Não thất ba |
| 14 Trụ trước bao trong | 32 Móc hải mã |
| 15 Đầu nhân đuôi | 33 TM não trong và TM não lớn |
| 16 Rãnh bên | 34 Bề trên tiểu não |
| 17 Vòm não | 35 Đám rối mạch mạc não thất bên |
| 18 Thủy đảo | 36 Hồi thái dương giữa |
| 19 Cầu nhát | 37 Động mạch đỉnh chẩm |
| 20 Các động mạch đoạn thùy đảo | 38 Xương đỉnh |
| 21 Bao ngoài cùng | 39 Lều tiểu não |
| 22 Hồi thái dương trên | 40 Khớp Lamda |
| 23 Bao ngoài | 41 Xoang thẳng |
| 24 Bể hổ bên đại não (bể Sylvius) | 42 Các hồi chẩm |
| 25 Nhân trước tường | 43 Hồi chêm |
| 26 Xương thái dương | 44 Xương chẩm |
| 27 Bèo sẫm | 45 Vỏ não thị giác nguyên phát |



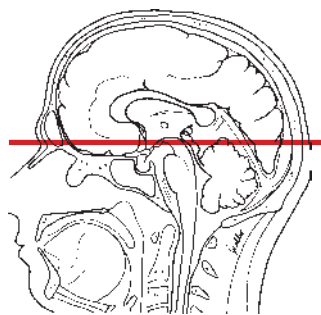
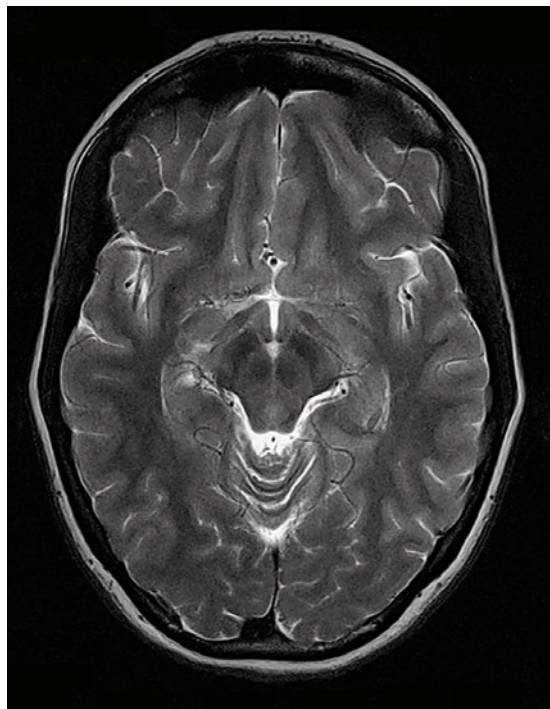
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Gian não

- 1 Xương trán
- 2 Hồi trán trên
- 3 Hồi đại
- 4 Liềm đại não
- 5 Động mạch não trước

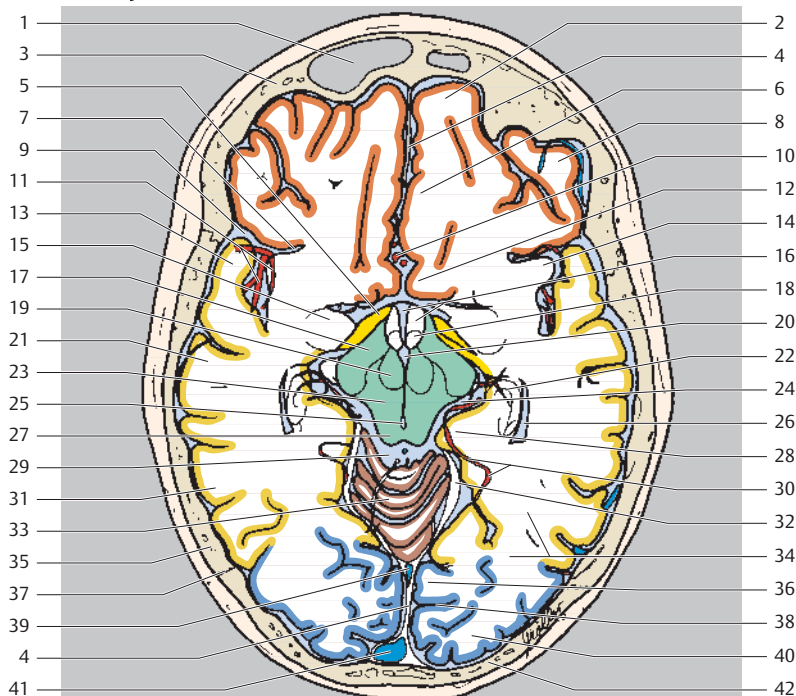
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Hồi trán dưới
- 8 Đầu nhân đuôi
- 9 Rãnh bên
- 10 Trụ trước bao trong



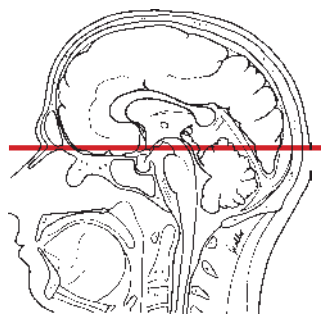
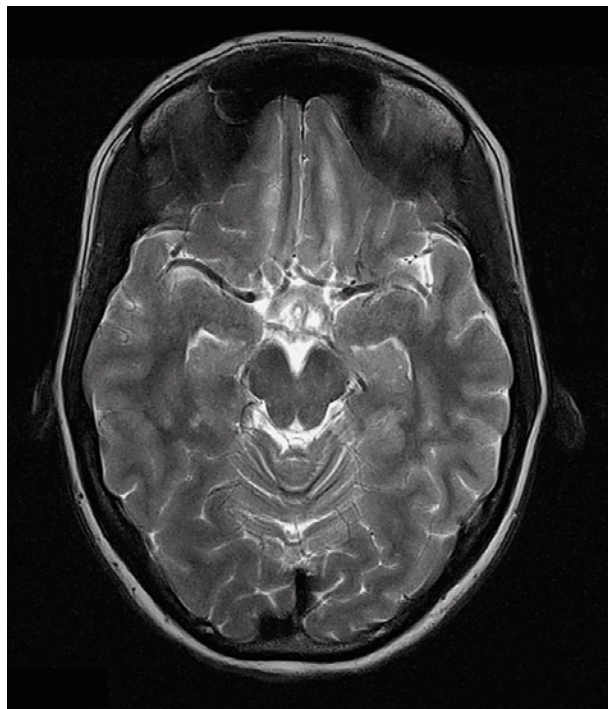
- | | |
|--|---------------------------------|
| 11 Thùy đảo | 28 Hải mã |
| 12 Bèo sẫm | 29 Bể quanh thân não |
| 13 Hồi thái dương trên | 30 Sừng thái dương não thất bên |
| 14 Bao ngoài | 31 Lồi não dưới |
| 15 Các động mạch đoạn thùy đảo | 32 Tĩnh mạch nền |
| 16 Nhân trước tường | 33 Bể củ não sinh tư |
| 17 Cầu nhện (phần trong và phần ngoài) | 34 Móc hải mã |
| 18 Vòm não | 35 Thùy nhộng trên |
| 19 Bao ngoài | 36 Hồi thái dương dưới |
| 20 Mép trước | 37 Xương thái dương |
| 21 Trụ sau bao trong | 38 Lều tiểu não |
| 22 Mép dính gian đôi thị | 39 Xoang thẳng |
| 23 Đôi thị | 40 Các hồi chẩm |
| 24 Não thất ba | 41 Khớp Lamda |
| 25 Mép sau | 42 Vỏ não thị giác nguyên phát |
| 26 Thể gối trong và thể gối ngoài | 43 Xương chẩm |
| 27 Hồi thái dương giữa | 44 Xoang tĩnh mạch dọc trên |
| | 45 Cực chẩm |



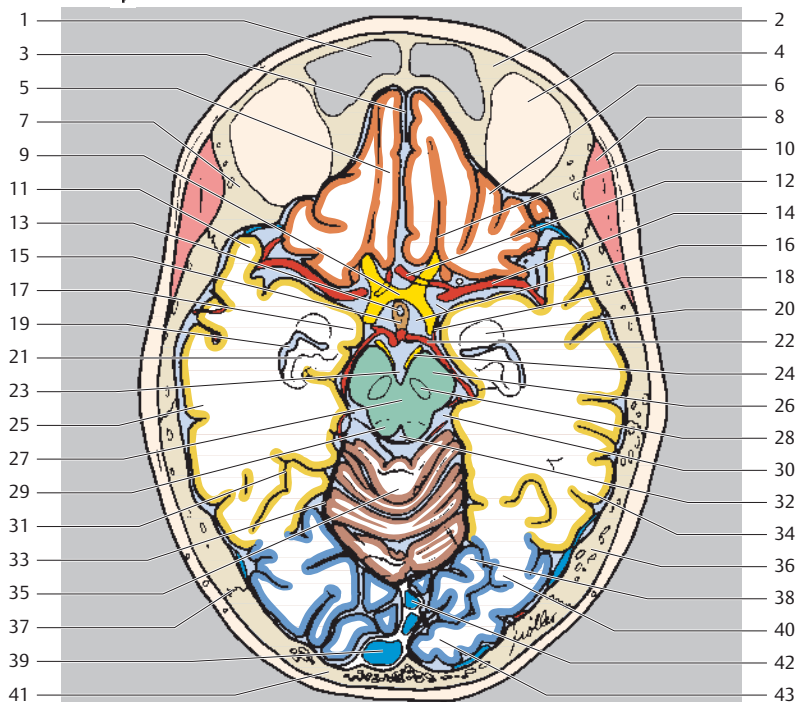
-  Thùy trán
-  Thùy thái dương
-  Thùy đỉnh
-  Thùy chẩm
-  Gian não



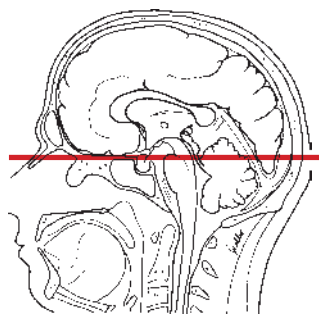
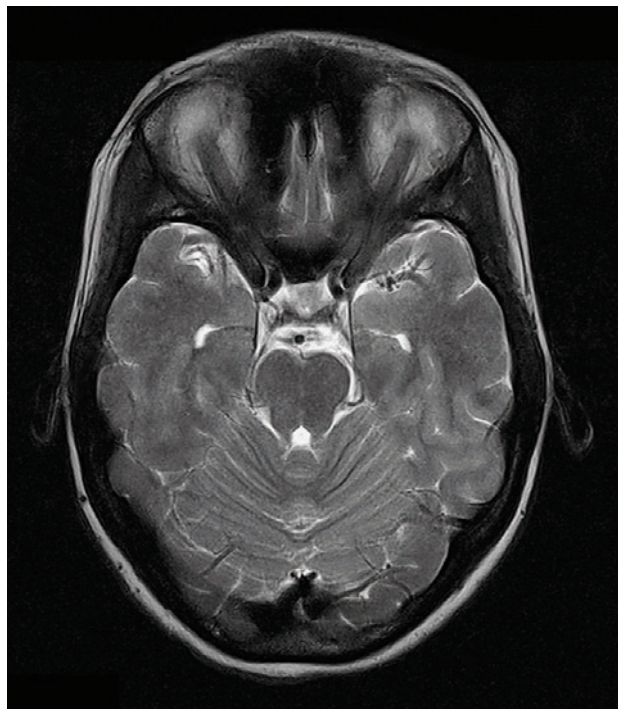
- | | |
|---|---------------------------------|
| 1 Xoang trán | 21 Hồi thái dương giữa |
| 2 Hồi trán trên | 22 Hải mã |
| 3 Xương trán | 23 Trần trung não |
| 4 Liềm đại não | 24 Bề quanh thân não |
| 5 Dải thị | 25 Cống não |
| 6 Hồi đại | 26 Sừng thái dương não thất bên |
| 7 Rãnh vòng thùy đảo | 27 Lồi não dưới |
| 8 Hồi trán giữa | 28 Móc hải mã |
| 9 Rãnh bên | 29 Bề củ não sinh tư |
| 10 Động mạch não trước | 30 Động mạch não sau |
| 11 Các động mạch đoạn thùy đảo | 31 Hồi thái dương dưới |
| 12 Vỏ não dưới chái | 32 Lều tiểu não |
| 13 Hồi thái dương trên | 33 Thùy trước tiểu não |
| 14 Thùy đảo | 34 Tia thị |
| 15 Thê hạnh nhân | 35 Xương thái dương |
| 16 Não thất ba (ngách thị giác) và hạ đồi | 36 Vỏ não thị giác nguyên phát |
| 17 Cuống đại não | 37 Khớp Lamda |
| 18 Thê vú | 38 Rãnh chạ |
| 19 Nhân đỏ | 39 Xoang thẳng |
| 20 Hồ gian cuống | 40 Cực chẩm |
| | 41 Xoang tĩnh mạch dọc trên |



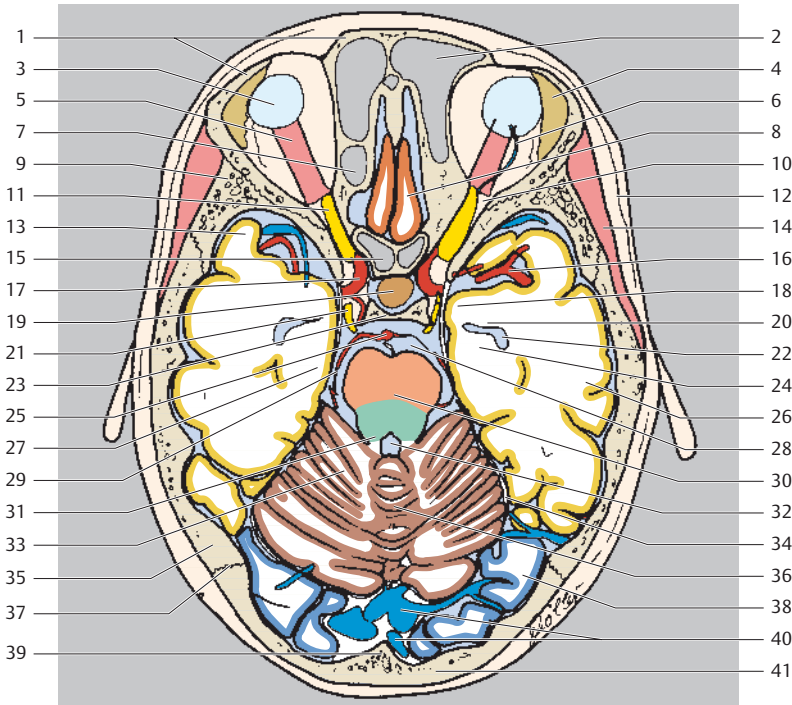
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Tiểu não
- Gian não



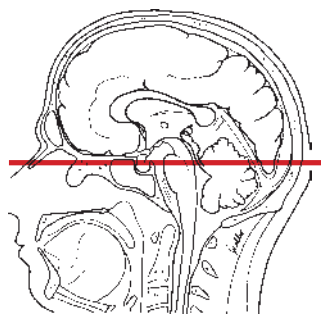
- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| 1 Xoang trán | 21 Hải mã |
| 2 Xương trán | 22 Động mạch não sau |
| 3 Liềm đại não | 23 Bề gian cuống |
| 4 Trần ổ mắt | 24 Thần kinh vận nhãn |
| 5 Xoang thẳng | 25 Hồi thái dương giữa |
| 6 Hồi ổ mắt | 26 Cuống đại não |
| 7 Xương bướm | 27 Trần trung não |
| 8 Cơ thái dương | 28 Chất đen |
| 9 Giao thoa thị | 29 Lồi não dưới |
| 10 Rãnh khứ | 30 Bề quanh thân não |
| 11 Hồi thái dương trên | 31 Rãnh bên phụ |
| 12 Động mạch não trước | 32 Cổng não |
| 13 Ngách phễu | 33 Lều tiểu não |
| 14 Động mạch não giữa | 34 Hồi thái dương dưới |
| 15 Vùng hạ đồi | 35 Thùy trước tiểu não |
| 16 Bề giao thoa thị | 36 Xương thái dương |
| 17 Móc hồi cạnh hải mã | 37 Khớp Lamda |
| 18 Động mạch thông sau | 38 Hồi thái dương chằm trong |
| 19 Sừng thái dương não thất bên | 39 Xoang tĩnh mạch dọc trên |
| 20 Thể hạnh nhân | 40 Hồi thái dương chằm ngoài |
| | 41 Xương chằm |



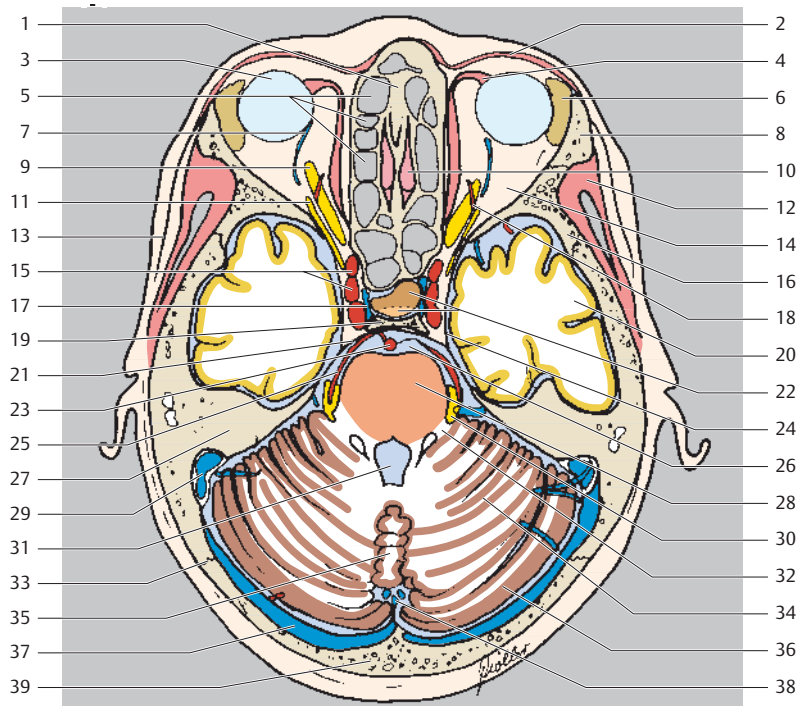
- Thùy thái dương
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Gian não
- Cầu não



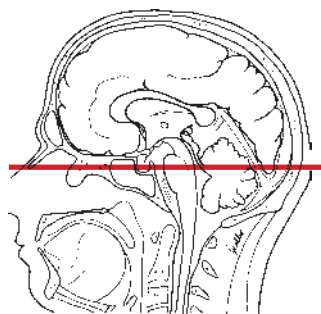
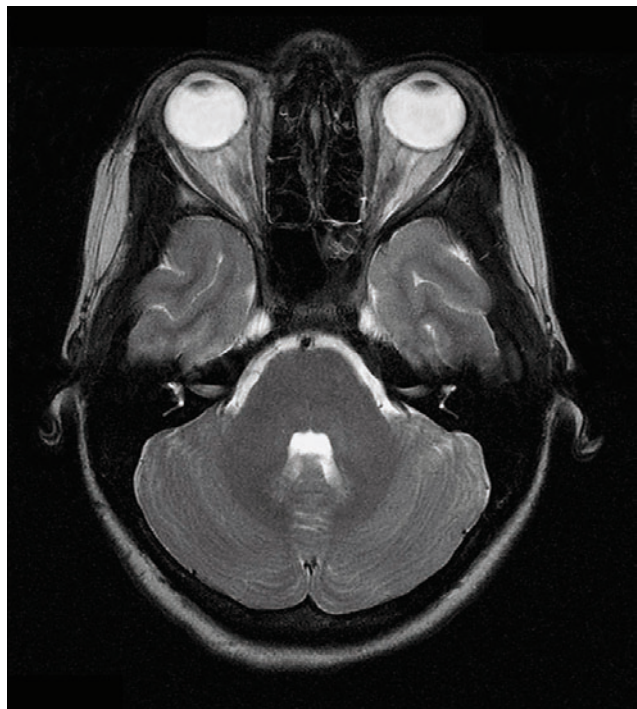
- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1 Xương trán | 21 Thân kinh vận nhãn ngoài |
| 2 Xoang trán | 22 Sừng thái dương não thất bên |
| 3 Nhân cầu | 23 Lưng yên |
| 4 Tuyến lệ | 24 Hải mã |
| 5 Cơ thẳng trên | 25 Động mạch thân nền |
| 6 Tĩnh mạch mắt | 26 Hồi thái dương giữa |
| 7 Các tế bào sàng | 27 Hồi cạnh hải mã |
| 8 Xoang thẳng | 28 Bề trước cầu não |
| 9 Xương bướm | 29 Động mạch não sau |
| 10 Khe ô mắt trên | 30 Cầu não |
| 11 Thân kinh thị giác | 31 Cuống tiểu não trên |
| 12 Cơ thái dương đỉnh | 32 Não thất tư |
| 13 Hồi thái dương trên | 33 Thủy trước tiểu não |
| 14 Cơ thái dương | 34 Lều tiểu não |
| 15 Xoang bướm | 35 Xương thái dương |
| 16 Động mạch não giữa | 36 Thủy nhộng tiểu não |
| 17 Động mạch cảnh trong | 37 Khớp lamda |
| 18 Móc hải mã | 38 Các hồi chẩm |
| 19 Tuyến yên | 39 Ụ chẩm trong |
| 20 Thể hạnh nhân | 40 Hội lưu xoang |
| | 41 Xương chẩm |



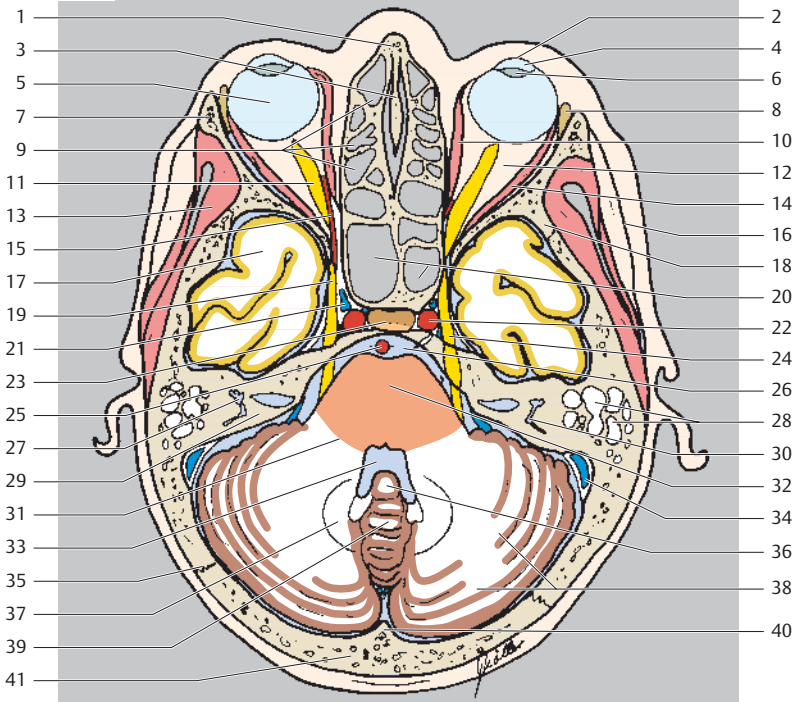
-  Thùy thái dương
-  Thùy chẩm
-  Tiểu não
-  Cầu não



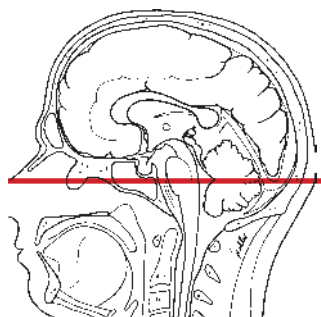
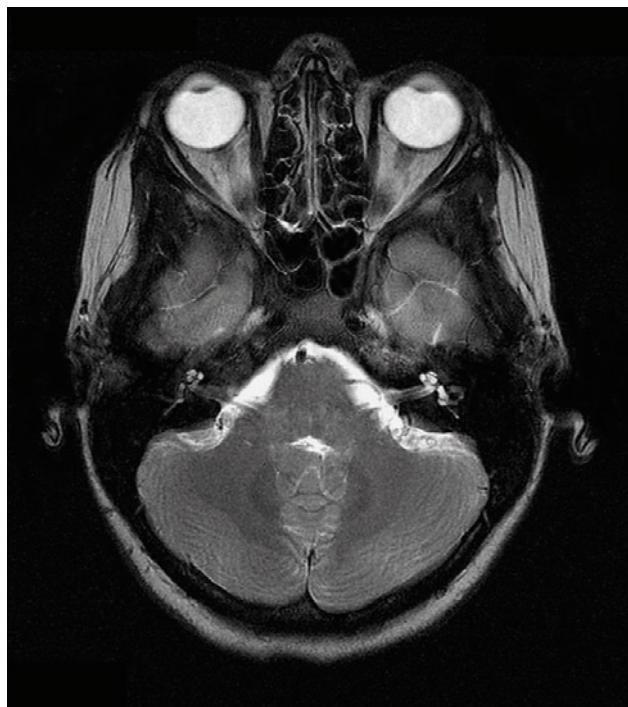
- | | |
|---|---|
| 1 Xương sàng | 20 Hồi thái dương dưới |
| 2 Cơ vòng mắt và cơ trên sọ | 21 Dây chằng mồm yên đá sau |
| 3 Nhân cầu | 22 Tuyến yên (yên tuyến và yên thần kinh) |
| 4 Cơ thẳng trong | 23 Động mạch thân nền |
| 5 Các tế bào sàng | 24 Dây chằng mồm yên đá trước |
| 6 Tuyến lệ | 25 Động mạch não sau |
| 7 Tĩnh mạch mắt trên | 26 Bể trước cầu não |
| 8 Xương gò má | 27 Phần đá xương thái dương |
| 9 Thần kinh thị | 28 Cầu não |
| 10 Hành khứu | 29 Xoang sàng |
| 11 Thần kinh vận nhãn (III) và thần kinh vận nhãn ngoài | 30 Thần kinh sinh ba (V) |
| 12 Cơ thái dương | 31 Não thất tư |
| 13 Cơ thái dương đỉnh | 32 Cuống tiểu não giữa |
| 14 Mô mỡ sau ổ mắt | 33 Khớp Lamda |
| 15 Động mạch cảnh trong | 34 Thủy trước tiểu não |
| 16 Xương bướm | 35 Thủy nhộng |
| 17 Xoang hang | 36 Thủy sau tiểu não |
| 18 Động mạch mắt | 37 Xoang ngang |
| 19 Lưng yên | 38 Xoang chẩm |
| | 39 Xương chẩm |



-  Thùy thái dương
-  Tiểu não
-  Cầu não



- | | |
|-----------------------|-----------------------------|
| 1 Xương mũi | 22 Động mạch cảnh trong |
| 2 Giác mạc | 23 Tuyến yên |
| 3 Vách mũi | 24 Hạch sinh ba |
| 4 Tiền phòng | 25 Động mạch thân nền |
| 5 Nhãn cầu | 26 Bề trước cầu não |
| 6 Thủy tinh thể | 27 Ốc tai |
| 7 Xương gò má | 28 Các tế bào chũm |
| 8 Tuyến lệ | 29 Phần đã xương thái dương |
| 9 Các tế bào sàng | 30 Ổng bán khuyên |
| 10 Cơ thẳng trong | 31 Cuống tiểu não giữa |
| 11 Thần kinh thị | 32 Cầu não |
| 12 Mô mỡ sau ổ mắt | 33 Não thất tư |
| 13 Cơ thái dương | 34 Xoang sigma |
| 14 Cơ thẳng ngoài | 35 Khớp Lambda |
| 15 Động mạch mắt | 36 Lưới gà thủy nhộng |
| 16 Cơ thái dương đỉnh | 37 Nhân răng |
| 17 Thủy thái dương | 38 Thủy sau tiểu não |
| 18 Xương bướm | 39 Thủy nhộng tiểu não |
| 19 Thần kinh vận nhãn | 40 U cằm trong |
| 20 Xoang bướm | 41 Xương cằm |
| 21 Xoang hang | |



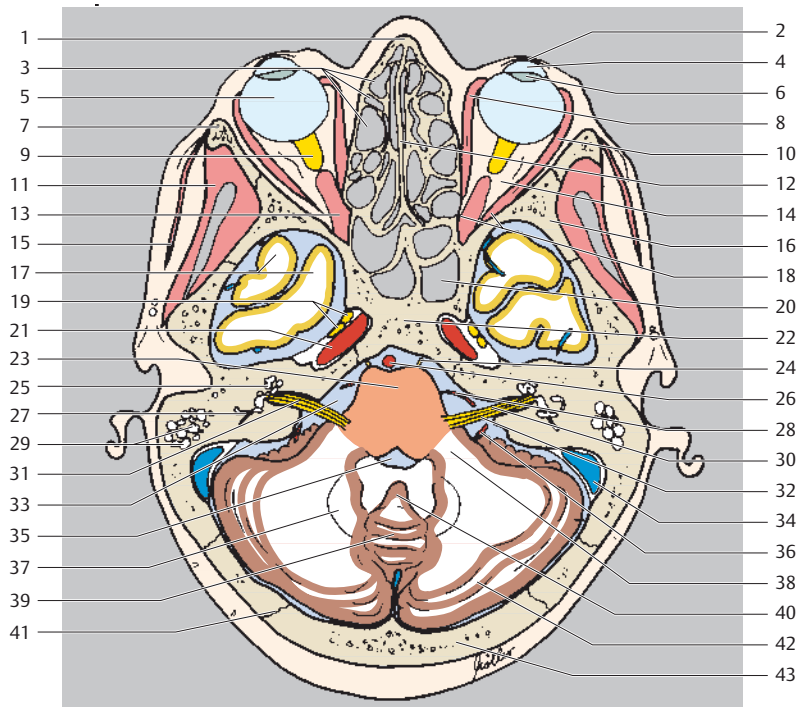
Thùy thái dương

Tiểu não

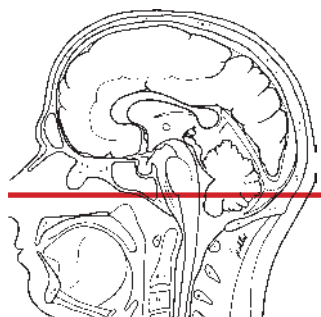
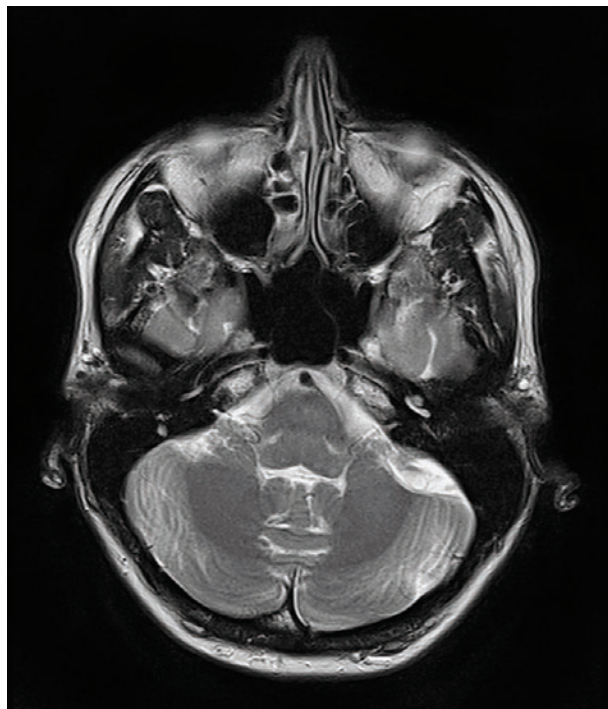
Cầu não

- 1 Xương mũi
- 2 Giác mạc
- 3 Các tế bào sàng
- 4 Tiền phòng
- 5 Nhân cầu

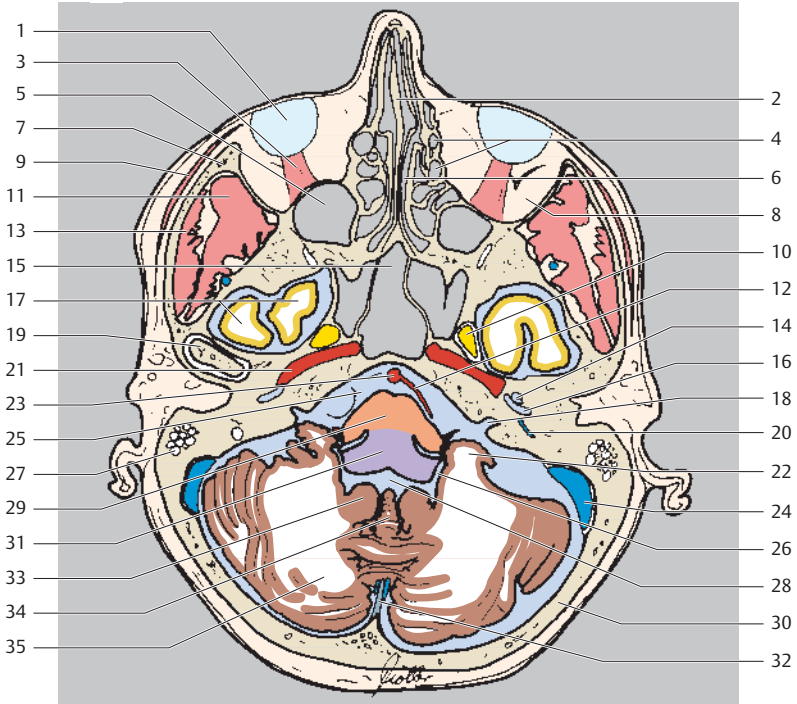
- 6 Thủy tinh thể
- 7 Xương gò má
- 8 Cơ thẳng trong
- 9 Thần kinh thị
- 10 Cơ thẳng ngoài



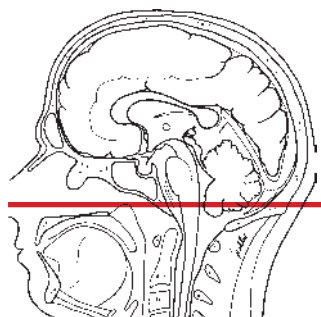
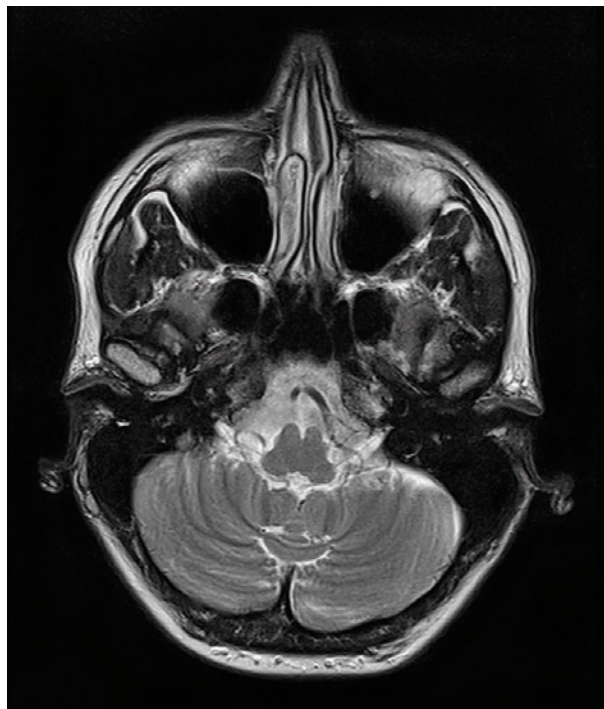
- | | |
|---|--------------------------------------|
| 11 Cơ thái dương | 26 Động mạch thân nền |
| 12 Vách mũi | 27 Ống bán khuyên sau |
| 13 Cơ thẳng trên và cơ nâng mi trên | 28 Động mạch tiểu não trên |
| 14 Mô mỡ sau ổ mắt | 29 Các tế bào chũm |
| 15 Cơ thái dương đỉnh | 30 TK mặt và thần kinh trung gian |
| 16 Xương bướm | 31 Lỗ tai trong |
| 17 Cực thái dương | 32 Thần kinh tiền đình ốc tai (VIII) |
| 18 Khe ổ mắt trên | 33 Bê góc cầu tiểu não |
| 19 Thần kinh hàm trên và thần kinh hàm dưới | 34 Xoang sigma |
| 20 Xoang bướm | 35 Não thất tư |
| 21 Động mạch cảnh trong | 36 Động mạch tiểu não trước dưới |
| 22 Dốc nền lỗ chẩm | 37 Nhân răng |
| 23 Cầu não | 38 Cuống tiểu não giữa |
| 24 Thần kinh vận nhãn ngoài (VI) | 39 Thủy nhộng tiểu não |
| 25 Ốc tai | 40 Lưới gà tiểu não |
| | 41 Khớp Lamda |
| | 42 Thủy đuôi tiểu não |
| | 43 Xương chẩm |



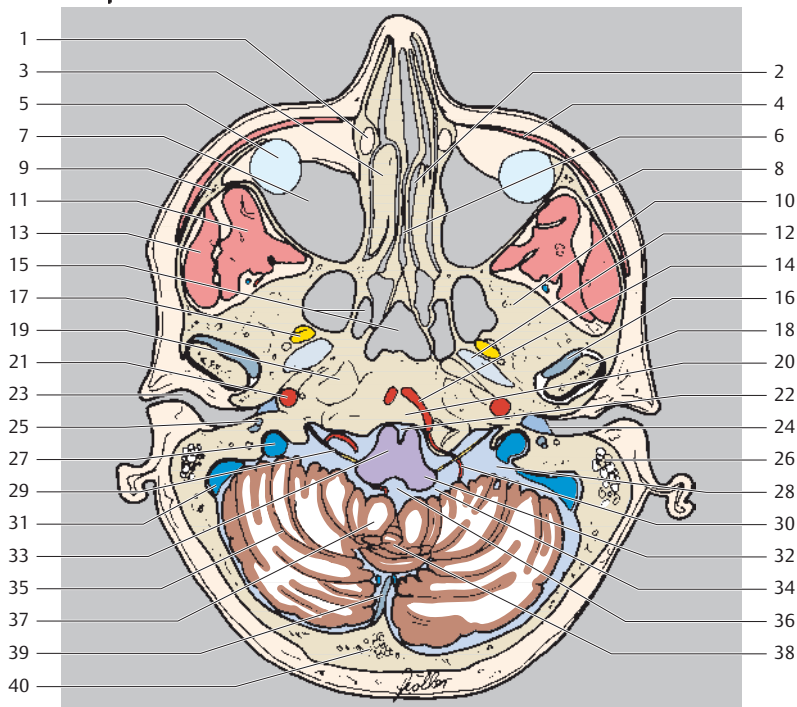
-  Tiểu não
-  Cầu não
-  Hành não



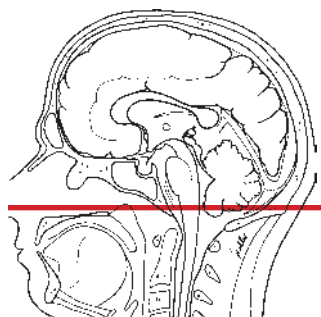
- | | |
|---------------------------|------------------------------------|
| 1 Nhân cầu | 19 Chòm xương hàm dưới |
| 2 Vách mũi | 20 Ống bán khuyên sau |
| 3 Cơ thẳng dưới | 21 Động mạch cảnh trong |
| 4 Các tế bào sàng | 22 Nhung não |
| 5 Xoang hàm | 23 Động mạch thân nền |
| 6 Ổ mũi | 24 Xoang ngang |
| 7 Xương gò má | 25 Bề góc cầu tiểu não |
| 8 Mô mỡ sau ổ mắt | 26 Lỗ bên não thất tư (Lỗ Luschka) |
| 9 Cơ vòng mắt | 27 Các tế bào chũm |
| 10 Thân kinh sinh ba (V) | 28 Não thất tư |
| 11 Cơ thái dương | 29 Cầu não |
| 12 ĐM tiểu não trước dưới | 30 Xương chẩm |
| 13 Cơ cắn | 31 Hành não |
| 14 Ốc tai | 32 Liềm tiểu não |
| 15 Xoang bướm | 33 Hạnh nhân tiểu não |
| 16 Tiền đình | 34 Thủy nhộng tiểu não |
| 17 Hồi thái dương dưới | 35 Tiểu não |
| 18 Lỗ tai trong | |



Tiểu não
Hành não

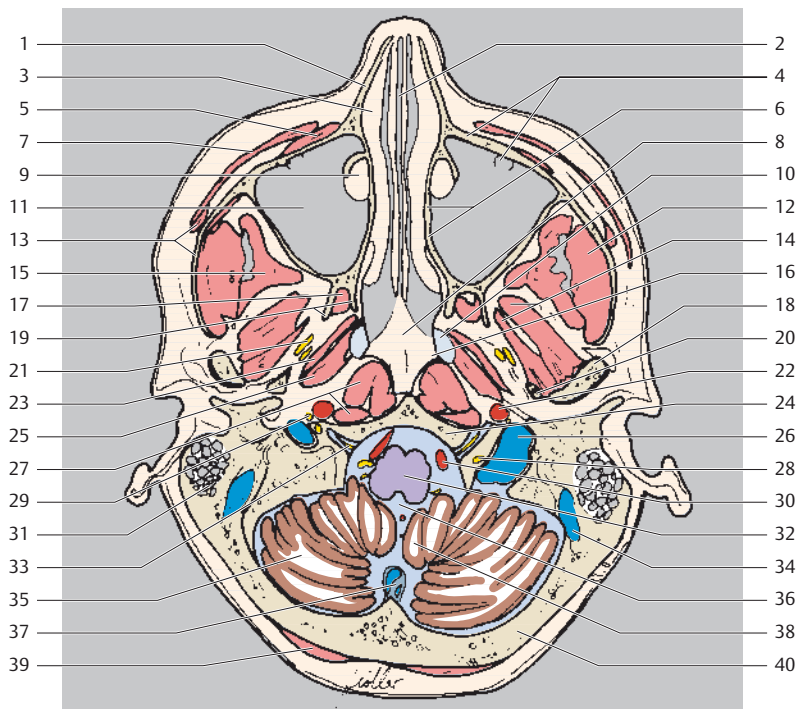


- | | |
|--------------------------|------------------------------------|
| 1 Ống mũi lệ | 22 Rãnh trước giữa |
| 2 Ổ mũi | 23 Lỗ tai ngoài |
| 3 Xoăn mũi | 24 Màng nhĩ |
| 4 Cơ vòng mắt | 25 Ốc tai |
| 5 Nhân cầu | 26 Các tế bào chũm |
| 6 Vách mũi | 27 Tĩnh mạch cảnh trong |
| 7 Xoang hàm | 28 Bề góc cầu tiểu não |
| 8 Xương bướm | 29 TK thiệt hầu và TK lang thang |
| 9 Xương gò má | 30 Động mạch tiểu não trước dưới |
| 10 Xương thái dương | 31 Xoang sigma |
| 11 Cơ thái dương | 32 Hành não (cuống tiểu não dưới) |
| 12 Vòi nhĩ | 33 Hành não (nhân trám) |
| 13 Cơ cắn | 34 Lỗ bên não thất tư (Lỗ Luschka) |
| 14 Động mạch đốt sống | 35 Thủy sau tiểu não |
| 15 Xương bướm | 36 Não thất tư |
| 16 Diện khớp | 37 Hành nhân tiểu não |
| 17 Thần kinh sinh ba (V) | 38 Thủy nhộng tiểu não |
| 18 Chòm xương hàm dưới | 39 Liềm tiểu não |
| 19 Lỗ rách | 40 Xương chẩm |
| 20 Đốc nền lỗ chẩm | |
| 21 Động mạch cảnh trong | |

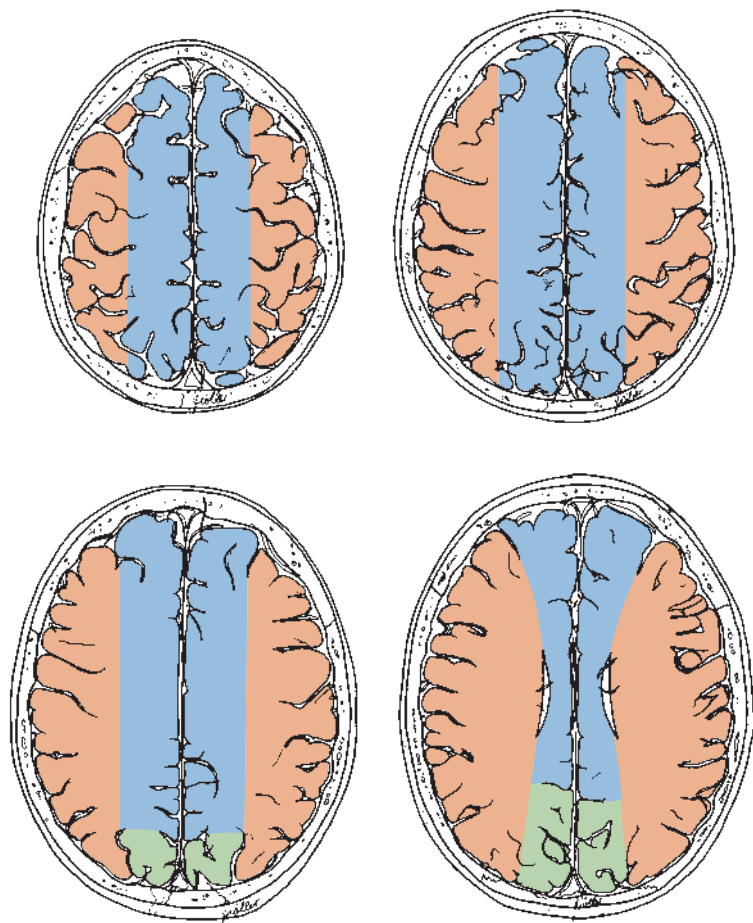


Tiểu não
 Hành não

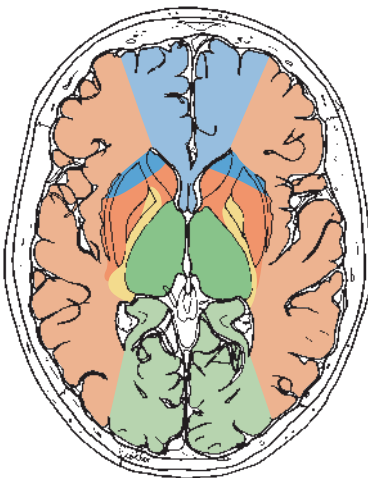
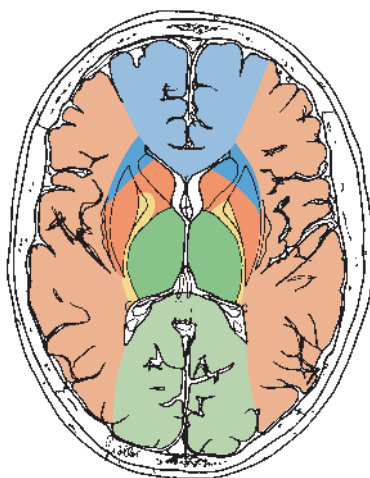
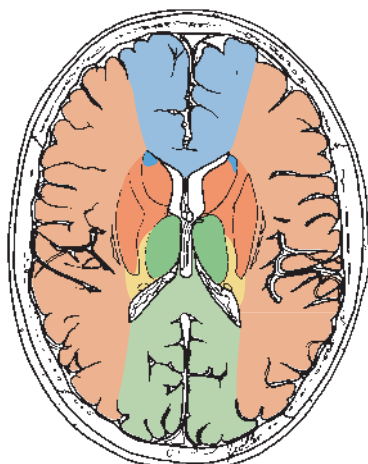
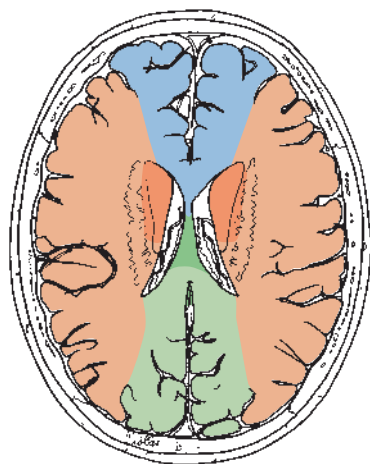
- | | |
|--|---|
| 1 Xương mũi | 5 Cơ nâng môi trên |
| 2 Vách mũi | 6 Thành trong xoang hàm (với
lỗ xoang hàm) |
| 3 Xoăn mũi trên | 7 Cơ vòng mắt |
| 4 Xương hàm trên (với khe ổ
mắt dưới) | 8 Xương lá mía |



- | | |
|---|---|
| 9 Ống mũi lệ | 25 Cơ nâng màn khẩu cái |
| 10 Vòi nhĩ | 26 Tĩnh mạch cánh trong |
| 11 Xoang hàm | 27 Cơ dài đầu |
| 12 Cơ cắn | 28 Thần kinh lang thang (X) và thần kinh phụ (XI) |
| 13 Xương gò má và cơ gò má | 29 Thần kinh thiệt hầu |
| 14 Cơ chân bướm ngoài | 30 Động mạch đốt sống |
| 15 Cơ thái dương | 31 Các tế bào chũm |
| 16 Ngách hầu | 32 Hành não |
| 17 Cơ chân bướm trong | 33 Thần kinh hạ thiệt |
| 18 Chòm xương hàm dưới | 34 Xoang sigma |
| 19 Mõm chân bướm (mảnh trong và mảnh ngoài) | 35 Bán cầu tiểu não (thùy sau) |
| 20 Xương bướm (gai) | 36 Não thất tư (lỗ giữa) |
| 21 Thần kinh hàm dưới và thần kinh tai thái dương | 37 Liềm tiểu não với xoang chẩm |
| 22 Động mạch cánh trong | 38 Hạnh nhân tiểu não |
| 23 Cơ căng màn khẩu cái | 39 Cơ bán gai |
| 24 Dốc nền lỗ chẩm | 40 Xương chẩm |



-  **Động mạch não trước**
Nhánh nông
-  **Động mạch não giữa**
Nhánh nông
-  **Động mạch não sau**
Nhánh nông



Động mạch não trước

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân và động mạch quặt ngược Huebner bao gồm phần xa động mạch thị vân trong)

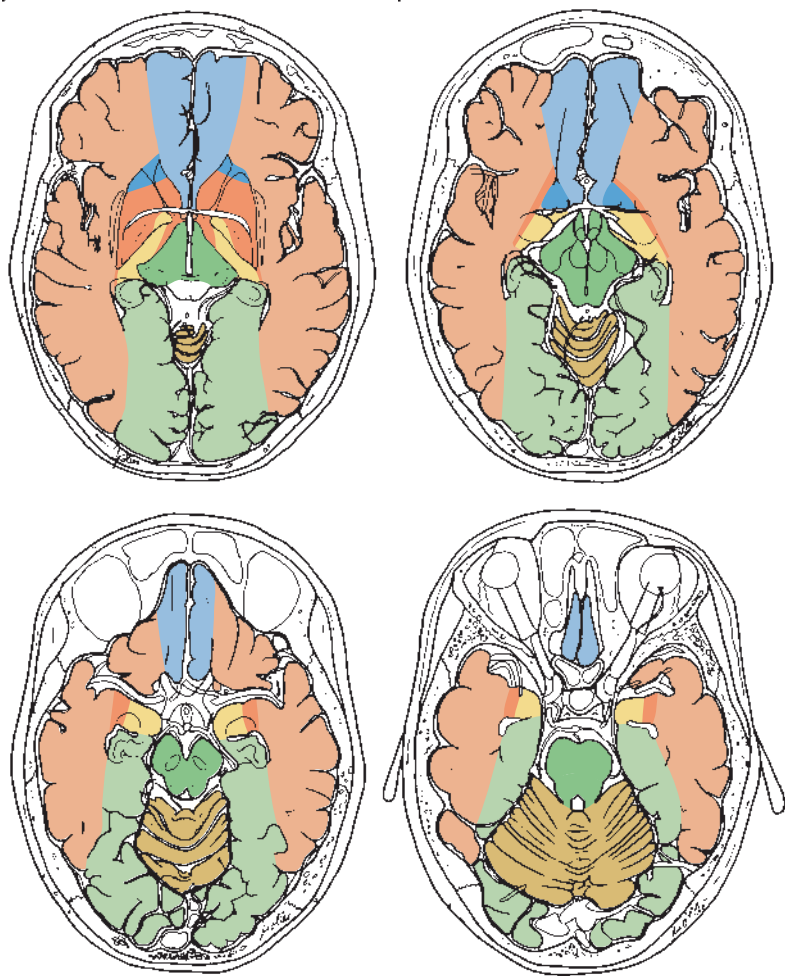
Động mạch não giữa

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân)

Động mạch não sau

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (bao gồm động mạch thông sau)

- Động mạch mạch trước



Động mạch não trước

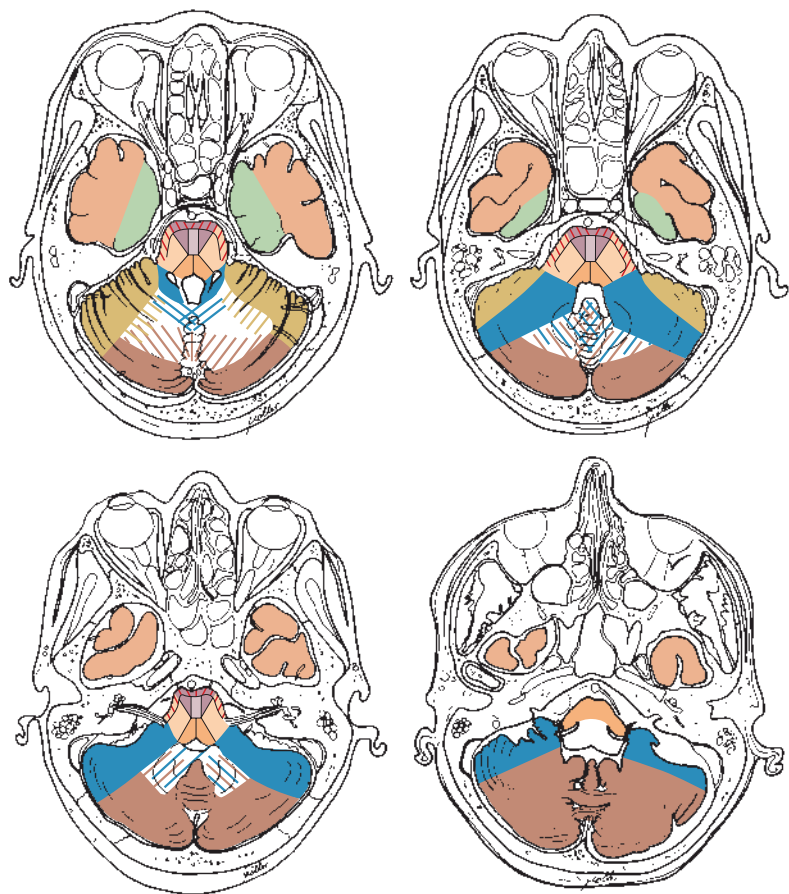
- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân)

Động mạch não giữa

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân)

Động mạch não sau

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (bao gồm động mạch thông sau)
- Động mạch mạch mạc trước
- Động mạch tiểu não trên



Động mạch não giữa:

■ Nhánh tận

Động mạch não giữa

■ Nhánh tận

Động mạch thân nền: các động mạch nông

▨ Các động mạch thân não giữa

▨ Động mạch vòng ngắn

▨ Động mạch vòng dài

Động mạch thân nền: nhánh sâu

■ Trước trong

■ Trước ngoài

■ Bên

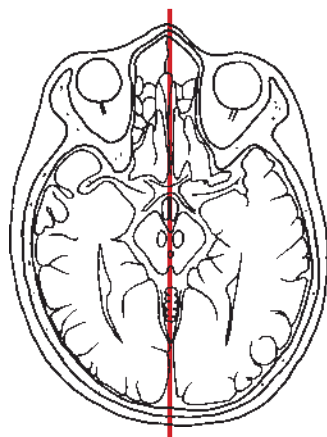
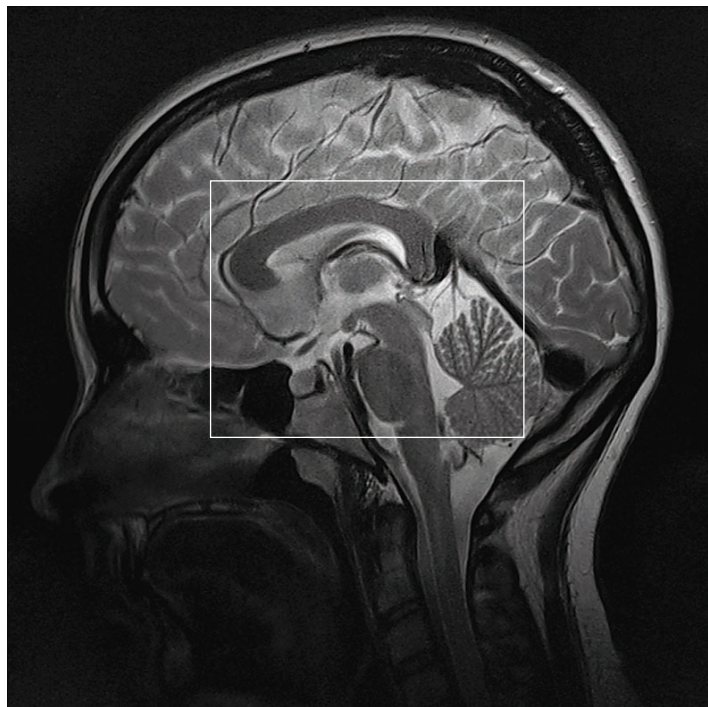
■ Lưng

■ Động mạch tiểu não trên

■ Động mạch tiểu não trước dưới

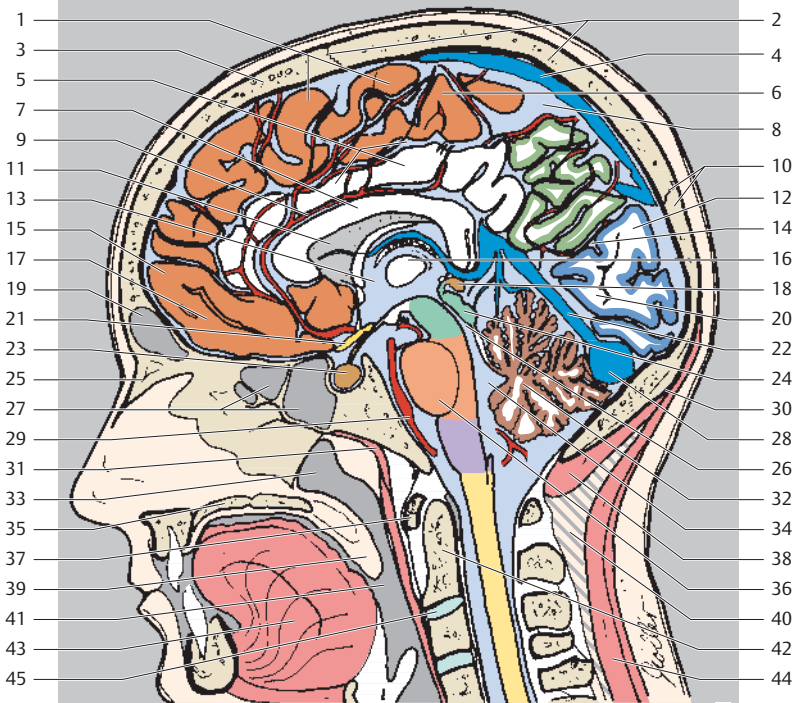
▨ Vùng biên

■ Động mạch tiểu não sau dưới



- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Gian não
- Cầu não
- Hành não

- 1 Hồi trán trên
- 2 Xương đỉnh và khớp trán đỉnh
- 3 Xương trán
- 4 Xoang dọc trên
- 5 Hồi đại và rãnh đại
- 6 Hồi trước trung tâm
- 7 Gốc thể chai



8 Liềm đại não trong khe não dọc

9 Động mạch quanh chai

10 Xương chẩm và khớp Lamda

11 Vách trong suốt

12 Hồi chêm

13 Não thất ba

14 Rãnh đỉnh chẩm

15 Cực trán

16 Mép dính gian đồi thị

17 Hồi thẳng

18 Tuyến tùng

19 Xoang trán

20 Hồi lưỡi

21 Thần kinh thị (II)

22 Xoang thẳng

23 Tuyến yên

24 Máu trung não

25 Xương mũi

26 Cống não

27 Xoang sàng và xoang bướm

28 Hội lưu các xoang

29 Động mạch thân nền

30 Lồi chẩm ngoài

31 Cơ khíét hầu trên

32 Tiểu não

33 Hầu mũi

34 Não thất tư

35 Khẩu cái cứng

36 Cầu não

37 Cung trước đốt đội

38 Cơ thẳng đầu sau nhỏ

39 Lưỡi gà

40 Dây chằng gáy

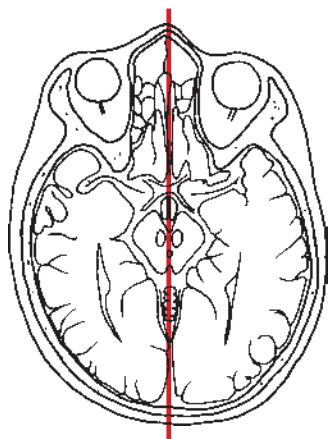
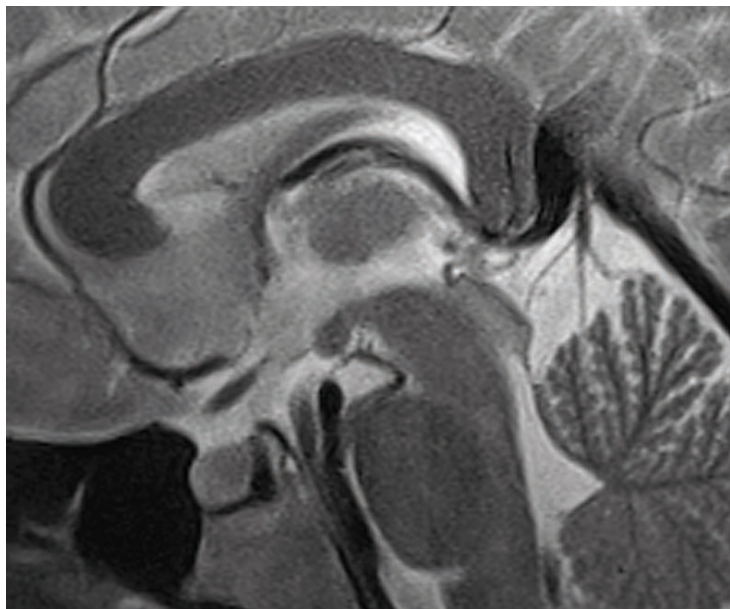
41 Hầu miệng

42 Răng đốt trực

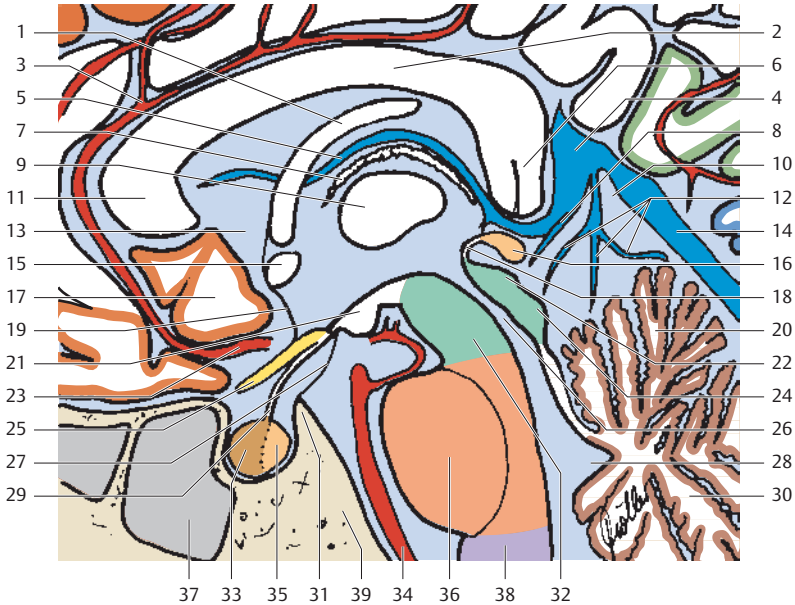
43 Lưỡi

44 Cơ bàn gai

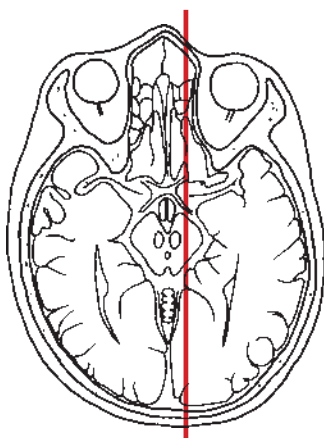
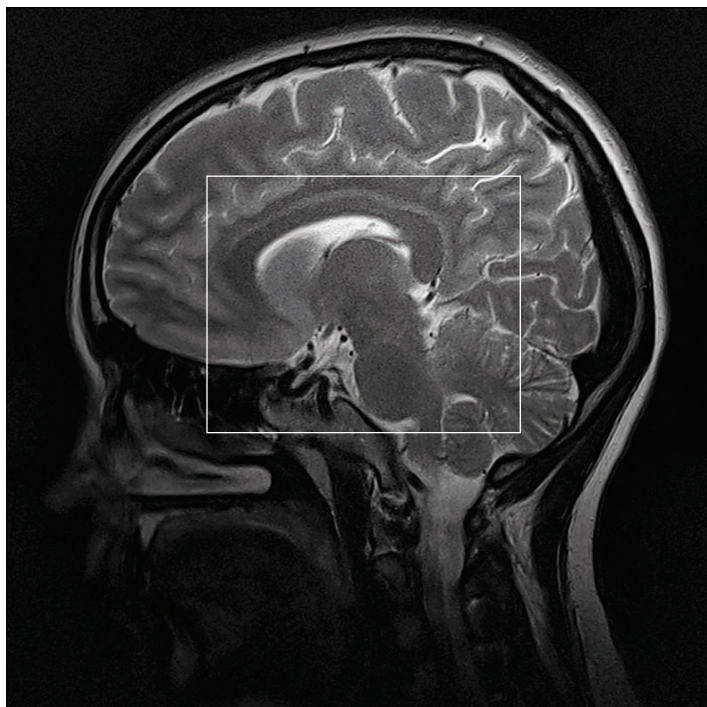
45 Đĩa gian đốt sống (C2/C3)



-  Thùy trán
-  Thùy đỉnh
-  Thùy chẩm
-  Tiểu não
-  Trung não
-  Cầu não
-  Hành não

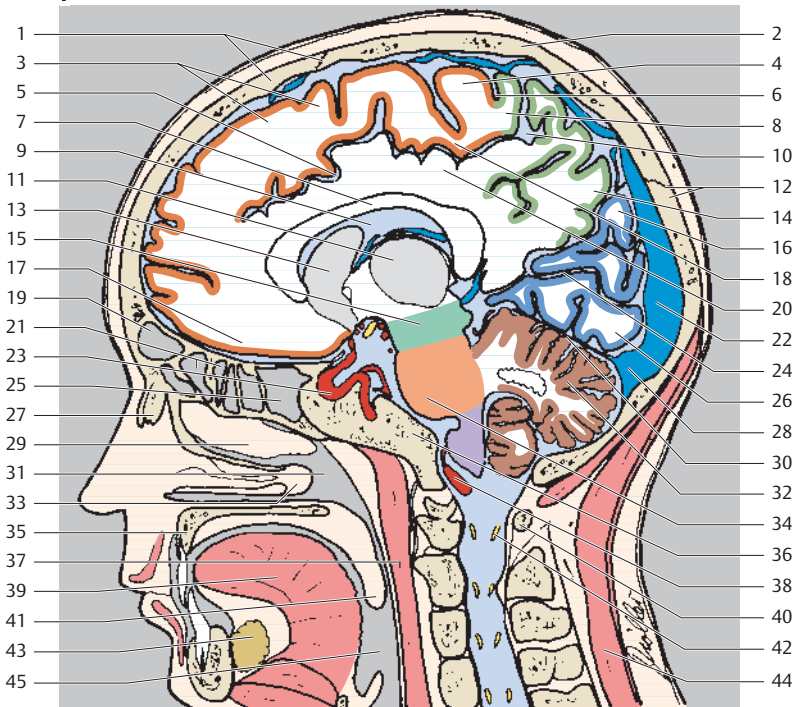


- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1 Thân vòm não | 21 Thê vú |
| 2 Thân thể chai | 22 Mái trung não (lồi não trên) |
| 3 Động mạch quanh chai | 23 Động mạch tiểu não trước |
| 4 Tĩnh mạch não lớn | 24 Mái trung não (lồi não dưới) |
| 5 Tĩnh mạch cảnh trong | 25 Thần kinh thị (II) |
| 6 Lồi thể chai | 26 Cống não |
| 7 Đám rối mạch mạc | 27 Màng Liliequist |
| 8 Tĩnh mạch nền | 28 Mái não thất tư |
| 9 Mép dính gian đồi thị | 29 Phễu tuyến yên |
| 10 Bề tĩnh mạch não lớn | 30 Thùy sau tiểu não |
| 11 Gối thể chai | 31 Lưng yên |
| 12 Tĩnh mạch tiểu não | 32 Trung não |
| 13 Não thất ba | 33 Thùy trước tuyến yên |
| 14 Xoang thẳng | 34 Động mạch thân nền |
| 15 Mép trước | 35 Thùy sau tuyến yên |
| 16 Tuyến tùng | 36 Cầu não |
| 17 Hồi cạnh tận cùng | 37 Xương bướm |
| 18 Mép sau | 38 Hành não |
| 19 Mảnh tận cùng | 39 Dốc nền lỗ chằm |
| 20 Thùy trước tiểu não | |



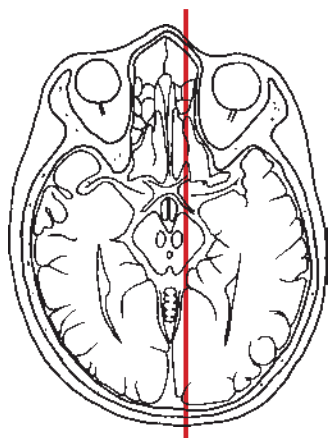
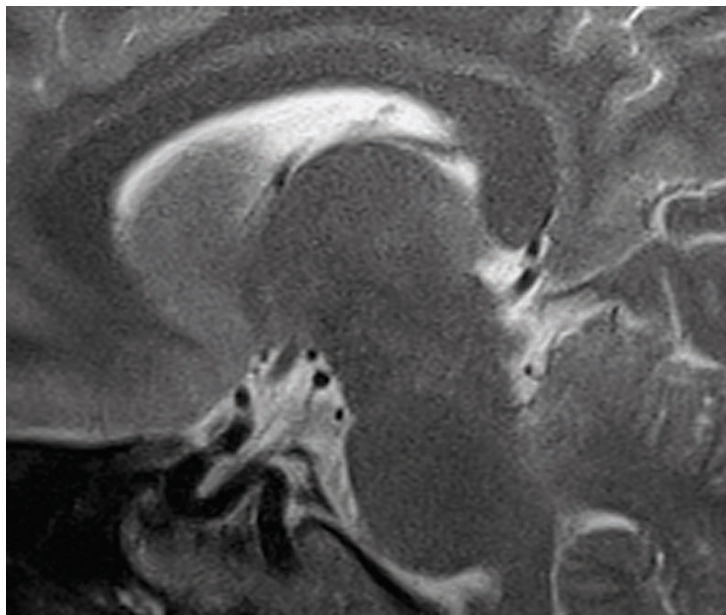
- Thùy trán
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Trung não
- Cầu não
- Hành não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Thùy đỉnh
- 3 Hồi trán trên
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Hồi đại
- 6 Rãnh trung tâm
- 7 Thỏ chai
- 8 Hồi sau trung tâm

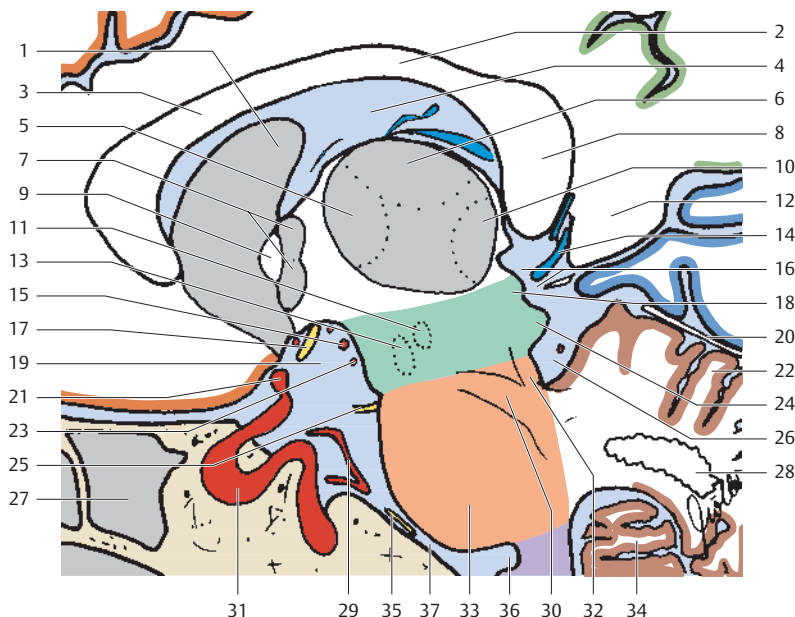


- 9 Não thất bên (phần trung tâm)
- 10 Rãnh sau trung tâm
- 11 Đồi thị
- 12 Xương chẩm và khớp Lamda
- 13 Đầu nhân đuôi
- 14 Hồi trước chêm
- 15 Cuống đại não
- 16 Hồi chêm
- 17 Hồi thẳng
- 18 Tiểu thùy trước trung tâm
- 19 Xoang trán
- 20 Hồi đai
- 21 Xương sàng
- 22 Xoang dọc trên
- 23 Động mạch cảnh trong (đoạn trong xoang hang)
- 24 Rãnh chừa
- 25 Xoang bướm
- 26 Hồi thái dương chẩm trong

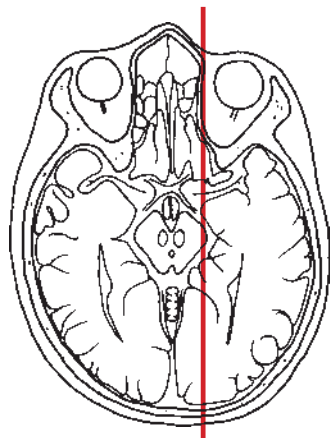
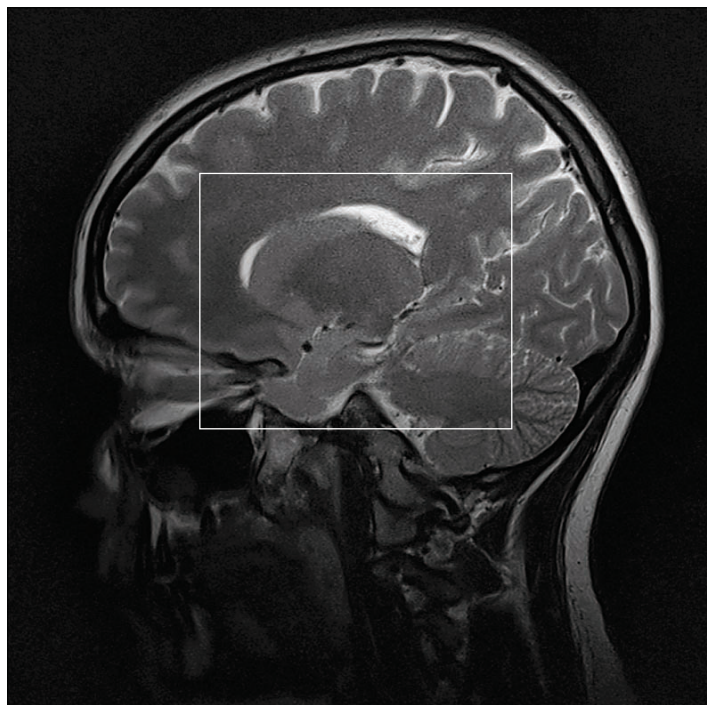
- 27 Xương mũi
- 28 Hệ lưu các xoang
- 29 Xoăn mũi giữa
- 30 Lều tiểu não
- 31 Mũi hầu
- 32 Tiểu não
- 33 Xoăn mũi dưới
- 34 Cầu não
- 35 Khẩu cái cứng
- 36 Đốc nền lỗ chẩm
- 37 Cơ dài đầu
- 38 Động mạch đốt sống
- 39 Lưỡi
- 40 Đốt đội (cung sau)
- 41 Lưỡi gà
- 42 Rễ thần kinh
- 43 Tuyến dưới lưỡi
- 44 Cơ bán gai đầu
- 45 Hầu miệng



-  Thùy trán
-  Thùy đỉnh
-  Thùy chẩm
-  Tiểu não
-  Trung não
-  Cầu não
-  Hành não

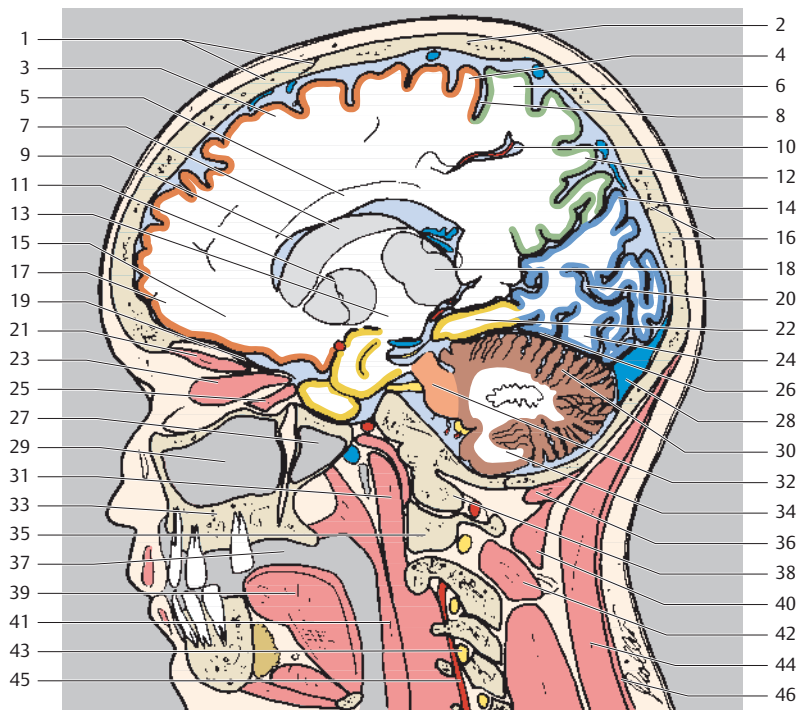


- | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|
| 1 Đầu nhân đuôi | 19 Bể gian cuống |
| 2 Thân thể chai | 20 Lều tiểu não |
| 3 Gối thể chai | 21 Động mạch não trước |
| 4 Não thất bên | 22 Thủy trước tiểu não |
| 5 Đồi thị (nhân bụng ngoài) | 23 Động mạch tiểu não trên |
| 6 Đồi thị (nhân sau ngoài) | 24 Máu trung não (lồi não dưới) |
| 7 Cầu nhát (phần trong và phần ngoài) | 25 Thần kinh sinh ba (V) |
| 8 Lồi thể chai | 26 Bể quanh thân não |
| 9 Mép trước | 27 Xoang bướm |
| 10 Đồi thị (đồi chằm) | 28 Nhân răng |
| 11 Nhân đỏ | 29 Động mạch thông sau |
| 12 Hồi cạnh hải mã | 30 Cuống tiểu não |
| 13 Chất đen | 31 Động mạch cảnh trong |
| 14 Tĩnh mạch não lớn | 32 Liềm ngoài |
| 15 Động mạch não sau | 33 Cầu não |
| 16 Bể củ não sinh tư | 34 Hạnh nhân tiểu não |
| 17 Dải thị | 35 Thần kinh vận nhãn ngoài (VI) |
| 18 Máu trung não (lồi não trên) | 36 Não thất tư (lỗ bên) |
| | 37 Bể góc cầu tiểu não |



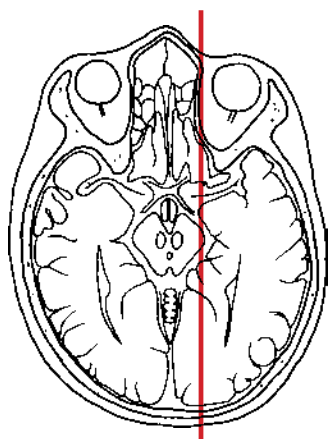
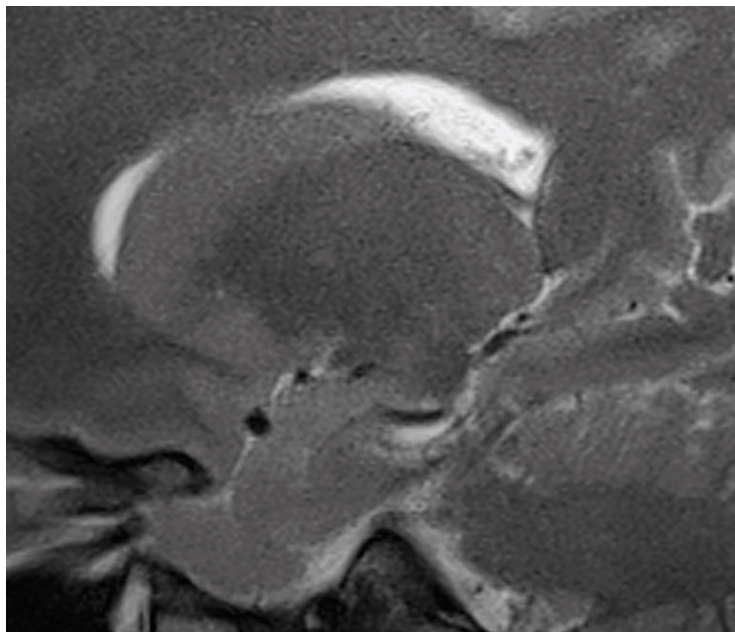
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Cầu não

- 1 Xương
- 2 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 3 Hồi trán trên
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Thể chai
- 6 Hồi sao trung tâm
- 7 Thân nhân đuôi
- 8 Rãnh trung tâm

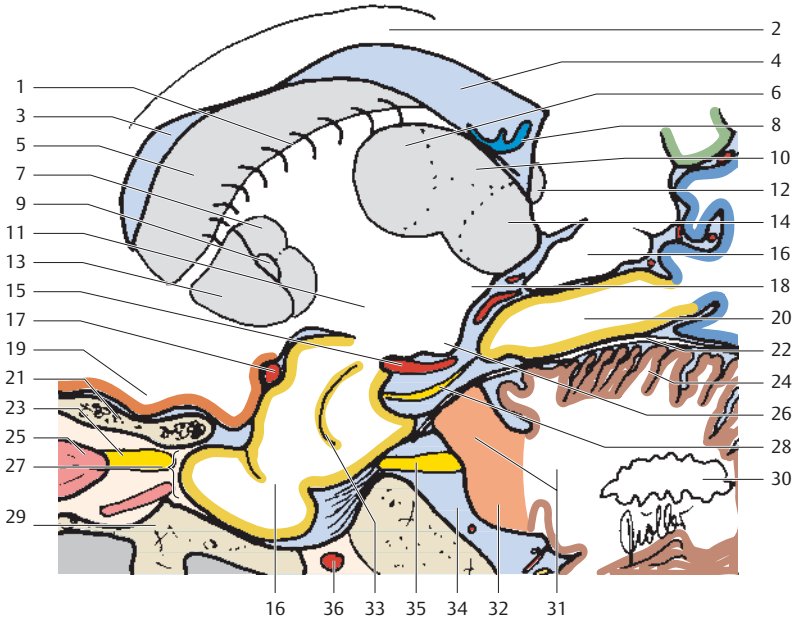


- 9 Não thất bên
- 10 Hồi sau trung tâm
- 11 Nhân nền
- 12 Hồi trước chêm
- 13 Cuống đại não
- 14 Hồi chêm
- 15 Rãnh ô mắt
- 16 Xương chẩm và khớp Lamda
- 17 Hồi trán dưới
- 18 Đồi thị
- 19 Trán ô mắt
- 20 Thể chai
- 21 Cơ thẳng trên
- 22 Hồi cạnh hải mã
- 23 Cơ thẳng trong
- 24 Hồi thái dương chẩm trong
- 25 Cơ thẳng dưới
- 26 Lều tiểu não
- 27 Xoang bướm

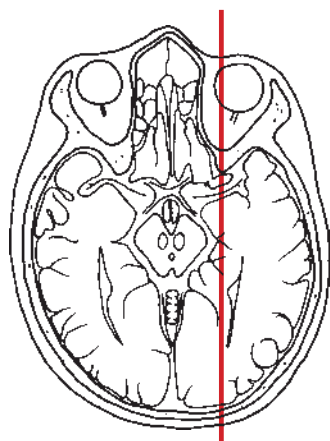
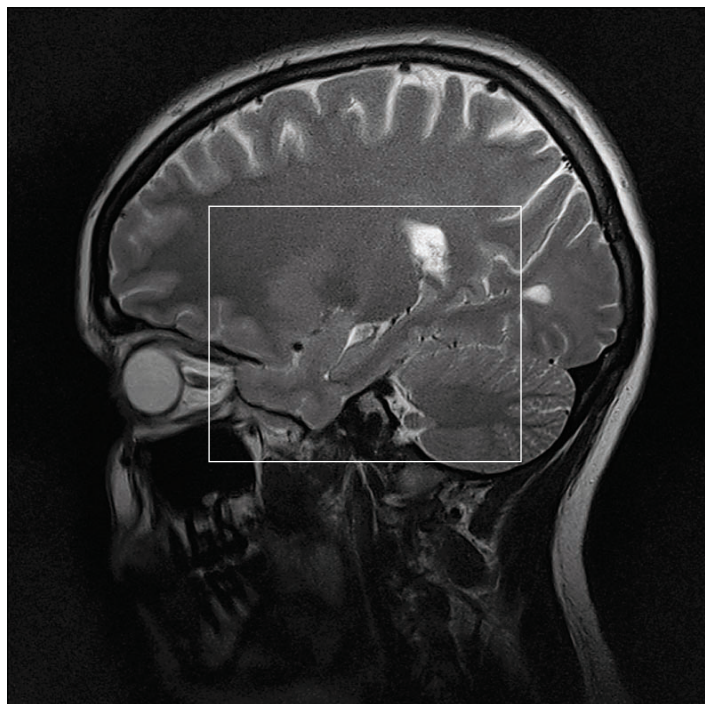
- 28 Xoang ngang
- 29 Xoang hàm
- 30 Thủy trên tiểu não
- 31 Cơ dài đầu
- 32 Cuống tiểu não giữa
- 33 Xương hàm trên
- 34 Thủy dưới tiểu não
- 35 Đốt đội, khối bên
- 36 Cơ thẳng đầu sau bé
- 37 Hầu miệng
- 38 Lồi cầu chẩm
- 39 Lưỡi
- 40 Cơ thẳng đầu sau lớn
- 41 Cơ khít hầu giữa
- 42 Cơ chéo đầu dưới
- 43 Rễ C4
- 44 Cơ gối đầu
- 45 Động mạch đốt sống
- 46 Cơ thang



- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não
- Cầu não

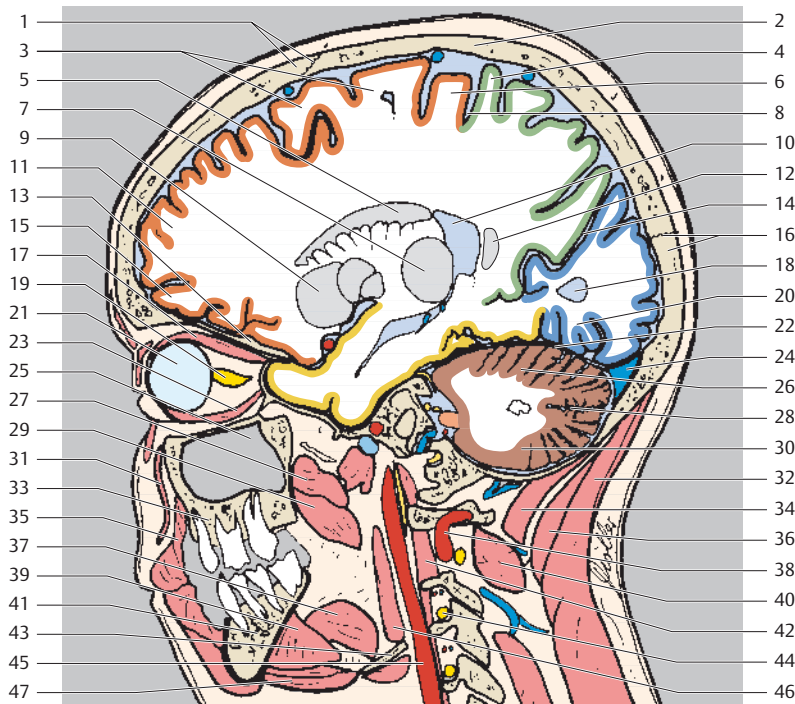


- | | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| 1 Thể vân | 19 Hòì ổ mắt |
| 2 Thân thể chai | 20 Hòì lưỡì |
| 3 Não thất bên (sừng trán) | 21 Xương bướm (cánh nhỏ) |
| 4 Não thất bên | 22 Lòu tiều não |
| 5 Đầu nhân đuôi | 23 Thần kinh thị |
| 6 Đòì thị (nhân bụng ngoài) | 24 Thuyề trước tiều não |
| 7 Cầu nhậ | 25 Cơ thẳng trong |
| 8 Đám rối mạch mạc | 26 Thễ gổì ngoài |
| 9 Mép trước | 27 Khe ổ mắt trên |
| 10 Đòì thị (nhân sau ngoài) | 28 Thần kinh ròn gợc |
| 11 Bao trong | 29 Thần kinh vận nhâ |
| 12 Trụ vòm não | 30 Nhâ |
| 13 Bề sẳm | 31 Cuổng tiều não giừ |
| 14 Đòì thị (đòì chẳm) | 32 Cầu não |
| 15 Độn g mạch não sau | 33 Sừng thấi dương não thất bên |
| 16 Hòì cặnh hải mã | 34 Bể gó |
| 17 Độn g mạch não giừ | 35 Thần kinh sinh ba |
| 18 Thễ gổì trong | 36 Độn g mạch cặnh trong |



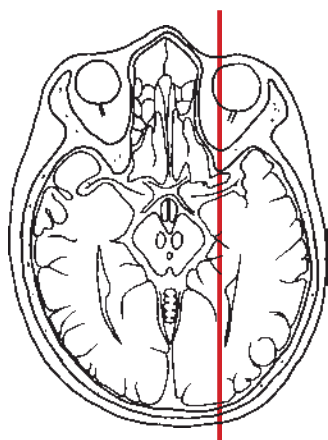
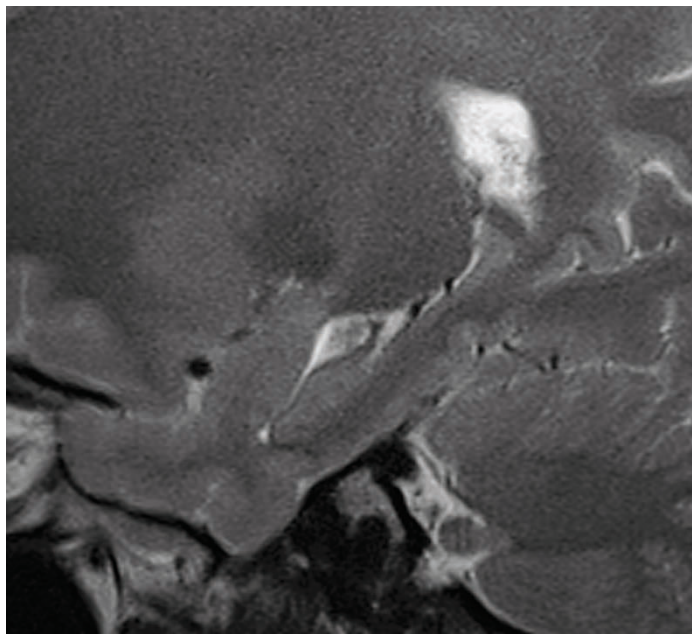
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Xương đỉnh
- 3 Hồi trán trên
- 4 Hồi sau trung tâm
- 5 Thân nhân đuôi
- 6 Hồi trước trung tâm
- 7 Đồi thị
- 8 Rãnh trung tâm

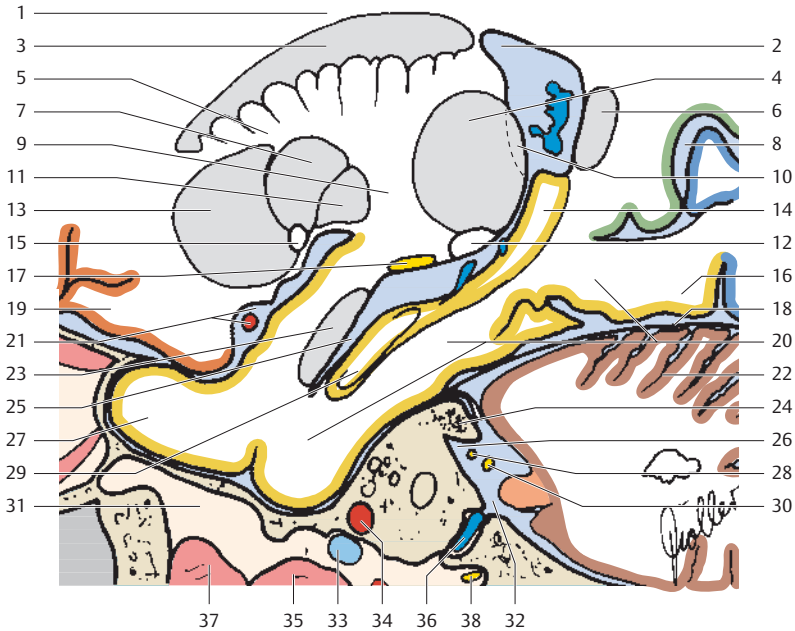


- 9 Nhân nền
- 10 Não thất bên
- 11 Hồi trán giữa
- 12 Kẹp lớn thể chai
- 13 Trán ổ mắt
- 14 Rãnh đỉnh chẩm
- 15 Hồi ổ mắt
- 16 Xương đỉnh và khớp Lamda
- 17 Cơ thẳng trên
- 18 Sừng chẩm não thất bên
- 19 Thân kinh thị
- 20 Hồi thái dương chẩm trong
- 21 Nhân cầu
- 22 Lều tiểu não
- 23 Cơ thẳng dưới
- 24 Xoang ngang
- 25 Xoang hàm
- 26 Thùy trước tiểu não
- 27 Cơ nâng màn khẩu cái

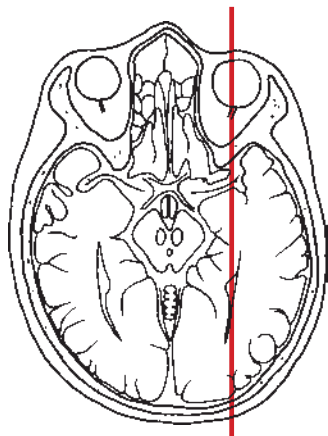
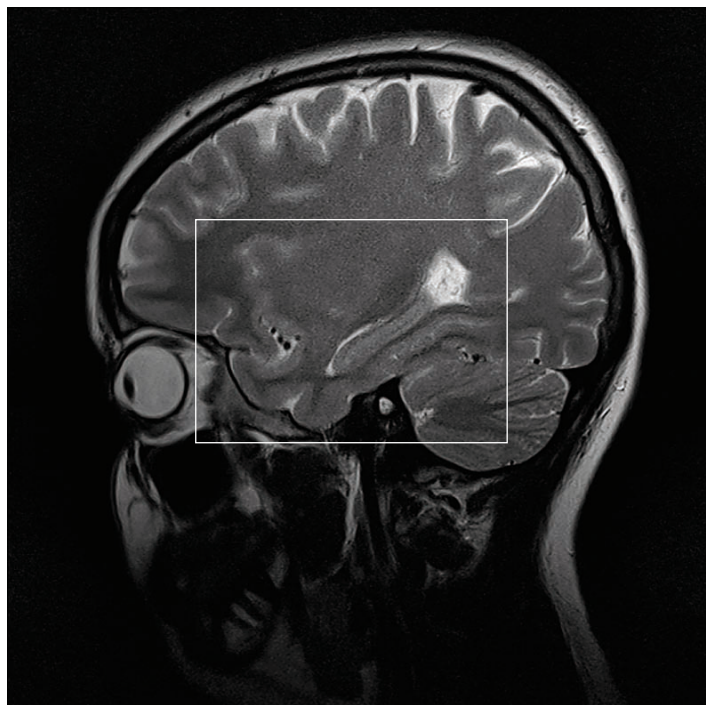
- 28 Khe ngang
- 29 Cơ chân bướm trong
- 30 Thủy sau tiểu não
- 31 Cơ nâng môi trên
- 32 Cơ gối đầu
- 33 Xương hàm trên
- 34 Cơ thẳng đầu sau lớn
- 35 Cơ vòng môi
- 36 Cơ bán gai đầu
- 37 Cơ móng lưỡi
- 38 Động mạch đốt sống
- 39 Cơ hàm móng
- 40 Cơ chéo đầu dưới
- 41 Xương hàm dưới
- 42 Cơ dài đầu
- 43 Xương móng
- 44 Rễ C3
- 45 Động mạch cảnh trong
- 46 Cơ khí hậu giữa
- 47 Cơ nhị thân



- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

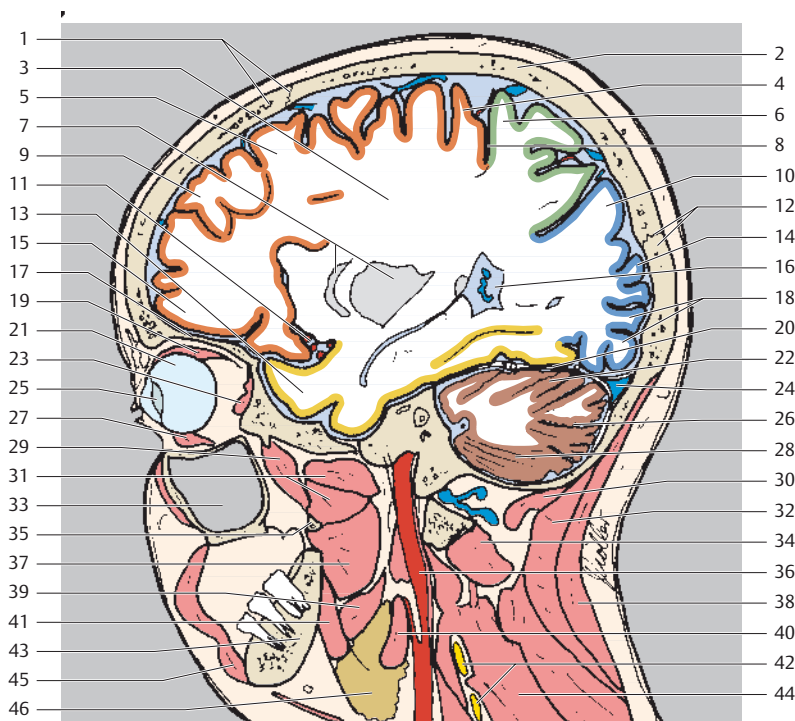


- | | |
|-------------------------------|---|
| 1 Thân thể chai | 21 ĐM não giữa trong bể hố bên đại não |
| 2 Phần trung tâm não thất bên | 22 Thủy trước tiểu não |
| 3 Thân nhân đuôi | 23 Nhân hạnh nhân |
| 4 Đồi chẩm đồi thị | 24 Xương đá |
| 5 Trụ trước bao trong | 25 Sừng thái dương não thất bên |
| 6 Kẹp lớn thể chai | 26 Ống tai trong |
| 7 Cầu nhện (phần ngoài) | 27 Cực thái dương |
| 8 Rãnh đỉnh chẩm | 28 Thần kinh mặt(VII) |
| 9 Trụ sau bao trong | 29 Hôi răng |
| 10 Trụ vòm não | 30 Thần kinh tiền đình ốc tai (VIII) |
| 11 Cầu nhện (phần trong) | 31 Hố dưới thái dương |
| 12 Thể gối ngoài | 32 Bể góc cầu tiểu não |
| 13 Bèo sẫm | 33 Vòi nhĩ |
| 14 Giá hải mã | 34 Động mạch cảnh trong |
| 15 Mép trước | 35 Cơ nâng màn khẩu cái |
| 16 Hôi thái dương chẩm trong | 36 Tĩnh mạch cảnh trong trong lỗ tĩnh mạch cảnh |
| 17 Dải thị | 37 Cơ chân bướm trong |
| 18 Lều tiểu não | 38 TK hạ thiệt (XII) trong ống thần kinh hạ thiệt |
| 19 Hôi ổ mắt | |
| 20 Hôi cạnh hải mã | |



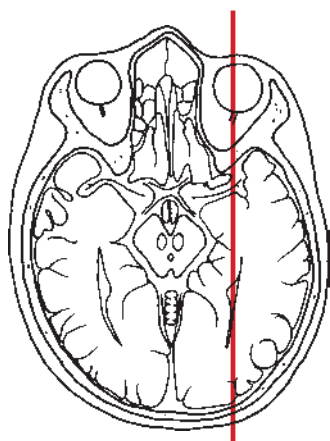
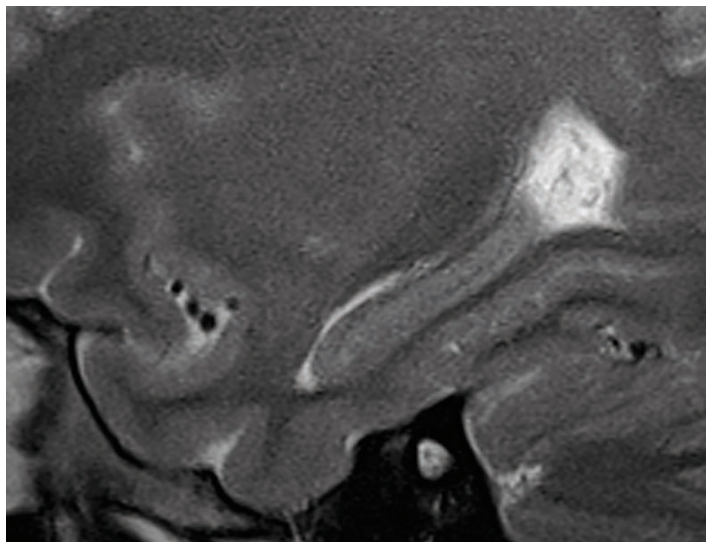
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Xương đỉnh
- 3 Chất trắng trung tâm bán cầu dục
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Hồi trán trên
- 6 Hồi sau trung tâm
- 7 Hạch nền

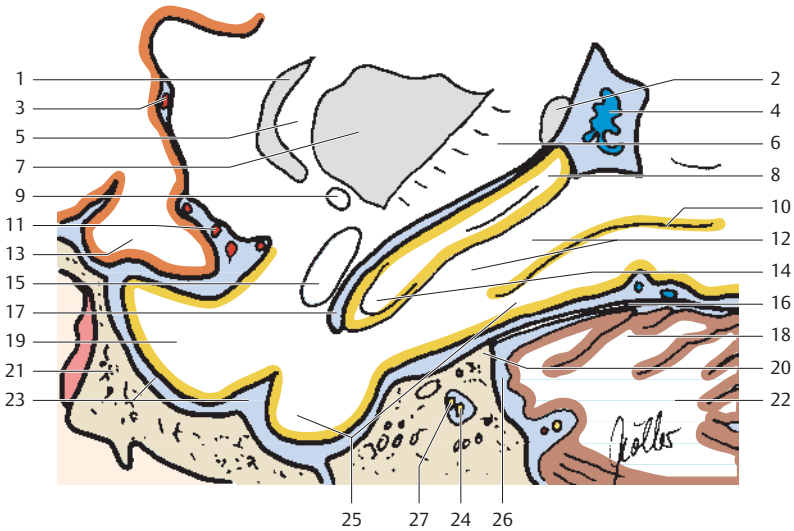


- 8 Rãnh trung tâm
- 9 Hồi trán giữa
- 10 Hồi trước chêm
- 11 Các động mạch đoạn thùy đảo
- 12 Xương chẩm và khớp Lamda
- 13 Cực thái dương
- 14 Hồi chêm
- 15 Hồi ổ mắt
- 16 Sừng chẩm não thất bên
- 17 Trần ổ mắt
- 18 Hồi chẩm
- 19 Cơ thẳng trên
- 20 Lều tiểu não
- 21 Nhân cầu
- 22 Thùy trước tiểu não
- 23 Cơ thẳng ngoài
- 24 Xoang ngang
- 25 Thùy tinh thể
- 26 Khe ngang

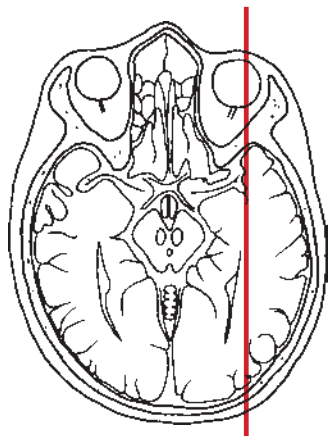
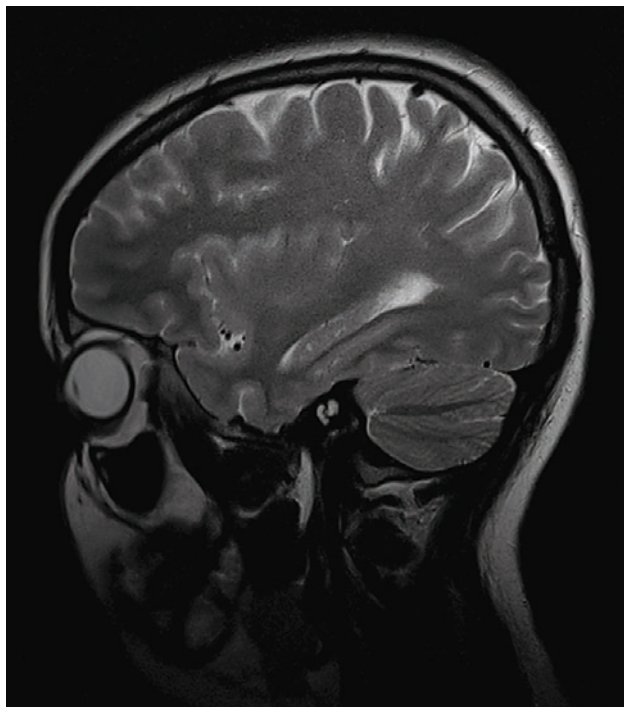
- 27 Cơ thẳng dưới
- 28 Thủy sau tiểu não
- 29 Cơ thái dương
- 30 Cơ thẳng đầu sau dưới
- 31 Cơ chân bướm ngoài
- 32 Cơ bán gai đầu
- 33 Xoang hàm
- 34 Cơ chéo đầu dưới
- 35 Mỏm chân bướm (mảnh ngoài)
- 36 Động mạch cảnh trong
- 37 Cơ chân bướm trong
- 38 Cơ thang
- 39 Cơ trâm lưỡi
- 40 Cơ nhị thân
- 41 Cơ hàm móng
- 42 Các rễ gai (đám rối cổ)
- 43 Hàm dưới
- 44 Cơ nâng vai
- 45 Cơ vòng môi
- 46 Tuyến dưới hàm



- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

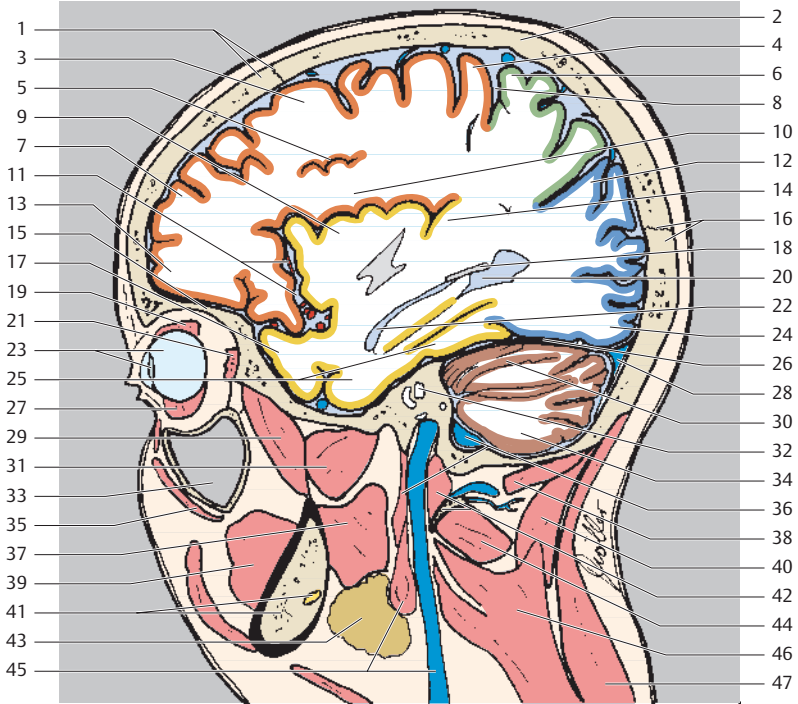


- | | |
|--|--|
| 1 Nhân trước tường | 16 Lều tiểu não |
| 2 Đuôi nhân đuôi | 17 Sừng thái dương não thất bên |
| 3 Các động mạch đoạn thùy đảo | 18 Thùy trước tiểu não |
| 4 Phần trung tâm não thất bên với đám rối mạch mạc | 19 Cực thái dương |
| 5 Bao ngoài | 20 Phần đá xương thái dương (bờ trên) |
| 6 Bao trong | 21 Cánh lớn xương bướm |
| 7 Bèo sẫm | 22 Chất trắng tiểu não |
| 8 Vùng subiculum của hải mã | 23 Hồ sọ giữa |
| 9 Mép trước | 24 Thần kinh tiền đình ốc tai (VIII) ống tai trong |
| 10 Rãnh bên phụ | 25 Hồi thái dương chằm trong |
| 11 Động mạch não giữa | 26 Bề góc cầu tiểu não |
| 12 Hồi cạnh hải mã | 27 Thần kinh mặt (VII) trong ống tai trong |
| 13 Hồi ổ mắt | |
| 14 Hồi răng | |
| 15 Nhân hạnh nhân | |

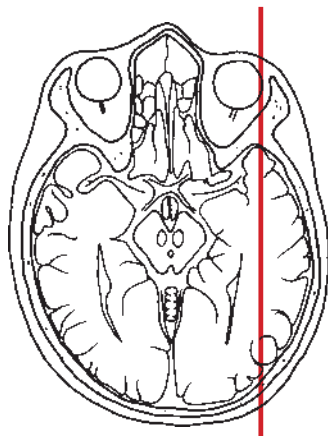
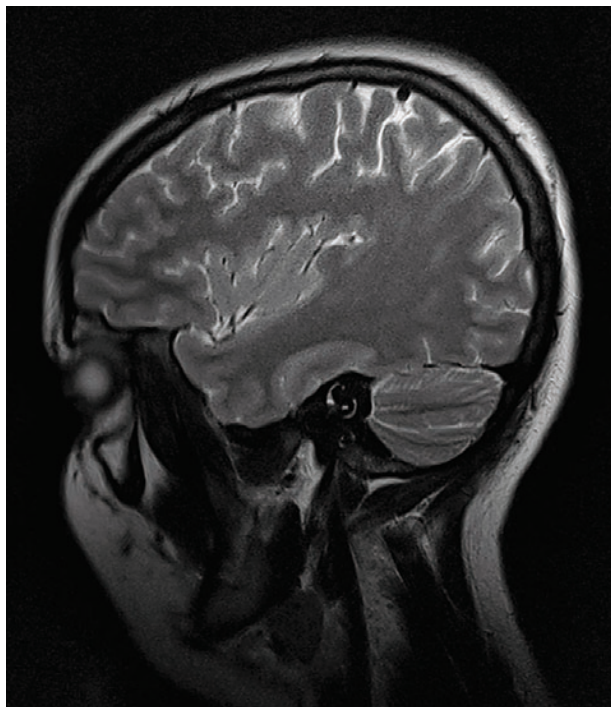


- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Xương đỉnh
- 3 Hồi trán giữa
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Rãnh trán dưới
- 6 Hồi sau trung tâm
- 7 Hồi trán dưới
- 8 Rãnh trung tâm
- 9 Thùy đảo
- 10 Hồi nắp thùy trán
- 11 Bề vỏ bên đại não và các động mạch đoạn thùy đảo

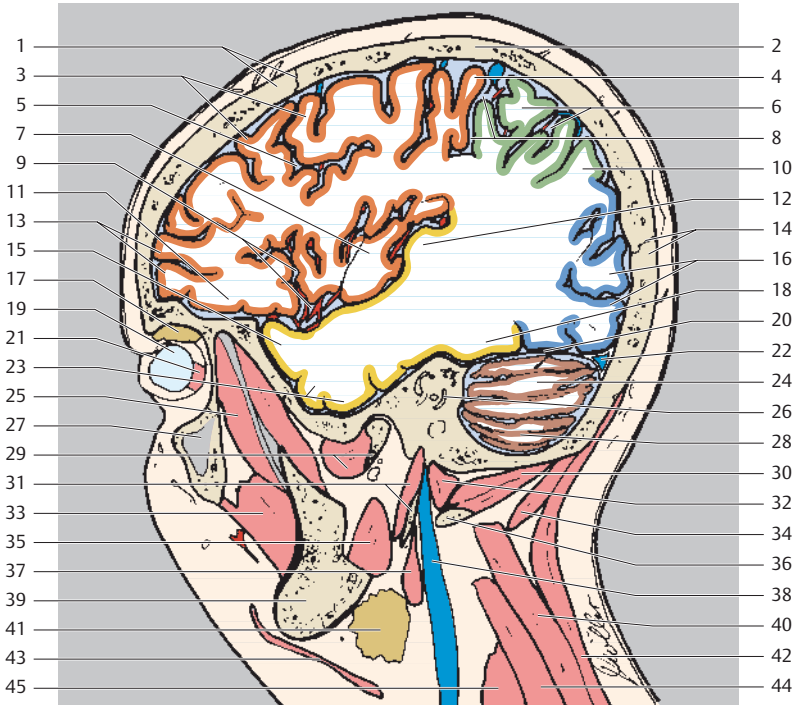


- | | |
|---------------------------------|---|
| 12 Hồi trước chêm | 30 Thùy trước tiểu não |
| 13 Hồi ổ mắt | 31 Cơ chân bướm ngoài |
| 14 Hồi thái dương ngang | 32 Ống tai trong |
| 15 Trần ổ mắt | 33 Xoang hàm |
| 16 Xương chẩm và khớp Lamda | 34 Thùy sau tiểu não |
| 17 Cực thái dương | 35 Cơ vòng mi |
| 18 Đuôi nhân đuôi | 36 Xoang sigma và cơ trâm hầu muscle |
| 19 Cơ nâng mí mắt trên | 37 Cơ chân bướm trong |
| 20 Sừng chẩm não thất bên | 38 Cơ thẳng đầu sau lớn |
| 21 Cơ thái dương ngoài | 39 Cơ mút |
| 22 Sừng thái dương não thất bên | 40 Cơ bán gai đầu |
| 23 Nhân cầu và thùy tinh thể | 41 Xương hàm dưới và ống hàm dưới (thần kinh huyết răng dưới) |
| 24 Thùy chẩm | 42 Đốt đội (mòm ngang) và cơ thẳng đầu ngoài |
| 25 Hồi thái dương chẩm trong | 43 Tuyến dưới hàm |
| 26 Lều tiểu não | 44 Cơ chéo đầu dưới |
| 27 Cơ chéo dưới | 45 Tĩnh mạch cảnh trong và cơ nhị thân |
| 28 Xoang ngang | 46 Cơ nâng vai |
| 29 Cơ thái dương | 47 Cơ gối đầu |



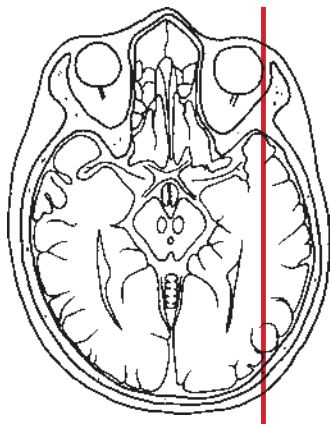
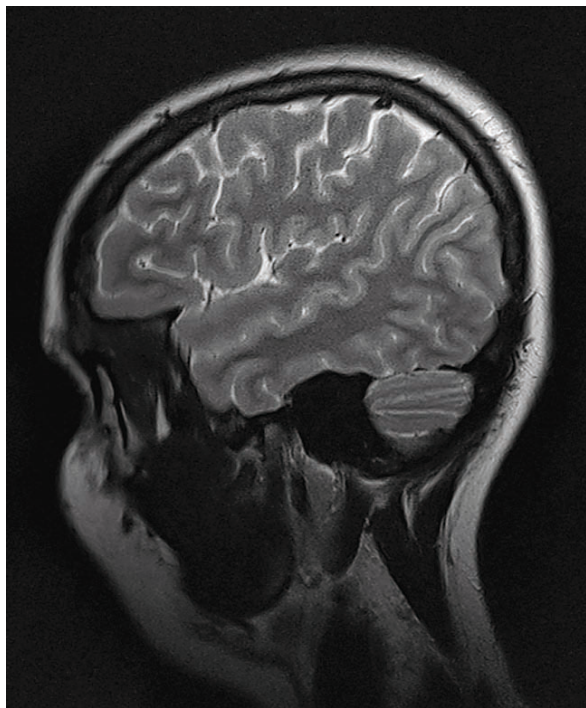
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Xương đỉnh
- 3 Hồi tán giữa
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Rãnh trán dưới
- 6 Hồi sau trung tâm và rãnh sau trung tâm
- 7 Thùy đảo
- 8 Rãnh trung tâm



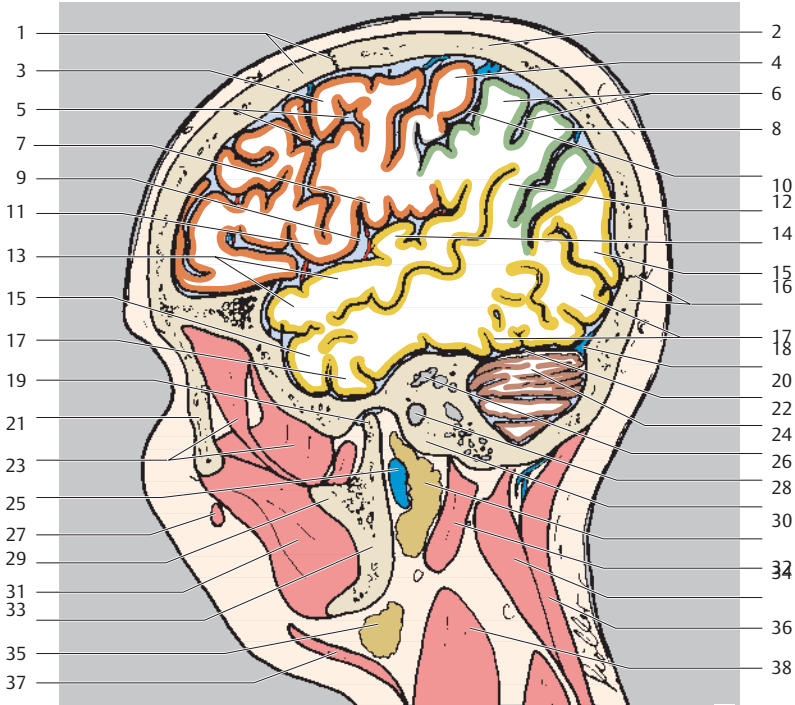
- 9 Bể hố bên đại não và các động mạch đoạn thùy đảo
- 10 Hồi góc
- 11 Hồi ổ mắt
- 12 Hồi thái dương ngang
- 13 Hồi trán dưới
- 14 Xương chẩm và khớp Lambda
- 15 Hồi thái dương trên
- 16 Hồi chẩm
- 17 Tuyến lệ
- 18 Hồi thái dương dưới
- 19 Nhân cầu
- 20 Lều tiểu não
- 21 Cơ thẳng ngoài
- 22 Xoang ngang
- 23 Cực thái dương và hồi thái dương giữa
- 24 Thùy trước tiểu não
- 25 Cơ thái dương
- 26 Ống bán khuyên sau

- 27 Xoang hàm
- 28 Thùy sau tiểu não
- 29 Cơ chân bướm ngoài và chòm xương hàm dưới
- 30 Cơ chéo đầu trên
- 31 Cơ trâm móng và mòm trâm
- 32 Cơ thẳng đầu ngoài
- 33 Cơ mút
- 34 Cơ bán gai đầu
- 35 Cơ chân bướm trong
- 36 Mòm ngang đốt đội
- 37 Bụng sau cơ nhị thân
- 38 Tĩnh mạch cảnh trong
- 39 Hàm dưới
- 40 Cơ nâng vai
- 41 Tuyến dưới hàm
- 42 Cơ gối đầu
- 43 Cơ bám da cổ
- 44 Cơ gối cổ
- 45 Cơ bậc thang sau

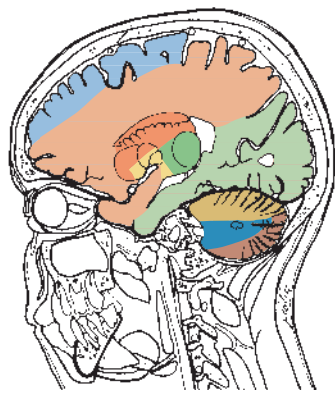
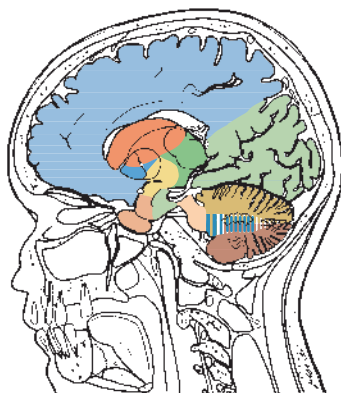
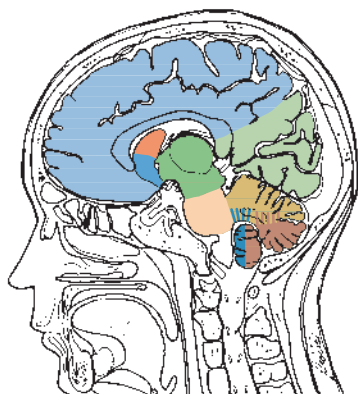
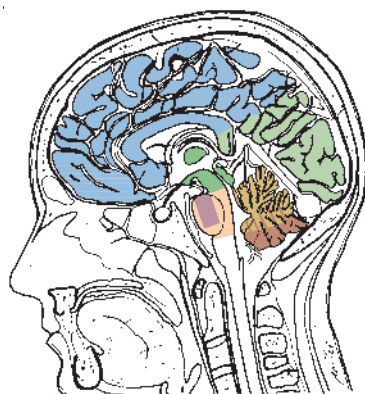


- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Tiểu não

- 1 Xương trán và khớp trán đỉnh
- 2 Xương đỉnh
- 3 Hồi trán giữa
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Rãnh trán dưới
- 6 Hồi sau trung tâm và rãnh sau trung tâm



- | | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 7 Hồi trán dưới và vỏ não
thùy đảo | 22 Thùy sau tiểu não |
| 8 Hồi trên viền | 23 Cơ thái dương |
| 9 Rãnh bên | 24 Hang chũm |
| 10 Rãnh trung tâm | 25 Tĩnh mạch sau hàm |
| 11 Hồi trán dưới, phần hồi nắp | 26 Ống tai ngoài |
| 12 Hồi góc | 27 Cơ gò má |
| 13 Hồi thái dương trên | 28 Mồm chũm |
| 14 Hồi thái dương ngang | 29 Mồm vệt |
| 15 Hồi thái dương giữa | 30 Tuyến mang tai |
| 16 Xương chẩm và khớp Lamda | 31 Cơ cắn |
| 17 Hồi thái dương dưới | 32 Cơ nhị thân, bụng sau |
| 18 Xoang ngang | 33 Ngành xương hàm dưới |
| 19 Chòm xương hàm dưới | 34 Cơ bán gai đầu |
| 20 Lều tiểu não | 35 Tuyến dưới hàm |
| 21 Xương gò má | 36 Cơ gối đầu |
| | 37 Cơ bám da cổ |
| | 38 Cơ ức đòn chũm |



Động mạch não giữa

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân bao gồm phân xa động mạch thị vân trong)

Động mạch não giữa

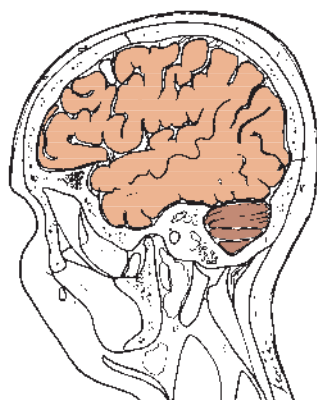
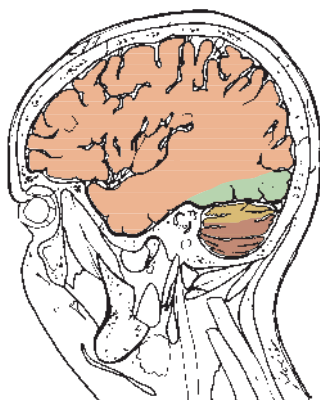
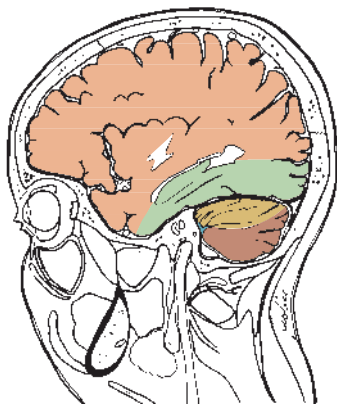
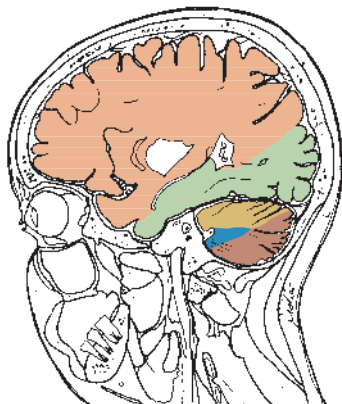
- Nhánh nông
- Nhánh sâu (các động mạch thị vân)

Động mạch não sau

- Nhánh nông
- Nhánh sâu (gồm động mạch thông sau)

Động mạch thân nền

- Các nhánh cạnh giữa trước trong và trước ngoài (của ĐM cầu não)
- Các động mạch vòng và các nhánh cạnh giữa sau và bên (của ĐM cầu não)
- Động mạch tiểu não trên
- Động mạch tiểu não trước trên
- Vùng biên
- Động mạch tiểu não sau dưới



Động mạch não giữa

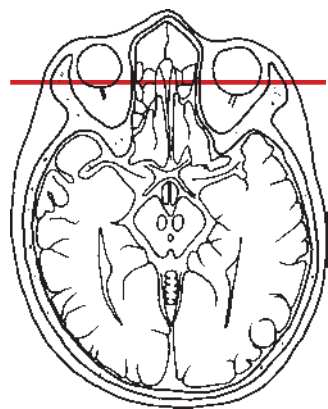
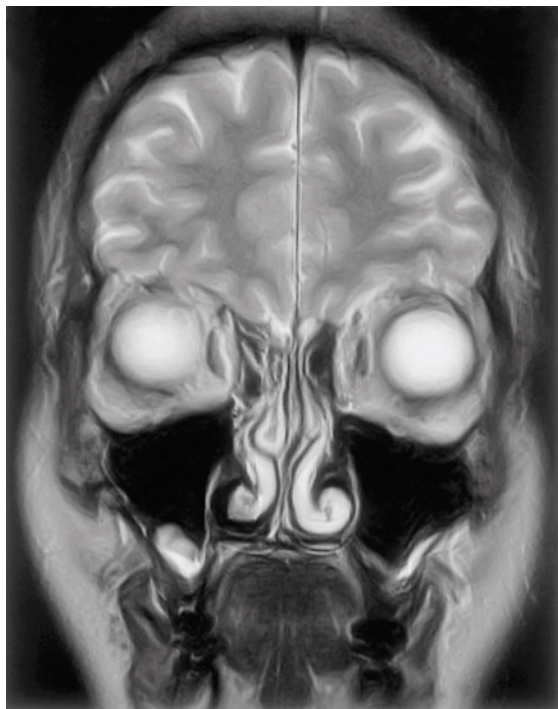
- Nhánh nông
- Nhánh sâu (động mạch thị vân)

Động mạch não sau

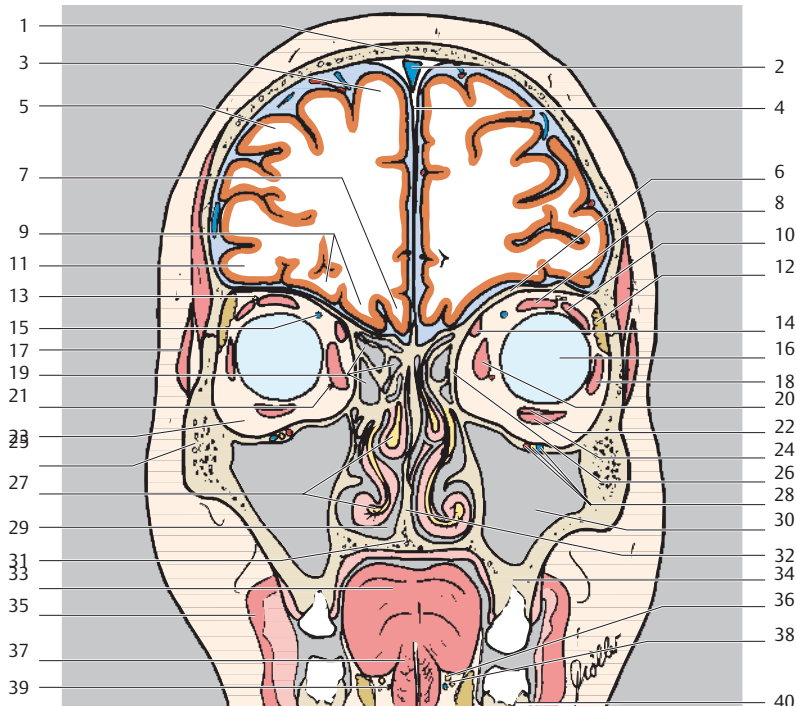
- Nhánh nông

Động mạch mạch mạc trước

- Động mạch tiểu não trên
- Động mạch tiểu não trước trên
- Động mạch tiểu não sau dưới

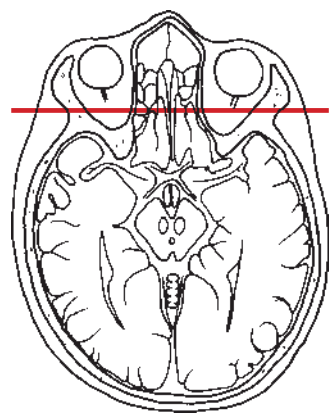
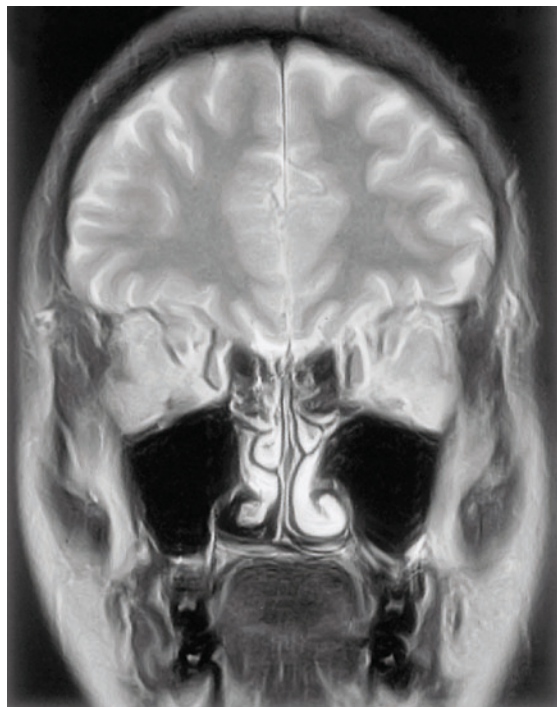


Thùy trán



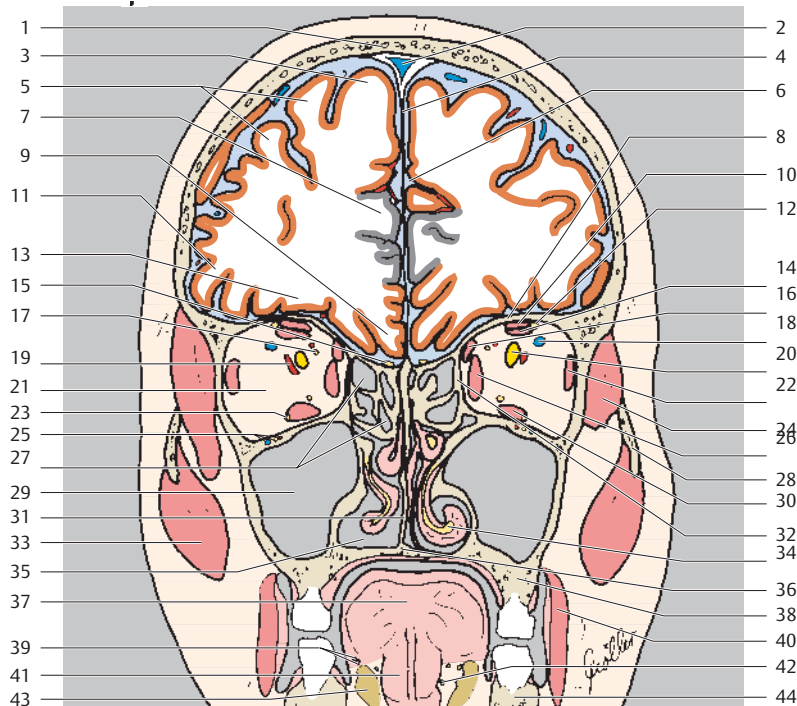
- 1 Xương trán
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Hội trán trên
- 4 Liềm não
- 5 Hội trán giữa
- 6 Trần ổ mắt
- 7 Hội thẳng
- 8 Cơ nâng mi trên
- 9 Hội ổ mắt
- 10 Cơ thẳng trên
- 11 Hội trán dưới
- 12 Tuyến lệ
- 13 Thần kinh trên ổ mắt
- 14 Cơ chéo trên
- 15 TM mắt trên
- 16 Nhân cầu
- 17 Cơ vòng mi
- 18 Cơ thẳng ngoài
- 19 Xoang sàng
- 20 Cơ thẳng trong
- 21 ĐM mắt

- 22 Cơ thẳng dưới
- 23 Ổ mắt
- 24 Cơ chéo dưới
- 25 Xương gò má
- 26 Thành trong ổ mắt
- 27 Xoắn mũi giữa và dưới
- 28 ĐM, TM, TK dưới ổ mắt
- 29 Ổ mũi
- 30 Xoang hàm trên
- 31 Khẩu cái cứng
- 32 Vách mũi
- 33 Lưỡi
- 34 Xương hàm trên
- 35 Cơ hạ góc miệng
- 36 TK lưỡi
- 37 Cơ cằm - lưỡi
- 38 TK hạ thiệt (XII)
- 39 Ống tuyến dưới hàm
- 40 Thân xương hàm dưới

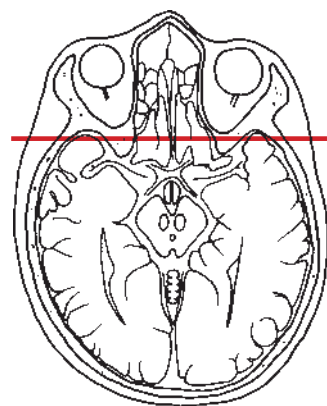
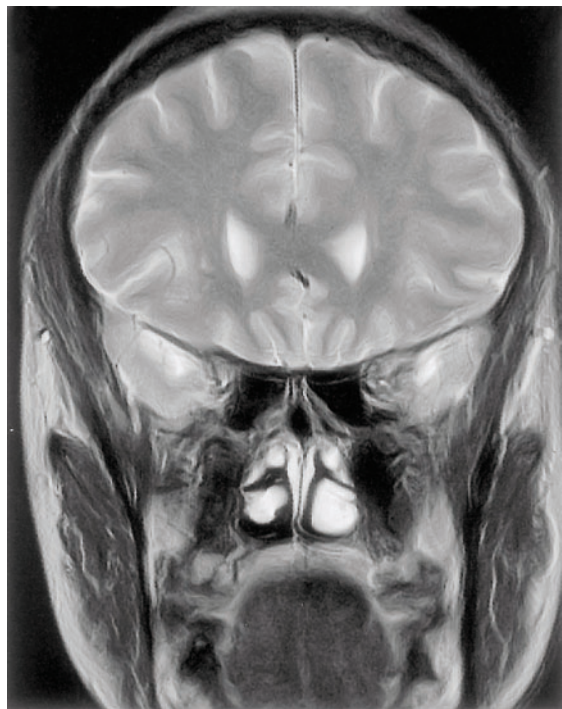


Thùy trán

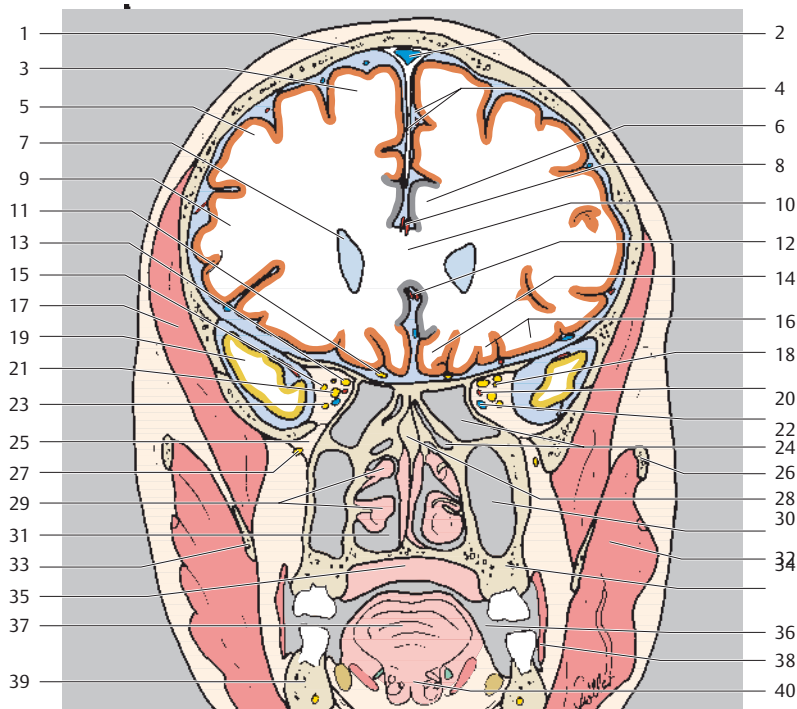
- 1 Thùy trán
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Liềm não
- 5 Hồi trán dưới
- 6 Khe não dọc
- 7 Hồi đại



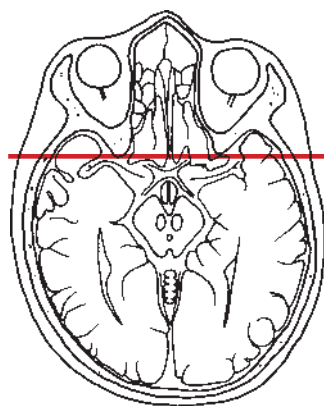
- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| 8 Thành trên ổ mắt | 26 Cơ thẳng trong |
| 9 Hồi thẳng | 27 Các xoang sàng |
| 10 Cơ nâng mi trên | 28 Xương gò má |
| 11 Hồi trán dưới | 29 Xoang hàm trên |
| 12 TK trên ổ mắt | 30 Cơ thẳng dưới |
| 13 Hồi ổ mắt | 31 Vách mũi |
| 14 Cơ thẳng trên | 32 Thành trong ổ mắt |
| 15 Hành khứu | 33 Cơ cắn |
| 16 Cơ chéo trên | 34 Xoắn mũi dưới |
| 17 TK mũi - mi | 35 Ổ mũi |
| 18 TM mặt trên | 36 Khẩu cái cứng |
| 19 ĐM mắt | 37 Lưỡi |
| 20 TK khứu giác (II) | 38 Xương hàm trên |
| 21 Ổ mắt (tổ chức mỡ quanh hốc mắt) | 39 TK lưỡi và TK hạ thiệt (XII) |
| 22 Cơ thẳng ngoài | 40 Cơ hạ góc miệng |
| 23 TK vận nhãn (III), phần dưới | 41 Cơ cằm- lưỡi |
| 24 Cơ thái dương | 42 Ống tuyến dưới hàm |
| 25 TK, ĐM, TM dưới ổ mắt | 43 Tuyến dưới hàm |
| | 44 Thân xương hàm dưới |



-  Thùy trán
-  Thùy thái dương

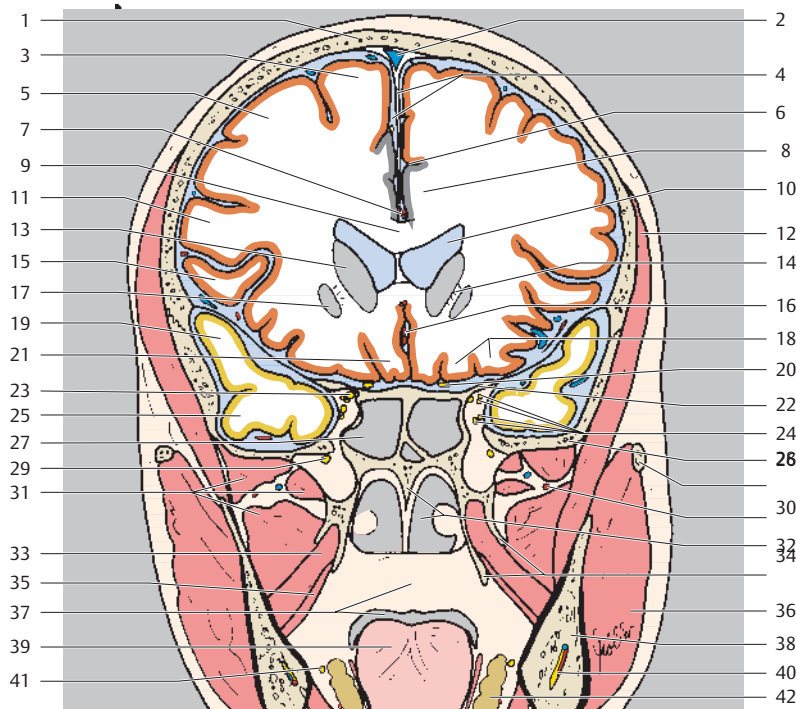


- | | |
|----------------------------|-----------------------------------|
| 1 Xương trán | 21 TK mắt (nhánh 1 của TKsinh ba) |
| 2 Xoang TM dọc trên | 22 TM mắt trên |
| 3 Hội trán trên | 23 TK vận nhãn ngoài (VI) |
| 4 Liệt đại não | 24 Xoang sàng |
| 5 Hội trán giữa | 25 Hố chân bướm- khẩu cái |
| 6 Hội đại | 26 Cung gò má |
| 7 Não thất bên (sừng trán) | 27 TK hàm trên (nhánh 2 của TK V) |
| 8 ĐM quanh chai | 28 Vách mũi |
| 9 Hội trán dưới | 29 Xoăn mũi giữa và dưới |
| 10 Thể chai (gối) | 30 Xoang hàm trên |
| 11 Dãi khứu | 31 Ổ mũi |
| 12 ĐM não trước | 32 Cơ cắn |
| 13 TK thị giác (II) | 33 Ngành xương hàm dưới |
| 14 Hội thẳng | 34 Xương hàm trên |
| 15 TK vận nhãn (III) | 35 Khẩu cái mềm |
| 16 Hố ổ mắt | 36 Khoang miệng |
| 17 Cơ thái dương | 37 Lưỡi |
| 18 TK rỗng rọc (IV) | 38 Cơ mút |
| 19 Thùy thái dương | 39 Thân xương hàm dưới |
| 20 ĐM mắt | 40 Cơ cằm - lưỡi |

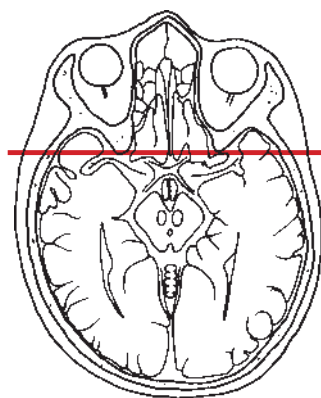
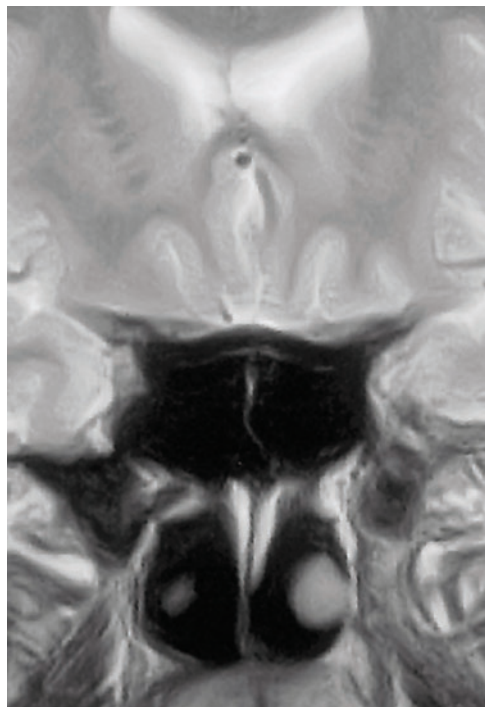


- Thùy trán
- Thùy thái dương

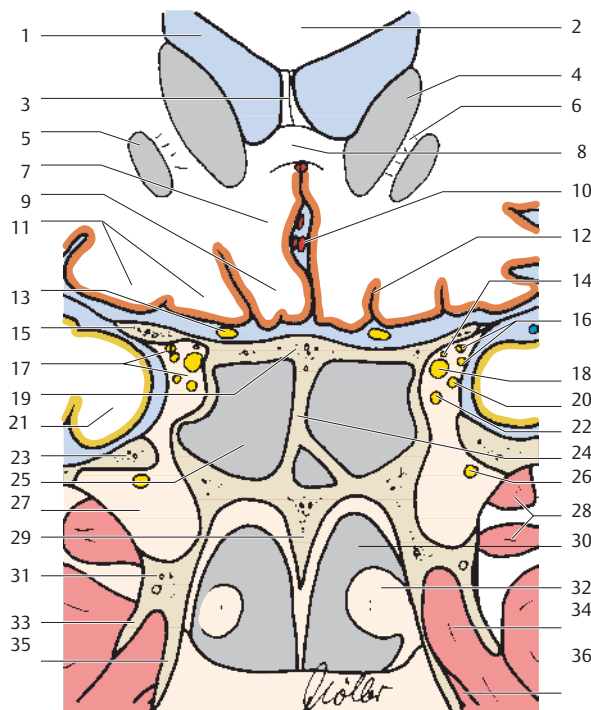
- 1 Xương trán
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Liềm đại não
- 5 Hồi trán giữa
- 6 Rãnh đại
- 7 ĐM quanh chai



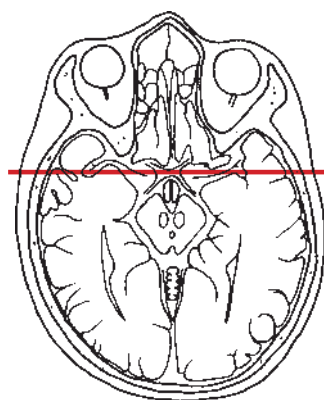
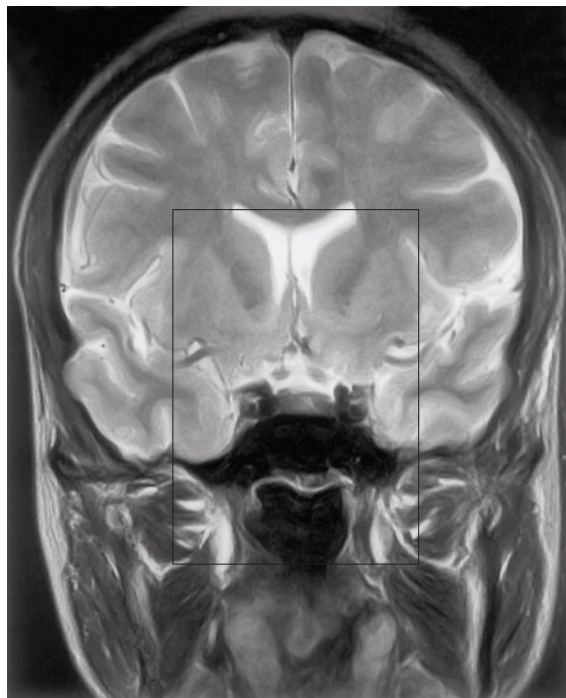
- | | |
|--|--|
| 8 Hồi đại | 26 Xương thái dương |
| 9 Thê chai (thân) | 27 Xoang bướm |
| 10 Não thất bên (sừng trán) | 28 Cung gò má |
| 11 Hồi trán dưới | 29 TK hàm trên trong hố chân bướm-khẩu cái |
| 12 Cơ thái dương | 30 ĐM hàm trên |
| 13 Đầu nhân đuôi | 31 Cơ chân bướm ngoài trong hố dưới thái dương |
| 14 Bạo trong (trụ trước) | 32 Vách mũi và ổ mũi |
| 15 Nắp trán | 33 Cơ chân bướm tron |
| 16 ĐM não trước | 34 Móm chân bướm (mảnh trong và mảnh ngoài) |
| 17 Bèo sẫm | 35 Cơ cặng màn khẩu cái |
| 18 Hôi ổ mắt | 36 Cơ cắn |
| 19 Hồi thái dương trên | 37 Khẩu cái mềm và khoang miệng |
| 20 Dại khứ | 38 Ngành xương hàm dưới |
| 21 Hồi thẳng | 39 Lưỡi |
| 22 Xương bướm (cánh nhỏ) | 40 ĐM huyết răng dưới, TM và TK trong ống hàm dưới |
| 23 TK thị giác (II) | 41 TK lưỡi |
| 24 TK rỗng rọc (IV), vận nhãn (III), TK mắt (nhánh 1 của TK sinh ba), và TK giăng (VI) | 42 Tuyến dưới hàm |
| 25 Hồi thái dương giữa | |



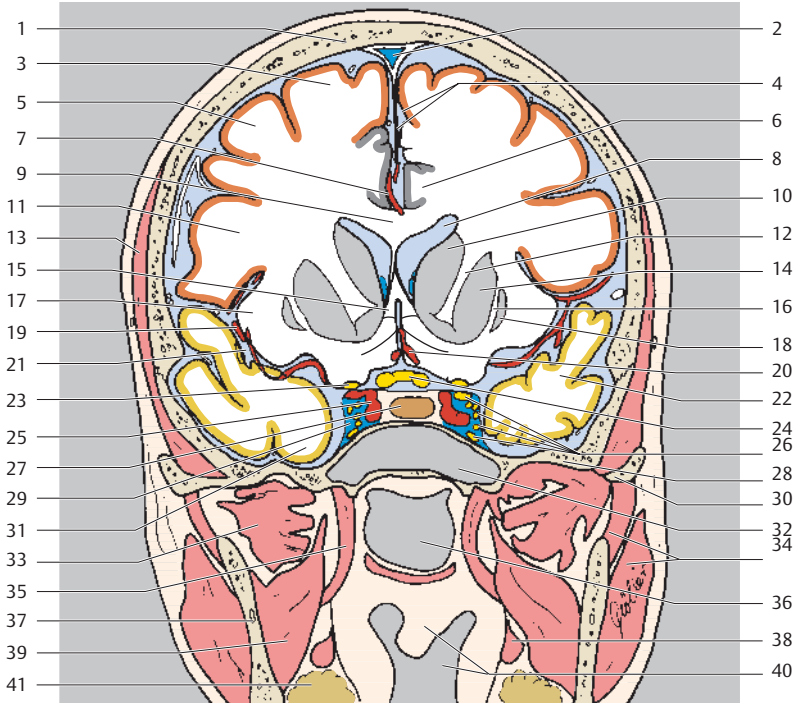
- Thùy trán
- Thùy thái dương



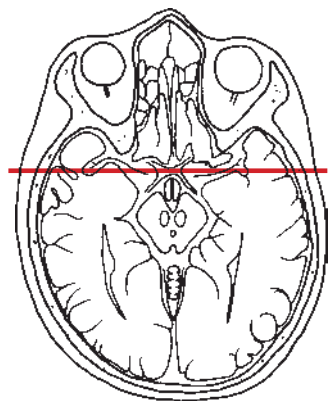
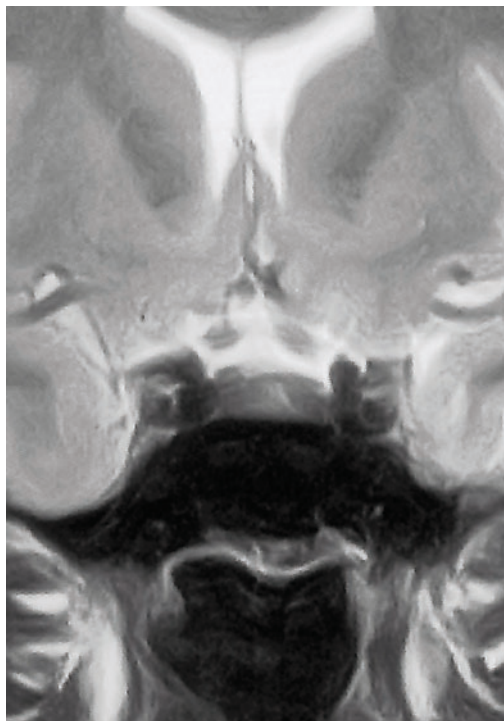
- | | |
|--|---|
| 1 Não thất bên (sừng trán) | 18 TK thị giác (II) |
| 2 Thê chai (thân) | 19 Cầu vai của xương bướm |
| 3 Vách trong suốt | 20 TK ròng rọc (VI) |
| 4 Đầu nhện đuôi | 21 Cực thái dương |
| 5 Bèo sẫm | 22 TK vận nhãn (III), nhánh |
| 6 Bao trong (trụ trước) | 23 Xương bướm, cánh nhỏ |
| 7 Hôi dưới thê chai | 24 Vách xoang bướm |
| 8 Thê chai (gối) | 25 Xoang bướm |
| 9 Hôi thẳng | 26 TK hàm trên trong hồ chân bướm- khẩu cái |
| 10 ĐM quanh chai | 27 Hồ chân bướm - khẩu cái |
| 11 Hôi ô mắt | 28 Cơ chân bướm ngoài |
| 12 Rãnh khừu | 29 Xương lá mía |
| 13 Dải khừu | 30 Ổ mũi |
| 14 TK vận nhãn (III, nhánh trên) | 31 Môm chân bướm (xương bướm) |
| 15 Môm yên trước (xương bướm, cánh nhỏ) | 32 Xoăn mũi giữa |
| 16 TK mắt (TK trán, TK lệ, TK mũi-mi) = nhánh trước của TK sinh ba (V) | 33 Môm chân bướm (mảnh ngoài) |
| 17 Khe ô mắt trên | 34 Cơ chân bướm trong |
| | 35 Môm chân bướm (mảnh trong) |
| | 36 Cơ căng màn khẩu cái |



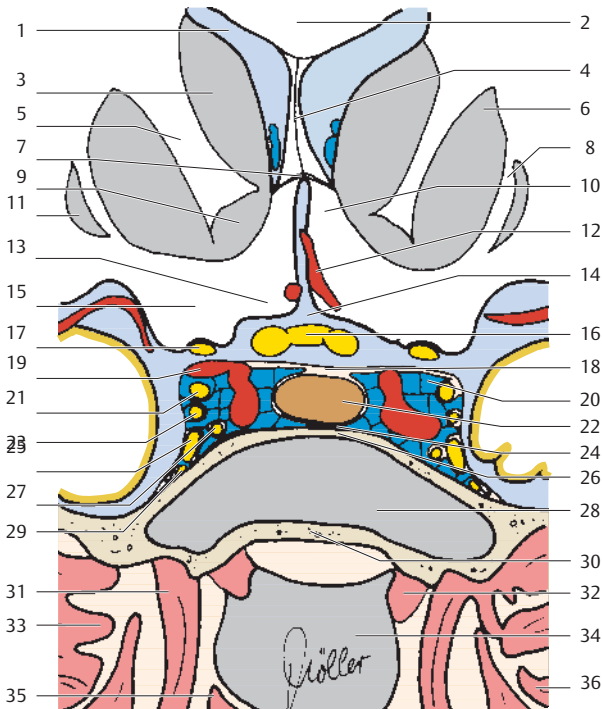
- Thùy trán
- Thùy thái dương



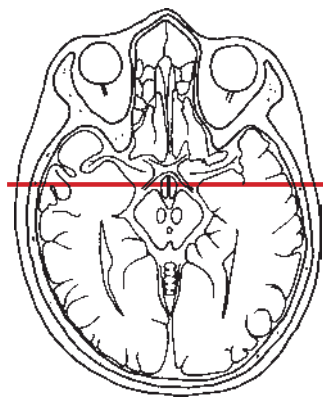
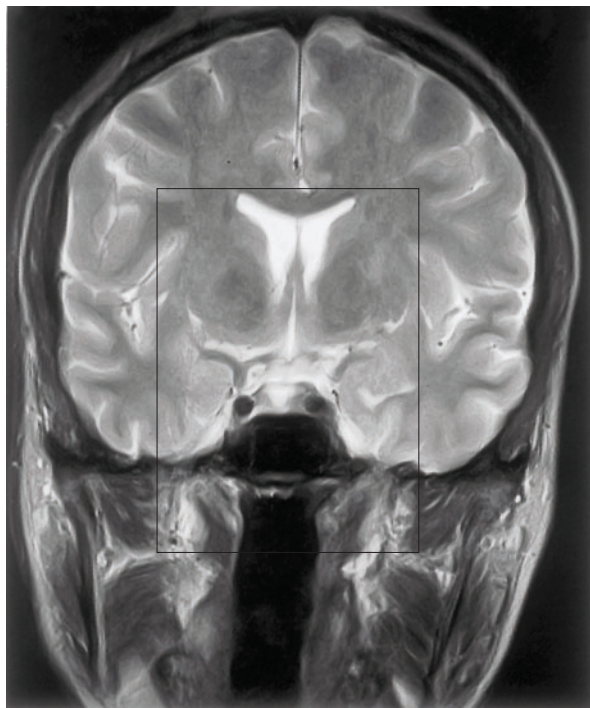
- | | |
|----------------------------|--|
| 1 Xương trán | 22 Hồi thái dương trên |
| 2 Xoang TM dọc trên | 23 Dải khứu |
| 3 Hồi trán trên | 24 Giao thoa thị giác |
| 4 Liềm đại não | 25 ĐM cảnh trong (syphon) |
| 5 Hồi trán giữa | 26 TK ròng rọc (IV), vận nhãn (III), TK mắt (nhánh của dây V), và TK giác (VI) |
| 6 Hồi đại | 27 Tuyến yên |
| 7 ĐM quanh chai | 28 Xương thái dương |
| 8 Não thất bên (sừng trán) | 29 Xoang hang |
| 9 Thể chai (gối) | 30 Xương gò má |
| 10 Đầu nhân đuôi | 31 Hồi thái dương giữa |
| 11 Hồi trán dưới | 32 Xoang bướm |
| 12 Bao trong (trụ trước) | 33 Cơ chân bướm ngoài |
| 13 Cơ thái dương | 34 Cơ cắn |
| 14 Bèo sẫm | 35 Cơ căng màn khẩu cái |
| 15 Hồi dưới thể chai | 36 Hầu mũi |
| 16 Bao ngoài | 37 Ngành xương hàm dưới |
| 17 Thủy đảo | 38 Cơ trâm - lưỡi |
| 18 Nhân trước tường | 39 Cơ chân bướm trong |
| 19 Các ĐM thủy đảo | 40 Lưỡi gà và hầu miệng |
| 20 ĐM não trước | 41 Tuyến dưới hàm |
| 21 Rãnh bên | |



 Thùy thái dương

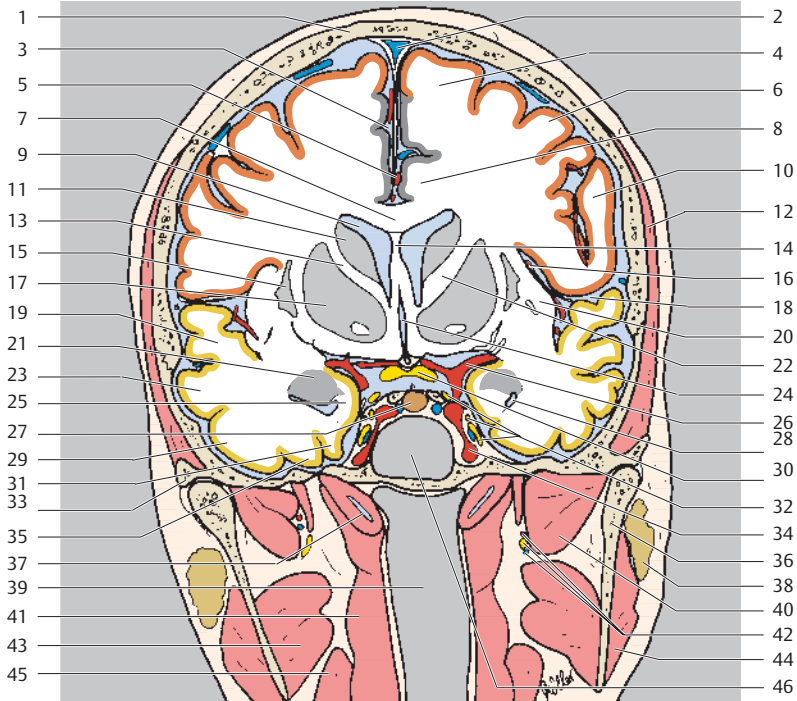


- | | |
|--------------------------------|------------------------------|
| 1 Não thất bên (sừng trán) | 20 Xoang hang |
| 2 Thệ chai (thân) | 21 TK vận nhãn (III) |
| 3 Đầu nhân đuôi | 22 Tuyến yên |
| 4 Vách trong suốt | 23 TK ròng rọc (IV) |
| 5 Bao trong (trụ trước) | 24 Xoang gian hang dưới |
| 6 Bề sẫm | 25 TK mắt (V1) |
| 7 Thệ chai (mô) | 26 Hồ tuyến yên |
| 8 Bao ngoài | 27 TK vận nhãn ngoài (VI) |
| 9 Vùng nhân acumben | 28 Xoang bướm |
| 10 Hôi dưới thệ chai | 29 TK hàm trên (V2) |
| 11 Nhân trước tường | 30 Xương bướm (thân) |
| 12 ĐM não trước | 31 Cơ căng màn khẩu cái |
| 13 Hôi thẳng | 32 Rãnh vôi tai (lỗ vôi tai) |
| 14 Bề giao thoa | 33 Cơ chân bướm ngoài |
| 15 Hôi ổ mắt | 34 Hầu mũi |
| 16 Giao thoa thị giác | 35 Cơ nâng màn khẩu cái |
| 17 Dải khứ | 36 Cơ chân bướm trong |
| 18 Hoàn yên | |
| 19 ĐM cảnh trong (đoạn siphon) | |



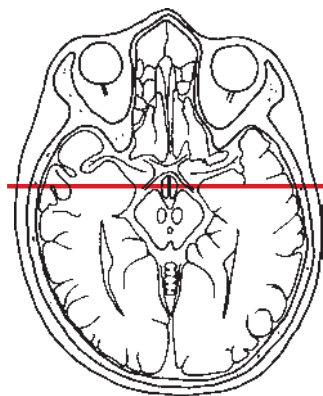
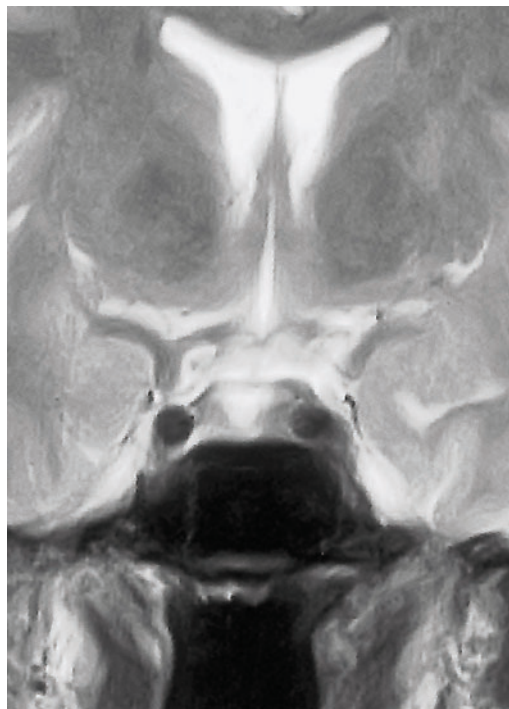
- Thủy trán
- Thủy thái dương

- 1 Xương trán
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Liềm đại não
- 4 Hồi trán trên
- 5 ĐM quanh chai
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Thể chai (gối)

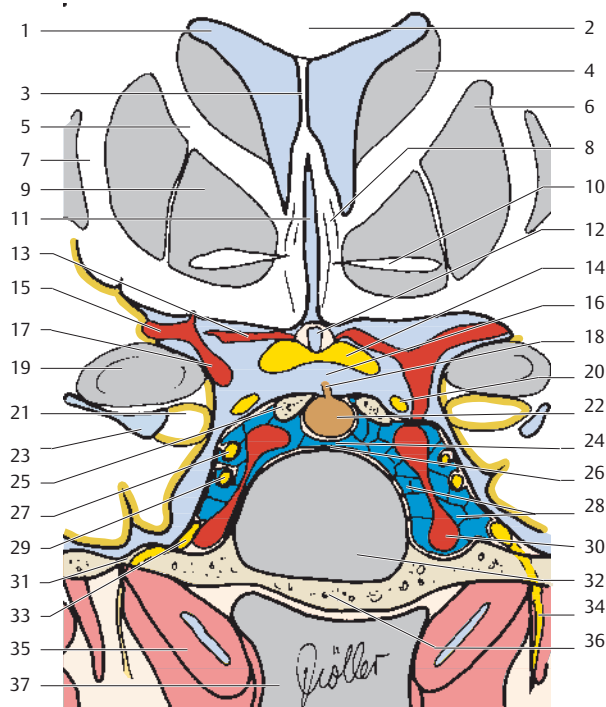


- 8 Hồi đại
- 9 Não thất bên (sừng trán)
- 10 Hồi trán dưới
- 11 Đầu nhân đuôi
- 12 Cơ thái dương
- 13 Bao ngoài
- 14 Vách trong suốt
- 15 Nhân trước tường
- 16 Các ĐM thủy đảo
- 17 Bèo sẫm
- 18 Rãnh bên
- 19 Hồi thái dương trên
- 20 Thủy đảo
- 21 Thể hạnh nhân
- 22 Bạo trong (trụ trước)
- 23 Hồi thái dương giữa
- 24 Khe não dọc
- 25 Hải mã
- 26 ĐM não giữa
- 27 Tuyến yên
- 28 Não thất bên (sừng thái dương)

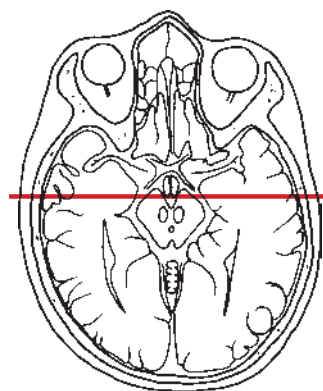
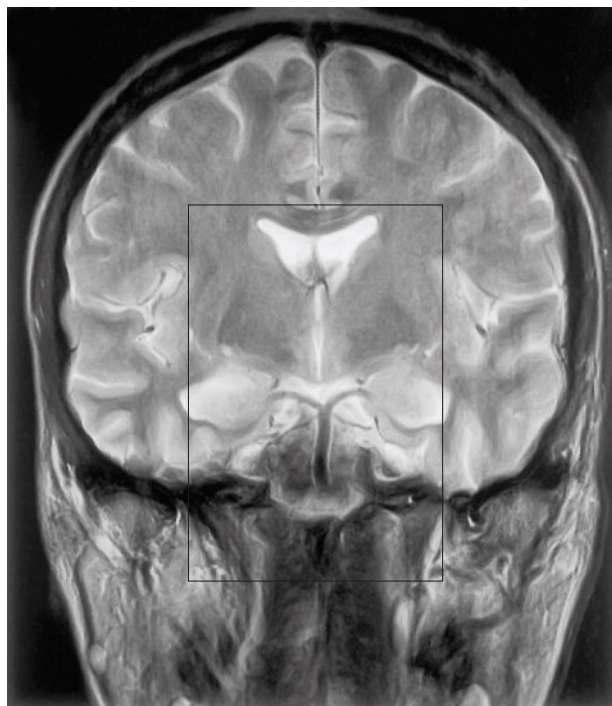
- 29 Hồi thái dương dưới
- 30 Giao thoa thị giác
- 31 Hồi cạnh hải mã
- 32 TK ròng rọc (IV), vận nhãn (III) và vận nhãn ngoài (VI), hạch TK sinh ba
- 33 Xương thái dương (mòm gò má)
- 34 ĐM cảnh trong (đoạn siphon)
- 35 Hồi thái dương chẩm ngoài
- 36 Chòm xương hàm dưới
- 37 Rãnh vòi tai (lỗ vòi tai)
- 38 Tuyến mang tai
- 39 Hầu
- 40 Cơ chân bướm ngoài
- 41 Cơ khíet hầu trên (cơ cửa hầu)
- 42 ĐM, TM và TK hàm dưới
- 43 Cơ chân bướm trong
- 44 Cơ cắn
- 45 Cơ trâm - lưỡi
- 46 Xoang bướm



Thùy thái dương

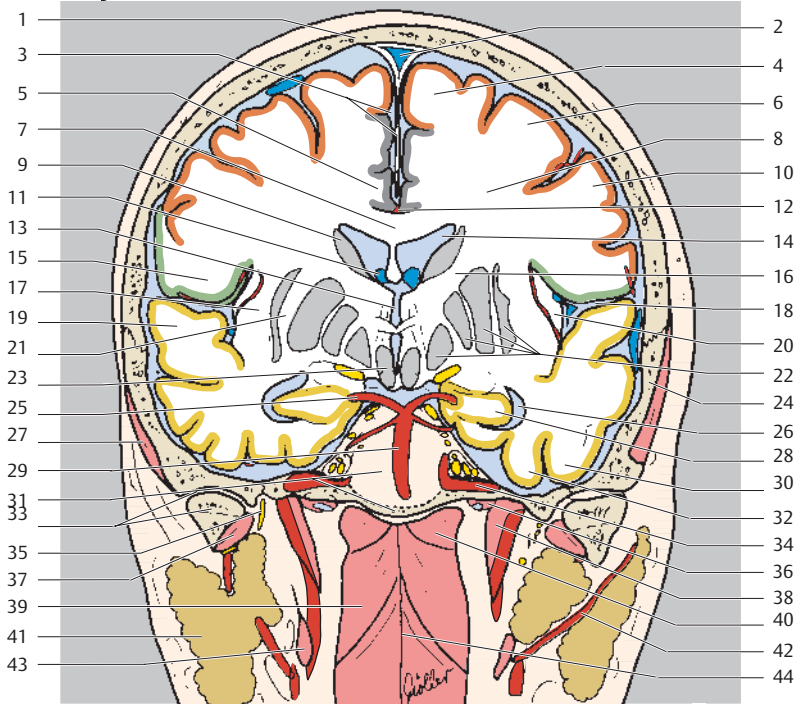


- | | |
|----------------------------|--|
| 1 Não thất bên (sừng trán) | 20 TK vận nhãn (III) |
| 2 Thê chai (thân) | 21 Hải mã |
| 3 Vách trong suốt | 22 Tuyến yên |
| 4 Đầu nhân đuôi | 23 Não thất bên (sừng thái dương) |
| 5 Bao trong (trụ trước) | 24 Xoang gian hang dưới |
| 6 Bèo sẫm | 25 Momen yên sau |
| 7 Bao ngoài | 26 Hồ tuyến yên |
| 8 Mép trước vòm não | 27 TK ròng rọc (IV) |
| 9 Cầu nhật | 28 Xoang hang |
| 10 Mép trước | 29 TK vận nhãn ngoài (VI), hạch của TK sinh ba |
| 11 Khe não dọc | 30 ĐM cảnh trong (đoạn siphon) |
| 12 Ngách thị giác | 31 Lỗ bầu dục |
| 13 ĐM não trước (đoạn A1) | 32 Xoang bướm |
| 14 Giao thoa thị giác | 33 Hạch dây TK sinh ba (V) |
| 15 ĐM não giữa | 34 TK hàm dưới (V3) |
| 16 Bê trên yên | 35 Rãnh vò tai |
| 17 ĐM cảnh trong | 36 Xương bướm (thân) |
| 18 Củ xám | 37 Hầu mũi |
| 19 Thê hạnh nhân | |



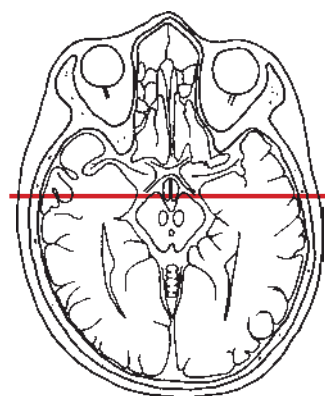
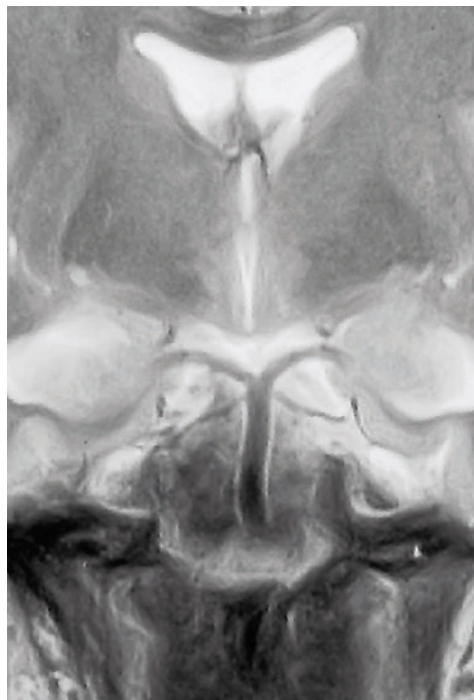
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh

- 1 Thùy trán
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Liềm đại não
- 4 Hồi trán trên
- 5 Hồi đại
- 6 Hồi trán giữa
- 7 Thệ chạp (thân)
- 8 Chất trắng (trung tâm bán cầu dục)

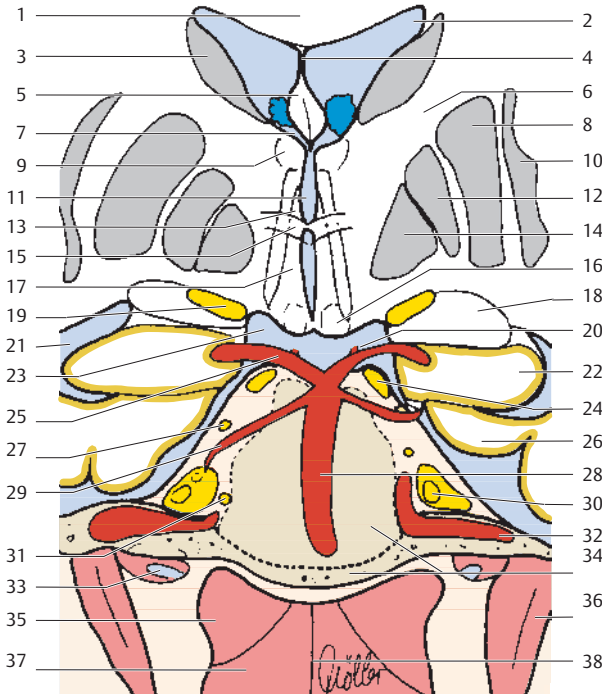


- 9 Nhân đuôi (thân)
- 10 Huyết não dưới
- 11 Lỗ gian não thất
- 12 ĐM quanh chai
- 13 Não thất ba
- 14 Não thất bên (sừng trán)
- 15 Nếp trán
- 16 Bao trong (gối)
- 17 Bao ngoài cùng
- 18 Rãnh bên
- 19 Huyết não trên
- 20 Thùy đảo
- 21 Bao ngoài
- 22 Hạch nền (nhân bèo)
- 23 Thùy vú và vùng dưới đồi
- 24 Xương thái dương
- 25 ĐM não sau
- 26 Não thất bên (sừng thái dương)

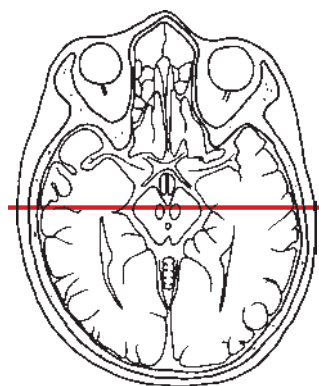
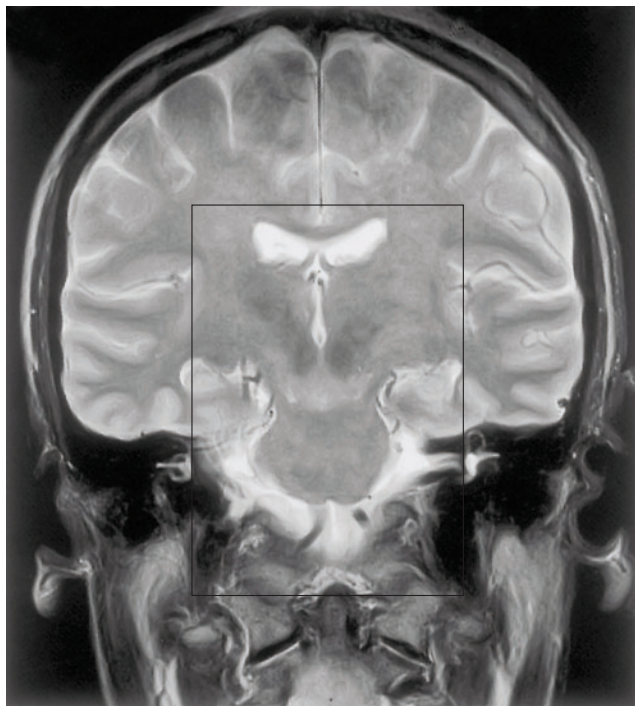
- 27 Cơ thái dương
- 28 Hải mã
- 29 ĐM nền
- 30 Huyết não giữa
- 31 Xương chẩm (mặt đốc)
- 32 Huyết não chẩm ngoài
- 33 Chòm xương hàm dưới và khớp thái dương hàm
- 34 ĐM cảnh trong (đoạn siphon)
- 35 TK hàm dưới
- 36 Rãnh vòm tai (lỗ vòm tai)
- 37 Cơ chân bướm ngoài
- 38 Cơ nâng màn khẩu cái
- 39 Cơ khí hậu (trên, giữa và dưới)
- 40 Mạc hầu - nền
- 41 Tuyến mang tai
- 42 ĐM cảnh ngoài
- 43 Cơ trâm - lưỡi
- 44 Vách hầu



Thùy thái dương

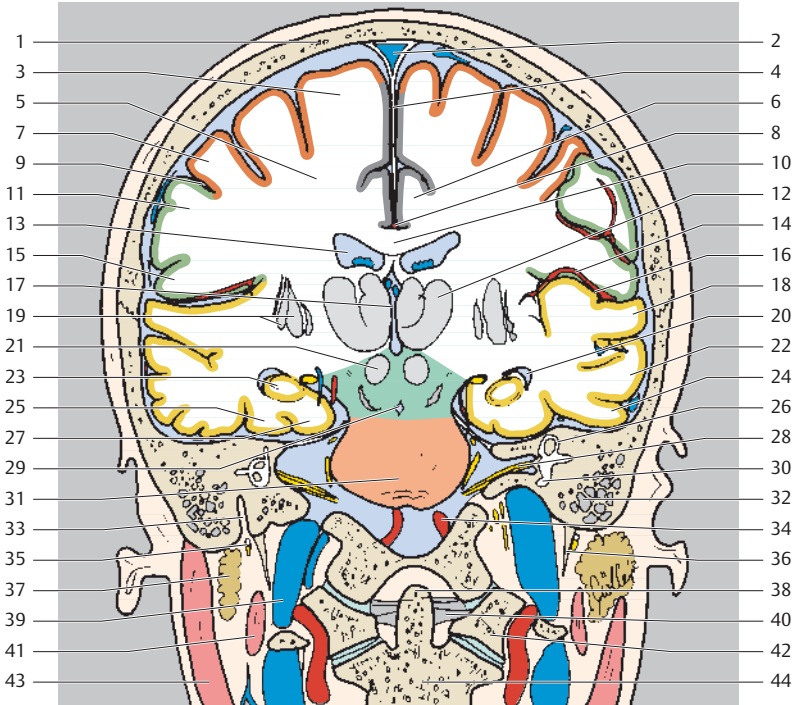


- | | |
|-----------------------------|-----------------------------------|
| 1 Thể chai (thân) | 20 ĐM thông sau |
| 2 Não thất bên (sừng trán) | 21 Não thất bên (sừng thái dương) |
| 3 Thân của nhân đuôi | 22 Hải mã |
| 4 Vách trong suốt | 23 Bề quanh thân não |
| 5 Vòm não (thân) | 24 TK vận nhãn (III) |
| 6 Bao trong (gối) | 25 ĐM não sau |
| 7 Lỗ gian não thất | 26 Hố cạnh hải mã |
| 8 Bẹ sẫm | 27 TK ròng rọc (IV) |
| 9 Đôi thị (nhân bụng trước) | 28 ĐM nền |
| 10 Nhân trước tường | 29 ĐM tiêu não trên |
| 11 Não thất ba | 30 TK sinh ba (hạch, V) |
| 12 Phần ngoài cầu nhện | 31 TK vận nhãn ngoài (VI) |
| 13 Vòm não (cột) | 32 ĐM cảnh trong (đoạn siphon) |
| 14 Phần trong cầu nhện | 33 Rãnh vùi tại (lỗ vùi tại) |
| 15 Mép trước | 34 Xương chẩm (phần nền), mặt dốc |
| 16 Thể vú | 35 Mạc hầu - nền |
| 17 Vùng dưới đồi | 36 Cơ nâng màn khẩu cái |
| 18 Thể hạnh nhân | 37 Cơ khít hầu trên |
| 19 Dải thị giác | 38 Vách hầu |



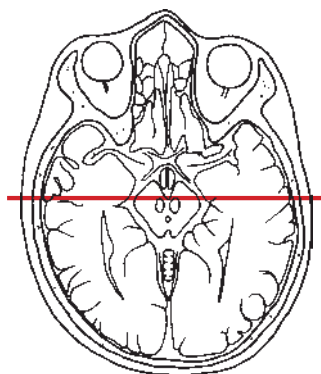
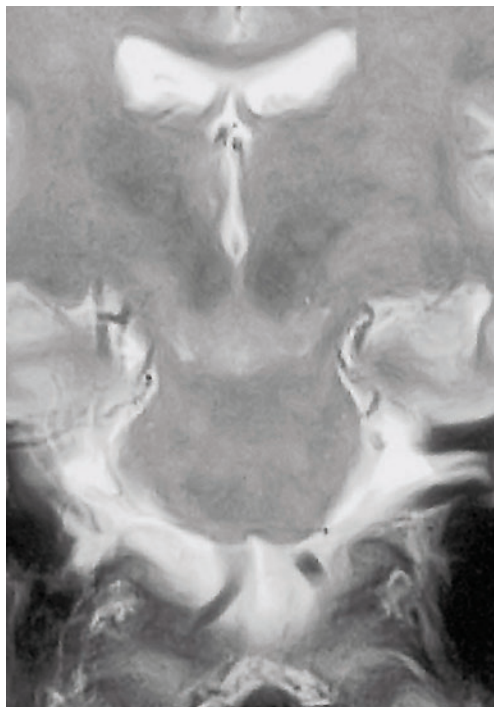
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Trung não
- Cầu não

- 1 Xương đỉnh
- 2 Xương TM dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Liềm não
- 5 Chất trắng trung tâm (trung tâm dưới bầu dục)
- 6 Hồi đại
- 7 Hồi trước trung tâm
- 8 ĐM quanh chai
- 9 Rãnh trung tâm



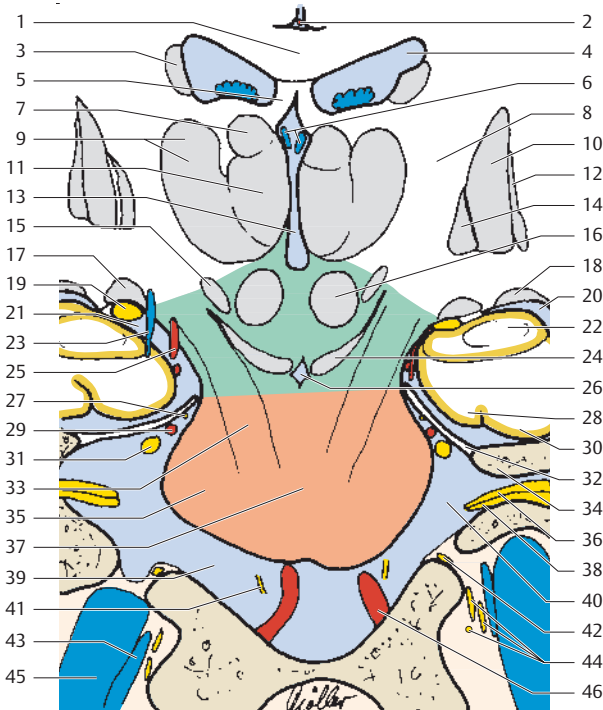
- 10 Thê chai (thân)
- 11 Hội sau trung tâm
- 12 Đồi thị
- 13 Não thất bên
- 14 Các ĐM thùy đảo
- 15 Nắp đỉnh
- 16 Rãnh bên
- 17 Não thất ba
- 18 Hội thái dương trên
- 19 Hạch nền (nhân bèo)
- 20 Não thất ba (sừng thái dương)
- 21 Nhân đồ
- 22 Hội thái dương giữa
- 23 Hải mã
- 24 Hội thái dương dưới
- 25 Hội thái dương chẩm ngoài
- 26 Ống bán khuyên màng (phần trên)
- 27 Hội cạnh hải mã

- 28 TK tiền đình ốc tai (VIII) và TK mặt (VII) trong ống tai trong
- 29 Bề gian cuốn
- 30 Ốc tai
- 31 Cầu não
- 32 Mỏm chũm với các tế bào chũm
- 33 Lỗ trâm chũm
- 34 ĐM đốt sống
- 35 TK mặt (VII)
- 36 Mỏm trâm
- 37 Tuyến mang tai
- 38 Răng cửa đốt trực
- 39 TM cạnh trong
- 40 Dây chằng ngang đốt đội
- 41 Cơ nhị thân (bụng sau)
- 42 Đốt đội (khối bên)
- 43 Cơ ức - đòn - chũm
- 44 Đốt trực



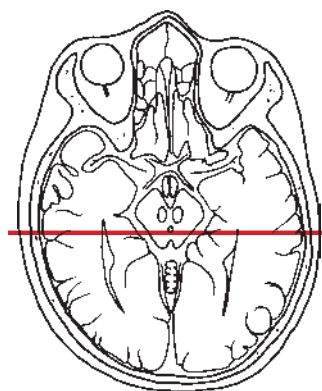
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Trung não
- Cầu não
- Hành não

- 1 Thể chai (thân)
- 2 ĐM quanh chai
- 3 Nhân đuôi (thân)
- 4 Não thất bên
- 5 Vòm não (trụ)
- 6 TM não trước
- 7 Đồi thị (nhân lưng ngoài)
- 8 Bao trong (trụ sau)



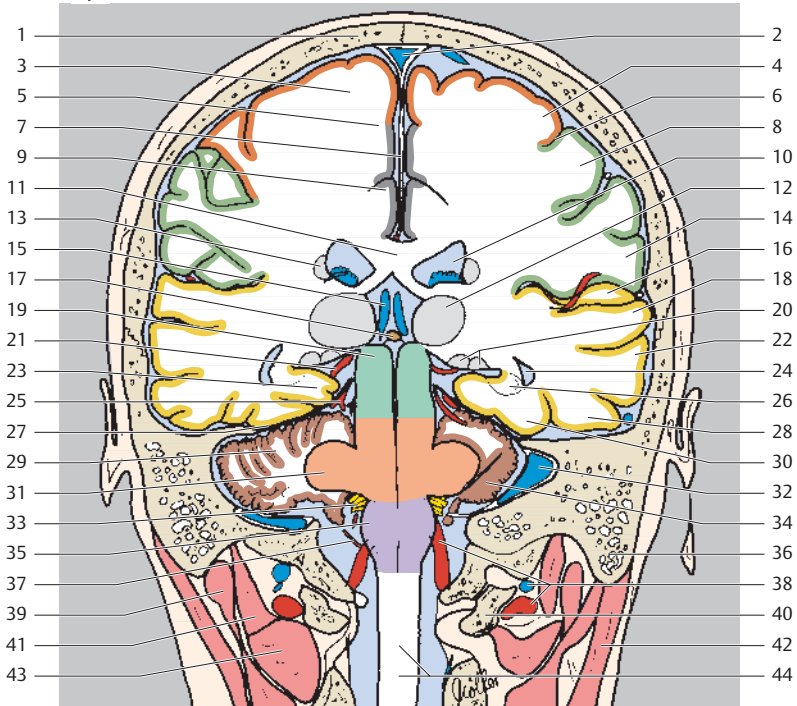
- 9 Đồi thị (Nhân bụng ngoài)
- 10 Nhân bào
- 11 Đồi thị (nhân trong)
- 12 Nhân trước tường
- 13 Não thất ba
- 14 Cầu nhát
- 15 Nhân dưới đồi thị
- 16 Nhân đỏ
- 17 Thê gối ngoài
- 18 Nhân đuôi (đuôi)
- 19 Dải thị giác
- 20 Não thất bên (sừng thái dương)
- 21 Bể quanh thân não
- 22 Hải mã
- 23 TM nền
- 24 Chất đen
- 25 ĐM não sau
- 26 Bể gian cuống não
- 27 TK rỗng rọc (IV)
- 28 Hồi cạnh hải mã

- 29 ĐM tiểu não trên
- 30 Hồi thái dương chẩm ngoài
- 31 TK sinh ba (V)
- 32 Lều tiểu não
- 33 Bộ vỏ- gai
- 34 Phần đá xương thái dương
- 35 Cuống tiểu não giữa
- 36 TK mắt (VII) trong ống tai trong
- 37 Cầu não
- 38 TK tiền đình ốc tai (VIII) trong ống tai trong
- 39 Bể cầu não
- 40 Bể hành tiểu não
- 41 TK giàng (VI)
- 42 TK thiệt hầu (IX)
- 43 TM đốt sống
- 44 TK lang thang (X), TK phụ (XI), TK hạ thiệt (XII)
- 45 TM cảnh trong
- 46 ĐM đốt sống



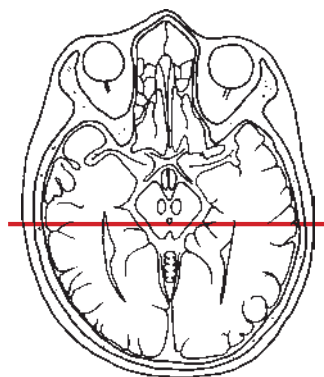
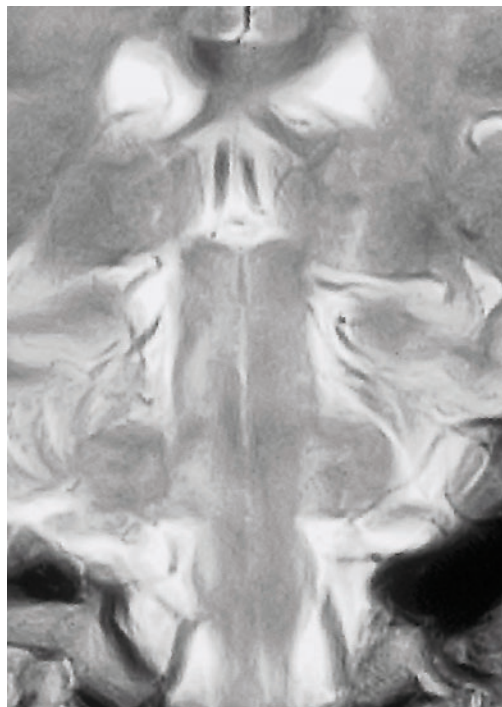
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Tiểu não
- Trung não
- Cầu não
- Hành não

- 1 Xương đỉnh
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Hồi trước trung tâm
- 5 Tiểu thùy cạnh trung tâm
- 6 Rãnh trung tâm
- 7 Liềm não
- 8 Hồi sau trung tâm
- 9 Hồi đại

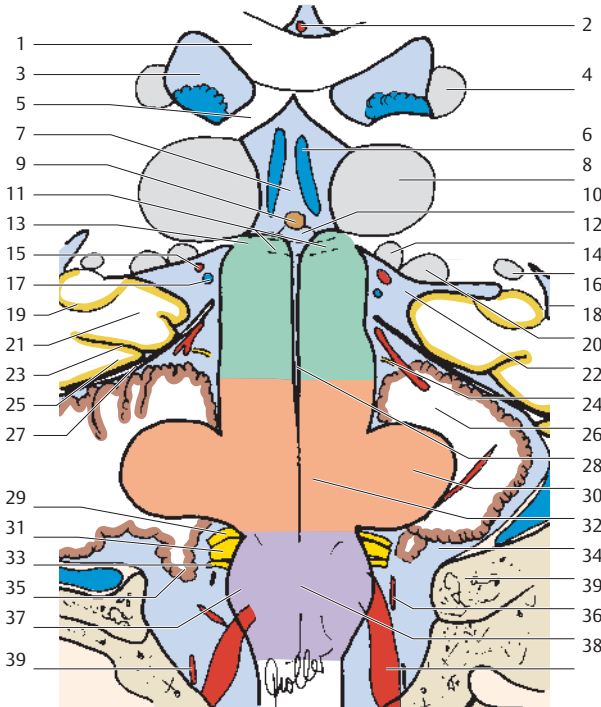


- 10 Não thất bên
- 11 Thệ chai
- 12 Đồi thị
- 13 Nhân đuôi
- 14 Hồi trên viền
- 15 TM não trong
- 16 Hồi thái dương ngang
- 17 Thệ tùng
- 18 Hồi thái dương trên
- 19 Củ não
- 20 Thệ gối trong và thệ gối ngoài
- 21 Đm chẩm
- 22 Hồi thái dương giữa
- 23 Hồi cạnh hải mã
- 24 Não thất bên (sừng thái dương)
- 25 ĐM tiểu não trên
- 26 Hải mã
- 27 Lều tiểu não

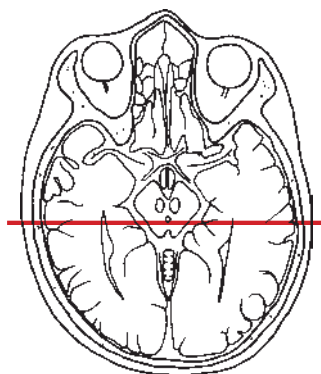
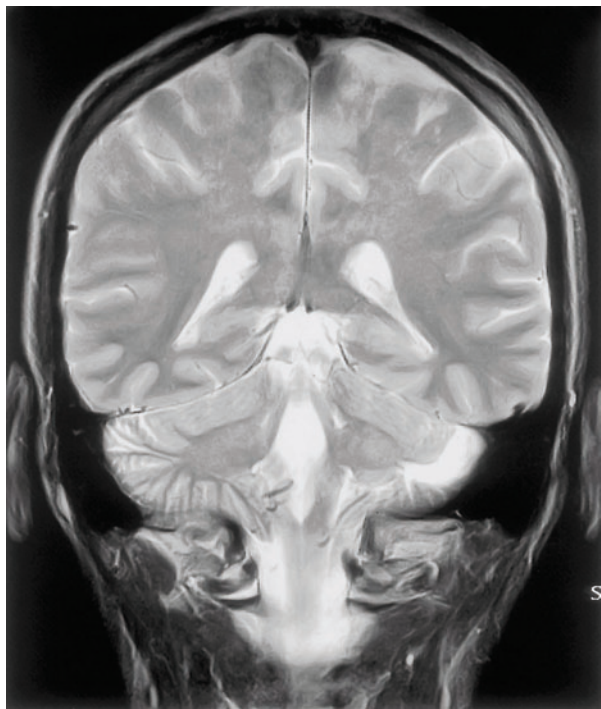
- 28 Hồi thái dương dưới
- 29 Thủy trước tiểu não
- 30 Hồi thái dương chẩm ngoài
- 31 Cuống tiểu não giữa
- 32 Xoang xích- ma
- 33 TK mặt (VII), TK tiền đình ốc tai (VIII), TK thiệt hầu (IX)
- 34 Nhung tiểu não
- 35 Phức hợp trám dưới
- 36 Xương chũm với các tế bào chũm
- 37 ĐM tiểu não sau dưới
- 38 ĐM, TM đốt sống
- 39 Cơ nhĩ thân (bụng sau)
- 40 Đốt đội (khối bên)
- 41 Cơ chéo đầu trên
- 42 Cơ ức- đòn- chũm
- 43 Cơ chéo đầu dưới
- 44 Tủy sống (khe giữa- trước)



- Thủy thái dương
- Tiểu não
- Trung não
- Cầu não
- Hành não

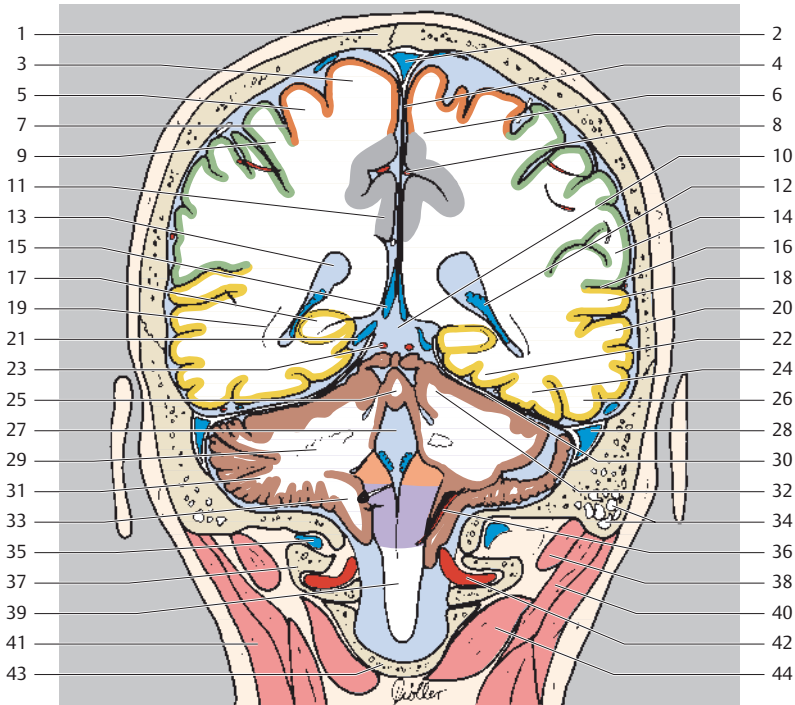


- | | |
|-----------------------------------|------------------------------|
| 1 Thể chai (thân) | 22 TK rỗng rọc (IV) |
| 2 ĐM quanh chai | 23 Rãnh bên phụ |
| 3 Não thất bên | 24 Thùy trước của tiểu não |
| 4 Thân của nhân đuôi | 25 Hội thái dương chằm ngoài |
| 5 Vòm não (trụ) | 26 Cống trung não |
| 6 TM não trong | 27 Lều tiểu não |
| 7 Ngách trên tuyến tùng | 28 Cuống tiểu não giữa |
| 8 Đới thị (đầu chằm) | 29 TK thiệt hầu (IX) |
| 9 Tuyến tùng | 30 Cầu não |
| 10 Cống trung não | 31 TK lang thang (X) |
| 11 Mép sau | 32 Bể hành tiểu não |
| 12 Thể gối trong | 33 TK phụ (XI) |
| 13 Củ não | 34 Xương chằm |
| 14 Thể gối ngoài | 35 Nhung tiểu não |
| 15 ĐM não sau | 36 Hành não |
| 16 Đuôi nhân đuôi | 37 Phức hợp trám dưới |
| 17 TM nền | 38 ĐM đốt sống |
| 18 Não thất bên (sừng thái dương) | 39 ĐM tiểu não sau dưới |
| 19 Hải mã | |
| 20 Bề tinh mạch não lớn | |
| 21 Hồi cạnh hải mã | |



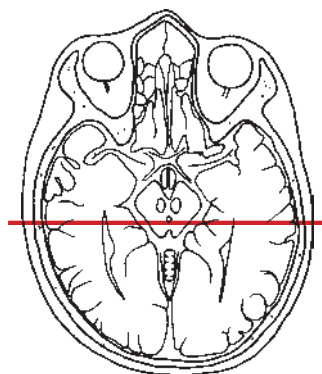
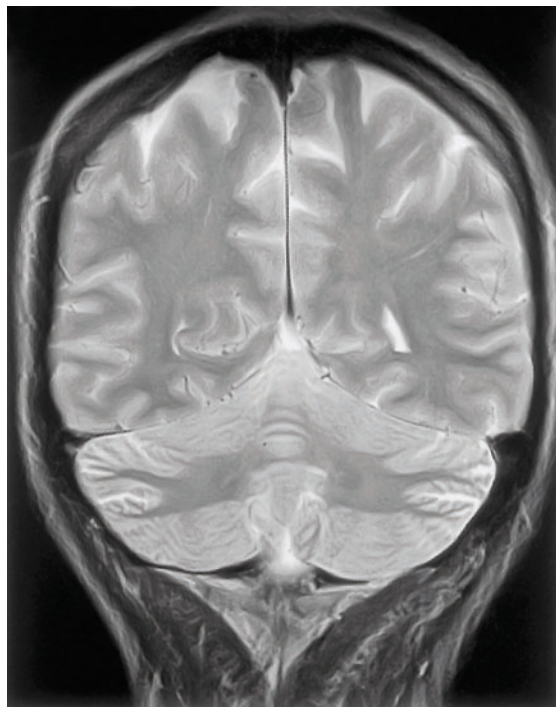
- Thùy trán
- Thùy thái dương
- Thùy đỉnh
- Tiểu não

- 1 Xương đỉnh
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Hồi trán trên
- 4 Liềm não
- 5 Hồi trước trung tâm
- 6 Tiểu thùy cạnh trung tâm
- 7 Rãnh trung tâm

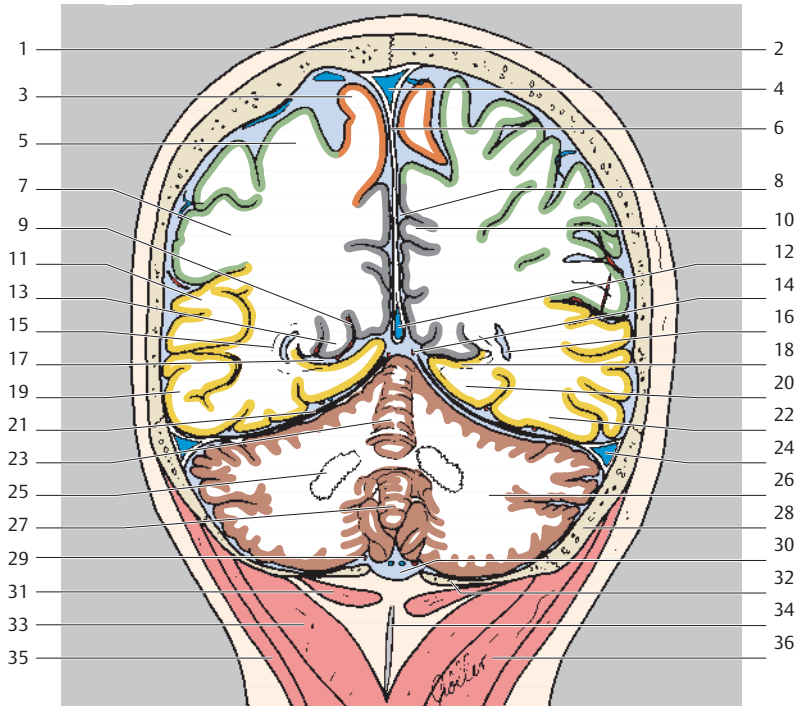


- 8 ĐM trước chêm
- 9 Hối sau trung tâm
- 10 Bệ củ não sinh tư
- 11 Hối trước chêm
- 12 Đám rối mạch mạc
- 13 Não thất bên (tam giác bên)
- 14 Hối trên viền
- 15 TM não trong
- 16 Rãnh bên
- 17 Hại mã
- 18 Hối thái dương trên
- 19 Tia thị giác
- 20 Hối thái dương giữa
- 21 TM nền
- 22 Hối thái dương chằm trong
- 23 ĐM tiểu não trên
- 24 Hối thái dương chằm ngoài
- 25 Thùy nhộng tiểu não
- 26 Hối thái dương dưới

- 27 Não thất bốn
- 28 Xoang ngang
- 29 Nhân răng tiểu não
- 30 Lều tiểu não
- 31 Thùy sau tiểu não
- 32 Thùy trước tiểu não
- 33 Hạnh nhân tiểu não
- 34 Các tế bào chũm trong xương chũm
- 35 TM đốt sống
- 36 ĐM tiểu não sau dưới
- 37 Đốt đội (khối bên)
- 38 Cơ chéo đầu trên
- 39 Tủy sống
- 40 Cơ dài đầu
- 41 Cơ ức- đòn- chũm
- 42 ĐM đốt sống
- 43 Đốt sống cổ 3 (cung)
- 44 Cơ chéo đầu dưới

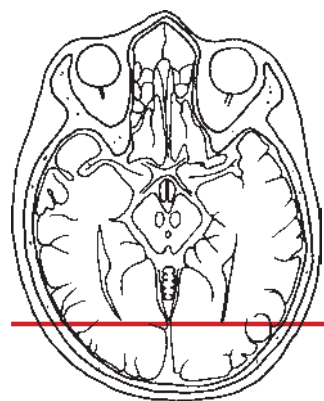
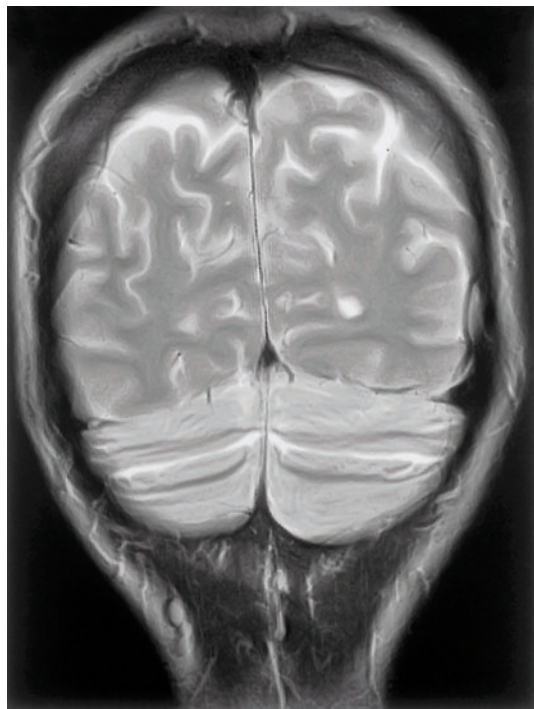


-  Thùy trán
-  Thùy thái dương
-  Thùy đỉnh
-  Tiểu não

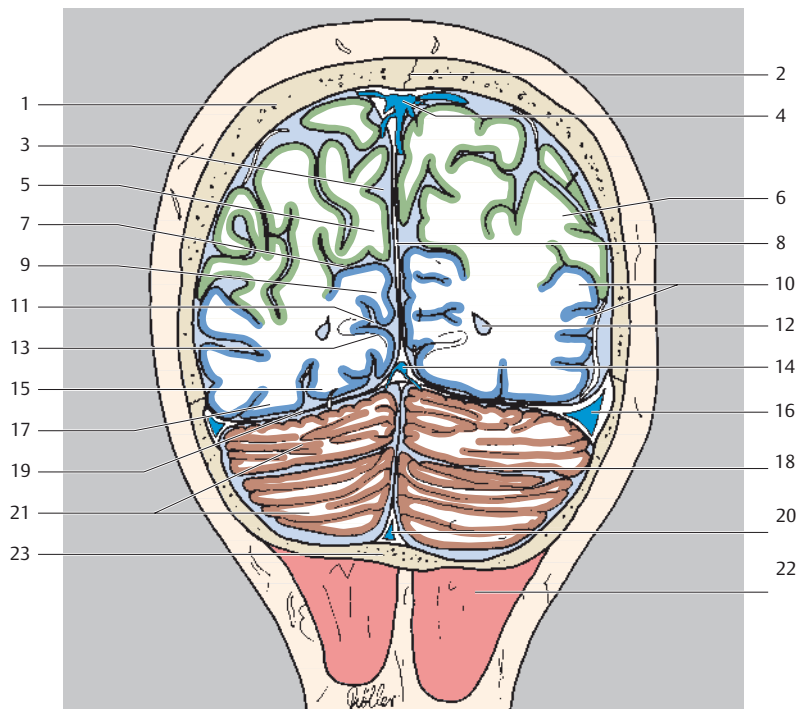


- 1 Xương đỉnh
- 2 Đường khớp dọc
- 3 Hồi trước trung tâm
- 4 Xoang TM đọc trên
- 5 Hồi sau trung tâm
- 6 Liềm não
- 7 Hồi trên viền
- 8 Khe não dọc
- 9 Rãnh đỉnh- chẩm
- 10 Hồi trước chêm
- 11 Hồi thái dương giữa
- 12 Hồi thẳng
- 13 Hồi chêm
- 14 ĐM não trước
- 15 Tia thị giác
- 16 Não thất bên (sừng chẩm)
- 17 Rãnh chạ
- 18 Vỏ thể vân
- 19 Hồi thái dương dưới

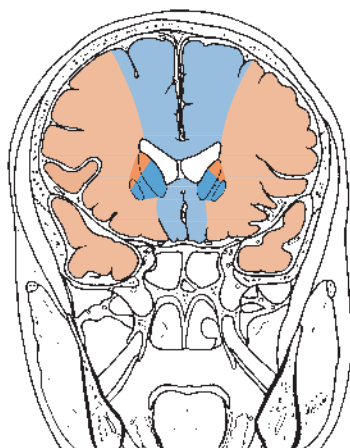
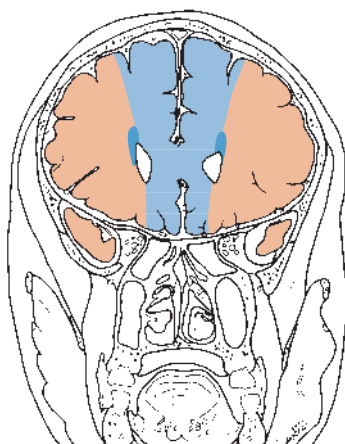
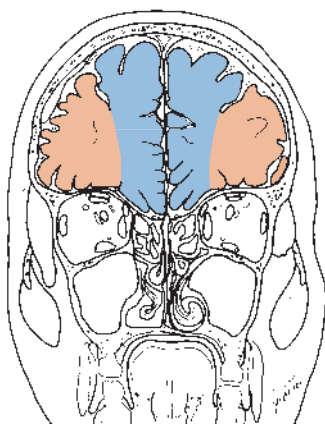
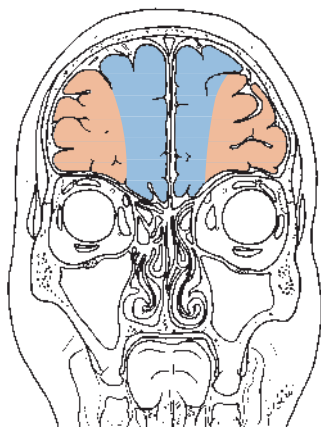
- 20 Hồi thái dương chẩm trong
- 21 Lều tiểu não
- 22 Hồi thái dương chẩm ngoài
- 23 Thủy nhộng tiểu não
- 24 Xoang ngang
- 25 Nhân răng tiểu não
- 26 Thủy sau của tiểu não
- 27 Lưỡi gà của thủy nhộng
- 28 Xương thái dương
- 29 ĐM tiểu não sau dưới
- 30 Bể lớn
- 31 Cơ thẳng đầu sau bé
- 32 Xương chẩm
- 33 Cơ thẳng đầu sau lớn
- 34 Dây chằng gáy
- 35 Cơ gối đầu
- 36 Cơ bán gai đầu



- Thùy đỉnh
- Thùy chẩm
- Tiểu não

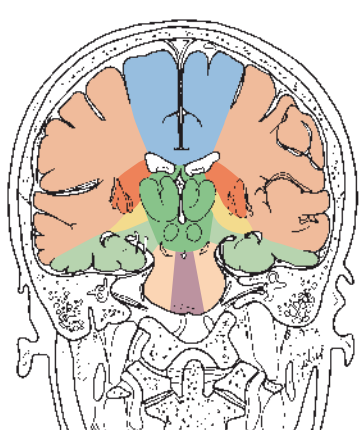
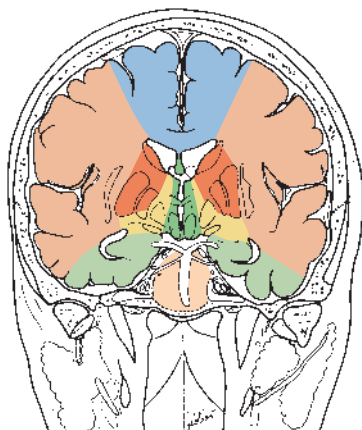
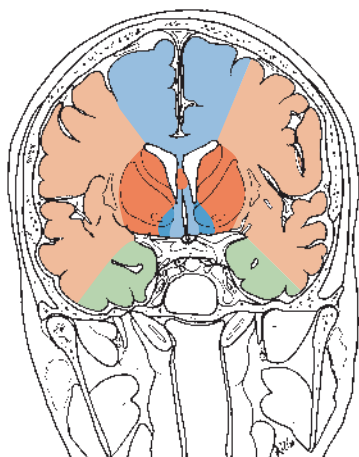
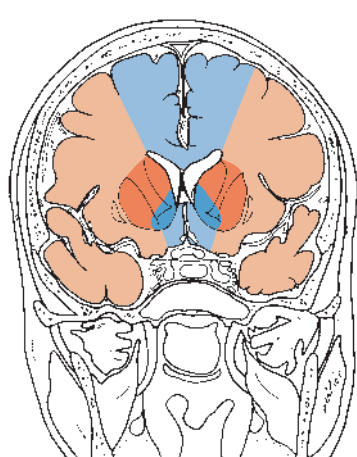


- | | |
|---------------------|------------------------------|
| 1 Xương đỉnh | 12 Não thất bên (sừng chằm) |
| 2 Đường khớp dọc | 13 Vỏ thể vân |
| 3 Khe não dọc | 14 Hội thặng |
| 4 Xương TM dọc trên | 15 Hồi thái dương chằm trong |
| 5 Hồi trước chằm | 16 Xương ngang |
| 6 Hồi góc | 17 Hồi thái dương chằm ngoài |
| 7 Rãnh đỉnh - chằm | 18 Khe ngang |
| 8 Liệm não | 19 Lều tiểu não |
| 9 Hồi chằm | 20 Xoang chằm |
| 10 Thùy chằm | 21 Thùy sau của tiểu não |
| 11 Rãnh chằm | 22 Cơ bán gai đầu |
| | 23 Xương chằm |



ĐM não trước
 Các nhánh tận
 Các nhánh chính

ĐM não giữa
 Các nhánh tận
 Các nhánh chính



ĐM não trước

- Các nhánh tận
- Các nhánh chính (các ĐM thể vân gồm đầu xa ĐM thể vân trong)

ĐM não giữa

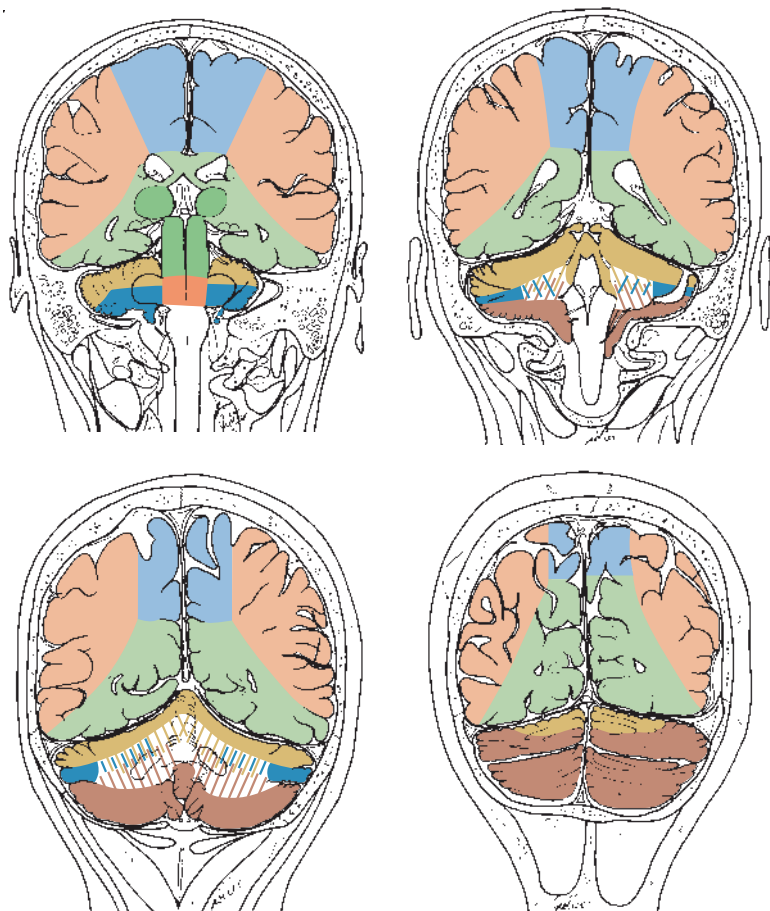
- Các nhánh tận
- Các nhánh chính (các nhánh thể vân)

ĐM não sau

- Các nhánh tận
- Các nhánh chính (gồm ĐM thông sau)
ĐM mạch mạc trước

ĐM nền

- Các nhánh cạnh đường giữa trước trong và trước ngoài
- Các ĐM vòng và các nhánh cạnh đường giữa ngoài và sau

**ĐM não trước**

■ Các nhánh tận

ĐM não giữa

■ Các nhánh tận

ĐM não sau

■ Các nhánh tận

■ Các nhánh chính (gồm ĐM thông sau)

■ ĐM mạch mạc trước

ĐM nền

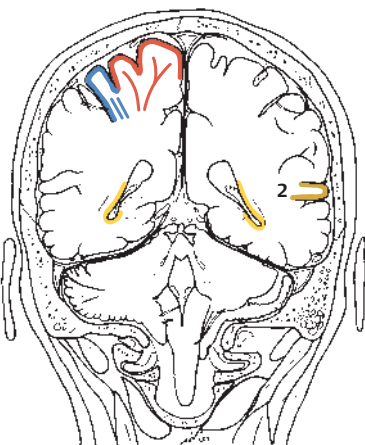
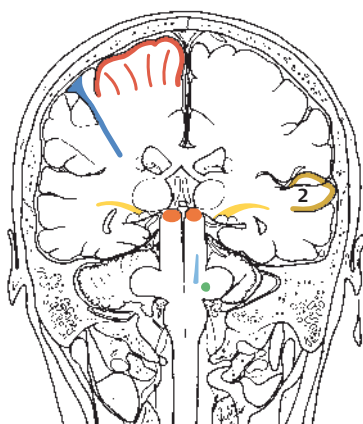
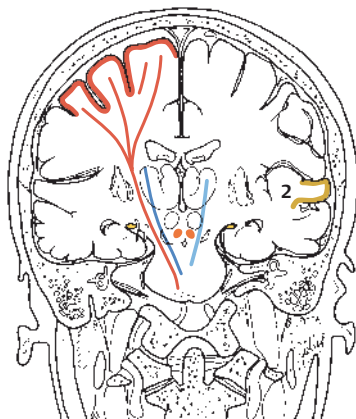
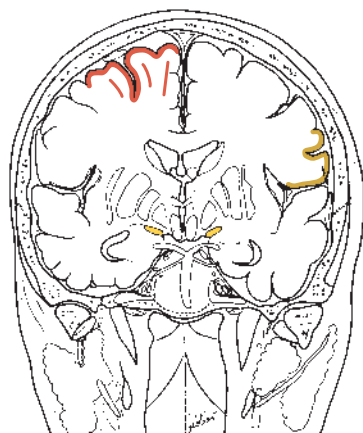
■ Các ĐM vòng và các nhánh cạnh đường giữa ngoài và sau

■ ĐM tiểu não trên

■ ĐM tiểu não trước dưới

■ Vùng ranh giới

■ ĐM tiểu não sau dưới



Hệ thống vận động

Hệ thống cảm giác



Dải cảm giác giữa



Bó gai- đồi thị



Nhân trung não của TK sinh ba



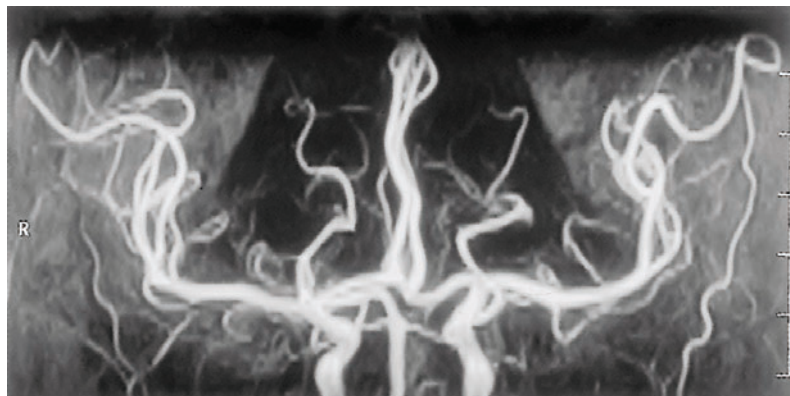
Nhân dây TK vận nhãn và các con đường



Dải thị giác

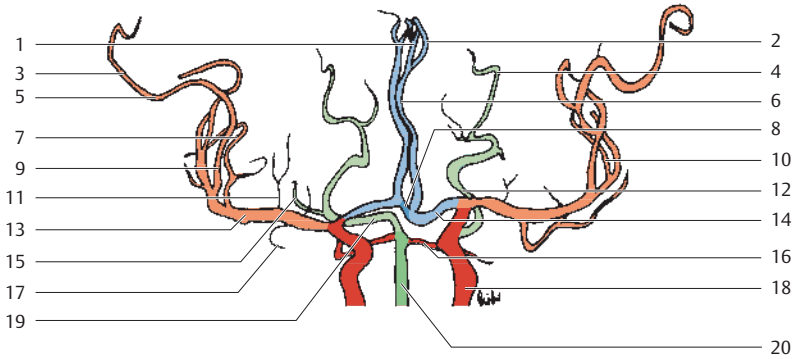


Trung tâm ngôn ngữ
(1 = vận động, 2 = cảm giác)

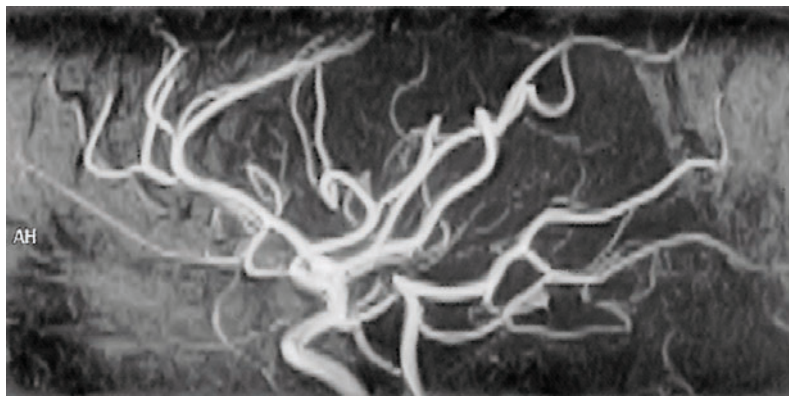


Nhìn từ trước

- ĐM não trước
- ĐM não giữa
- ĐM não sau

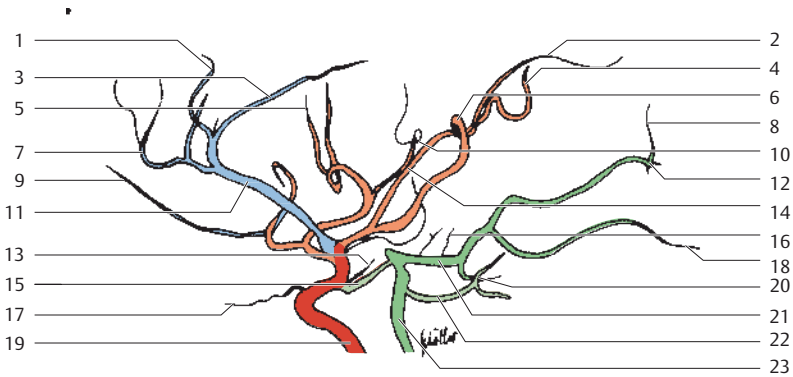


- | | |
|--|---|
| 1 ĐM viền chai | 11 ĐM thể vân |
| 2 ĐM quanh chai | 12 ĐM não sau trái (từ ĐM cảnh trong, thay đổi) |
| 3 ĐM đỉnh trên | 13 ĐM não giữa (phần xương bướm, đoạn M1) |
| 4 ĐM não sau (nhánh đỉnh- chẩm) | 14 ĐM não trước (phần thông trước) |
| 5 ĐM não giữa (phần nắp, đoạn M3) | 15 ĐM não sau (các nhánh thái dương và thái dương chẩm) |
| 6 ĐM não trước (phần thông sau) | 16 ĐM tiểu não trên |
| 7 Các ĐM thùy đảo | 17 ĐM cực thái dương |
| 8 ĐM thông trước | 18 ĐM cảnh trong |
| 9 ĐM não giữa (phần thùy đảo, đoạn M2) | 19 ĐM não sau phải |
| 10 ĐM thái dương trước và giữa | 20 ĐM nền |



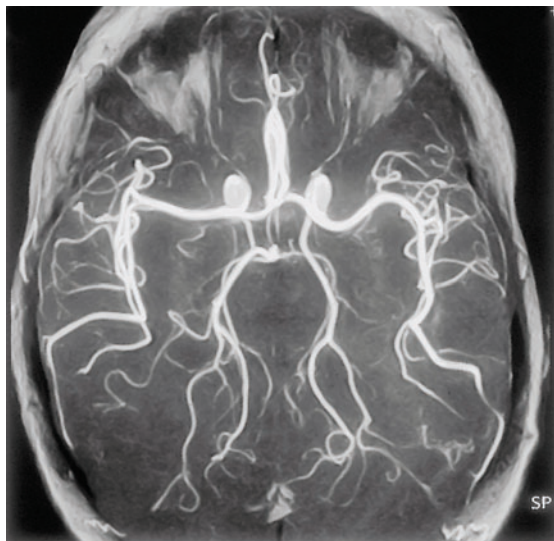
Nhìn bên

-  ĐM não trước
-  ĐM não giữa
-  ĐM não sau



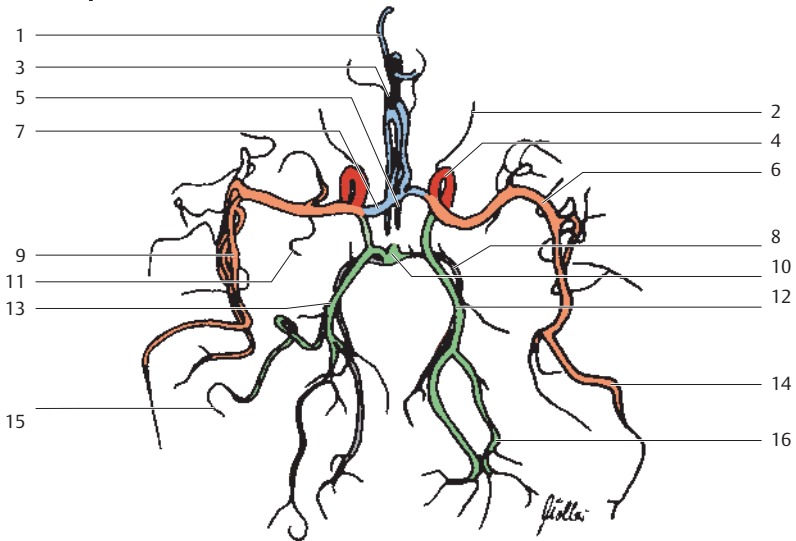
- 1 ĐM viền chai
- 2 ĐM đỉnh
- 3 ĐM quanh chai
- 4 ĐM góc
- 5 ĐM trước trung tâm
- 6 ĐM não giữa (phần nắp)
- 7 ĐM cực trán
- 8 ĐM đỉnh - chẩm
- 9 ĐM ô mắt trán trong
- 10 ĐM trung tâm
- 11 ĐM não trước (đoạn thông sau, đoạn A2)

- 12 ĐM chẩm trong
- 13 ĐM mạch mạc trước
- 14 ĐM não giữa (đoạn M2)
- 15 ĐM thông sau
- 16 Các ĐM trung tâm sau trong
- 17 ĐM mắt
- 18 Nhánh thái dương chẩm
- 19 ĐM cảnh trong
- 20 ĐM thái dương sau
- 21 ĐM não sau
- 22 ĐM tiểu não trên
- 23 ĐM nền



Nhìn từ sọ

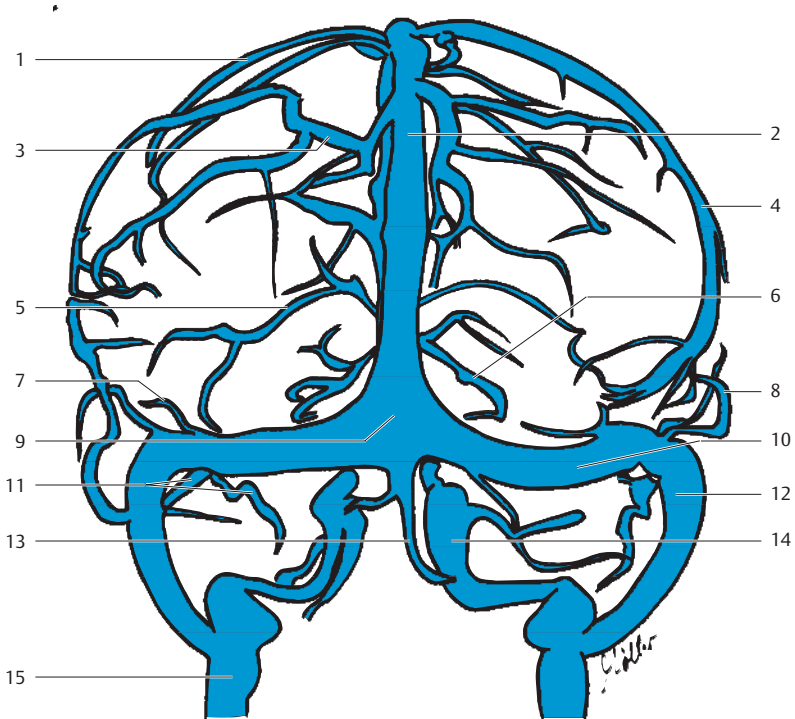
- ĐM não trước
- ĐM não giữa
- ĐM não sau



- 1 Nhánh trán trước trong của ĐM não trước
- 2 ĐM mắt
- 3 ĐM não trước(phần thông sau)
- 4 ĐM cảnh trong
- 5 ĐM thông trước
- 6 ĐM não giữa (phần xương bướm)
- 7 ĐM não trước (phần thông trước)

- 8 ĐM tiểu não trên
- 9 ĐM não giữa (phần thùy đảo)
- 10 ĐM nền
- 11 ĐM mạch mạc trước
- 12 ĐM não sau trái (từ ĐM cảnh trong, thay đổi)
- 13 ĐM não sau phải
- 14 ĐM não giữa (phần nắp)
- 15 ĐM thái dương
- 16 ĐM đỉnh- chẩm

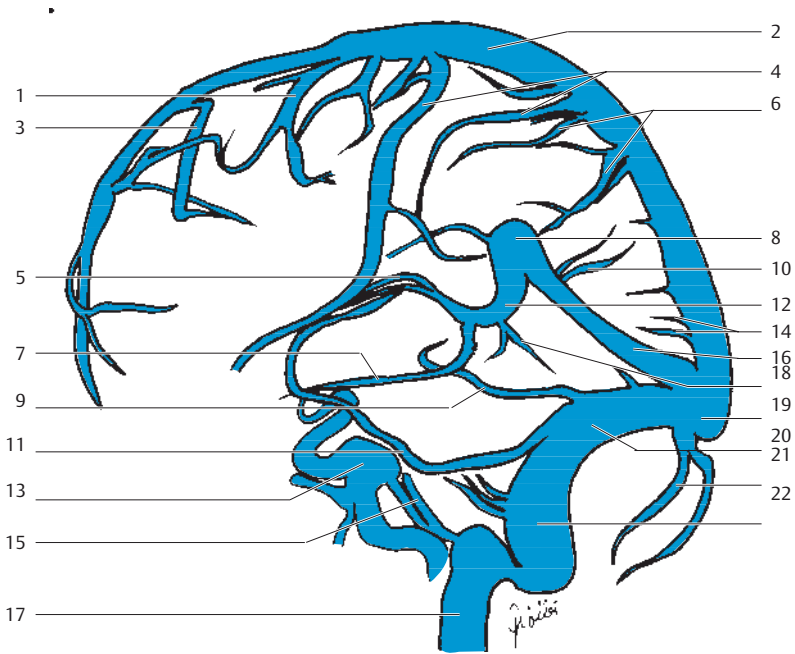




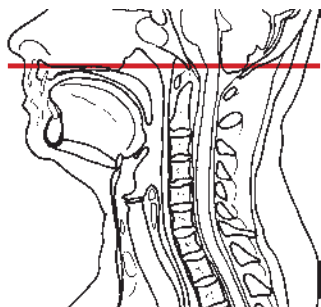
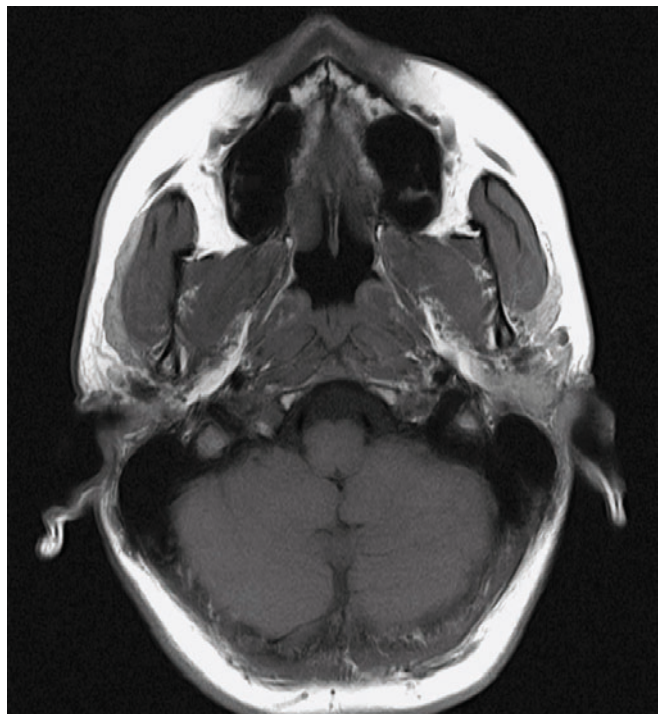
- 1 Các TM não trên
- 2 Xoang TM dọc trên
- 3 Các TM đỉnh
- 4 TM nổi trên (Trolard)
- 5 Các TM trán
- 6 TM nền
- 7 Các TM não giữa (nhánh sâu và nông)

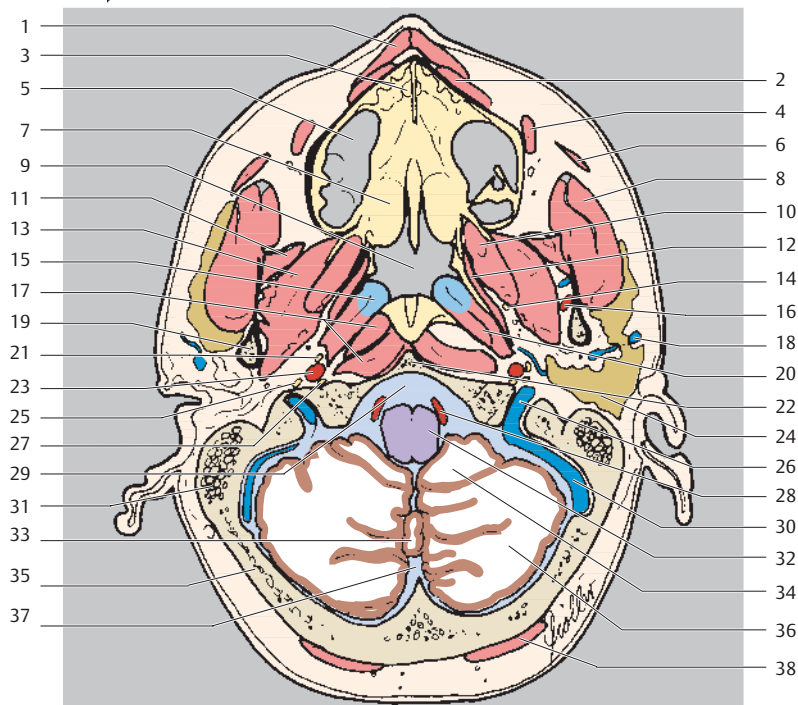
- 8 Xoang bướm-đỉnh
- 9 Hội lưu các xoang
- 10 Xoang ngang
- 11 Các TM bán cầu tiểu não trên
- 12 Xoang xích- ma
- 13 Các TM bán cầu tiểu não dưới
- 14 Xoang hang
- 15 TM cảnh trong



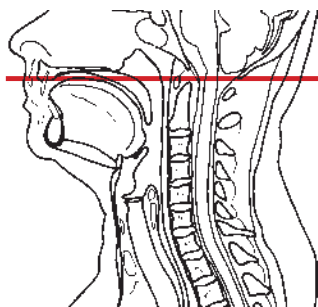
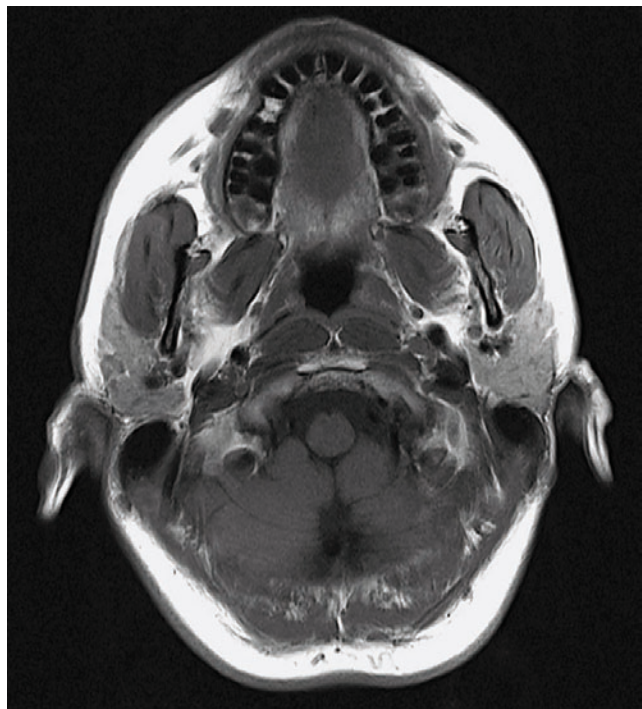


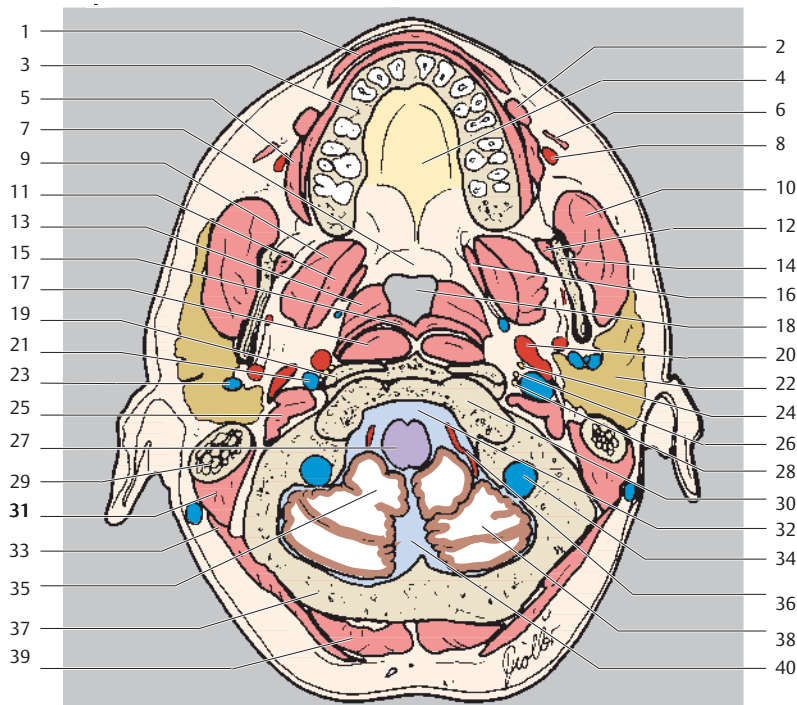
- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| 1 Các TM trước trung tâm của tiểu não | 12 TM não lớn |
| 2 Xoang TM dọc trên | 13 Xoang hang |
| 3 Các TM trán | 14 Các TM não sau |
| 4 Các TM não trên | 15 Xoang đá dưới |
| 5 Các TM não trong | 16 Xoang thẳng |
| 6 Các TM đỉnh | 17 TM cảnh trong |
| 7 TM nền | 18 Các TM bán cầu tiểu não trên |
| 8 Hội lưu các xoang ‘nhỏ’ | 19 Hội lưu các xoang |
| 9 TM nổi dưới (Labbé) | 20 Xoang ngang |
| 10 TM chẩm trong | 21 Các TM bán cầu tiểu não dưới |
| 11 Xoang đá trên | 22 Xoang xích - ma |



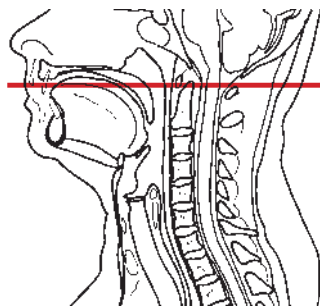
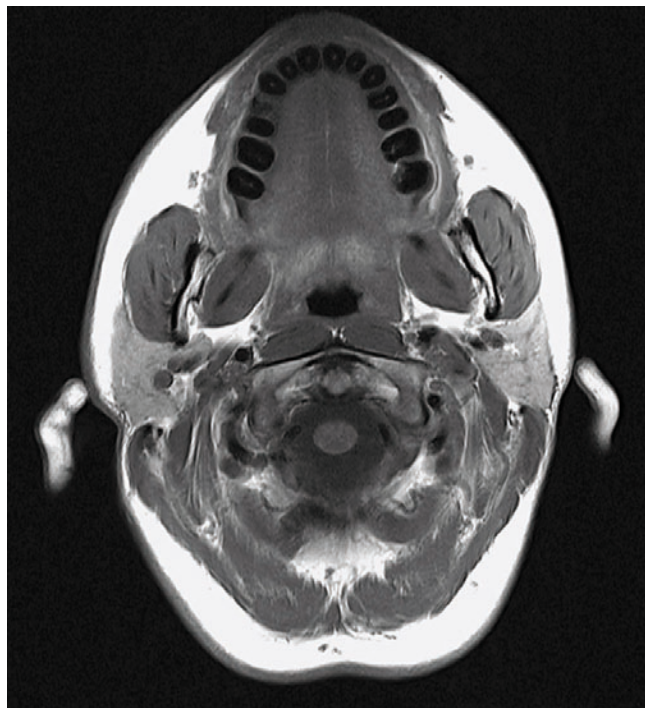


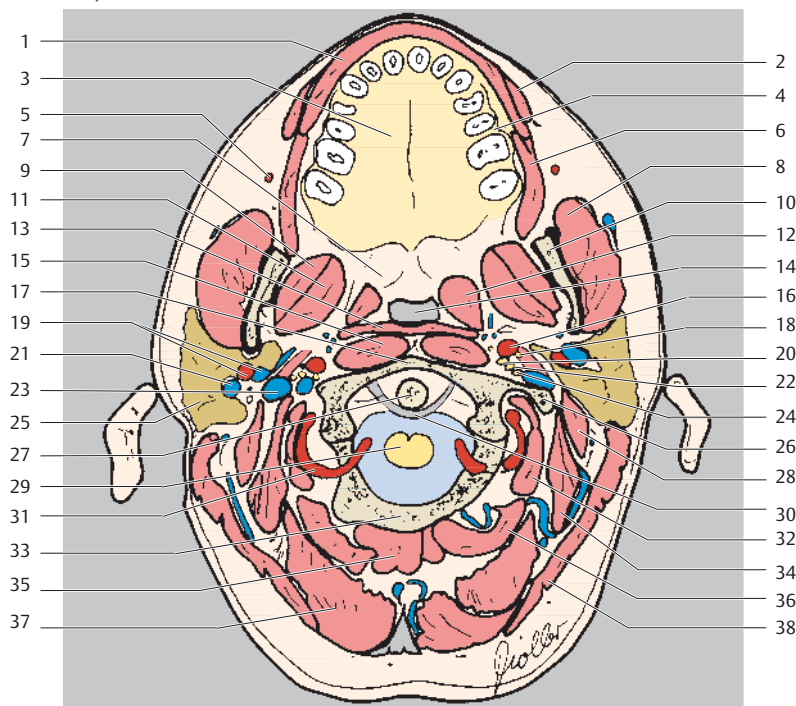
- | | |
|--|------------------------------------|
| 1 Cơ vòng miệng | 20 Cơ nâng màn khẩu cái |
| 2 Cơ nâng môi trên | 21 TK thiệt hầu |
| 3 Xương hàm trên (mòm khẩu cái) và lỗ răng cửa | 22 Xương chẩm, nền sọ |
| 4 Cơ nâng góc miệng | 23 ĐM cảnh trong |
| 5 Xoang hàm trên | 24 Tuyến mang tai |
| 6 Cơ gò má lớn | 25 TK phế vị (X) |
| 7 Khẩu cái mềm | 26 TM cảnh trong (nhánh trên) |
| 8 Cơ cắn | 27 TK hạ thiệt (XII) |
| 9 Họng mũi | 28 ĐM đốt sống |
| 10 Cơ chân bướm trong | 29 Bê gian cuống não |
| 11 Cơ thái dương | 30 Xoang sigma |
| 12 Cơ căng màn khẩu cái | 31 Các tế bào chũm |
| 13 Cơ chân bướm ngoài | 32 Hành não |
| 14 TK hàm dưới (V3) | 33 Thủy nhộng |
| 15 Vòi nhĩ (gờ cơ nâng màn hầu) | 34 Hành nhân tiểu não |
| 16 ĐM hàm | 35 Xương chẩm |
| 17 Cơ dài đầu | 36 Bán cầu tiểu não (thùy sau) |
| 18 TM sau hàm | 37 Bê lớn (Bê hành - tiểu não sau) |
| 19 Ngành lên xương hàm dưới | 38 Cơ bán gai đầu |



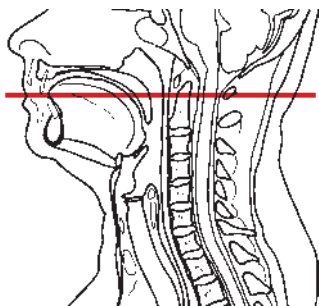
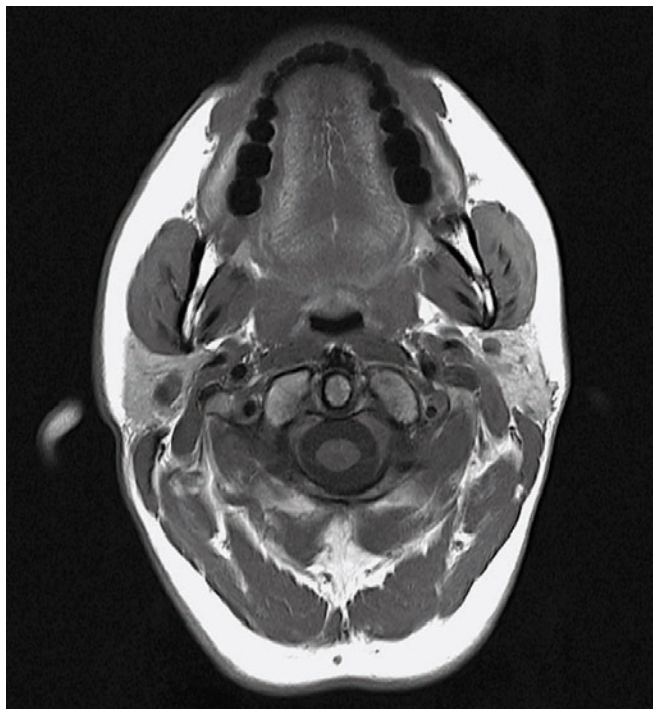


- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| 1 Cơ vòng miệng | 21 TM cánh trong |
| 2 Cơ nâng góc miệng | 22 Tuyến mang tai |
| 3 Xương hàm trên (lỗ chân răng) | 23 TM sau hàm |
| 4 Khẩu cái cứng | 24 TK phế vị (X) |
| 5 Cơ mút | 25 Cơ thẳng đầu bên |
| 6 Cơ gò má | 26 TK hạ thiệt (XII) |
| 7 Khẩu cái mềm | 27 Hành não |
| 8 ĐM mắt | 28 TK phụ (XI) |
| 9 Cơ chân bướm ngoài | 29 Các tế bào chũm (mòm chũm) |
| 10 Cơ nhai | 30 Xương chẩm, nền sọ |
| 11 Cơ chân bướm trong | 31 Cơ nhị thân (bụng sau) |
| 12 Cơ thái dương | 32 Bề gian củong não |
| 13 Cơ nâng màn khẩu cái | 33 Cơ gối đầu |
| 14 Ngành lên xương hàm dưới | 34 Ống lồi cầu với các TM liên lạc |
| 15 Cơ gối đầu | 35 Hành nhân tiểu não |
| 16 Cơ căng màn khẩu cái | 36 ĐM đốt sống |
| 17 Cơ dài đầu | 37 Xương chẩm |
| 18 Họng mũi | 38 Bán cầu tiểu não (thùy sau) |
| 19 Cung trước đốt đội | 39 Cơ bán gại đầu |
| 20 ĐM cánh trong | 40 Bề lớn (bề hành - tiểu não sau) |



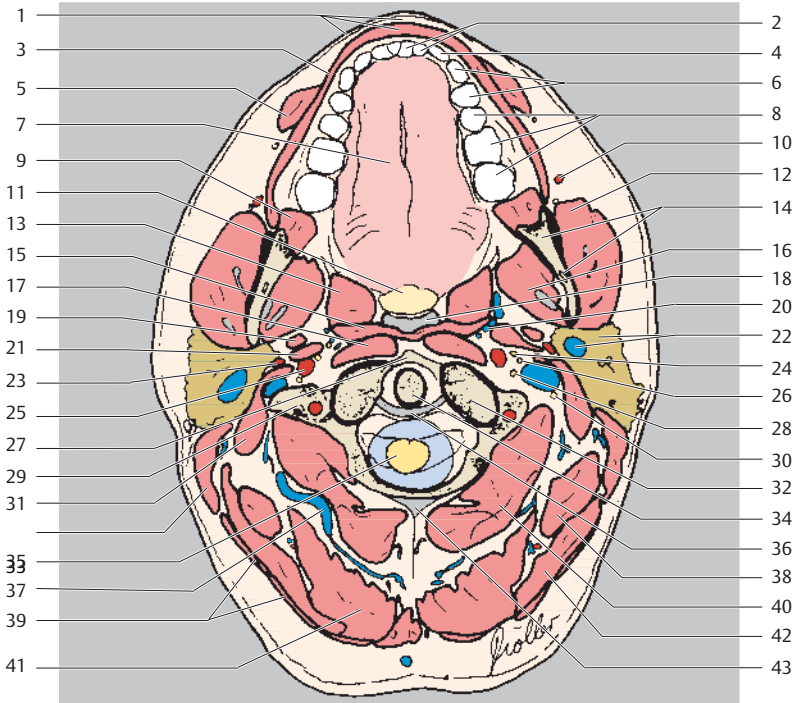


- | | |
|---------------------------------|----------------------------|
| 1 Cơ vòng miệng | 20 TK phế vị (X) |
| 2 Cơ nâng góc miệng | 21 TM sau hàm |
| 3 Khẩu cái cứng | 22 TK hạ thiệt (XII) |
| 4 Xương hàm trên (lỗ chân răng) | 23 Cơ trâm hầu |
| 5 ĐM mặt | 24 TK phụ (XI) |
| 6 Cơ mút | 25 Tuyến mang tai |
| 7 Khẩu cái mềm | 26 Đốt đội, mòm ngang |
| 8 Cơ nhai | 27 Răng đốt trực |
| 9 Cơ chân bướm ngoài | 28 Cơ nhị thân (bụng sau) |
| 10 Ngành lên xương hàm dưới | 29 Hành nạo |
| 11 Cơ chân bướm trong | 30 Dây chằng ngang đốt đội |
| 12 Cơ căng màn khẩu cái | 31 ĐM đốt sống |
| 13 Cơ khí hầu trên | 32 Cơ thẳng đầu bên |
| 14 Họng | 33 Đốt đội, cụt sau |
| 15 Cơ dài đầu | 34 Cơ chéo đầu trên |
| 16 ĐM cảnh trong | 35 Cơ thẳng đầu sau bé |
| 17 Đốt đội (cụt trước) | 36 Cơ chéo đầu dưới |
| 18 TK thiệt hầu (IX) | 37 Cơ bán gai đầu |
| 19 ĐM và TM hàm trên | 38 Cơ gò đầu |



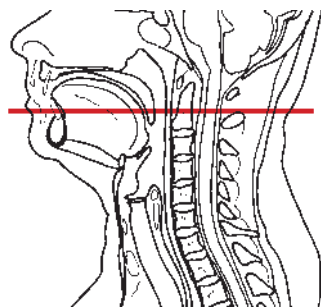
- 1 Môi trên
- 2 Răng cửa (1 và 2 trái)
- 3 Cơ vòng miệng

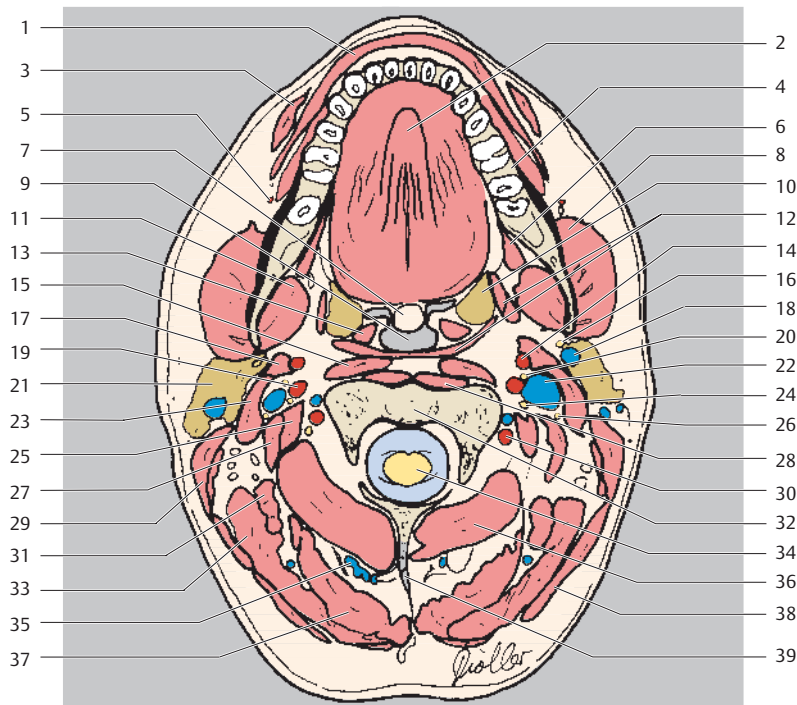
- 4 Răng nanh (3 trái)
- 5 Cơ nâng góc miệng
- 6 Răng tiền hàm (4 và 5 trái)



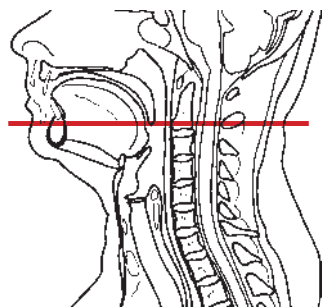
- 7 Lưỡi
- 8 Răng hàm (6,7 và 8)
- 9 Cơ mút
- 10 ĐM mặt
- 11 Lưỡi gà
- 12 Cơ nhai
- 13 Cơ căng màn khẩu cái
- 14 Ngành lên xương hàm dưới và ống răng
- 15 Cơ khít hầu trên
- 16 Cơ chân bướm trong
- 17 Cơ dài đầu
- 18 Họng miệng
- 19 Cơ trâm lưỡi
- 20 Đám rối tĩnh mạch hầu
- 21 Cơ trâm hầu
- 22 Tuyến mang tai và TM sau hàm
- 23 ĐM hàm

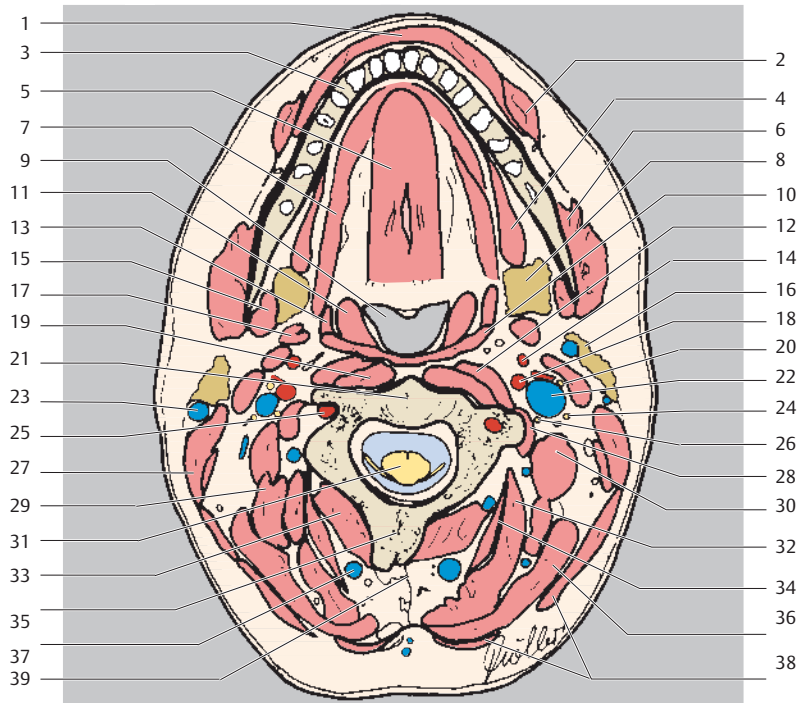
- 25 ĐM cảnh trong
- 26 TK hạ thiệt (XII)
- 27 Đốt đội (cung trước)
- 28 TK phế vị (X)
- 29 Mòm ngang và lỗ ngang
- 30 TK phụ (XI)
- 31 Cơ nhị thân (bụng sau)
- 32 Đốt đội, khối bên
- 33 Cơ ức đòn chũm
- 34 Răng đốt trực
- 35 Tủy sống
- 36 Dây chằng ngang đốt đội
- 37 Các TM cổ sâu
- 38 Cơ cực dài đầu
- 39 Cơ thang
- 40 Cơ chéo đầu dưới
- 41 Cơ bẹn gai đầu
- 42 Cơ gò đầu
- 43 Dây chằng gáy



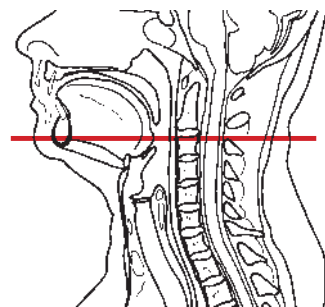


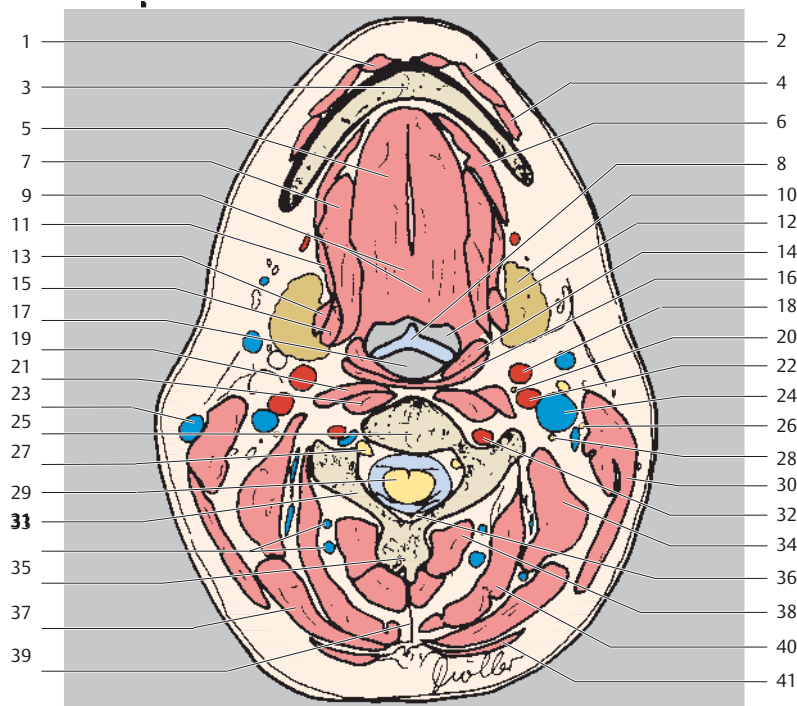
- | | |
|-------------------------------|---------------------------|
| 1 Cơ vòng miệng | 20 TK hạ thiệt (XII) |
| 2 Lưỡi (cơ cầm lưỡi) | 21 Tuyến mang tai |
| 3 Cơ nâng góc miệng | 22 TM cánh trong |
| 4 Xương hàm dưới | 23 Cơ nhị thân (bụng sau) |
| 5 ĐM mặt | 24 TK phế vị (X) |
| 6 Cơ dưới lưỡi | 25 Cơ cực dài cổ |
| 7 Lưỡi gà | 26 TK phụ (XI) |
| 8 Cơ nhai | 27 Cơ nâng vai |
| 9 Họng miệng | 28 Cơ dài cổ |
| 10 Hạch nhân khẩu cái | 29 Cơ ức đòn chũm |
| 11 Cơ chân bướm trong | 30 ĐM đốt sống |
| 12 Cơ khít hầu trên | 31 Cơ cực dài đầu |
| 13 Cơ khẩu cái hầu | 32 Đốt trực, thân |
| 14 ĐM cánh ngoài | 33 Cơ gọng đầu |
| 15 Cơ dài đầu | 34 Tủy sống |
| 16 TK mặt (VII) | 35 Các TM cổ sâu |
| 17 Cơ trâm móng, cơ trâm lưỡi | 36 Cơ chéo đầu dưới |
| 18 TM sau hàm | 37 Cơ bán gai đầu |
| 19 ĐM cánh trong | 38 Cơ thang |
| | 39 Dây chằng gáy |



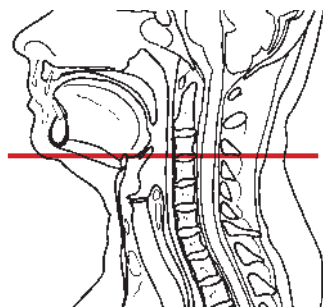


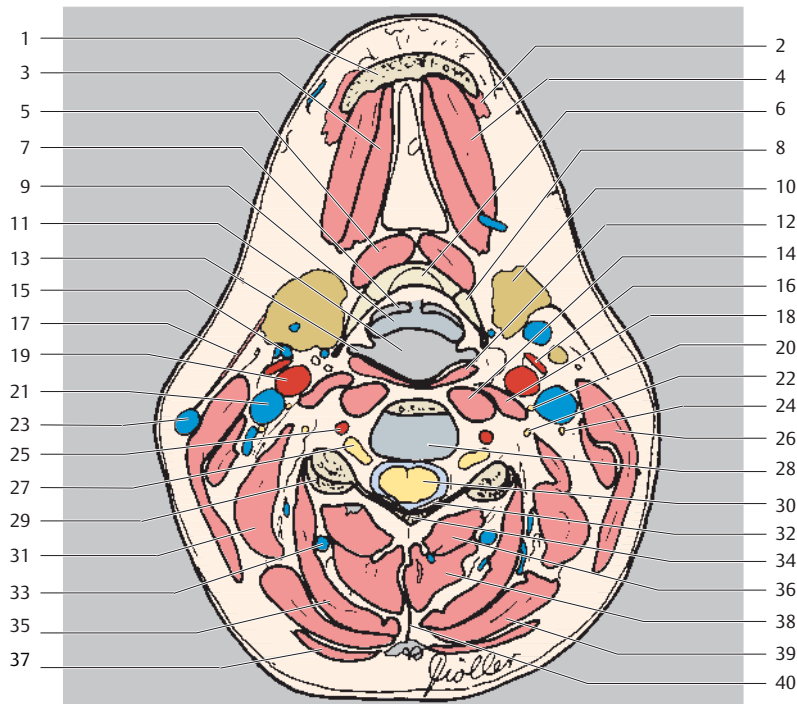
- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| 1 Cơ vòng miệng | 21 Đốt trực, thân |
| 2 Cơ hạ góc miệng | 22 TM cảnh trong |
| 3 Xương hàm dưới | 23 TM sau hàm |
| 4 Cơ hàm móng | 24 TK phụ (XI) |
| 5 Cơ cầm lưỡi | 25 ĐM đốt sống |
| 6 Cơ nhai | 26 TK phế vị (X) |
| 7 Cơ móng lưỡi | 27 Cơ ức đòn chũm |
| 8 Tuyến dưới hàm | 28 Cơ cực dài cổ |
| 9 Họng miệng | 29 Cơ cực dài đầu |
| 10 Cơ khí hậu trên | 30 Cơ nâng vai |
| 11 Cơ khẩu cái hầu | 31 Tủy sống |
| 12 Cơ dài đầu | 32 Cơ bán gai đầu |
| 13 Cơ khí hậu giữa | 33 Cơ gai sống đầu và cơ nhiều |
| 14 ĐM cảnh ngoài | chân |
| 15 Cơ chân bướm trong | 34 Cơ bán gai cổ |
| 16 Tuyến mang tai | 35 Mõm gai đốt sống |
| 17 Cơ trâm lưỡi và cơ trâm móng | 36 Cơ gò đầu |
| 18 ĐM cảnh trong | 37 Các TM cổ sâu |
| 19 Cơ dài cổ | 38 Cơ thang |
| 20 TK hạ thiệt (XII) | 39 Dây chằng gáy |



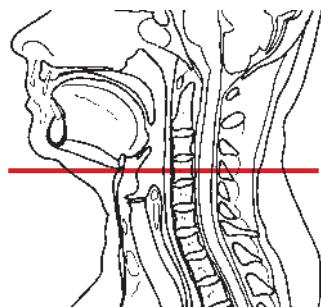


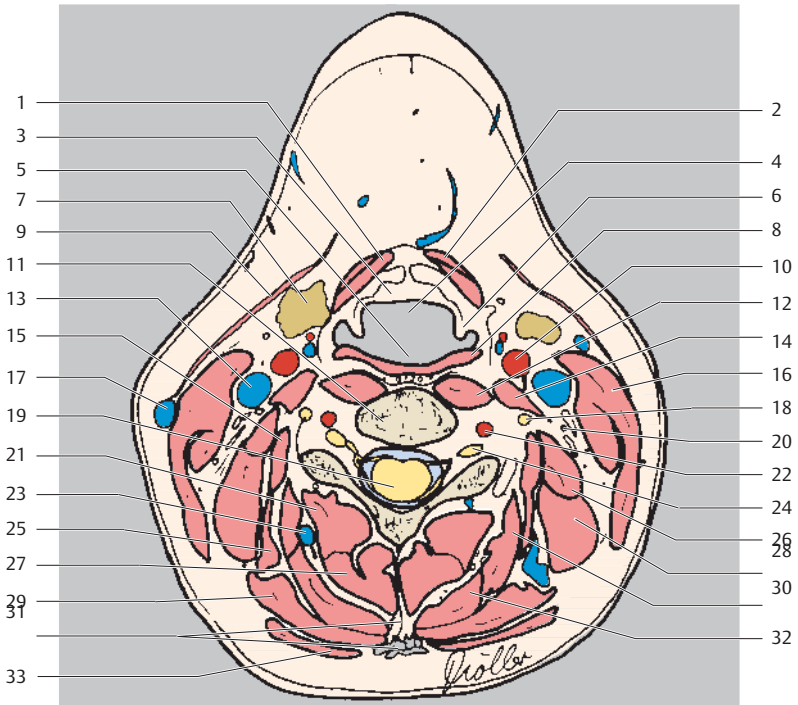
- | | |
|-----------------------------------|--------------------------|
| 1 Cơ cằm | 22 ĐM cảnh trong |
| 2 Cơ hạ góc miệng | 23 TM cảnh ngoài |
| 3 Xương hàm dưới | 24 TM cảnh trong |
| 4 Cơ bám da cổ | 25 Đốt sống cổ C3 (thân) |
| 5 Cơ cằm lưỡi | 26 TK phụ (XI) |
| 6 Cơ hàm móng | 27 Rễ TK gai sống C4 |
| 7 Cơ móng lưỡi | 28 TK phế vị (X) |
| 8 Nắp thanh môn | 29 Tủy sống |
| 9 Góc lưỡi | 30 Cơ ức đòn chũm |
| 10 Tuyến dưới hàm | 31 Cung sụn C3 |
| 11 Cơ trâm lưỡi | 32 ĐM đốt sống |
| 12 Họng miệng | 33 Các TM cổ sâu |
| 13 Cơ trâm móng | 34 Cơ nâng vai |
| 14 Cơ khâu cái hầu | 35 Mỏm gai |
| 15 Cơ nhị thân (bụng sau) | 36 Dây chằng vàng |
| 16 Cơ khít hầu giữa | 37 Cơ gối đầu |
| 17 Hạ họng | 38 Cơ gai cổ |
| 18 ĐM cảnh ngoài | 39 Dây chằng gáy |
| 19 Cơ dài đầu | 40 Cơ bán gai đầu |
| 20 TK thanh quản trên (TK phế vị) | 41 Cơ thang |
| 21 Cơ dài cổ | |



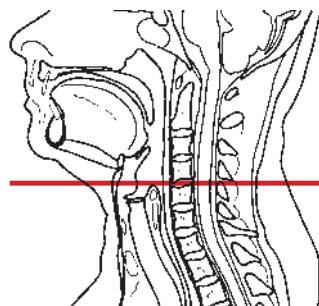


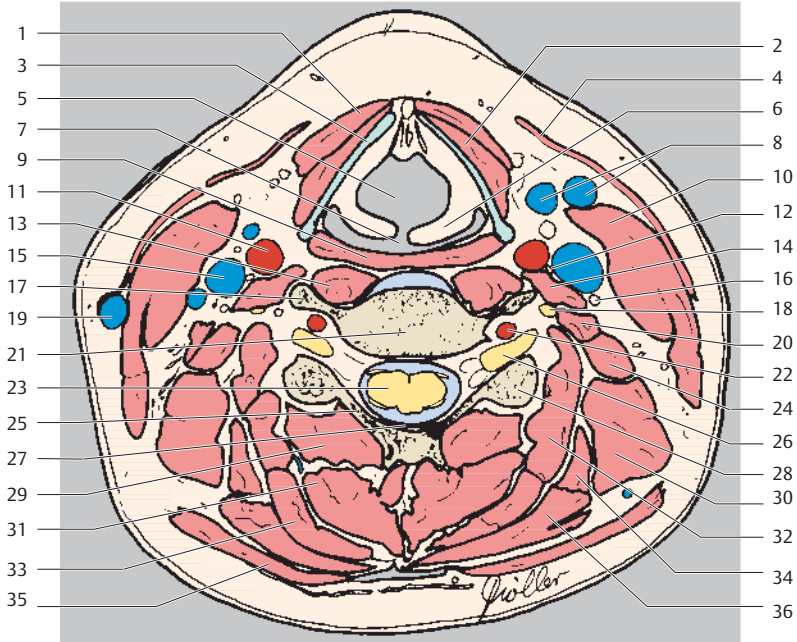
- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| 1 Xương hàm dưới | 21 TM cánh trong |
| 2 Cơ hạ góc miệng | 22 TK gai sừng (C3) |
| 3 Cơ hàm móng | 23 TM cánh ngoài |
| 4 Cơ nhị thân (bụng trước) | 24 TK gai sừng (C2) |
| 5 Cơ cằm móng | 25 ĐM đốt sừng |
| 6 Xương móng (thân) | 26 Cơ ức đòn chũm |
| 7 Thung lũng nắp thanh môn | 27 Rễ TK gai sừng (C4) |
| 8 Xương móng (Sừng lớn) | 28 Khe gian đốt sừng (C3/C4) |
| 9 Nắp thanh môn | 29 Khớp liên mỏm bên |
| 10 Tuyến dưới hàm | 30 Tủy sừng |
| 11 Hạ họng | 31 Cơ nâng vai |
| 12 Cơ khíét hầu dưới | 32 Dây chằng vàng |
| 13 Xoang lê | 33 Các TM cổ sâu |
| 14 Cơ dài cổ | 34 Cung sau đốt sừng C3 |
| 15 TM sau hàm | 35 Cơ bán gai đầu |
| 16 ĐM giáp trên | 36 Cơ gai sừng cổ |
| 17 Cơ bám da cổ | 37 Cơ thang |
| 18 Cơ dài đầu | 38 Cơ bán gai cổ |
| 19 ĐM cảnh chung (chia nhánh) | 39 Cơ gối đầu |
| 20 TK phế vị (X) | 40 Dây chằng gáy |



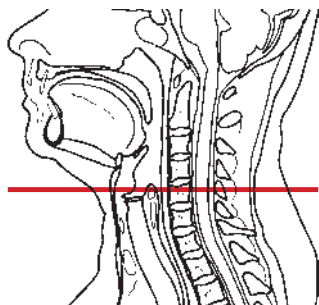
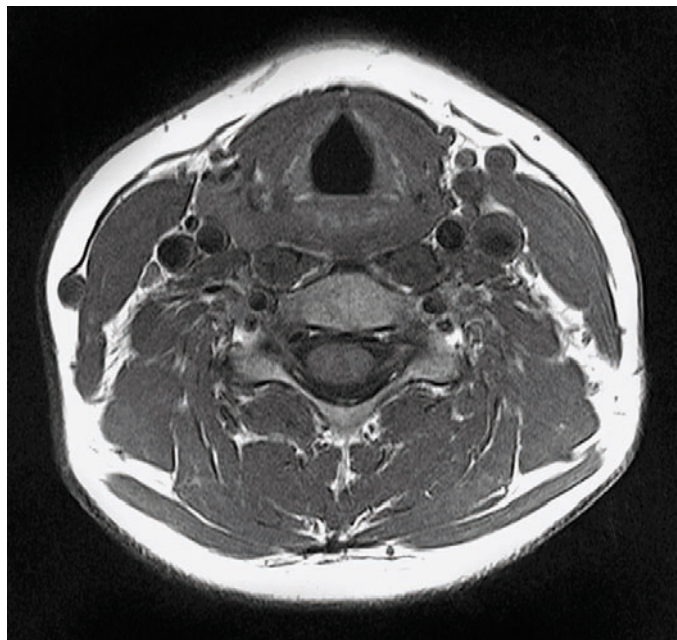


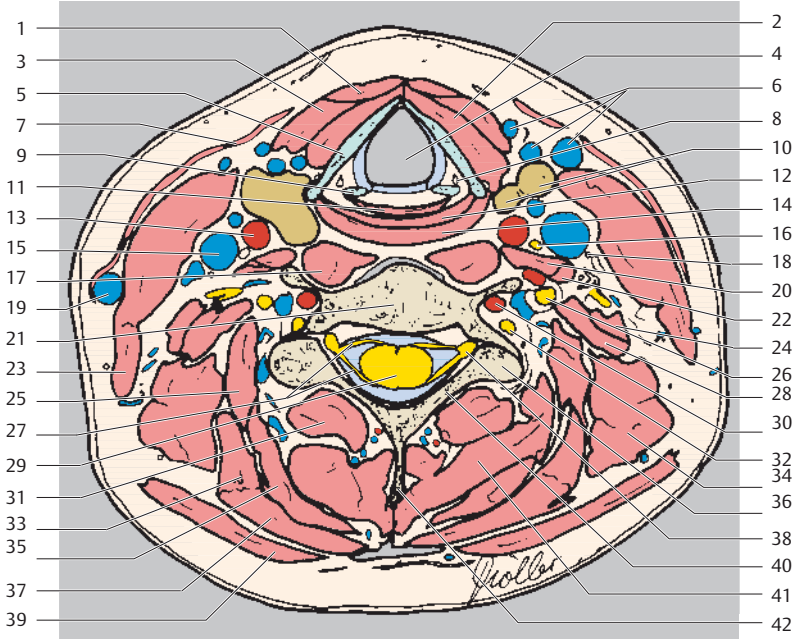
- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1 Cơ giáp móng | 17 TM cảnh ngoài |
| 2 Cơ ức móng | 18 TK gai sống (C4) |
| 3 Nắp thanh môn (sụn) | 19 Tủy sống |
| 4 Tiền đình thanh quản | 20 TK gai sống (C3) |
| 5 Hạ họng | 21 Cơ gai sống cổ |
| 6 Nếp phễu - nắp thanh môn | 22 ĐM đốt sống |
| 7 Tuyến dưới hàm | 23 Các TM cổ sâu |
| 8 Cơ khíét hầu dưới | 24 Rễ TK gai sống (C5) |
| 9 Cơ bám da cổ | 25 Cơ cực dài cổ |
| 10 ĐM cảnh chung | 26 Cơ bậc thang giữa |
| 11 Đốt sống cổ C4 (thân) | 27 Cơ bán gai cổ |
| 12 Cơ dài cổ | 28 Cơ nâng vai |
| 13 TM cảnh trong | 29 Cơ gối đầu |
| 14 Cơ dài đầu | 30 Cơ gối cổ |
| 15 Cơ cực dài đầu | 31 Dây chằng gáy |
| 16 Cơ ức đòn chũm | 32 Cơ bán gai đầu |
| | 33 Cơ thang |



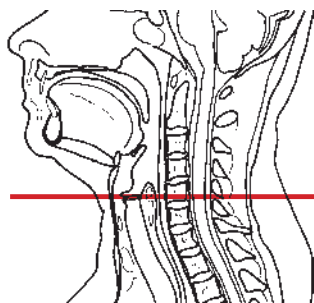
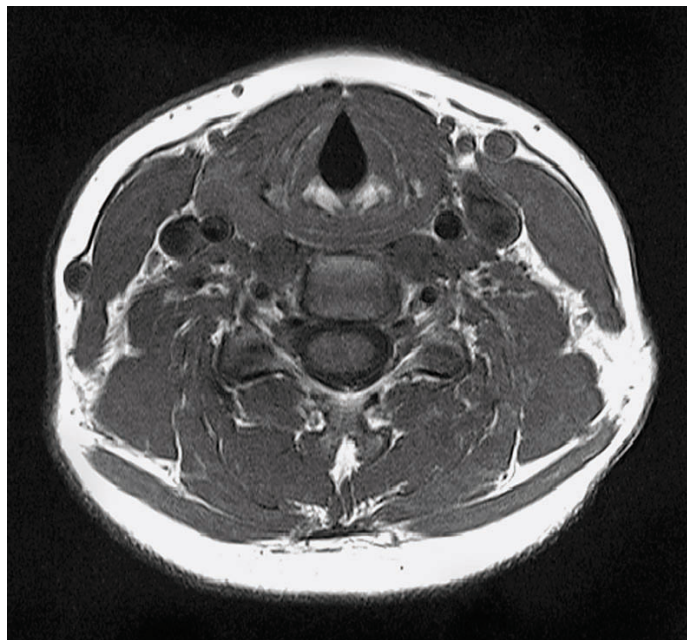


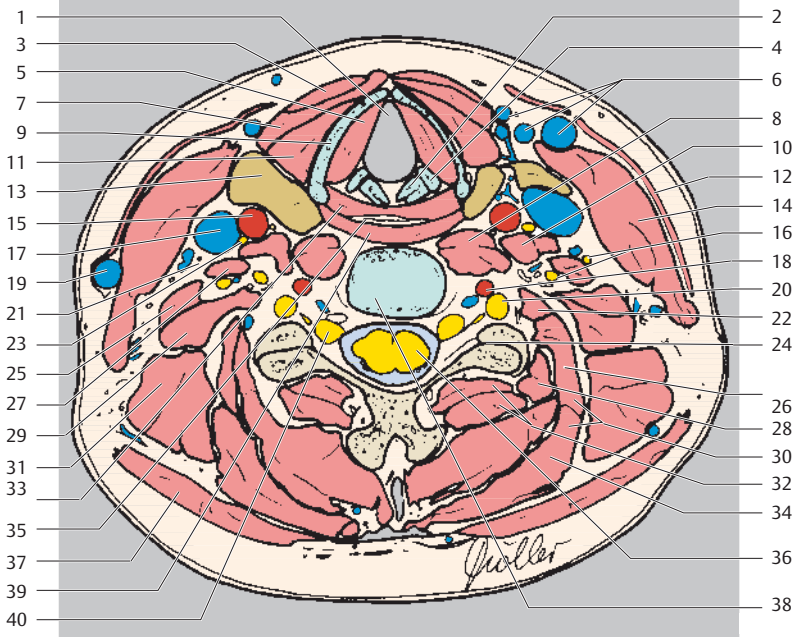
- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| 1 Cơ ức móng | 20 Cơ bậc thang giữa |
| 2 Cơ giáp móng | 21 Đốt sống cổ C5 (thân) |
| 3 Sụn giáp (mảnh) | 22 ĐM đốt sống |
| 4 Cơ bám da cổ | 23 Tủy sống |
| 5 Tiền đình thanh quản | 24 Cơ bậc thang sau |
| 6 Nếp phễu - nắp thanh môn | 25 Cung sau đốt sống C6 |
| 7 Hạ họng | 26 Rễ TK gai sống (C6) |
| 8 TM cảnh trước | 27 Dây chằng vàng |
| 9 Cơ khí hầu dưới | 28 Mỏm khớp dưới đốt sống |
| 10 Cơ ức đòn chũm | 29 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều |
| 11 ĐM cảnh chung | chân |
| 12 TK phế vị (X) | 30 Cơ nâng vai |
| 13 Cơ dài cổ | 31 Cơ bán gai cổ |
| 14 Cơ dài đầu | 32 Cơ cực dài cổ |
| 15 TM cảnh trong | 33 Cơ bán gai đầu |
| 16 TK gai sống (C4) | 34 Cơ gối cổ |
| 17 Mỏm ngang đốt sống C5 | 35 Cơ thang |
| 18 TK gai sống (C5) | 36 Cơ gối đầu |
| 19 TM cảnh ngoài | |



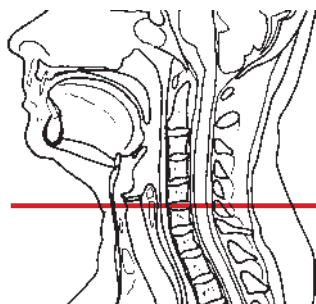
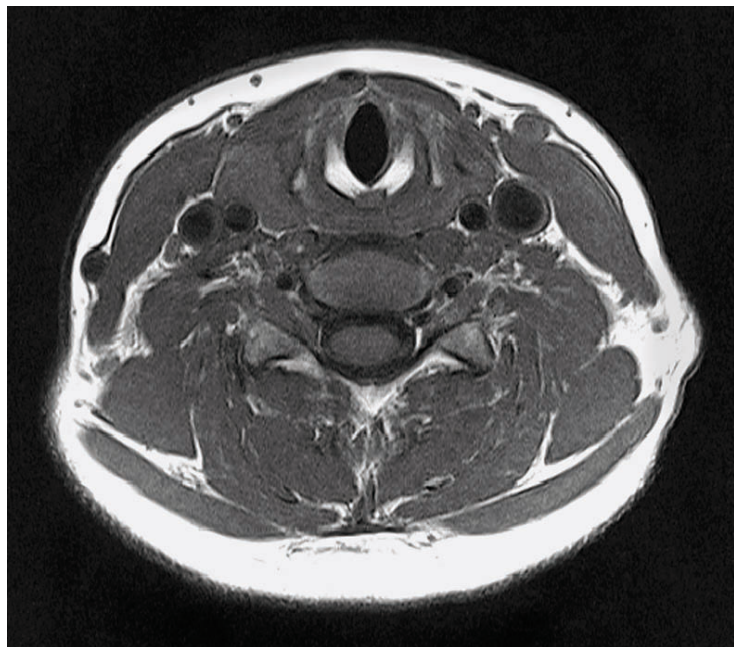


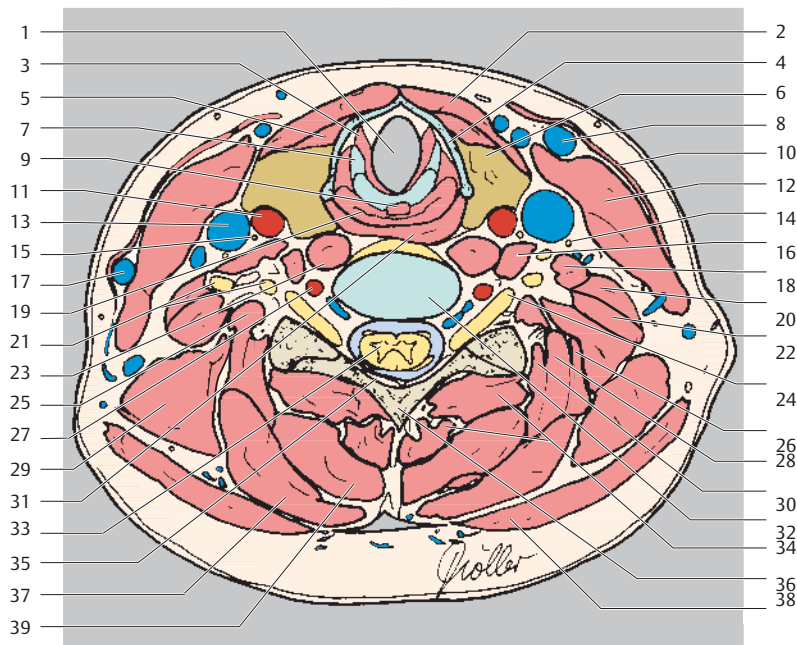
- | | |
|--------------------------|------------------------------------|
| 1 Cơ ức móng | 22 Cơ bậc thang trước |
| 2 Cơ giáp móng | 23 Cơ ức đòn chũm |
| 3 Cơ vai móng | 24 Cơ bậc thang sau |
| 4 Thanh quản | 25 Cơ cực dài cổ |
| 5 Sụn giáp (mảnh) | 26 TK gai sống (C4) |
| 6 TM cảnh trước | 27 Rễ TK trước và sau |
| 7 Cơ bám da cổ | 28 Cơ bậc thang giữa |
| 8 Xoang lê | 29 Tủy sống |
| 9 Sụn phễu | 30 ĐM đốt sống |
| 10 Tuyến giáp | 31 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 11 Sụn nhẫn | 32 TK gai sống (C5) |
| 12 Hạ họng | 33 Cơ gối cổ |
| 13 ĐM cảnh chung | 34 Cơ nâng vai |
| 14 Cơ khí hầu dưới | 35 Cơ bán gai đầu |
| 15 TM cảnh trong | 36 Môm khớp sau đốt sống |
| 16 TK phế vị (X) | 37 Cơ gối cổ |
| 17 Cơ dài cổ | 38 Rễ TK gai sống (C6) |
| 18 Tk hoành | 39 Cơ thang |
| 19 TM cảnh ngoài | 40 Cung sau đốt sống C6 |
| 20 Cơ dài đầu | 41 Cơ bán gai cổ |
| 21 Đốt sống cổ C5 (thân) | 42 Môm gai đốt sống C6 |



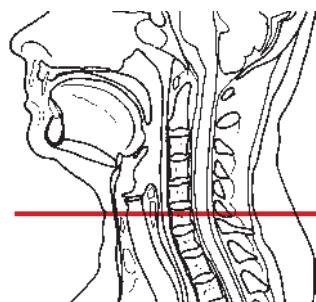
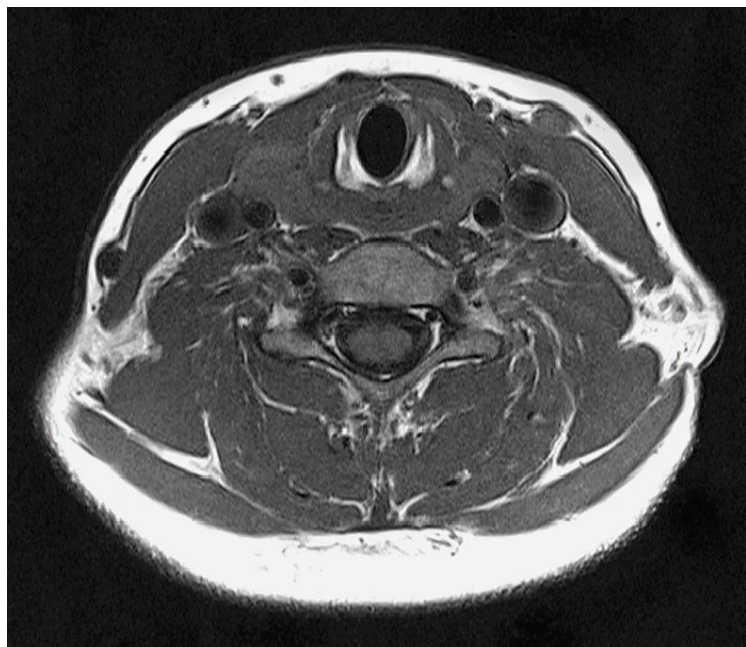


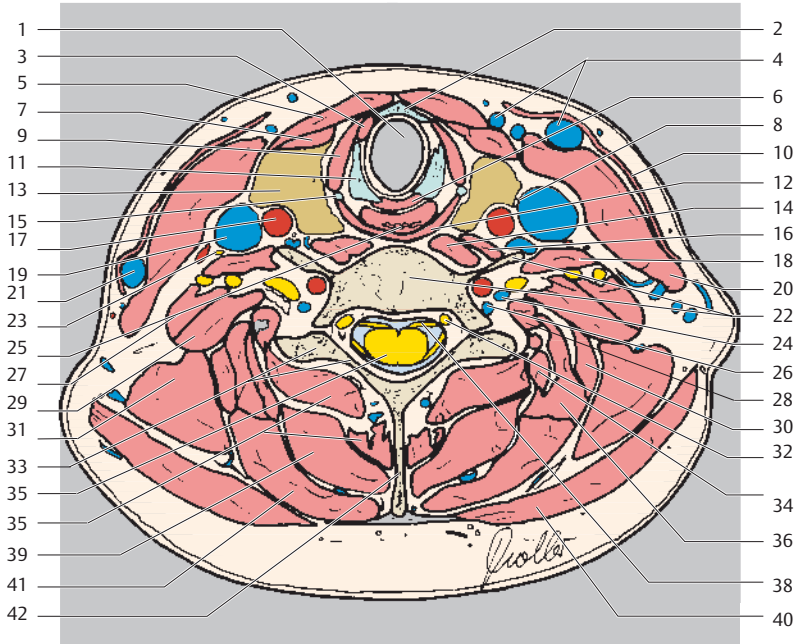
- | | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| 1 Thanh môn | 21 TK hoành |
| 2 Sụn nhẫn | 22 Cơ cực dài đầu |
| 3 Cơ ức móng | 23 TK phế vị (X) |
| 4 Sụn phễu | 24 Khớp liên mồm bên |
| 5 Cơ thanh âm | 25 Cơ bậc thang giữa |
| 6 TM cảnh trước | 26 Cơ cực dài cổ |
| 7 Cơ vai móng | 27 Cơ bậc thang trước |
| 8 Cơ dài cổ | 28 Cơ bán gai đầu |
| 9 Sụn giáp (mảnh) | 29 Cơ bậc thang sau |
| 10 Cơ dài đầu | 30 Cơ gối cổ và cơ gối đầu |
| 11 Cơ giáp móng | 31 Cơ nâng vai |
| 12 Cơ bám da cổ | 32 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 13 Tuyến giáp | 33 Cơ nhẫn phễu sau |
| 14 Cơ ức đòn chũm | 34 Cơ bán gai cổ |
| 15 ĐM cảnh chung | 35 Hạ họng/thực quản |
| 16 Các TK gai sống (C4 và C5) | 36 Tủy sống |
| 17 TM cảnh trong | 37 Cơ thang |
| 18 ĐM đốt sống | 38 Đốt sống cổ C5 |
| 19 TM cảnh ngoài | 39 Cơ khí hầu dưới |
| 20 TK gai sống (C6) | 40 Rễ TK (C7) |



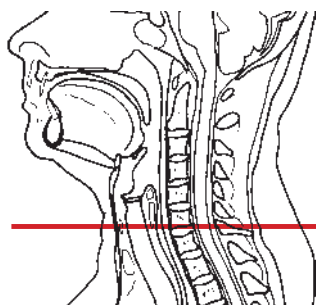
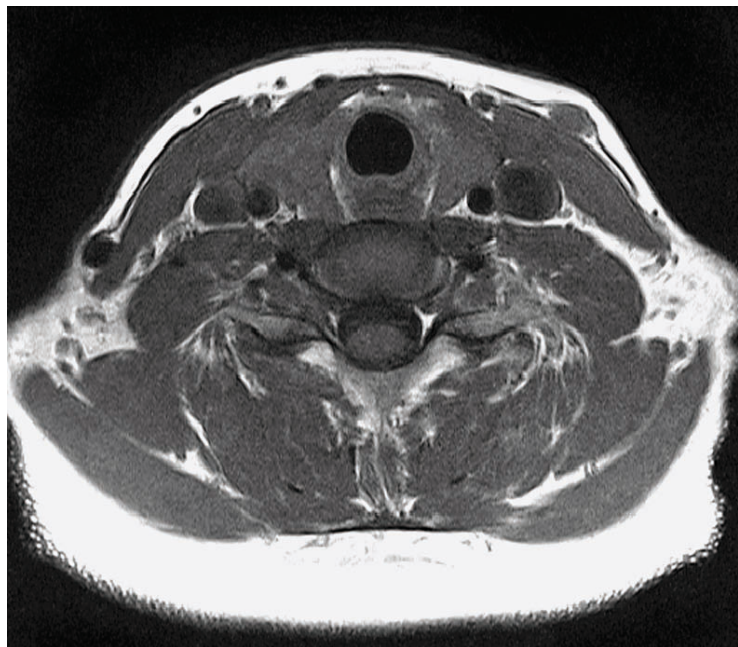


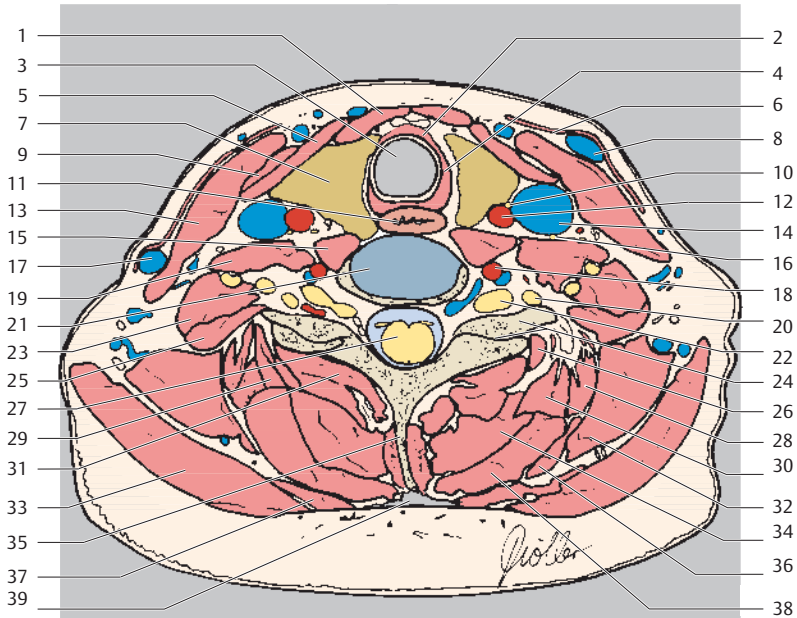
- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| 1 Thanh quản | 21 Các TK gai sống (C4 và C5) |
| 2 Cơ ức móng | 22 Cơ bậc thang sau |
| 3 Cơ thanh âm (dây thanh âm) | 23 Cơ dài cổ |
| 4 Sụn giáp (mảnh) | 24 Rễ TK gai sống (C6) |
| 5 Cơ giáp móng | 25 Cơ cực dài đầu |
| 6 Tuyến giáp | 26 Cơ cực dài cổ |
| 7 Sụn phễu | 27 ĐM đốt sống |
| 8 TM cảnh trước | 28 Cơ gối cổ |
| 9 Cơ phễu ngang | 29 Cơ nâng vai |
| 10 Cơ bám da cổ | 30 Cơ bán gai đầu |
| 11 ĐM cảnh chung | 31 Cơ khít hầu dưới |
| 12 Cơ ức đòn chũm | 32 Khe gian đốt sống (C5/C6) |
| 13 TM cảnh trong | 33 Tủy sống |
| 14 TK hoành | 34 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 15 TK phế vị (X) | 35 Dây chằng vàng |
| 16 Cơ dài đầu | 36 Cung sau đốt sống |
| 17 TM cảnh ngoài | 37 Cơ gối đầu |
| 18 Cơ bậc thang trước | 38 Cơ thang |
| 19 Hạ họng/thực quản | 39 Cơ bán gai cổ |
| 20 Cơ bậc thang giữa | |



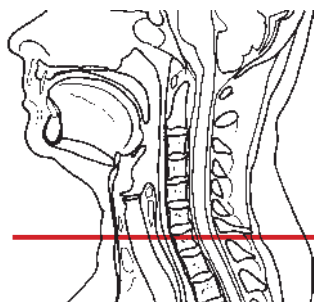
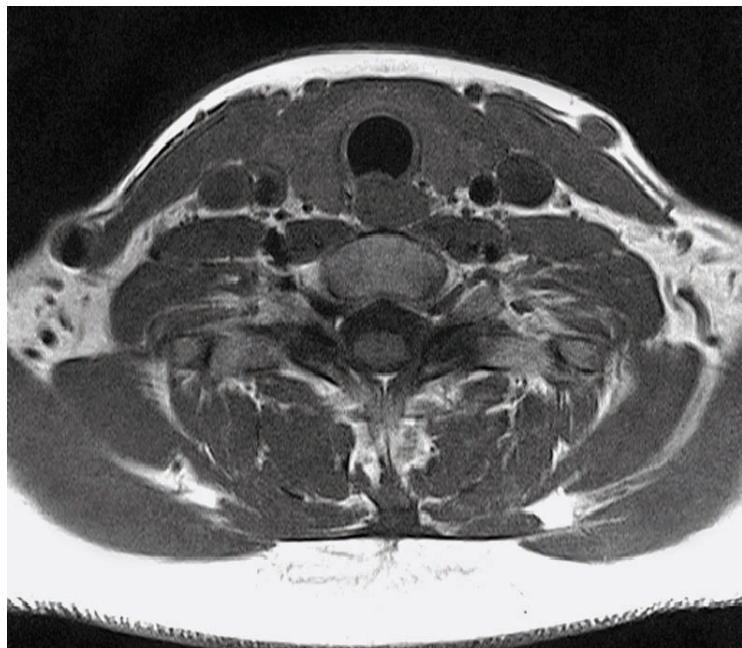


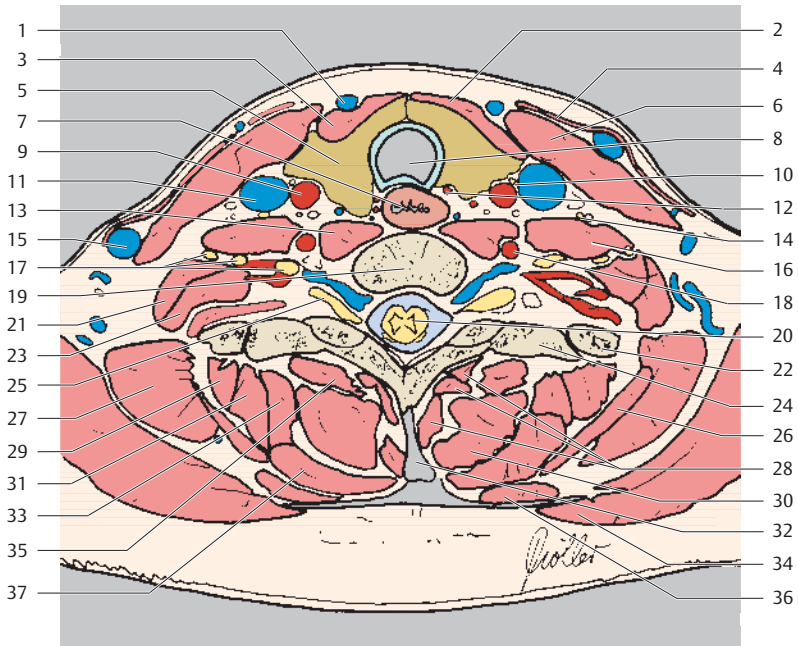
- | | |
|-------------------------|-------------------------------------|
| 1 Thanh quản | 23 TK hoành |
| 2 Sụn giáp | 24 Các TK gai sừng (C4, C5, và C6) |
| 3 Cơ giáp phễu | 25 Thực quản |
| 4 TM cảnh trước | 26 ĐM đốt sống |
| 5 Cơ ức móng | 27 Cơ bậc thang giữa |
| 6 Cơ phễu ngang | 28 Cơ cực dài đầu |
| 7 Cơ giáp móng | 29 Cơ bậc thang sau |
| 8 TK phế vị (X) | 30 Cơ cực dài cổ |
| 9 Cơ ức giáp | 31 Cơ nâng vai |
| 10 Cơ bám da cổ | 32 Rễ TK gai sừng (C7) |
| 11 Sụn nhẫn (mảnh) | 33 Mỏm khớp và cung sau C7 |
| 12 Cơ khít hầu dưới | 34 Cơ bán gai đầu |
| 13 Tuyến giáp | 35 Tủy sống |
| 14 Cơ dài cổ | 36 Cơ gõ cổ |
| 15 Sụn giáp (Sừng dưới) | 37 Cơ gai sừng cổ và cơ nhiều chân |
| 16 Cơ dài đầu | 38 Rễ TK gai sừng trước và sau (C8) |
| 17 ĐM cảnh chung | 39 Cơ bán gai cổ |
| 18 Cơ bậc thang trước | 40 Cơ thang |
| 19 TM cảnh trong | 41 Cơ gõ đầu |
| 20 Cơ ức đòn chũm | 42 Mỏm gai đốt sống |
| 21 TM cảnh ngoài | |
| 22 Đốt sống cổ (C6) | |



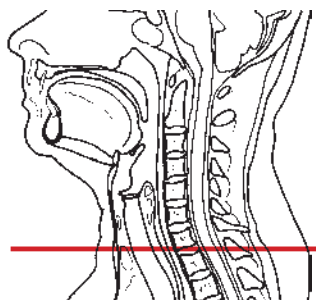
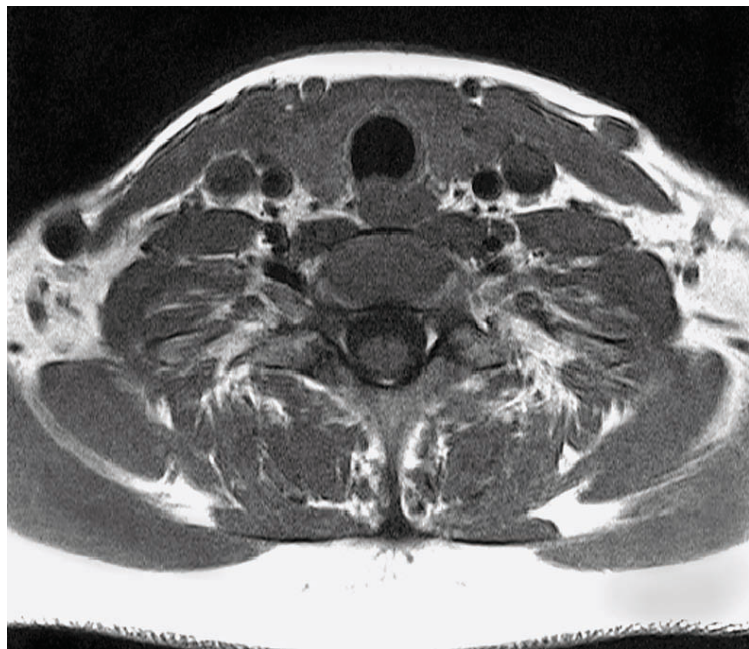


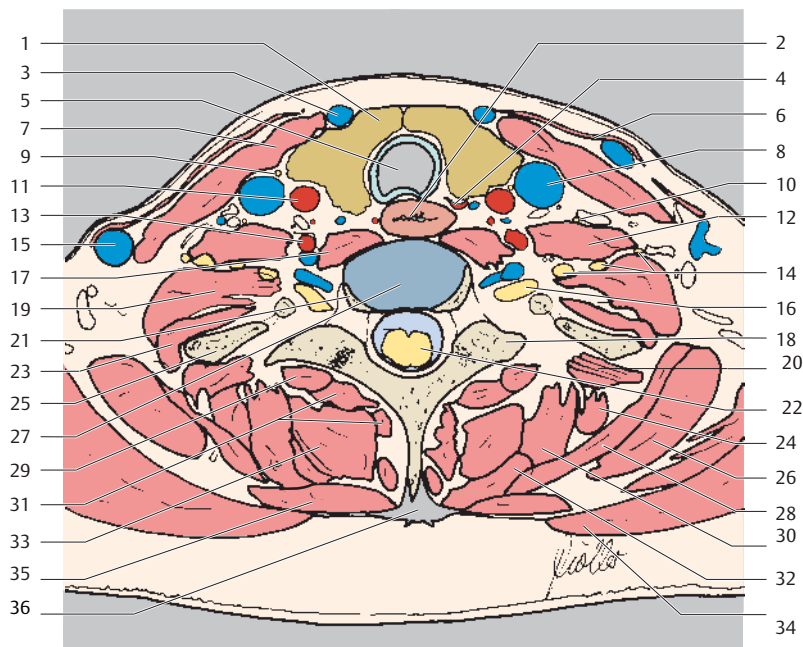
- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| 1 Cơ ức móng | 21 Khe gian đốt sống (C6/C7) |
| 2 Sụn nhẫn (Cung) | 22 Rễ TK gai sống (C7) |
| 3 Khí quản | 23 Cơ bậc thang giữa |
| 4 Cơ nhẫn giáp | 24 Khớp liên mồm bên (C6/C7) |
| 5 Cơ ức giáp | 25 Cơ bậc thang sau |
| 6 Cơ bám da cổ | 26 Cơ cực dài đầu |
| 7 Tuyến giáp | 27 Tủy sống |
| 8 TM cảnh trước | 28 Cơ cực dài cổ |
| 9 Cơ vai móng | 29 Cơ bán gai đầu |
| 10 TK phế vị (X) | 30 Cơ gối cổ |
| 11 Thực quản | 31 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 12 ĐM cảnh chung | 32 Cơ nâng vai |
| 13 Cơ ức đòn chũm | 33 Cơ thang |
| 14 TM cảnh trong | 34 Cơ bán gai cổ |
| 15 Cơ dài cổ | 35 Mồm gai đốt sống |
| 16 TK hoành | 36 Cơ răng sau trên |
| 17 TM cảnh ngoài | 37 Cơ trâm bé |
| 18 ĐM đốt sống | 38 Cơ gối đầu |
| 19 Cơ bậc thang trước | 39 Dây chằng gáy |
| 20 Các TK gai sống (C4, C5, C6) | |



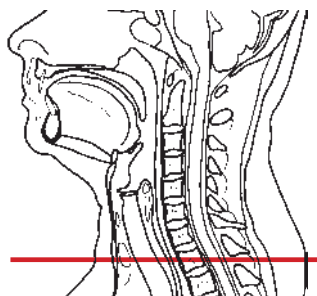
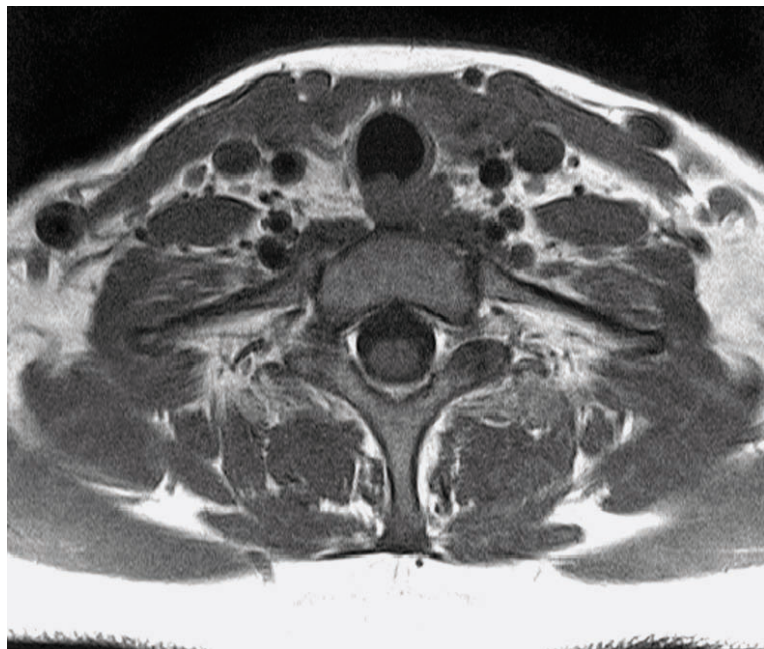


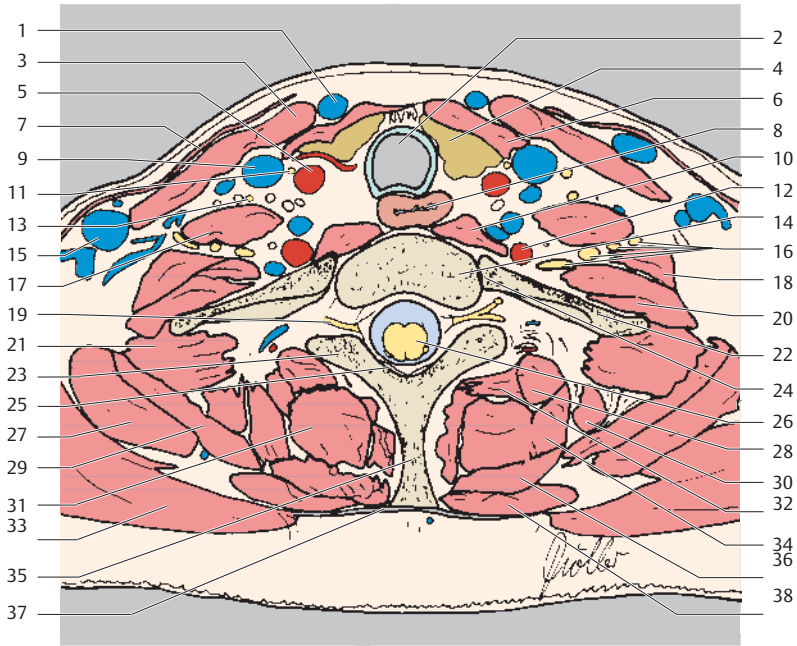
- | | |
|---------------------------------|------------------------------------|
| 1 TM cảnh trước | 20 Tủy sống |
| 2 Cơ ức móng | 21 Cơ bậc thang giữa |
| 3 Cơ ức giáp | 22 Xương sườn 1 |
| 4 Cơ bám da cổ | 23 Cơ bậc thang sau |
| 5 Tuyến giáp | 24 Màng ngang đốt sống |
| 6 Cơ ức đòn chũm | 25 Rễ TK gai sống (C8) |
| 7 Thực quản | 26 Cơ răng sau trên |
| 8 Khí quản | 27 Cơ nâng vai |
| 9 ĐM cảnh chung | 28 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 10 TK phế vị (X) | 29 Cơ chày - sườn - cổ |
| 11 TM cảnh trong | 30 Cơ bán gai cổ |
| 12 ĐM giáp dưới | 31 Cơ cực dài cổ |
| 13 Cơ dài cổ | 32 Dây chằng gian gai |
| 14 TK hoành | 33 Cơ gối cổ |
| 15 TM cảnh ngoài | 34 Cơ thang |
| 16 Cơ bậc thang trước | 35 Cơ bán gai đầu |
| 17 Các TK gai sống (C5, C6, C7) | 36 Cơ trám bé |
| 18 ĐM đốt sống | 37 Cơ gối đầu |
| 19 Đốt sống cổ (C7) | |



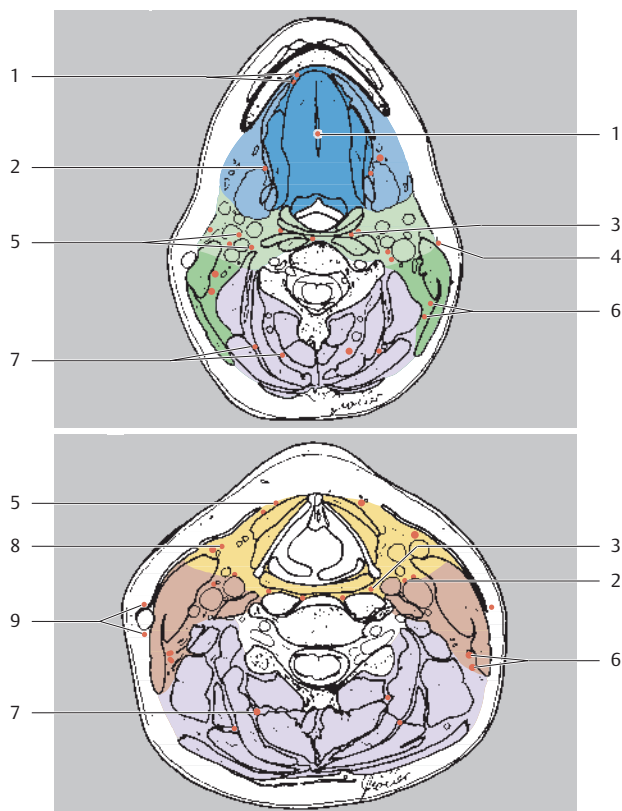


- | | | | |
|----|------------------------------|----|---------------------------------|
| 1 | Tuyến giáp | 20 | Các cơ gian sườn |
| 2 | Thực quản | 21 | Bờ sau trên đốt sống T1 |
| 3 | TM cảnh trước | 22 | Tủy sống |
| 4 | TM giáp dưới | 23 | Cơ bậc thang sau |
| 5 | Khí quản | 24 | Cơ chấu - sườn - cổ |
| 6 | Cơ bám da cổ | 25 | Xương sườn 1 |
| 7 | Cơ ức đòn chũm | 26 | Cơ nâng vai |
| 8 | TM cảnh trong | 27 | Khe gian đốt sống (C7/T1) |
| 9 | TK phế vị (X) | 28 | Cơ răng sau trên |
| 10 | TK hoành | 29 | Cơ bán gai đầu |
| 11 | ĐM cảnh chung | 30 | Cơ gối cổ |
| 12 | Cơ bậc thang trước | 31 | Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 13 | ĐM đốt sống | 32 | Cơ gối đầu |
| 14 | Các TK gai sống (C5, C6, C7) | 33 | Cơ bán gai cổ |
| 15 | TM cảnh ngoài | 34 | Cơ thang |
| 16 | Rễ TK gai sống (C8) | 35 | Cơ trâm bé |
| 17 | Cơ dài cổ | 36 | Dây chằng gian gai |
| 18 | Mòm ngang đốt sống T1 | | |
| 19 | Cơ bậc thang giữa | | |





- | | |
|---------------------------|------------------------------------|
| 1 TM cánh trước | 20 Cơ bậc thang sau |
| 2 Khí quản | 21 Các cơ gian sườn |
| 3 Cơ ức đòn chũm | 22 Xương sườn 1 |
| 4 Tuyến giáp | 23 Màng ngang đốt sống T1 |
| 5 ĐM cánh chung | 24 Khớp đốt sống - xương sườn |
| 6 Cơ ức móng | 25 Dây chằng vàng |
| 7 Cơ bám da cổ | 26 Tủy sống |
| 8 Thực quản | 27 Cơ nâng vai |
| 9 TM cánh trong | 28 Cơ bán gai đầu |
| 10 Cơ dài cổ | 29 Cơ răng sau trên |
| 11 TK phế vị (X) | 30 Cơ chậu - sườn - cổ |
| 12 ĐM đốt sống | 31 Cơ bán gai cổ |
| 13 TK hoành | 32 Cơ gai sống cổ và cơ nhiều chân |
| 14 Đốt sống (T1) | 33 Cơ thang |
| 15 TM cánh ngoài | 34 Cơ gối cổ |
| 16 Đám rối cổ (C5 đến C8) | 35 Màng gai đốt sống |
| 17 Cơ bậc thang trước | 36 Cơ gối đầu |
| 18 Cơ bậc thang giữa | 37 Dây chằng gian gai |
| 19 Rễ TK gai sống (T1) | 38 Cơ trâm bé |

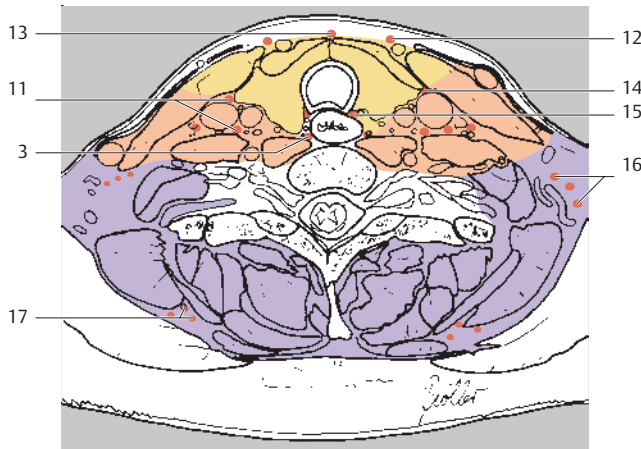
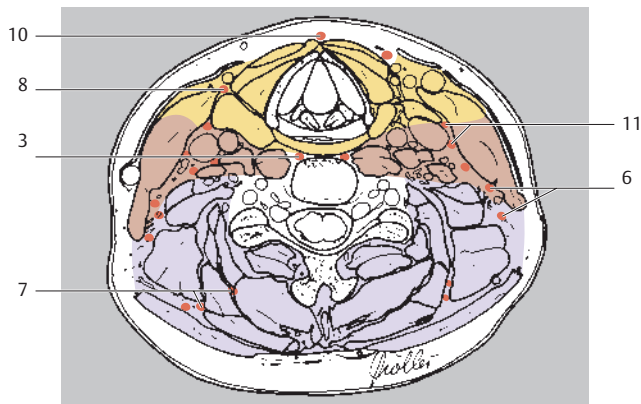


Các hạch bạch huyết cổ

- 1 Các hạch dưới cằm
- 2 Các hạch dưới hàm dưới
- 3 Các hạch sau hầu
- 4 Các hạch trước tai
- 5 Chuỗi hạch cảnh trên
- 6 Các hạch cổ sâu
- 7 Các hạch cằm
- 8 Các hạch cảnh trước
- 9 Các hạch cổ nông

Các hạch cổ (Phân loại theo mức độ)

- Độ 1a (Các hạch dưới cằm nằm giữa các cơ nhị thân)
- Độ 1b (Các hạch dưới hàm dưới)
- Độ 2a (các hạch trước, giữa và bên cạnh TM cảnh trong)
- Độ 2b (Các hạch ở lưng TM cảnh trong và ngăn cách với TM bởi mạc hoặc mỡ)
- Độ 3 (Các hạch dọc TM cảnh)
- Độ 5a (các hạch ở tam giác sau, giới hạn trên là trên cung sụn nhân)
- Độ 6 (Các hạch nội tạng trên: giữa các ĐM cảnh)

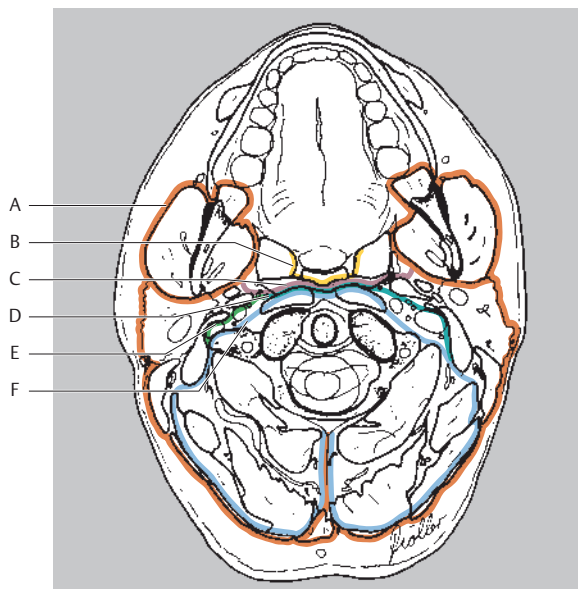
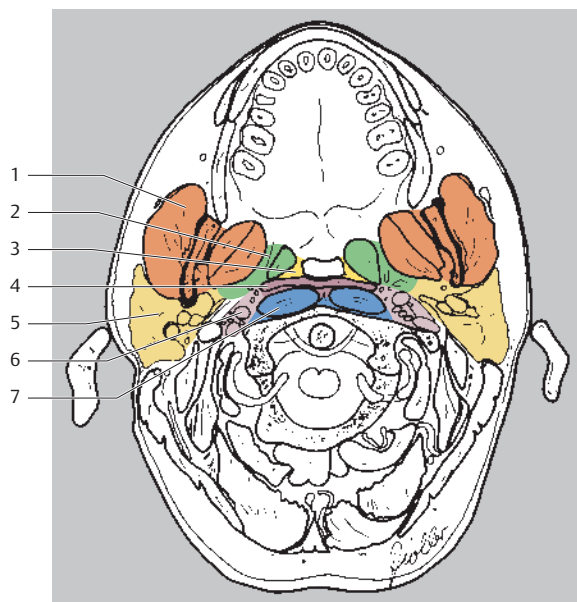


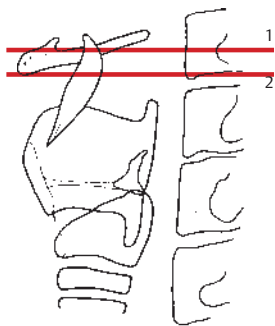
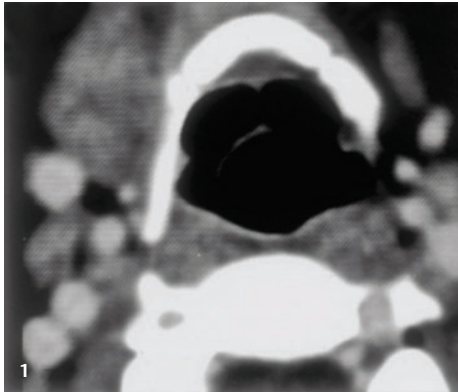
Các hạch bạch huyết cổ

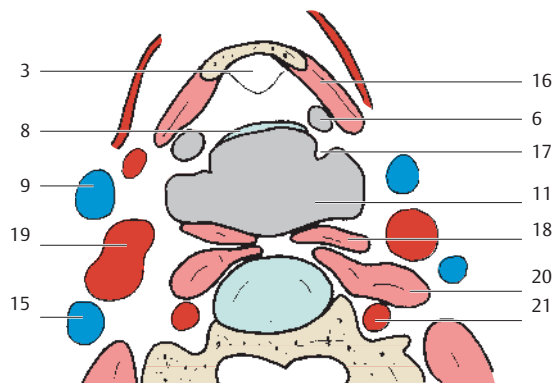
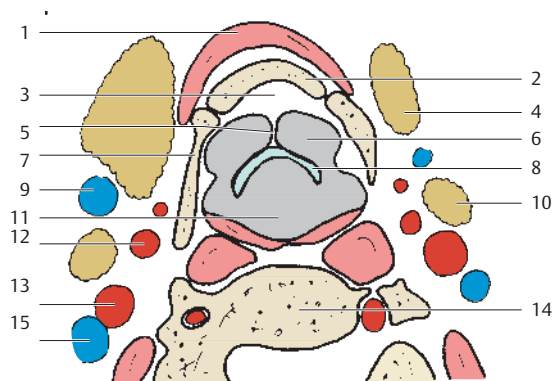
- 3 Các hạch sau hầu
- 6 Các hạch cổ sâu
- 7 Các hạch cằm
- 8 Các hạch cánh trước
- 10 Các hạch trước thanh quản
- 11 Chuỗi hạch cánh dưới
- 12 Các hạch cổ trước
- 13 Các hạch trước khí quản
- 14 Các hạch giáp
- 15 Các hạch cạnh khí quản
- 16 Các hạch trên đòn
- 17 Các hạch cổ nông

Các hạch (phân loại theo mức độ)

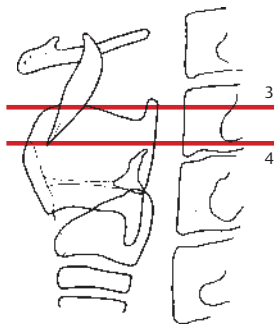
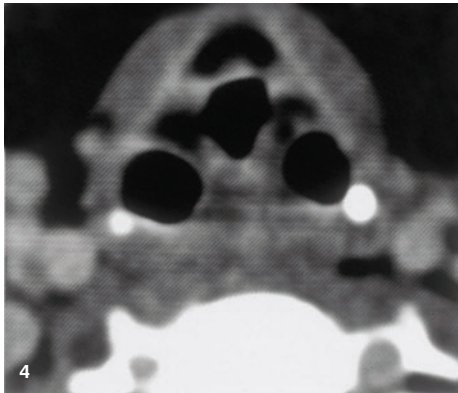
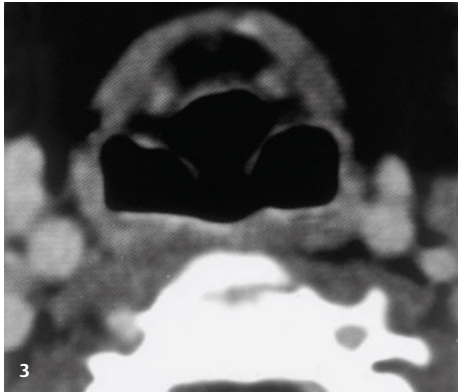
- Độ 3 (Các hạch dọc TM cạnh)
- Độ 4 (Các hạch ở phần thấp TM cạnh)
- Độ 5a (Các hạch ở tam giác sau, giới hạn trên là trên cung sụn nhân)
- Độ 5b (Các hạch ở tam giác sau, giới hạn dưới là dưới cung sụn nhân)
- Độ 6 (Các hạch nội tạng trên: giữa các ĐM cạnh)

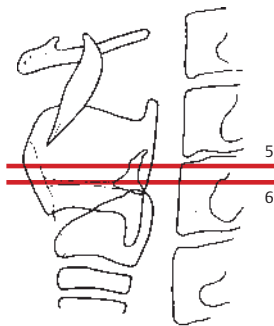
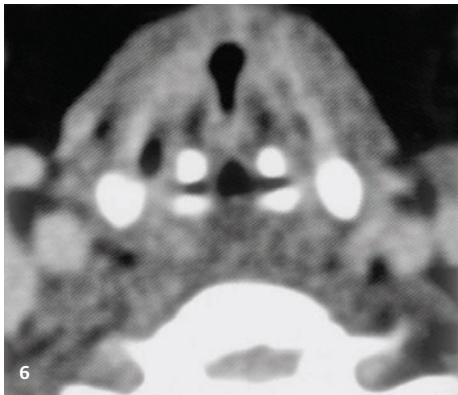
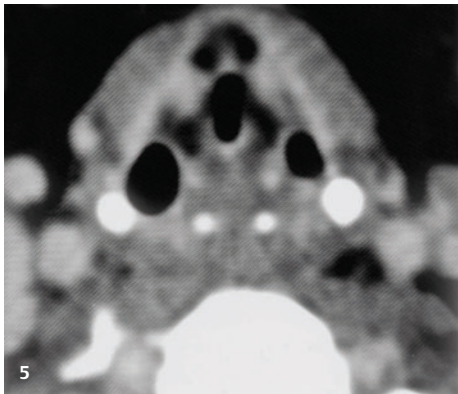


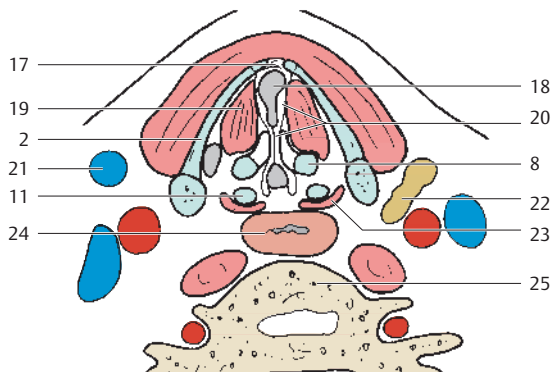
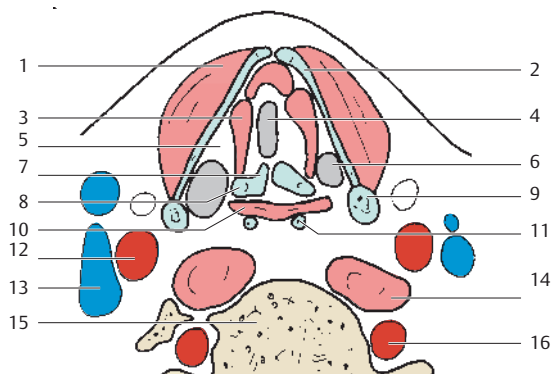




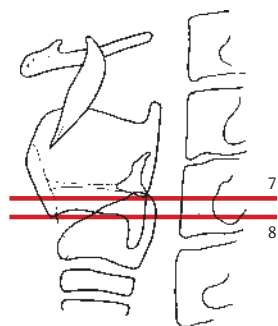
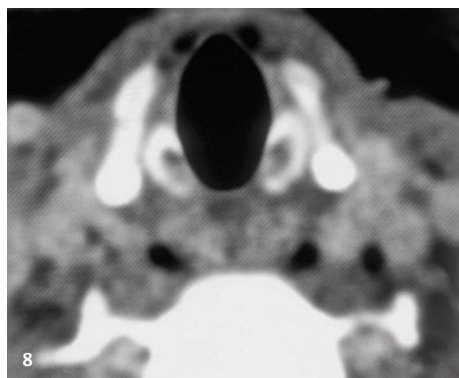
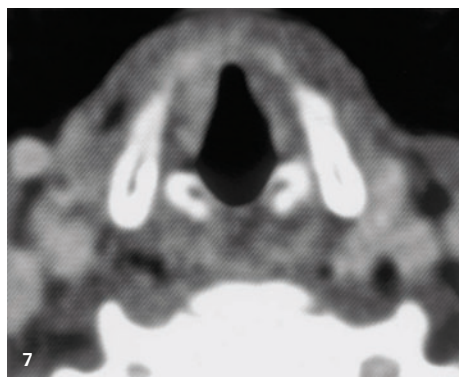
- | | |
|--|--|
| 1 Các cơ trên móng (cơ hàm móng và cằm móng, cơ dưới lưỡi) | 11 Hạ họng |
| 2 Xương móng (thân) | 12 ĐM cảnh ngoài |
| 3 Khoảng trước nắp thanh môn | 13 ĐM cảnh trong |
| 4 Tuyến dưới hàm | 14 Đốt sống cổ (C3) |
| 5 Nếp lưỡi - nắp thanh môn | 15 TM cảnh trong |
| 6 Thung lũng nắp thanh môn | 16 Các cơ dưới xương móng (cơ ức móng và cơ ức giáp) |
| 7 Xương móng (sừng lớn) | 17 Nếp hầu - nắp thanh môn |
| 8 Nắp thanh môn | 18 Cơ khí hầu dưới |
| 9 TM cảnh trước | 19 Nơi chia nhánh ĐM cảnh |
| 10 Tuyến mang tai | 20 Cơ dài cổ |
| | 21 ĐM đốt sống |

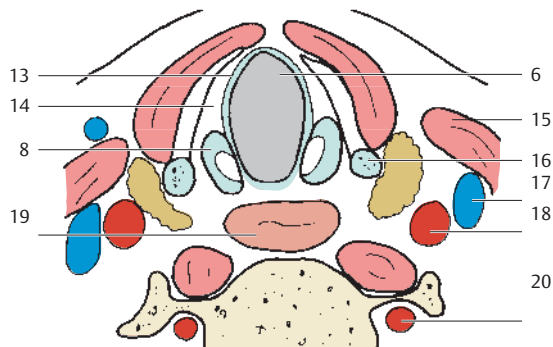
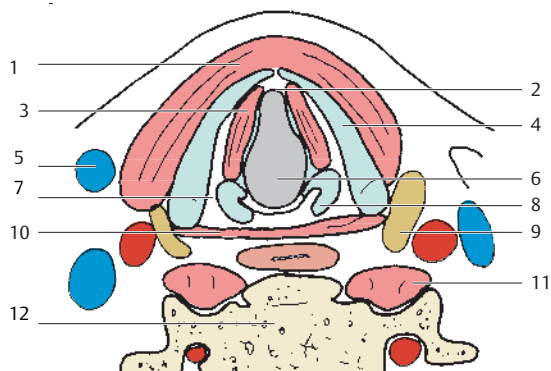






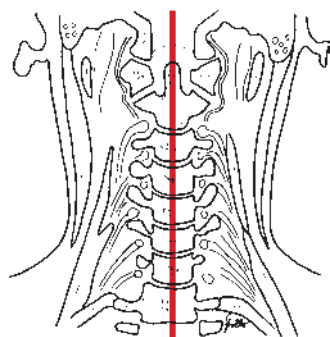
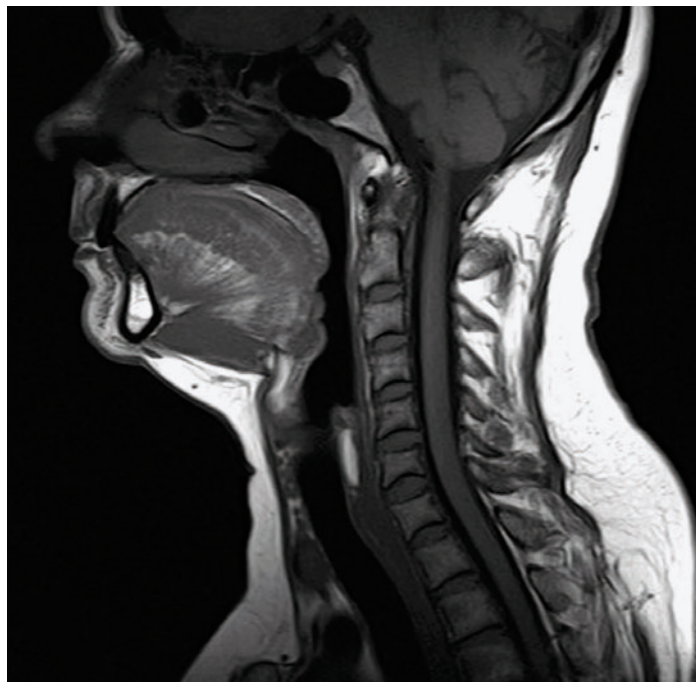
- | | |
|--|------------------------|
| 1 Các cơ dưới móng (cơ ức giáp, vai móng và giáp móng) | 13 TM cảnh trong |
| 2 Sụn giáp | 14 Cơ dài cổ |
| 3 Cơ giáp phễu | 15 Thân đốt sống cổ C4 |
| 4 Thanh quản (tiền đình) | 16 ĐM đốt sống |
| 5 Khoang cạnh thanh quản | 17 Lòai thanh quản |
| 6 Xoang lê | 18 Khe thanh môn |
| 7 Sụn phễu (mỏm thanh âm) | 19 Cơ thanh âm |
| 8 Sụn phễu (thân) | 20 Dây thanh âm thật |
| 9 Sụn giáp (sừng trên) | 21 TM cảnh trước |
| 10 Cơ phễu ngang | 22 Tuyến giáp |
| 11 Sụn nhẫn | 23 Cơ phễu chéo |
| 12 ĐM cảnh chung | 24 Thực quản |
| | 25 Thân đốt sống cổ C5 |





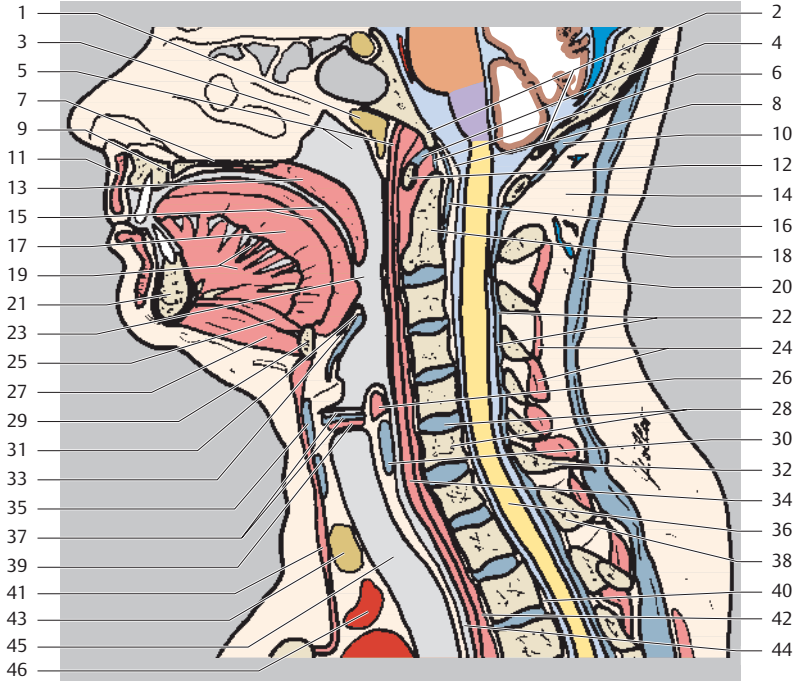
- 1 Các cơ dưới móng (cơ ức móng, vai móng và ức giáp)
- 2 Mép trước thanh quản
- 3 Cơ thanh âm
- 4 Sụn giáp
- 5 TM cánh trước
- 6 Ổ dưới thanh môn
- 7 Khớp nhẫn giáp
- 8 Sụn nhẫn (mảnh)
- 9 Tuyến giáp
- 10 Cơ khí hầu dưới

- 11 Cơ dài cổ
- 12 Thân đốt sống cổ (C6)
- 13 Nón đàn hồi (màng nhẫn thanh âm)
- 14 Khoảng cạnh thanh quản
- 15 Cơ ức đòn chũm
- 16 Sụn giáp (sừng dưới)
- 17 TM cánh trong
- 18 ĐM cánh chung
- 19 Thực quản
- 20 ĐM đốt sống

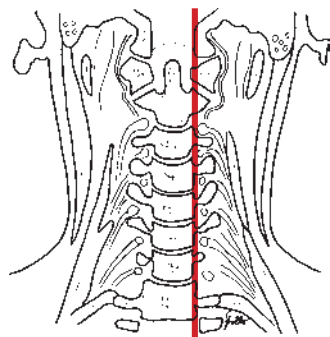
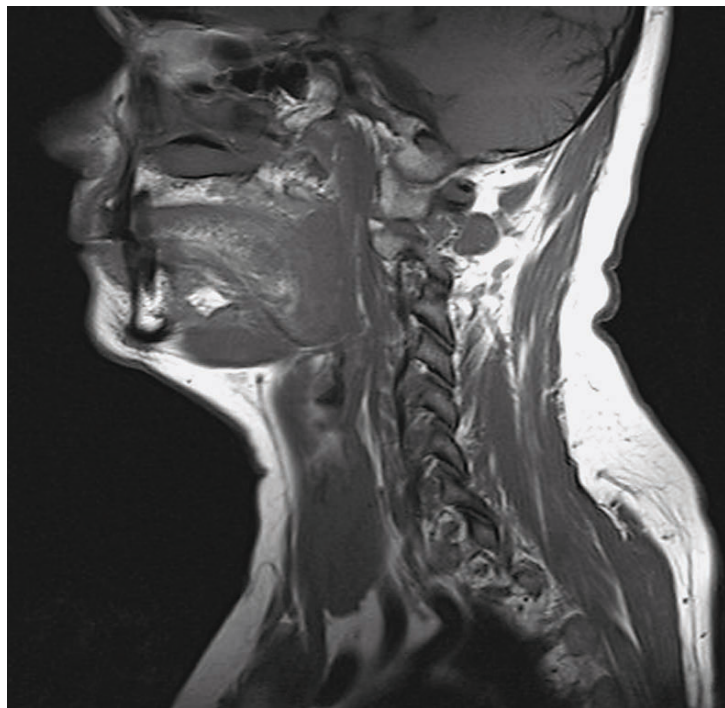


- 1 Hạch nhân khẩu cái
- 2 Lỗ cằm lớn
- 3 Xương lá mía
- 4 Dây chằng dọc trước
- 5 Họng mũi và cơ dài cổ

- 6 Dây chằng đỉnh mòm răng
- 7 Khẩu cái cứng
- 8 Màng mái
- 9 Ống răng cửa
- 10 Màng chẩm - đội sau
- 11 Cơ vòng miệng

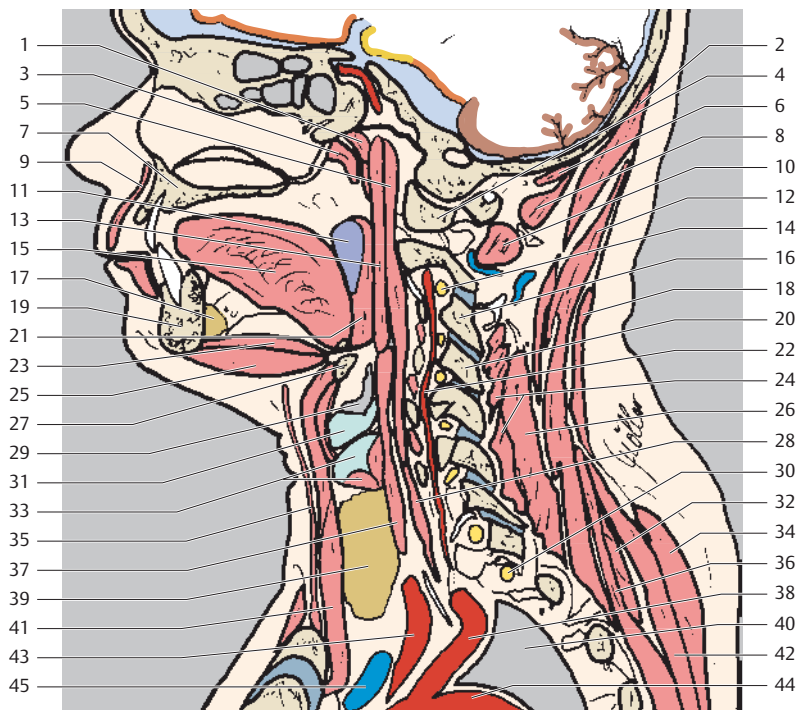


- | | | | |
|----|--|----|--|
| 12 | Cung trước đốt đốt | 29 | Xương móng |
| 13 | Khẩu cái mềm | 30 | Thanh quản (mảnh) |
| 14 | Mô mỡ dưới cằm | 31 | Nắp thanh môn |
| 15 | Cơ dọc trên của lưỡi và khoang miệng | 32 | Mỏm gai C7 |
| 16 | Dây chằng ngang đốt đốt (của dây chằng chữ thập đốt đốt) | 33 | Tiền đình thanh quản |
| 17 | Cơ ngang của lưỡi | 34 | Cơ khí hầu dưới |
| 18 | Răng đốt trực (C2) | 35 | Sụn giáp |
| 19 | Cơ cằm lưỡi và vách lưỡi | 36 | Tùy sổng |
| 20 | Dây chằng gáy | 37 | Dây chằng tiền đình và thanh thất (buồng Morgagni) |
| 21 | Xương hàm dưới | 38 | Mỏm gai |
| 22 | Dây chằng vàng | 39 | Dây chằng thanh âm (dây thanh âm giả) |
| 23 | Họng miệng | 40 | Dây chằng dọc sau |
| 24 | Các cơ gian gai | 41 | Cơ ức giáp |
| 25 | Cơ hàm móng | 42 | Dây chằng dọc trước |
| 26 | Các cơ chéo ngang và chéo | 43 | Tuyến giáp |
| 27 | Cơ hàm móng | 44 | Thực quản |
| 28 | Đốt sổng C6 và đĩa gian đốt sổng | 45 | Khí quản |
| | | 46 | ĐM cánh tay đầu |

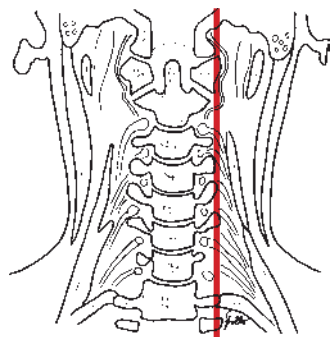


- 1 Cơ nâng màn khẩu cái
- 2 Cơ bán gai đầu
- 3 Cơ chân bướm trong
- 4 Đốt đội (khối bên)

- 5 Cơ dài đầu
- 6 Cơ thẳng đầu sau bé
- 7 Xương hàm trên
- 8 Cơ thẳng đầu sau lớn

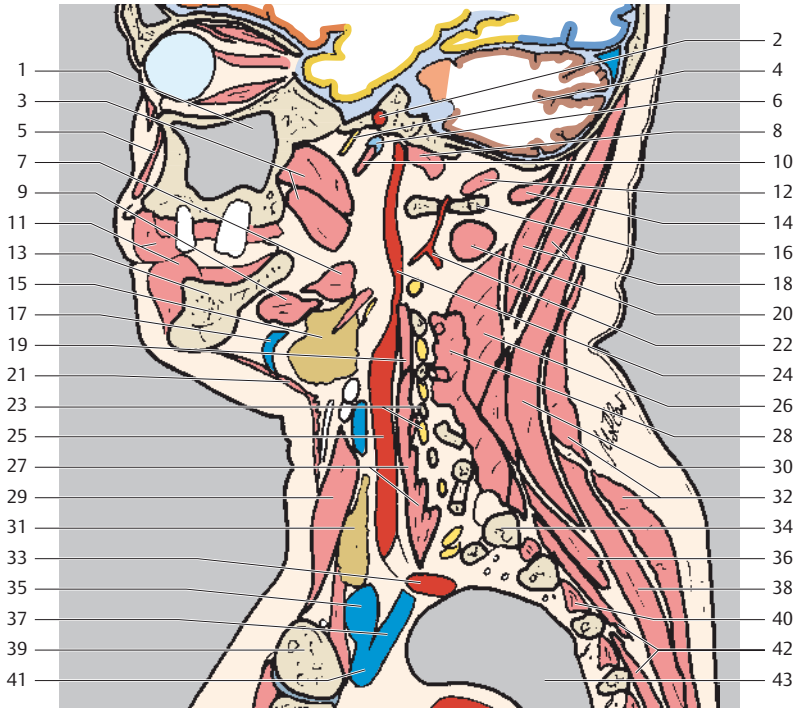


- | | |
|-----------------------------|------------------------------------|
| 9 Cơ vòng miệng | 28 Cơ dài cổ |
| 10 Cơ chéo dưới | 29 Hầu và thung lũng nắp thanh môn |
| 11 Hạch nhân khẩu cái | 30 Rễ TK gai sừng (T1) |
| 12 Cơ gờ đầu | 31 Sụn giáp |
| 13 Cơ khí hậu trên | 32 Cơ răng sau trên |
| 14 Rễ TK gai sừng (C3) | 33 Sụn nhân |
| 15 Lưỡi | 34 Cơ thang |
| 16 Mỏm khớp dưới | 35 Cơ bám da cổ |
| 17 Tuyến dưới lưỡi | 36 Cơ gờ cổ |
| 18 Cơ thang (phần xương) | 37 Cơ khí hậu dưới |
| 19 Xương hàm dưới | 38 ĐM dưới đòn trái |
| 20 Mỏm khớp trên | 39 Tuyến giáp |
| 21 Cơ khẩu cái hầu | 40 Phổi trái |
| 22 ĐM đốt sống | 41 Cơ ức móng |
| 23 Cơ hàm móng | 42 Cơ trâm (lớn và bé) |
| 24 Cơ nhiều chân | 43 ĐM cánh chung |
| 25 Cơ nhị thân (bụng trước) | 44 Cung ĐM chủ |
| 26 Cơ bán gai cổ | 45 TM cánh tay đầu trái |
| 27 Xương móng | |

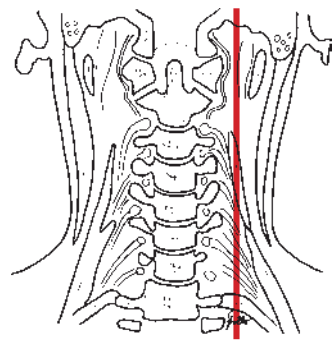
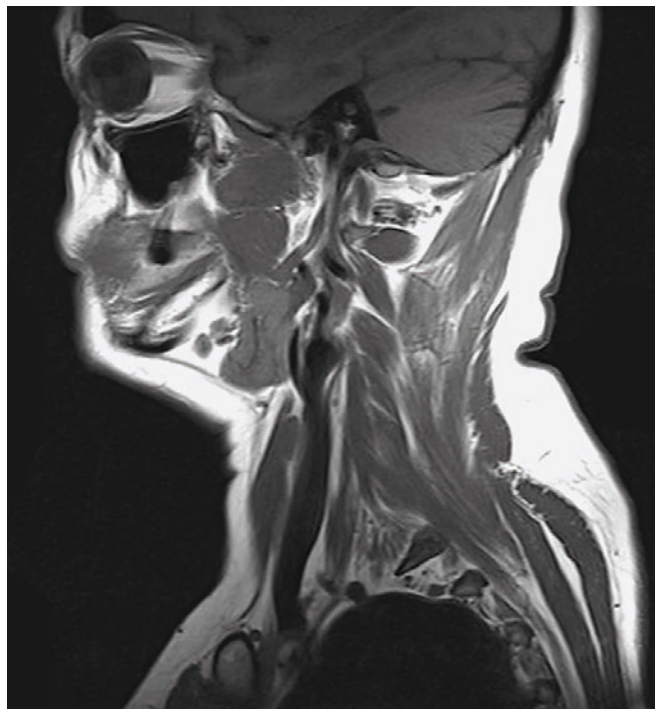


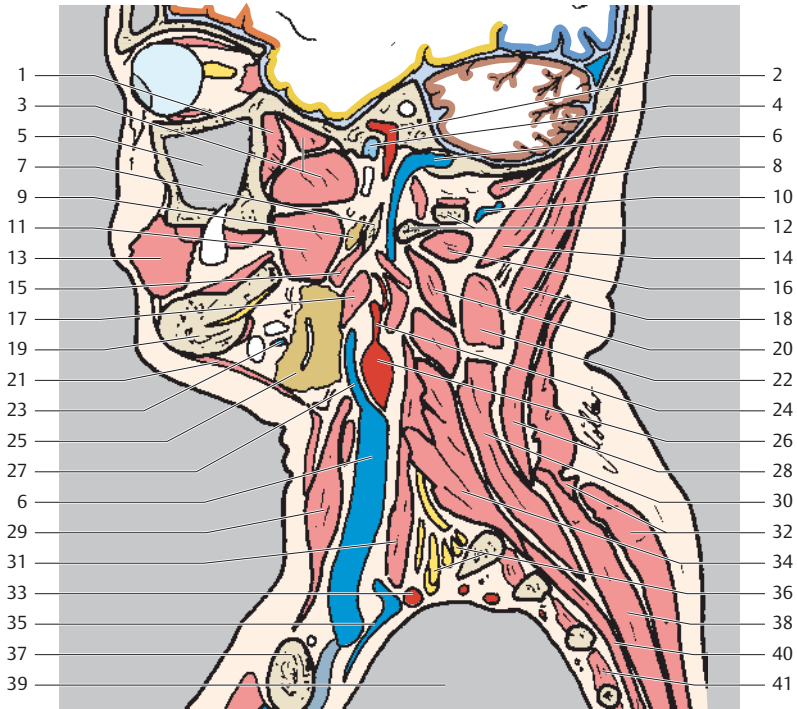
- 1 Xoang hàm trên
- 2 ĐM cảnh trong (syphon ĐM cảnh)
- 3 Cơ chân bướm trong

- 4 TK hàm dưới
- 5 Cơ nâng môi trên
- 6 Ống hầu vòm tai (ống thính giác)
- 7 Cơ nhị thân

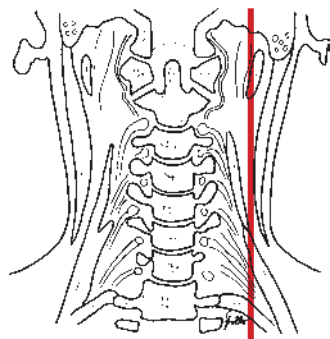


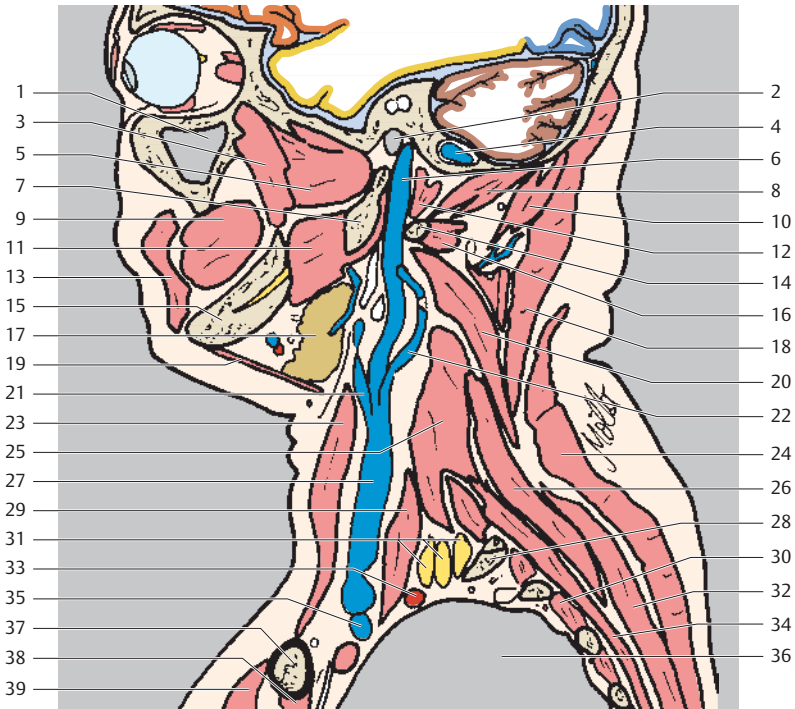
- | | | | |
|----|--|----|------------------------|
| 8 | Cơ thẳng đầu bên | 25 | ĐM cảnh chung |
| 9 | Cơ hàm móng | 26 | Cơ bán gai cổ |
| 10 | Cơ căng màn khẩu cái | 27 | Cơ bậc thang trước |
| 11 | Cơ vòng miệng | 28 | Cơ bậc thang sau |
| 12 | Cơ chéo đầu trên | 29 | Cơ ức đòn chũm |
| 13 | Xương hàm dưới | 30 | Cơ gối đầu |
| 14 | Cơ thẳng đầu sau lớn | 31 | Tuyến giáp |
| 15 | Tuyến dưới hàm | 32 | Cơ thang |
| 16 | Đốt đội (mòm ngang) | 33 | ĐM dưới đòn |
| 17 | TM mắt | 34 | Xương sườn 1 |
| 18 | Cơ bán gai đầu | 35 | TM cảnh trong |
| 19 | Cơ dài cổ | 36 | Cơ bán gai cổ |
| 20 | Cơ chéo đầu dưới | 37 | TM dưới đòn (trái) |
| 21 | Cơ bám da cổ | 38 | Cơ trám (lớn và bé) |
| 22 | ĐM đốt sống | 39 | Xương đòn |
| 23 | Các mòm ngang và các rễ TK
gai sống | 40 | Cơ gian gai |
| 24 | ĐM cảnh trong | 41 | TM cánh tay đầu (trái) |
| | | 42 | Cơ răng trước |
| | | 43 | Phôi (trái) |



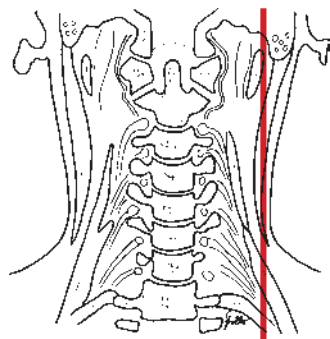
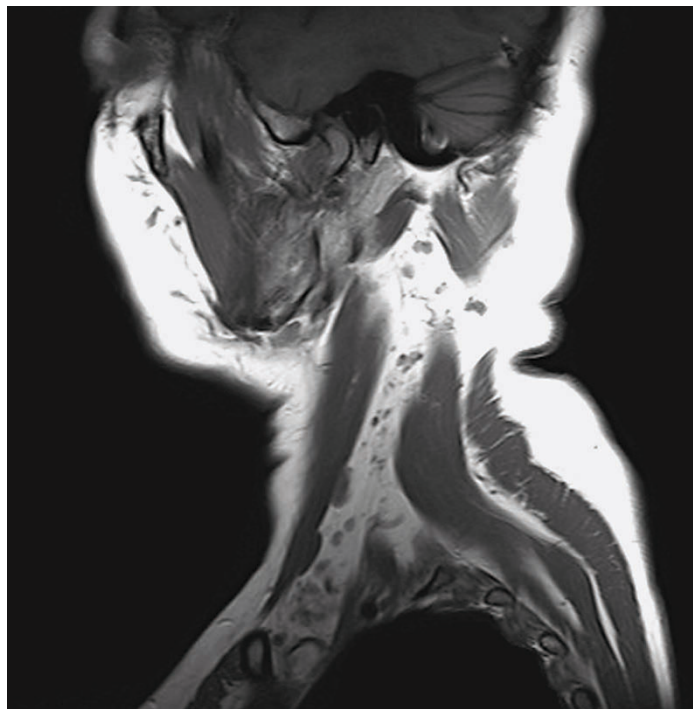


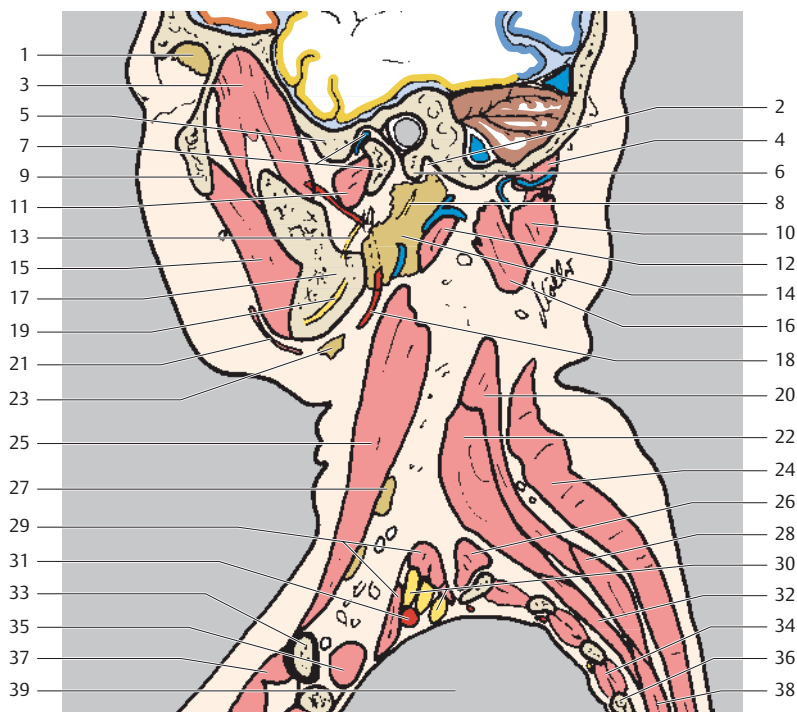
- | | |
|------------------------------------|------------------------|
| 1 Cơ thái dương | 22 Cơ bán gai cổ |
| 2 ĐM cảnh trong (syphon) | 23 TM mặt |
| 3 Cơ chận bướm ngoài | 24 ĐM cảnh ngoài |
| 4 Ống hầu vòi tai (ống thính giác) | 25 Tuyến dưới hàm |
| 5 Xoang hàm trên | 26 ĐM cảnh chung |
| 6 TM cảnh trong | 27 TM cảnh ngoài |
| 7 Mòm trâm | 28 Cơ gỏi đầu |
| 8 Cơ thẳng đầu sau bé | 29 Cơ ức đòn chũm |
| 9 Tuyến mang tai | 30 Cơ bán gai cổ |
| 10 Các TM cổ sâu | 31 Cơ bậc thang giữa |
| 11 Cơ chận bướm trong | 32 Cơ thang |
| 12 Đốt đội (mòm ngang) | 33 ĐM dưới đòn (trái) |
| 13 Cơ mặt | 34 Cơ bậc thang sau |
| 14 Cơ thẳng đầu sau lớn | 35 TM dưới đòn (trái) |
| 15 Cơ trâm mỏng | 36 Đám rối TK cánh tay |
| 16 Cơ chéo đầu | 37 Xương đòn |
| 17 Cơ nhị thân | 38 Cơ trâm (lớn và bé) |
| 18 Cơ bán gai đầu | 39 Phôi (trái) |
| 19 Xương hàm dưới | 40 Cơ nhiều chân |
| 20 Cơ nâng vai | 41 Cơ gian gai |
| 21 Cơ bám da cổ | |





- | | |
|----|----|
| 1 | 21 |
| 2 | 22 |
| 3 | 23 |
| 4 | 24 |
| 5 | 25 |
| 6 | 26 |
| 7 | 27 |
| 8 | 28 |
| 9 | 29 |
| 10 | 30 |
| 11 | 31 |
| 12 | 32 |
| 13 | 33 |
| 14 | 34 |
| 15 | 35 |
| 16 | 36 |
| 17 | 37 |
| 18 | 38 |
| 19 | 39 |
| 20 | |
- 1 Xoang hàm trên
 2 Ống tai ngoài
 3 Cơ thái dương
 4 Xoang sigma
 5 Cơ chân bướm ngoài
 6 TM cánh trong
 7 Ngành lên xương hàm dưới
 8 Cơ chéo đầu sau lớn và bé
 9 Cơ mút
 10 Cơ bán gai đầu
 11 Cơ chân bướm trong
 12 Cơ thẳng đầu bên
 13 Cơ vòng miệng
 14 Mòm ngang đốt sống cổ C1
 15 Xương hàm dưới
 16 Cơ chéo đầu trên
 17 Tuyến dưới hàm
 18 Cơ gối đầu
 19 Cơ bám da cổ
 20 Cơ nâng vai
 21 TM mắt chung
 22 Các TM cổ
 23 Cơ ức đòn chũm
 24 Cơ thang
 25 Cơ bậc thang giữa
 26 Cơ bán gai cổ
 27 TM cánh trong
 28 Xương sườn 1
 29 Cơ bậc thang trước
 30 Cơ gian gai
 31 Đám rối TK cánh tay
 32 Cơ trâm (lớn và bé)
 33 ĐM dưới đòn (trái)
 34 Cơ răng trước
 35 TM dưới đòn (trái)
 36 Phổi
 37 Xương đòn
 38 Cơ dưới đòn
 39 Cơ ngực lớn

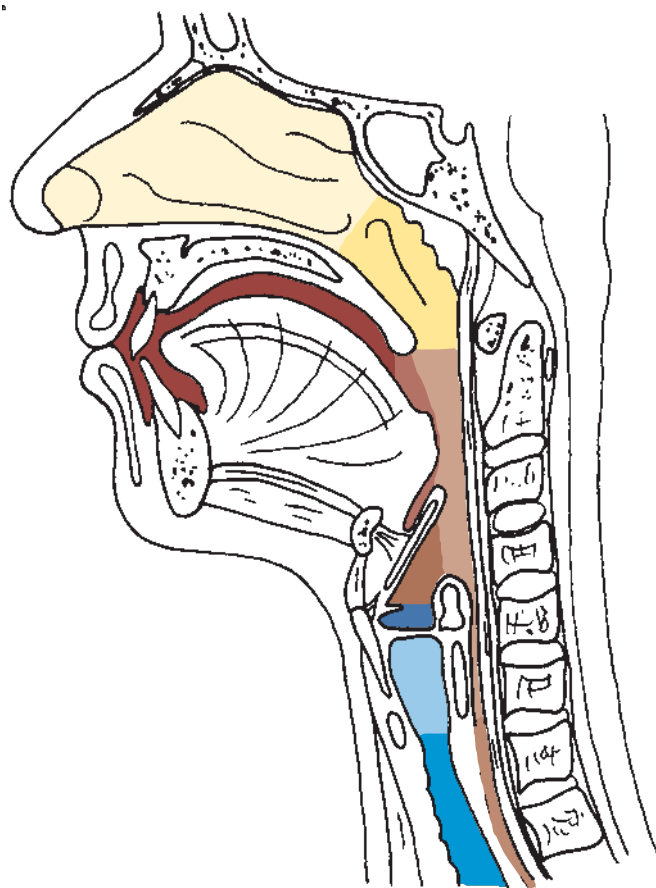


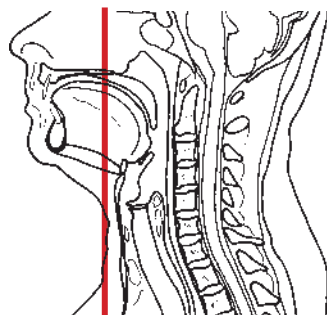
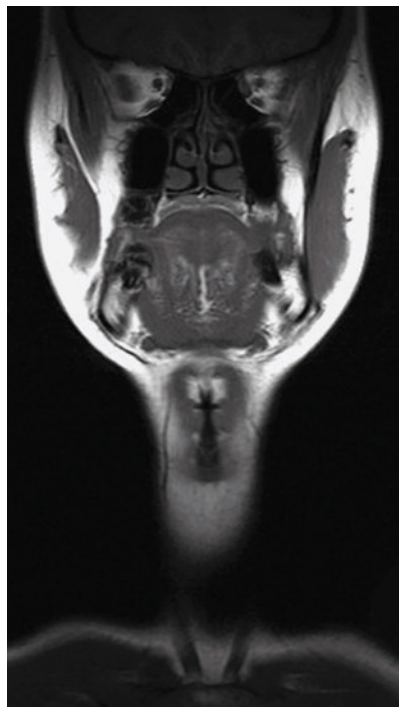


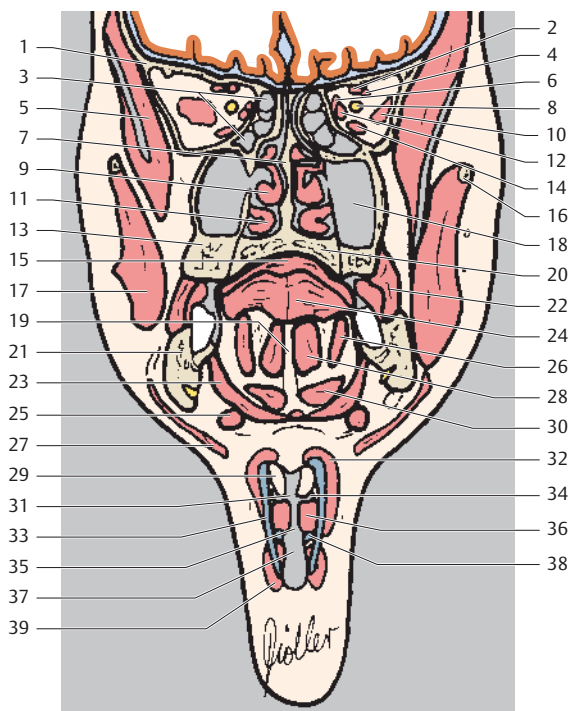
- 1 Tuyến lệ
- 2 Lỗ trâm chũm
- 3 Cơ thái dương
- 4 Cơ chéo đầu trên
- 5 Cù khớp
- 6 Mồm trâm
- 7 Đầu xương hàm dưới và đĩa khớp
- 8 TK mắt
- 9 Xương gò má
- 10 Cơ gò đầu
- 11 Cơ chân bướm ngoài
- 12 Cơ nhị thân (bụng sau)
- 13 TM răng dưới
- 14 Tuyến mang tai
- 15 Cơ nhai
- 16 Cơ bán gai đầu
- 17 Xương hàm dưới
- 18 ĐM cánh ngoài
- 19 Ống răng dưới

- 20 Cơ nâng vai
- 21 Cơ bám da cổ
- 22 Cơ bậc thang sau
- 23 Tuyến dưới hàm
- 24 Cơ thang
- 25 Cơ ức đòn chũm
- 26 Cơ bậc thang giữa
- 27 Các hạch bạch huyết
- 28 Cơ trâm bé
- 29 Cơ bậc thang trước
- 30 Đám rối TK cánh tay
- 31 ĐM dưới đòn (trái)
- 32 Cơ răng trước
- 33 Xương đòn
- 34 Cơ gian gai
- 35 Cơ dưới đòn
- 36 Xương sườn 4
- 37 Cơ ngực lớn
- 38 Cơ trâm lớn
- 39 Phổi (trái)

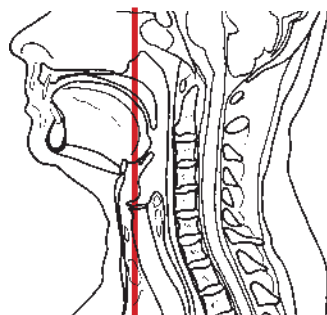
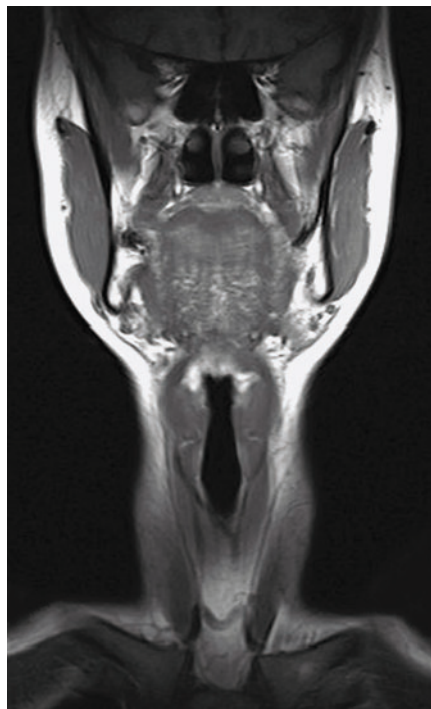
 Tiền đình mũi (lỗ mũi)	 Phần thanh quản của họng
 Họng mũi	 Thực quản
 Khoang miệng	 Tiền đình thanh quản
 Eo họng (eo họng miệng)	 Thanh thất
 Họng miệng	 Ổ dưới thanh môn
	 Khí quản



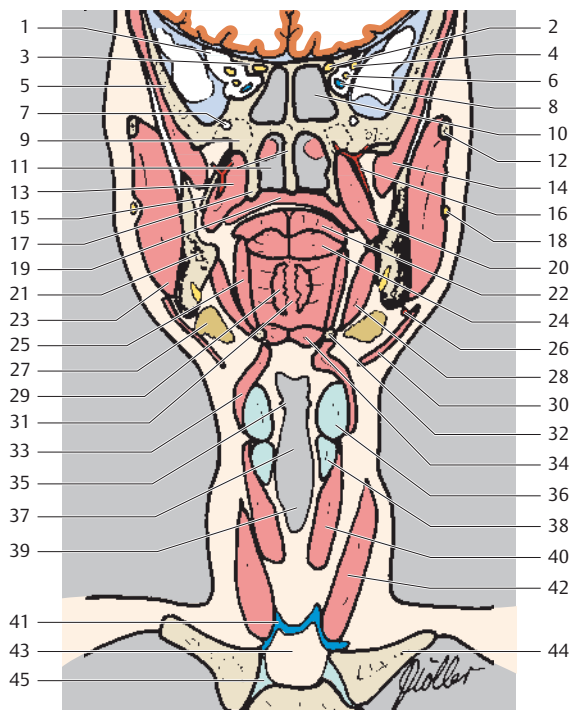




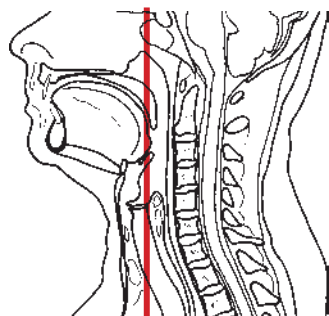
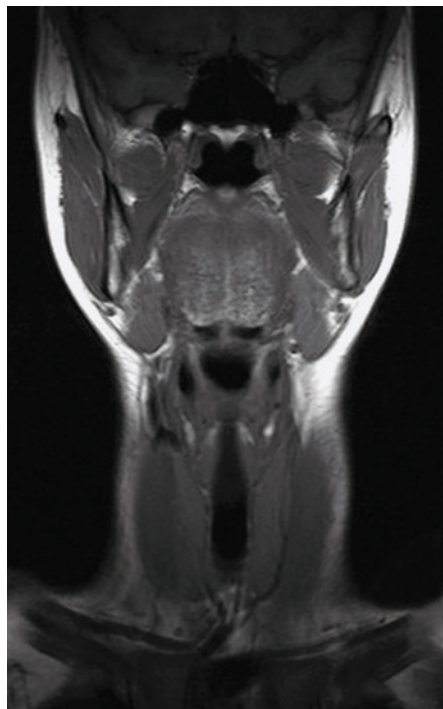
- | | |
|---------------------------------|-----------------------------|
| 1 Xương bướm (cánh nhỏ) | 20 Khẩu cái cứng |
| 2 Cơ nâng mi trên | 21 Xương hàm dưới |
| 3 Các xoang sàng (trước) | 22 Cơ mút |
| 4 Cơ thẳng trên | 23 Cơ hàm móng |
| 5 Cơ thái dương | 24 Cơ ngang của lưỡi |
| 6 Cơ chéo trên | 25 Cơ nhị thân (bụng trước) |
| 7 Vách ngăn mũi | 26 Cơ dưới lưỡi |
| 8 TK thị giác (II) | 27 Cơ bám da cổ |
| 9 Xoắn mũi giữa | 28 Cơ cằm lưỡi |
| 10 Cơ thẳng bên | 29 Nếp tiền đình |
| 11 Xoắn mũi dưới | 30 Cơ cằm móng |
| 12 Cơ thẳng trong | 31 Thanh môn |
| 13 Xương hàm trên | 32 Cơ giáp móng |
| 14 Cơ thẳng dưới | 33 Sụn giáp |
| 15 Cơ dọc của lưỡi | 34 Tiền đình thanh quản |
| 16 Xương gò má (mỏm thái dương) | 35 Ổ dưới thanh môn |
| 17 Cơ nhai | 36 Cơ thanh âm |
| 18 Xoang hàm trên | 37 Khí quản |
| 19 Vách lưỡi | 38 Sụn nhẫn |
| | 39 Cơ ức móng |

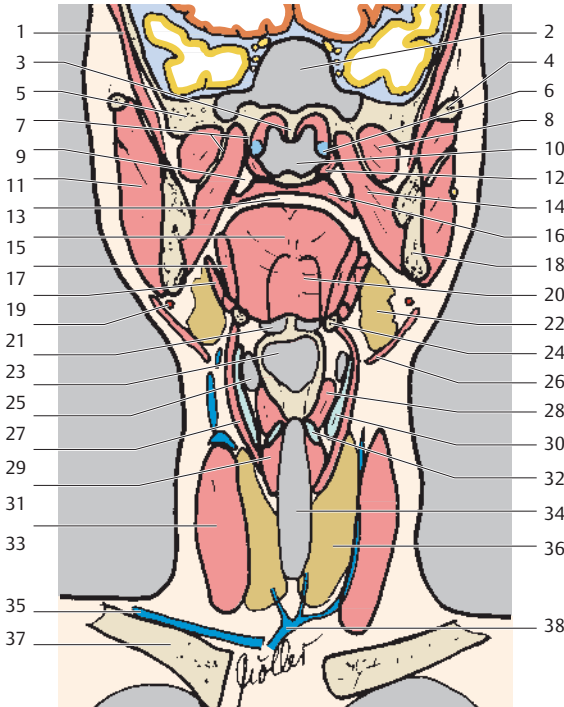


- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1 Khe ổ mắt trên | 5 Xương thái dương |
| 2 TK thị giác (II) | 6 TK trán |
| 3 Xương bướm (cánh nhỏ) | 7 Lỗ tròn với TK hàm trên (V2) |
| 4 TK ròng rọc (IV) | |

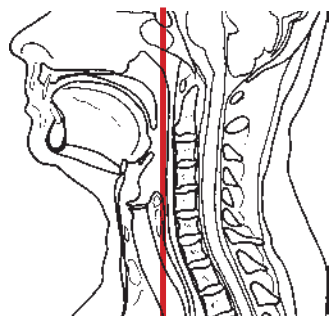
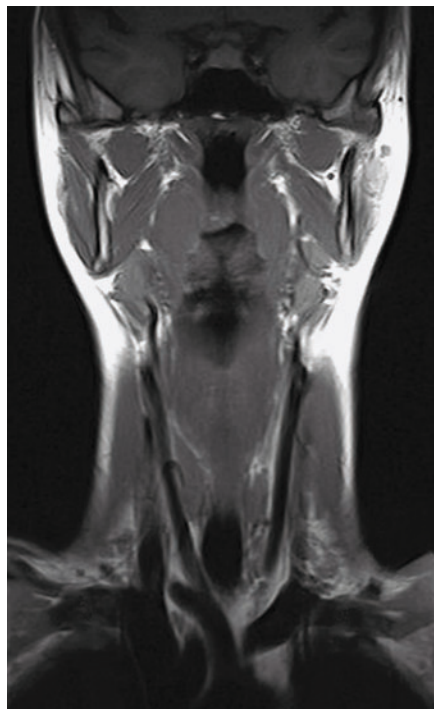


- | | | | |
|----|------------------------------|----|------------------------|
| 8 | TM mắt trên | 26 | ĐM mặt |
| 9 | Hố chân bướm khẩu cái | 27 | Tuyến dưới hàm |
| 10 | Xoang bướm | 28 | Cơ hàm móng |
| 11 | Ổ mũi trên và vách ngăn mũi | 29 | Cơ thẳng đứng của lưỡi |
| 12 | Xương gò má (mòm thái dương) | 30 | Cơ bám da cổ |
| 13 | Hố chân bướm | 31 | Vách lưỡi |
| 14 | Cơ thái dương | 32 | Xương móng |
| 15 | Mòm chân bướm ngoài | 33 | Cơ giáp móng |
| 16 | ĐM hàm trên | 34 | Cơ cầm móng |
| 17 | Mòm chân bướm trong | 35 | Tiền đình thanh quản |
| 18 | TK mặt (VII) | 36 | Sụn giáp |
| 19 | Khẩu cái mềm | 37 | Ổ dưới thanh môn |
| 20 | Cơ chân bướm trong | 38 | Sụn nhẫn |
| 21 | Xương hàm dưới (ngành lên) | 39 | Thanh quản |
| 22 | Cơ dọc của lưỡi | 40 | Cơ nhẫn giáp |
| 23 | Cơ nhai | 41 | TM cánh trước |
| 24 | Cơ ngang của lưỡi | 42 | Cơ ức móng |
| 25 | Cơ dưới lưỡi | 43 | khoang trên ức |
| | | 44 | Xương đòn |
| | | 45 | Khớp ức đòn |

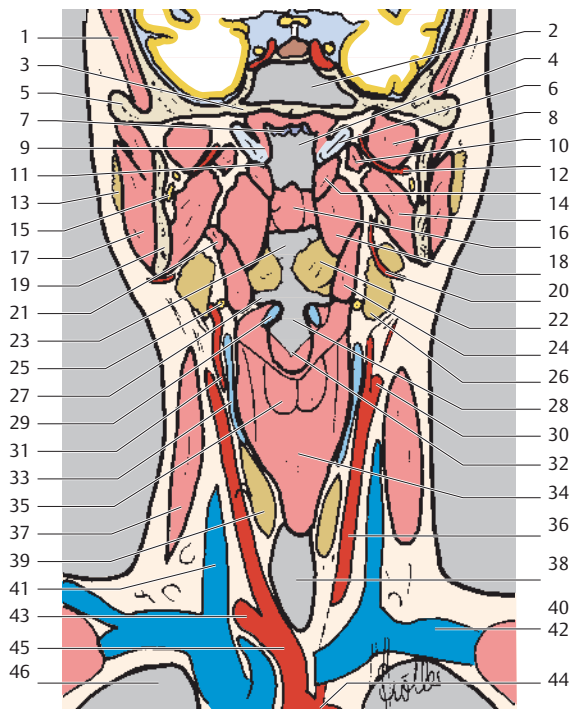




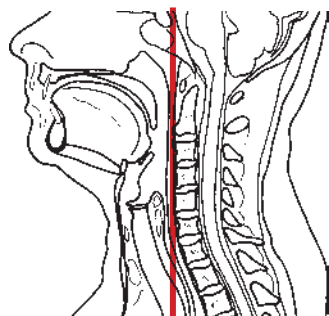
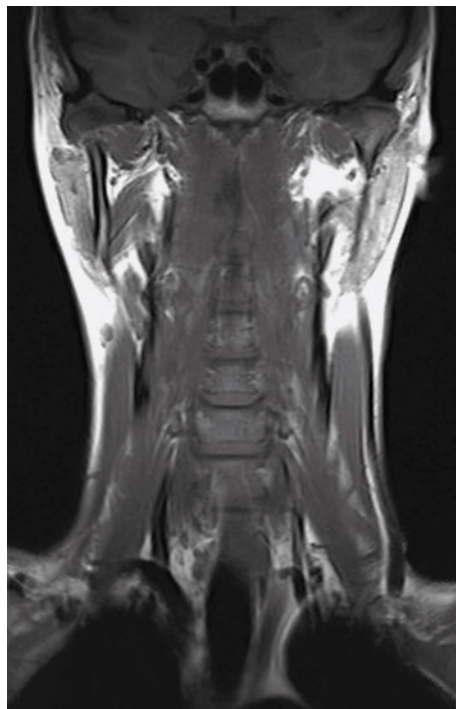
- | | |
|--|--|
| 1 Cơ thái dương | 19 Cơ nhị thân |
| 2 Xoang bướm | 20 Cơ cầm lưỡi |
| 3 Xương lá mía | 21 ĐM mắt |
| 4 Xương gò má (mòm thái dương) | 22 Tuyến dưới hàm |
| 5 Xương bướm (cánh lớn) | 23 Thung lũng nắp thanh môn |
| 6 Ống hầu vòi tai (ống thính giác) (sụn) | 24 Xương móng (sừng lớn) |
| 7 Mảnh ngoài và trong của mòm chân bướm | 25 Tiền đình thanh quản |
| 8 Cơ chân bướm ngoài | 26 Cơ bám da cổ |
| 9 Khoảng quanh hầu | 27 Xoang lê |
| 10 Họng mũi | 28 Cơ phễu nắp thanh môn và nếp phễu nắp |
| 11 Cơ nhai | 29 Cơ vai móng |
| 12 Cơ nâng màn khẩu cái | 30 Sụn giáp |
| 13 Họng miệng | 31 Cơ giáp phễu |
| 14 Cơ chân bướm trong | 32 Sụn phễu |
| 15 Cơ ngang của lưỡi | 33 Cơ ức đòn chũm |
| 16 Khẩu cái mềm | 34 Khí quản |
| 17 Cơ dưới lưỡi | 35 TM cảnh trước |
| 18 Xương hàm dưới | 36 Tuyến giáp |
| | 37 Xương đòn |
| | 38 Các TM giáp dưới |

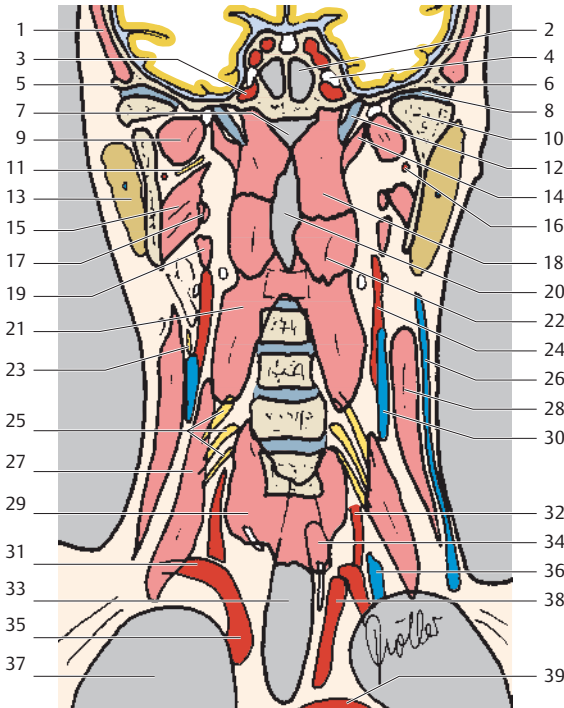


- | | |
|-------------------------|--|
| 1 Cơ thái dương | 5 Xương gò má |
| 2 Xoang bướm | 6 Ống hầu vòm tai (ống thính giác) (sụn) |
| 3 Xương bướm (cánh lớn) | 7 Hạch nhân hầu |
| 4 Họng miệng | |

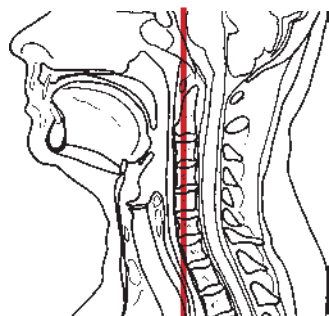


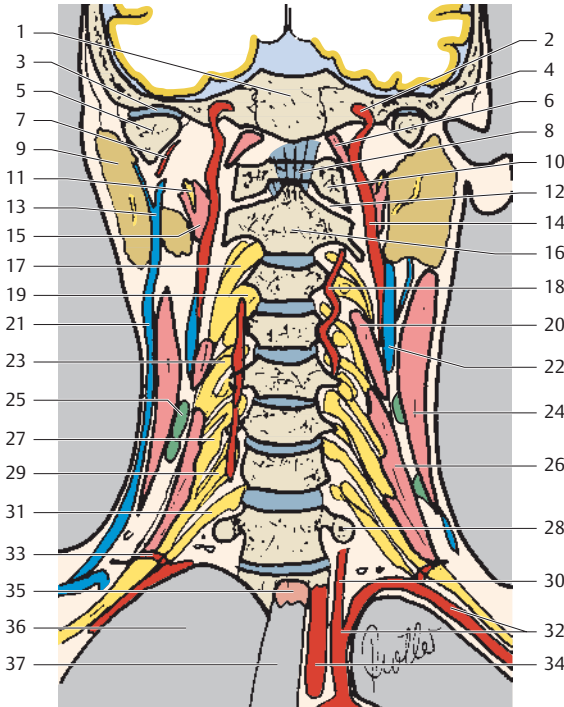
- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| 8 Cơ chân bướm ngoài | 27 Thung lũng nắp thanh môn |
| 9 Gờ vòm nhĩ | 28 Tuyến dưới hàm |
| 10 Cơ căng màn khẩu cái | 29 Nắp thanh môn |
| 11 Lỗ hầu của ống thính giác | 30 Cửa vào thanh quản |
| 12 ĐM hàm trên | 31 ĐM cảnh ngoài |
| 13 Tuyến mang tai | 32 ĐM cảnh trong |
| 14 Cơ nâng màn khẩu cái | 33 Sụn giáp |
| 15 TK răng dưới | 34 Khuyết gian sụn phễu |
| 16 Cơ chân bướm trong | 35 Cơ nhân phễu sau |
| 17 Cơ nhai | 36 Cơ khí hậu giữa |
| 18 Khẩu cái mềm và lưỡi gà | 37 Cơ ức đòn chũm |
| 19 Ngành lên xương hàm dưới | 38 ĐM cảnh chung |
| 20 Cơ khẩu cái hầu | 39 Tuyến giáp |
| 21 Cơ trâm lưỡi | 40 Khí quản |
| 22 ĐM mặt | 41 TM cảnh trong |
| 23 Họng miệng | 42 TM dưới đòn |
| 24 Hạch nhân khẩu cái | 43 ĐM dưới đòn (phải) |
| 25 Xương móng | 44 ĐM chủ |
| 26 Cơ nhị thân | 45 Thân cánh tay đầu |
| | 46 Phổi (phải) |



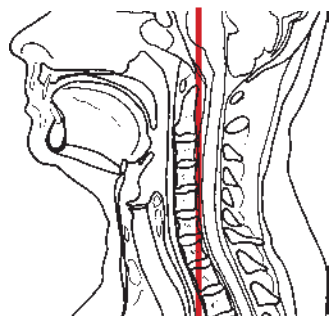
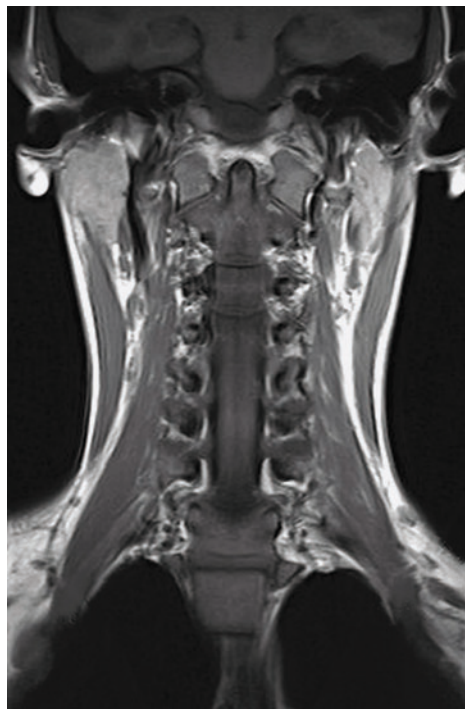


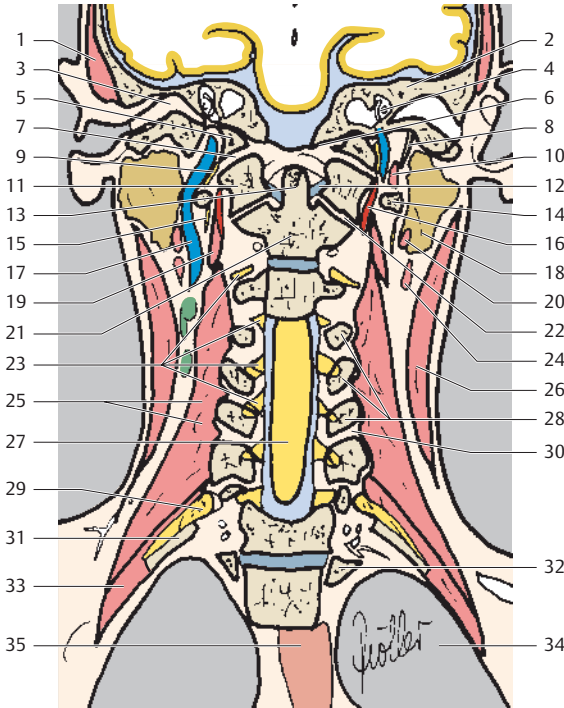
- | | |
|---|------------------------------------|
| 1 Cơ thái dương | 20 Họng miệng |
| 2 Xoang bướm | 21 Cơ dài cổ |
| 3 ĐM cảnh trong (syphon) | 22 Cơ dài đầu |
| 4 Hồ TK sinh ba | 23 TK phế vị (X) |
| 5 Mòm gò má | 24 ĐM cảnh trong |
| 6 Hòm khớp thái dương hàm dưới (xương thái dương) | 25 Các rễ TK gai sống (đám rối cổ) |
| 7 Họng mũi | 26 TM cảnh ngoài |
| 8 Đầu khớp | 27 Cơ bậc thang trước |
| 9 Cơ chân bướm ngoài | 28 Cơ ức đòn chũm |
| 10 Đầu xương hàm dưới | 29 Cơ khí hậu dưới |
| 11 TK lưỡi | 30 TM cảnh trong |
| 12 Ống hầu vòm tai (ống thính giác) | 31 TM dưới đòn |
| 13 Tuyến mang tai | 32 ĐM đốt sống |
| 14 Cơ nâng màn khẩu cái | 33 Khí quản |
| 15 Cơ chân bướm trong | 34 Thực quản |
| 16 ĐM hàm trên | 35 Thân cánh tay đầu |
| 17 Cơ trâm hầu | 36 TM đốt sống |
| 18 Cơ dài đầu | 37 Phổi (phải) |
| 19 Cơ nhị thân | 38 ĐM cảnh chung |
| | 39 Cung ĐM chủ |



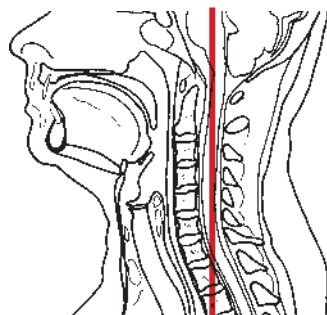
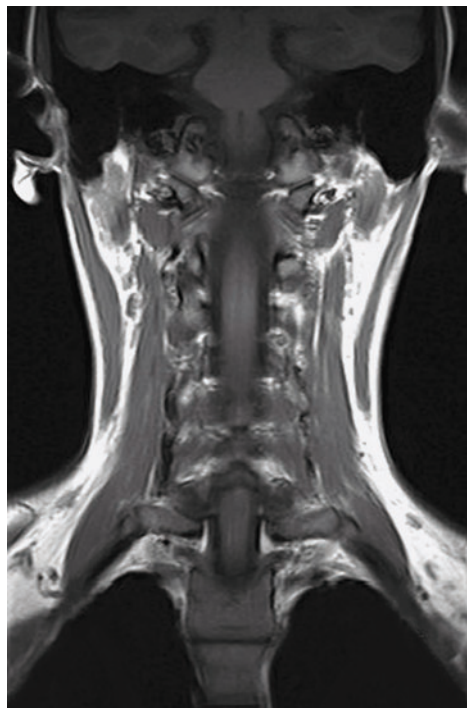


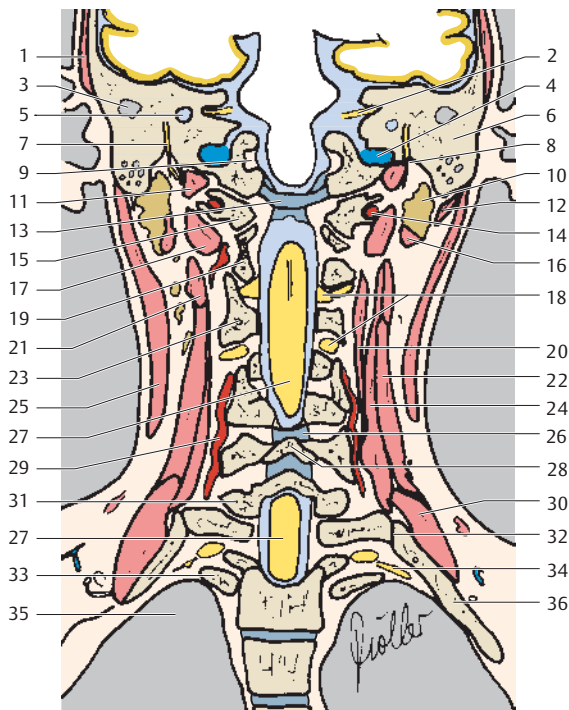
- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1 Mặt dốc | 19 Rễ TK gai sống C4 |
| 2 ĐM cảnh trong (syphon) | 20 Cơ dài cổ |
| 3 Địa khớp | 21 TM cánh ngoài |
| 4 Phần đá xương thái dương | 22 TM cảnh trong |
| 5 Đầu xương hàm dưới | 23 Rễ TK gai sống C5 |
| 6 Cơ thẳng đầu trước | 24 Cơ ức đòn chũm |
| 7 ĐM hàm trên | 25 Các hạch bạch huyết |
| 8 Màng đội - chẩm trước | 26 Cơ bậc thang trước |
| 9 Tuyến mang tai | 27 Rễ TK gai sống C6 |
| 10 Đốt đội (khởi bên) | 28 Mảnh sườn |
| 11 Móm trâm | 29 Rễ TK gai sống C7 |
| 12 Khớp đội - trục | 30 ĐM đốt sống (trái) |
| 13 TM sau hàm | 31 Rễ TK gai sống C8 |
| 14 ĐM cảnh trong | 32 ĐM dưới đòn |
| 15 Cơ nhị thân | 33 ĐM vai trên |
| 16 Đốt trục | 34 ĐM cảnh chung |
| 17 Rễ TK gai sống C3 | 35 Thực quản |
| 18 ĐM đốt sống | 36 Phổi (phải) |
| | 37 Khí quản |



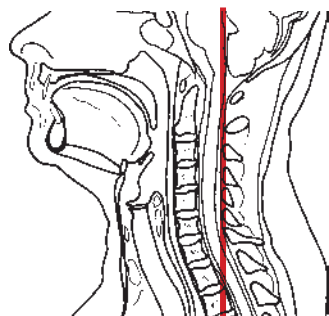
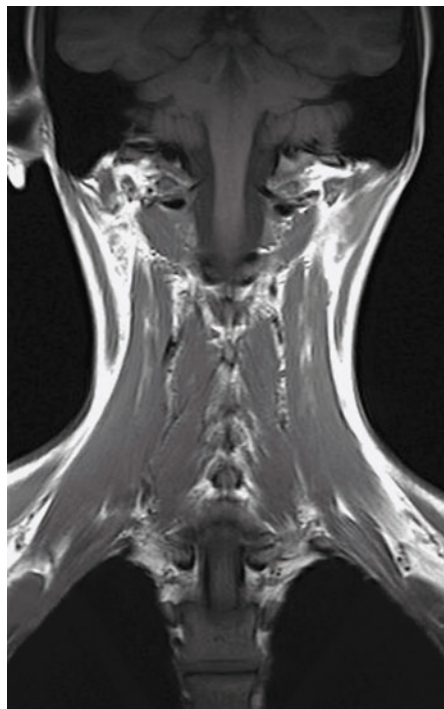


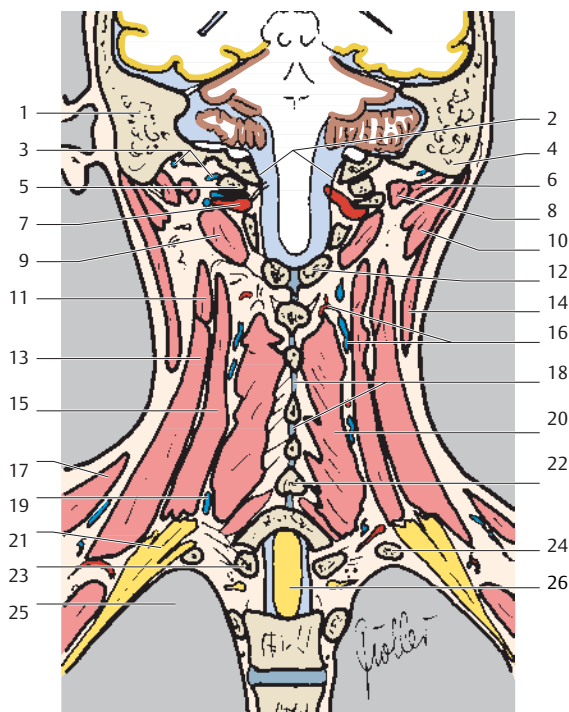
- | | |
|------------------------------------|-------------------------------|
| 1 Cơ thái dương | 18 Tuyến mạng tai |
| 2 Phần đá xương thái dương | 19 Cơ chéo đầu dưới |
| 3 Ống tai ngoài | 20 Cơ trâm móng |
| 4 Hòm nhĩ | 21 Đốt trục (thân) |
| 5 Lồi cầu xương chũm | 22 Khớp đội - trục |
| 6 Mặt dốc | 23 Các rãnh TK gai sống C3-C6 |
| 7 Khớp đội - chẩm | 24 Cơ nhị thân |
| 8 Mòm trâm | 25 Cơ bậc thang giữa |
| 9 TK phụ (XI) và TK hạ thiệt (XII) | 26 Cơ ức đòn chũm |
| 10 Cơ trâm hầu | 27 Tủy sống |
| 11 Đốt đội (khối bên) | 28 Các mòm khớp C4-C6 |
| 12 Các dây chằng cánh | 29 Rãnh TK gai sống C8 |
| 13 Răng đốt trục | 30 Khớp liên mòm bên |
| 14 Đốt đội (mòm ngang) | 31 Xương sườn 1 |
| 15 TK phế vị (X) | 32 Xương sườn 2 |
| 16 ĐM đốt sống | 33 Cơ bậc thang sau |
| 17 TM cánh trong | 34 Phôi (trái) |
| | 35 Thực quản |



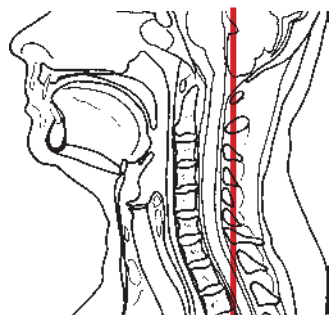
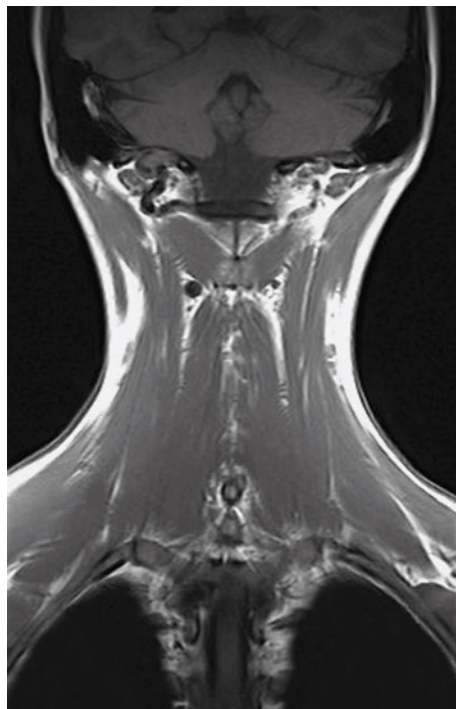


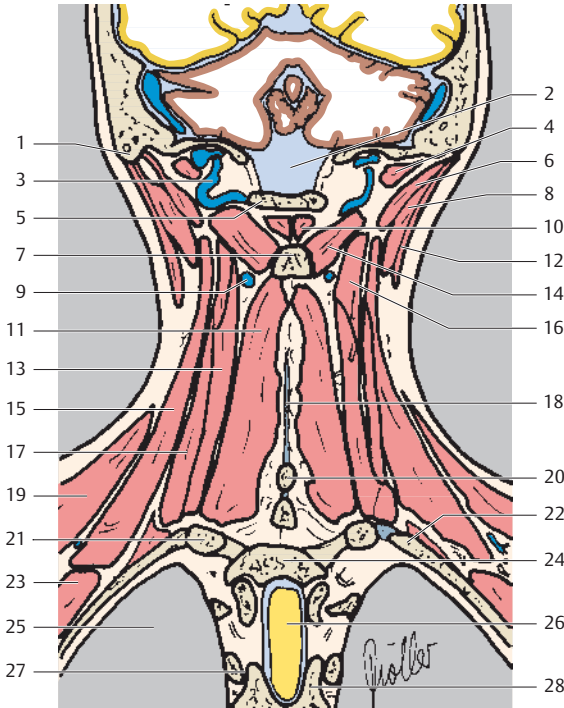
- | | |
|---------------------------|-------------------------------|
| 1 Cơ thái dương | 18 Các rễ TK gai sống |
| 2 Ống tai trong | 19 Mỏm khớp dưới (C2) |
| 3 Hạng chũm | 20 Cơ gai sống cổ |
| 4 Lỗ TM cảnh | 21 Cơ cực dài đầu |
| 5 Tiền đình | 22 Cơ bậc thang trước |
| 6 Mỏm chũm | 23 Mỏm khớp trên (C3) |
| 7 Ống TK mặt | 24 Cơ nâng vai |
| 8 Lỗ trâm chũm | 25 Cơ ức đòn chũm |
| 9 Ống dưới lưỡi | 26 Dây chằng vàng |
| 10 Tuyến mang tai | 27 Tủy sống |
| 11 Cơ thẳng đầu bên | 28 Cung đốt sống C6 |
| 12 Cơ gối đầu | 29 ĐM đốt sống |
| 13 Dây chằng ngang | 30 Cơ bậc thang giữa |
| 14 ĐM đốt sống | 31 Mỏm ngang (C7) |
| 15 Đốt đốt (cung sau) | 32 Khớp sườn - mỏm ngang (T1) |
| 16 Cơ nhị thân (bụng sau) | 33 Xương sườn 2 (dầu) |
| 17 Cơ chéo đầu dưới | 34 TK ngực (T1) |
| | 35 Phổi (phải) |
| | 36 Xương sườn 1 |



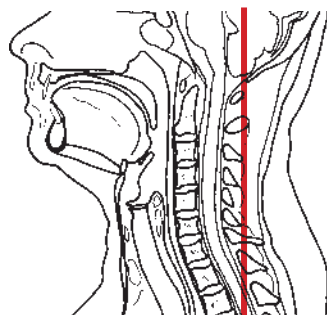
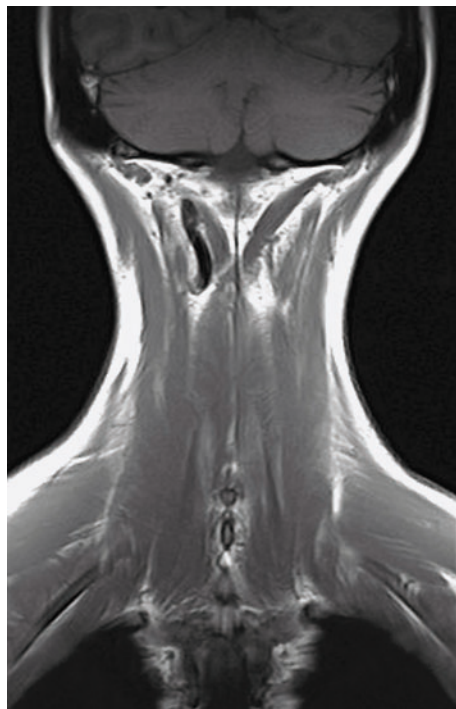


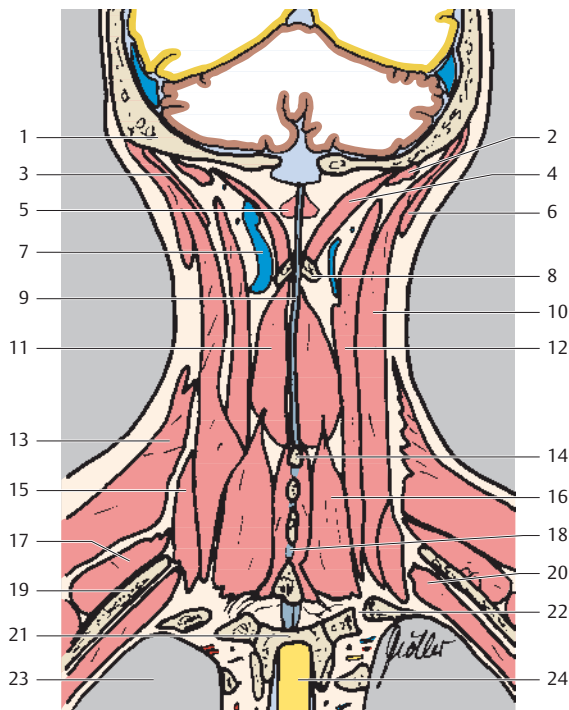
- | | |
|---------------------------------------|---------------------------|
| 1 Mòm chũm (Phần đá xương thái dương) | 13 Cơ nâng vai |
| 2 Lỗ lớn | 14 Cơ ức đòn chũm |
| 3 Đám rối TM dưới cằm | 15 Cơ gối cổ |
| 4 Mòm chũm | 16 ĐM và TM cổ sâu |
| 5 Đốt đội (cung sau) | 17 Cơ thang |
| 6 Cơ nhị thân (bụng sau) | 18 Các dây chằng gian gai |
| 7 ĐM đốt sống | 19 TM cổ sâu |
| 8 Cơ chéo đầu trên | 20 Cơ nhiều chân |
| 9 Cơ chéo đầu dưới | 21 Đám rối TK cánh tay |
| 10 Cơ gối đầu | 22 Mòm gai (C7) |
| 11 Cơ cực dài đầu | 23 Mảnh sườn |
| 12 Mòm gai (C2) | 24 Xương sườn 1 |
| | 25 Phổi (phải) |
| | 26 Tủy sống |



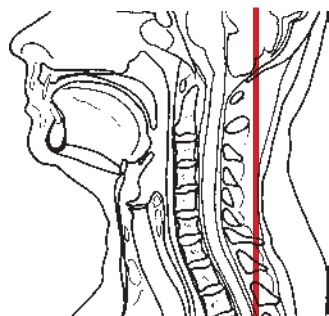
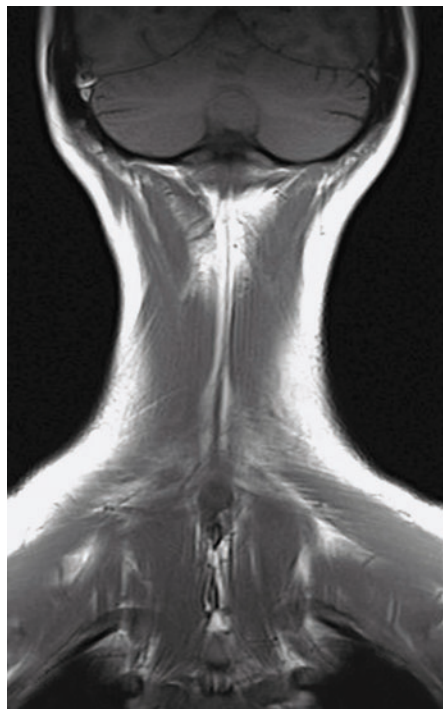


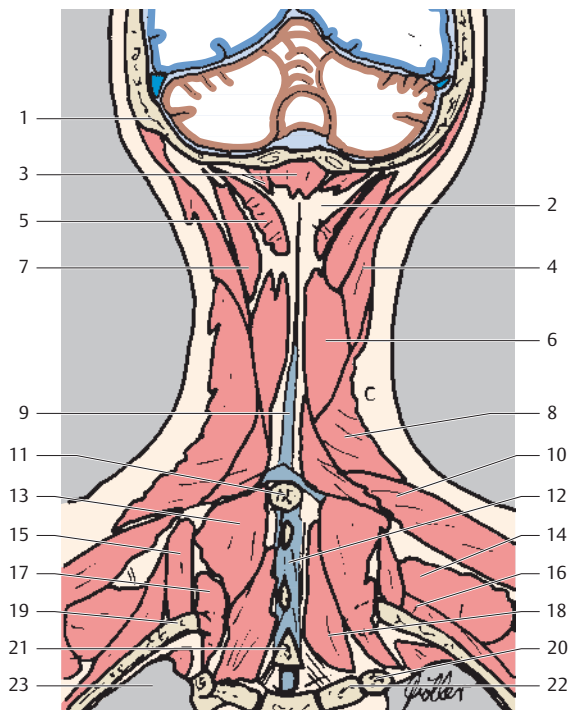
- | | |
|-------------------------|-----------------------------------|
| 1 Mòm chũm | 15 Cơ nâng vai |
| 2 Bề lớn | 16 Cơ bán gai đầu |
| 3 TM cổ sâu | 17 Cơ gối cổ |
| 4 Cơ chéo đầu trên | 18 Các dây chằng trên gai và gian |
| 5 Đốt đội (cung sau) | gai |
| 6 Cơ cực dài đầu | 19 Cơ thang |
| 7 Mòm gai đốt trực (C2) | 20 Mòm gai (C7) |
| 8 Cơ gối đầu | 21 Mòm ngang (T2) |
| 9 TM cổ sâu | 22 Xương sườn 2 |
| 10 Cơ thẳng đầu sau lớn | 23 Cơ trên gai |
| 11 Cơ bán gai cổ | 24 Đốt sống (T2) |
| 12 Cơ ức đòn chũm | 25 Phôi (phải) |
| 13 Cơ cực dài cổ | 26 Tủy sống |
| 14 Cơ chéo đầu dưới | 27 Mòm ngang (T4) |
| | 28 Đốt sống (T4) |





- | | |
|-------------------------|-------------------------------|
| 1 Xương chẩm | 13 Cơ thang |
| 2 Cơ chéo đầu trên | 14 Mòm gai |
| 3 Cơ cực dài đầu | 15 Cơ trâm |
| 4 Cơ thẳng đầu sau lớn | 16 Cơ nhiều chân |
| 5 Cơ thẳng đầu sau bé | 17 Cơ nâng vai |
| 6 Cơ ức đòn chũm | 18 Dây chằng gian gai |
| 7 TM cổ sâu | 19 Xương sườn 2 |
| 8 Mòm gai đốt trực (C2) | 20 Cơ gian sườn |
| 9 Dây chằng gáy | 21 Cung đốt sống T3 |
| 10 Cơ gối đầu | 22 Khớp sườn - mòm ngang (T3) |
| 11 Cơ bán gai cổ | 23 Phôi (phải) |
| 12 Cơ bán gai đầu | 24 Tủy sống |





- | | |
|-------------------------------------|-------------------------------|
| 1 Xương cằm | 11 Mỏm gai (C7) |
| 2 Mô mỡ dưới cằm | 12 Dây chằng gian gai |
| 3 Cơ thẳng đầu sau bé | 13 Cơ gối cổ |
| 4 Cơ gối đầu | 14 Cơ nâng vai |
| 5 Cơ thẳng đầu sau lớn | 15 Cơ trâm |
| 6 Cơ bán gai cổ | 16 Cơ gian sườn |
| 7 Cơ bán gai đầu | 17 Cơ răng sau trên |
| 8 Cơ thang, phần xuống (phần trên) | 18 Cơ nhiều chân |
| 9 Dây chằng gáy | 19 Xương sườn 3 |
| 10 Cơ thang, phần ngang (phần giữa) | 20 Khớp sườn - mỏm ngang (T4) |
| | 21 Mỏm gai (T3) |
| | 22 Mảnh sườn (T4) |
| | 23 Phổi (phải) |